

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học)

Hà Nội, năm 2016

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học)

Hà Nội, năm 2016

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ- SKĐA HN ngày 24 tháng 9 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Văn Hải	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Hoàng Trần Doãn	PGS.TS. Trưởng P. Đào tạo, QLKH	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Trịnh Thúy Hương	TS. P.Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên thường trực	
5	Bùi Thanh Tú	ThS. P.Trưởng phòng CTCT,QLHSSV	Ủy viên thường trực	
6	Đặng Thị Hoa	CN.Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên HĐ	
7	Nguyễn Thanh	CN.Trưởng phòng HC,QT	Ủy viên HĐ	
8	Hoàng Song Hào	ThS. Trưởng khoa Mỹ thuật	Ủy viên HĐ	
9	Nguyễn T.Thanh Quế	ThS. Trưởng P.TCCB, ĐN	Ủy viên HĐ	
10	Đình Quang Trung	PGS.TS. Viện trưởng Viện SK-ĐA	Ủy viên HĐ	
11	Lương Thị Hoàng Thi	ThS. P.Trưởng khoa Tại chức	Ủy viên HĐ	
12	Lại Thị Thanh Bình	ThS. P.Trưởng phòng P.KT &ĐBCLGD	Ủy viên HĐ	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

STT	Từ viết tắt	Chú thích
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Bộ VH TTDL	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	CBVC	Cán bộ, viên chức
5	CSVC	Cơ sở vật chất
6	CSXH	Chính sách xã hội
7	CTĐT	Chương trình đào tạo
8	CTK	Chương trình khung
9	CN ĐA&TH	Công nghệ Điện ảnh và Truyền hình
10	Đoàn TNCSHCM	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
11	HTQT	Hợp tác quốc tế
12	Phòng CTCT, QLHSSV	Phòng công tác chính trị, Quản lý học sinh sinh viên
13	Phòng ĐT, QLKH	Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học
14	Phòng TCCB, ĐN	Phòng Tổ chức cán bộ, Đối ngoại
15	Phòng HCQT	Phòng Hành chính, Quản trị
16	Phòng KT&ĐBCLGD	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
17	GDQP	Giáo dục quốc phòng
18	GDTC	Giáo dục thể chất
19	CBGV	Cán bộ giảng viên
20	GVC	Giảng viên chính
21	HCTC	Học chế tín chỉ
22	HTQT	Hợp tác Quốc tế
23	Khoa ĐT SDH	Khoa Đào tạo Sau đại học
24	Khoa NTĐA	Khoa Nghệ thuật Điện ảnh
25	Khoa TH	Khoa Truyền hình
26	Khoa KHDT	Khoa Kịch hát dân tộc
27	Khoa KT, CNĐA&TH	Khoa Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền hình
28	Khoa MLN-KTCB	Khoa Mác - Lênin Kiến thức cơ bản
29	Khoa TK MT	Khoa Thiết kế Mỹ thuật
30	KTV	Kỹ thuật viên
31	NCKH	Nghiên cứu khoa học
32	CGCN	Chuyển giao công nghệ
33	NCS	Nghiên cứu sinh

34	NSND	Nghệ sĩ nhân dân
35	NSUT	Nghệ sĩ ưu tú
36	NGUT	Nhà giáo ưu tú
37	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
38	PGS	Phó Giáo sư
39	QĐ	Quyết định
40	SV	Sinh viên
41	TN	Thanh niên
42	TS	Tiến sĩ
43	ThS	Thạc sĩ
44	Trường ĐHSK - ĐAHN	Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
45	TDTT	Thể dục Thể thao
46	TKHĐ	Thư ký hội đồng
47	TTKTATAS	Trung tâm Kỹ thuật Âm thanh Ánh sáng
48	TĐG	Tự đánh giá
49	VHNT	Văn hóa nghệ thuật
50	Viện SKĐA	Viện Sân khấu - Điện ảnh
51	VB2	Văn bản 2
52	VNTDTT	Văn nghệ Thể dục Thể thao
53	VLVH	Vừa làm vừa học
54	CILECT	Hiệp hội Các trường điện ảnh và truyền hình thế giới (Tiếng Anh: The International Association of Film and Television Schools) (Tiếng Pháp: Centre International de Liaison des Ecoles de Cinéma et de Télévision – CILECT)
55	ATEC	Hiệp hội Các trường đào tạo sân khấu châu Á (Tiếng Anh: Asian Theatre Education Center)

MỤC LỤC

Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
Phần II. TỔNG QUAN CHUNG	3
Phần III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG	11
Tiêu chuẩn 1. SỨC MẠNG VÀ MỤC TIÊU	11
Tiêu chí 1.1.....	11
Tiêu chí 1.2.....	15
Tiêu chuẩn 2. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	20
Tiêu chí 2.1.....	20
Tiêu chí 2.2.....	23
Tiêu chí 2.3.....	26
Tiêu chí 2.4.	28
Tiêu chí 2.5.....	31
Tiêu chí 2.6.....	35
Tiêu chí 2.7.....	38
Tiêu chuẩn 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	42
Tiêu chí 3.1.	42
Tiêu chí 3.2.....	45
Tiêu chí 3.3.....	47
Tiêu chí 3.4.....	49
Tiêu chí 3.5.....	51
Tiêu chí 3.6.....	54
Tiêu chuẩn 4. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	57
Tiêu chí 4.1.....	57
Tiêu chí 4.2.....	60
Tiêu chí 4.3.....	61
Tiêu chí 4.4.....	65
Tiêu chí 4.5.....	67
Tiêu chí 4.6.....	69

Tiêu chí 4.7.....	71
Tiêu chuẩn 5. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN	73
Tiêu chí 5.1.....	73
Tiêu chí 5.2.....	76
Tiêu chí 5.3.....	78
Tiêu chí 5.4.	80
Tiêu chí 5.5.....	82
Tiêu chí 5.6.....	83
Tiêu chí 5.7.....	85
Tiêu chí 5.8.....	86
Tiêu chuẩn 6. NGƯỜI HỌC	89
Tiêu chí 6.1.....	90
Tiêu chí 6.2.....	93
Tiêu chí 6.3.....	95
Tiêu chí 6.4.....	98
Tiêu chí 6.5.....	101
Tiêu chí 6.6.....	104
Tiêu chí 6.7.....	106
Tiêu chí 6.8.....	107
Tiêu chí 6.9.....	110
Tiêu chuẩn 7. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ.....	112
Tiêu chí 7.1.....	112
Tiêu chí 7.2.	115
Tiêu chí 7.3.....	117
Tiêu chí 7.4.....	119
Tiêu chí 7.5.....	120
Tiêu chí 7.6.	121
Tiêu chí 7.7.....	123

Tiêu chuẩn 8. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ.....	127
Tiêu chí 8.1.....	127
Tiêu chí 8.2.....	129
Tiêu chí 8.3.....	131
Tiêu chuẩn 9. THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC.....	133
Tiêu chí 9.1.....	133
Tiêu chí 9.2.....	137
Tiêu chí 9.3.....	140
Tiêu chí 9.4.....	141
Tiêu chí 9.5.....	143
Tiêu chí 9.6.....	145
Tiêu chí 9.7.	146
Tiêu chí 9.8.....	148
Tiêu chí 9.9.....	149
Tiêu chuẩn 10. TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	152
Tiêu chí 10.1.....	152
Tiêu chí 10.2.	155
Tiêu chí 10.3.....	158
Phần IV. KẾT LUẬN.....	160
Phần V. PHỤ LỤC	161
Phụ lục 1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	161
Phụ lục 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ VÀ CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH.....	163
Phụ lục 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ.....	168
Phụ lục 4. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	171
Phụ lục 5. DANH MỤC MINH CHỨNG.....	199

Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc tự đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã sớm triển khai công tác tự đánh giá theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT đề ra. Mục đích của tự đánh giá là tiến hành xem xét, đánh giá về chất lượng và hiệu quả các hoạt động của Trường, bao gồm: đào tạo; nghiên cứu khoa học; kế hoạch tài chính; tổ chức cán bộ; hợp tác quốc tế; công tác sinh viên và các công tác liên quan khác, từ đó, có các biện pháp để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra. Tự đánh giá giúp Trường xác định được những điểm mạnh, điểm tồn tại cần khắc phục. Trên cơ sở đó, Nhà trường đề ra những giải pháp, kế hoạch hành động phù hợp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng đã được xác định.

Quy trình tự đánh giá của Trường

Căn cứ Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học, năm 2008, Nhà trường đã triển khai công tác tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành. Năm 2012, Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá và gửi về Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ GD&ĐT.

Năm 2015, căn cứ Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn

đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học; căn cứ công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH V/v hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Nhà trường đã thực hiện rà soát, bổ sung, cập nhật Báo cáo tự đánh giá theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Để triển khai công tác tự đánh giá, Nhà trường đã cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Bộ GD&ĐT và Vụ Đào tạo - Bộ VHTTDL tổ chức. Tiến hành xây dựng kế hoạch, kiện toàn Hội đồng tự đánh giá; Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Trên cơ sở các Quyết định của Hiệu trưởng, Nhà trường đã tiến hành tổ chức nhiều cuộc họp, thông báo rộng rãi chủ trương của Trường đến toàn thể cán bộ, viên chức, sinh viên và giao nhiệm vụ cụ thể cho thủ trưởng các đơn vị trong Trường để thực hiện. Mười tiêu chuẩn tự đánh giá được giao cho các nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm. Các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ rà soát, thu thập bổ sung minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá từng tiêu chuẩn, tiêu chí đã được phân công; đồng thời mã hóa các minh chứng theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Từ báo cáo của các nhóm, Ban Thư ký tiến hành tổng hợp và biên tập thành văn bản để trình Hội đồng Tự đánh giá. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Hội đồng tổ chức đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí và hoàn thiện văn bản gửi về Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Phần II. TỔNG QUAN CHUNG

1. Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (sau đây viết tắt là Trường hoặc Nhà trường) trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo Dục và Đào tạo. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoạt động theo các quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường đại học. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Mục đích hoạt động của Trường là đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu hoạt động trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình có trình độ từ đại học đến sau đại học, có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực sáng tạo tốt, đáp ứng nhu cầu giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Là một trung tâm đào tạo trọng điểm hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình; có khả năng hội nhập và giao lưu quốc tế, đi đầu trong việc tiếp thu kinh nghiệm đào tạo trong lĩnh vực sân khấu - điện ảnh của các nước vận dụng vào thực tế Việt Nam.

Trải qua hơn 35 năm hình thành, phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội và hơn nửa thế kỷ sự nghiệp đào tạo đội ngũ nghệ sĩ trong các lĩnh vực sân khấu; điện ảnh; nhiếp ảnh; thiết kế mỹ thuật; múa và truyền hình...nhiều thế hệ sinh viên ra trường đã trở thành những nghệ sĩ tài năng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có khả năng giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hóa Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Có được những thành tựu đó là do tập thể lãnh đạo, cán bộ, viên chức, sinh viên Nhà trường đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, mang lại nhiều thay đổi tích cực. Những kết quả đáng khích lệ được thể hiện trong việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo; cập nhật chương trình đào tạo; điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống giáo trình; không ngừng đổi

mới phương pháp giảng dạy; tích cực trong các hoạt động nghiên cứu khoa học; phát triển đội ngũ, phát triển cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.

Năm 2015, căn cứ cơ sở pháp lý và thực tiễn, Trường được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.

2. Những phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá

Quá trình triển khai tự đánh giá, Trường đã phát hiện một số vấn đề chính sau:

*** Về sứ mạng và mục tiêu của Trường**

Với hơn 35 năm hình thành, phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội và hơn nửa thế kỷ sự nghiệp đào tạo đội ngũ nghệ sĩ trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, thiết kế mỹ thuật, múa, truyền hình... Trường ĐH SK- ĐAHN là trường đào tạo nhân lực cho ngành sân khấu, điện ảnh lớn nhất khu vực phía Bắc; là một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước. Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nguồn lực của Trường. Trường đã góp phần rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch nói riêng và cả nước nói chung cũng như trong việc thực hiện những kế hoạch, chiến lược về giáo dục và đào tạo của Chính phủ.

Từ ngày thành lập đến nay, tập thể lãnh đạo, cán bộ viên chức và sinh viên của Trường đã nỗ lực thực hiện tốt sứ mạng, mục tiêu và các nhiệm vụ chiến lược được giao. Nhà trường đã có nhiều thay đổi tích cực, nhiều kết quả đáng khích lệ trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ, phát triển cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ tốt cho dạy và học.

Tuy nhiên, sứ mạng và mục tiêu của Trường chưa được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, do đó Nhà trường cũng chưa xây dựng được quy định và quy trình kiểm soát thực hiện mục tiêu giáo dục. Từ năm 2017, định kỳ 02 năm một lần thực hiện việc thăm dò ý kiến phản hồi từ các

cơ sở trong ngành và các cựu sinh viên, từ đó có những điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của xã hội.

*** Về cơ cấu tổ chức và quản lý**

Ngày 06/3/2014, Bộ trưởng Bộ VHTTDL đã có quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội; ngày 05/11/2014 Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Quy chế tổ chức mới cho phép Trường có cơ cấu tổ chức là trường 3 cấp: Lãnh đạo Trường (Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng), các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; khoa chuyên môn; các tổ chức trực thuộc; tổ chức Đảng; các đoàn thể và tổ chức xã hội. Cơ cấu mới đã phù hợp với mục tiêu sứ mạng của Nhà trường cũng như chức năng nhiệm vụ mới của Trường và phù hợp với chiến lược phát triển của ngành, kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước.

Tổ chức, bộ máy mới được thành lập với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được phân định rõ ràng, phát huy tính chủ động và chuyên nghiệp của từng đơn vị, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Theo Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 6/3/2014, phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường được thành lập. Việc bổ sung thêm phòng KT&ĐBCLGD vào cơ cấu tổ chức của Trường là cơ sở để khẳng định hoạt động khảo thí và ĐBCLGD được Bộ VHTTDL rất quan tâm, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện tốt Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trường chưa thành lập Hội đồng trường theo Điều lệ Trường đại học. Từ năm học 2016 - 2017, Trường sẽ nghiên cứu và thành lập Hội đồng trường. Trường sẽ tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đào tạo cùng với sự tham gia của các đại biểu đến từ nhiều cơ sở tuyển dụng khác nhau, từ đó có kế hoạch bổ sung vào chiến lược phát triển dài hạn của Trường.

*** Về chương trình đào tạo**

Nhà trường đã xây dựng được một cơ cấu các ngành đào tạo đa dạng. Hiện có trên 40 ngành và chuyên ngành đào tạo với các bậc từ trung cấp chuyên nghiệp đến tiến sĩ. Các chương trình đào tạo có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, được thiết kế một cách có hệ thống và có sự liên thông giữa các ngành và các trình độ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của Nhà trường, gắn với nhu cầu của người học, yêu cầu của ngành và của xã hội.

Trường đã xây dựng chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo. Kế hoạch giảng dạy và học tập được quản lý thống nhất trong toàn Trường.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo của Trường chưa được định kỳ đánh giá; việc thăm dò ý kiến phản hồi của sinh viên, các cựu sinh viên và các cơ sở tuyển dụng về CTĐT chưa được thường xuyên, bài bản và khoa học. Trong thời gian tới xây dựng quy trình và kế hoạch nghiên cứu, học tập các CTĐT tiên tiến trên thế giới; tham khảo ý kiến của người học và các cơ sở tuyển dụng để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Trong năm học 2016 - 2017, Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể về tổ chức định kỳ công tác đánh giá chương trình đào tạo một cách toàn diện.

*** Về hoạt động đào tạo**

Các quy chế đào tạo hiện hành được tuân thủ một cách triệt để. Trường đã tiến hành nhiều biện pháp cụ thể để khuyến khích giảng viên đổi mới và đa dạng hoá phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá; triển khai nhiều đề tài NCKH về đổi mới phương pháp giảng dạy. Việc xử lý, lưu trữ kết quả học tập của người học được thực hiện một cách chính xác và an toàn nhờ sử dụng đồng bộ hệ thống sổ sách, bảng biểu thống nhất và hệ thống file, thư mục lưu trữ. Kết quả học tập được công bố công khai và đúng qui định. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng qui chế.

Trường chưa triển khai đào tạo tín chỉ. Việc đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực và chủ động của người học chưa

thực hiện đồng đều ở các khoa. Kết quả học tập của người học chưa được chuyển tải lên website của Nhà trường, vì vậy việc truy cập điểm qua mạng Internet chưa thực hiện được.

Từ năm học 2016 - 2017, Trường sẽ triển khai công tác chuẩn bị nhân sự và cơ sở vật chất cho đào tạo tín chỉ. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề; phát huy tính sáng tạo, tự nghiên cứu của SV, lôi cuốn họ vào các hoạt động nghề nghiệp như liên hoan phim ngắn; triển lãm nhiếp ảnh; triển lãm mỹ thuật; dàn dựng các tiết mục, chương trình văn nghệ đối với sinh viên Múa, Sân khấu, Kịch hát Dân tộc. Tổ chức khảo sát GV, SV và các nhà tuyển dụng về hiệu quả của các hình thức tổ chức thi.

*** Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên**

Trường có chiến lược xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ công chức và quy hoạch cán bộ quản lý dài hạn để đáp ứng yêu cầu thực hiện sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Các ý kiến phản ánh, góp ý, khiếu nại của cán bộ công chức luôn được tôn trọng và đều được giải quyết kịp thời, hợp tình, hợp lý.

Trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, kể cả cho cán bộ giảng viên trẻ được cử đi đào tạo nước ngoài.

Giảng viên cơ hữu ở một số khoa chưa đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo của Trường. Cần trẻ hóa đội ngũ nhưng trong đào tạo nghệ thuật lại rất cần “thầy già con hát trẻ”. Chỉ học giỏi, chỉ có bằng cấp mà không có kinh nghiệm sáng tạo, không có thành tựu, tác phẩm, không có trải nghiệm thì không thể dạy được. Sự mâu thuẫn giữa bằng cấp và uy tín nghề nghiệp đang tồn tại. Cơ cấu đội ngũ giảng viên chưa hợp lý cho các ngành và chuyên ngành đào tạo. Số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ chiếm tỉ lệ còn thấp.

Trong kế hoạch 5 năm 2015- 2020 và những năm tiếp theo, Trường sẽ có kế hoạch để khắc phục các tồn tại, khai thác các điểm mạnh nhằm đảm bảo

đội ngũ CBQL, GV và NV của Trường đáp ứng yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

*** Về người học**

Nhà trường có nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ cho sinh viên trong học tập và sinh hoạt. Môi trường học tập mỗi năm một kang trang, điều kiện học tập mỗi năm được cải thiện, nhiều hoạt động phong phú tạo điều kiện cho sinh viên học tập, rèn luyện và thể hiện bản lĩnh của mình.

Nhà trường đã có biện pháp thiết thực giúp sinh viên được tiếp cận với các nhà tuyển dụng, tạo cho các em cơ hội có việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo sau khi tốt nghiệp. Vì vậy, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm và làm việc đúng với ngành nghề được đào tạo là tương đối cao.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa thành lập Trung tâm hỗ trợ sinh viên. Việc điều tra tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp chỉ mới thực hiện một lần từ năm học 2007 - 2008, mà chưa thực hiện đều đặn hằng năm.

Để có thể nắm bắt và kịp thời đáp ứng các nhu cầu của xã hội, từ năm học 2016 - 2017, Trường sẽ có kế hoạch tiến hành thường xuyên việc điều tra tình hình sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp.

***Về nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ**

Năm 1998, Viện Sân khấu – Điện ảnh (tiền thân là Viện Sân khấu Việt Nam) được sáp nhập vào Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội và trở thành đơn vị trực thuộc Trường. Về phân cấp quản lý, Viện là đơn vị trực thuộc Trường nhưng về quy mô và đối tượng nghiên cứu, cũng như sản phẩm nghiên cứu của Viện lại mang tầm quốc gia vì Viện là cơ sở duy nhất ở Việt Nam nghiên cứu cả hai lĩnh vực nghệ thuật sân khấu và điện ảnh, truyền hình. Đối tượng nghiên cứu và tham gia nghiên cứu, đối tượng phục vụ của Viện không dừng lại trong phạm vi của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong Trường mà còn liên quan đến nhiều đơn vị nghệ thuật và cá nhân trong cả nước. Đây

là một thuận lợi trong việc tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Là trường đào tạo nghệ thuật nên hoạt động nghiên cứu khoa học không gắn với những phát minh, sáng chế, không gắn với chuyển giao công nghệ và không có nguồn thu từ khoa học công nghệ như các trường khác.

Từ năm học 2017 - 2018, ngoài việc tăng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường sẽ nghiên cứu cơ chế quản lý các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của cán bộ, giảng viên khi tham gia các dự án, các chương trình, nhằm tạo thêm nguồn thu từ các hoạt động này.

*** Về hoạt động hợp tác quốc tế**

Các hoạt động HTQT về đào tạo, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát của Trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, các cán bộ nghiên cứu và sinh viên có cơ hội được học hỏi, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp, phương pháp giảng dạy.

Sinh viên khoa Nghệ thuật điện ảnh và khoa Truyền hình của Trường đã tham gia nhiều dự án hợp tác làm phim với sinh viên nước ngoài. Khoa Sân khấu của Trường đã có những vở diễn tham gia liên hoan các trường đào tạo về sân khấu ở Bắc Kinh thường niên... Qua hoạt động HTQT, Trường có điều kiện tham khảo và vận dụng các chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy nghệ thuật tiên tiến vào Việt Nam.

Tuy nhiên, nội dung các hoạt động hợp tác quốc tế mới chỉ dừng ở các lĩnh vực học thuật, chuyên môn, chưa triển khai được hợp tác về liên kết đào tạo, về kinh nghiệm tổ chức, quản lý đào tạo nghệ thuật... Ở lĩnh vực NCKH, Trường chưa có các đề tài mang tầm khu vực và quốc tế.

Năm học 2017 – 2018, xây dựng kế hoạch cụ thể về HTQT của Trường, trong đó xác định những lĩnh vực cần hợp tác; có chế độ khuyến khích cá nhân, đơn vị chủ động thiết lập các quan hệ, tìm kiếm các nguồn tài trợ.

*** Về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**

Thư viện của Nhà trường được đầu tư về cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn xây dựng các trường đại học Việt Nam cũng như số lượng và trình độ cán bộ

viên chức của đơn vị; vì vậy, thư viện đã làm tốt công tác phục vụ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Trường có đủ các phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành chuyên dụng đáp ứng cho công tác đào tạo đại học và sau đại học.

Các trang thiết bị hiện đại, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các phần mềm quản lý hiện có đã hỗ trợ đắc lực cho công tác giảng dạy/ học tập và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Hệ thống máy tính của Trường được nối mạng nội bộ và kết nối Internet. Nhà trường có các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Thư viện sách của Trường chưa kết nối với các thư viện khác. Từ năm 2017, Trường sẽ tiếp tục đầu tư kinh phí và tranh thủ các dự án để xây dựng mới hoặc nâng cấp các phòng thực hành đa năng, phòng máy tính; kết nối với các thư viện của các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước phục vụ dạy học và NCKH.

*** Về tài chính và quản lý tài chính**

Nhà trường đã triển khai thực hiện về công tác tài chính và quản lý tài chính theo đúng quy định hiện hành, chưa để xảy ra vi phạm về quản lý tài chính. Tăng cường mở rộng quy mô, hình thức đào tạo để tăng nguồn thu hợp pháp của đơn vị; triển khai phân bổ tài chính, xây dựng tự chủ kế hoạch tài chính năm một cách công khai, tiết kiệm.

Hàng năm, Thanh tra tài chính và Kiểm toán nhà nước vào kiểm tra đều đánh giá cao hoạt động tài chính của trường.

Các hoạt động NCKH và HTQT chưa đem lại nguồn thu cho Trường do đặc thù nghệ thuật. Trong năm học 2016 - 2017, xây dựng và bổ sung các quy định khuyến khích cán bộ tìm được nguồn dự án đem lại nguồn thu cho Trường.

Phần III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1

SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU

Mở đầu

Sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã được xác định bằng văn bản, được khẳng định trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030. Sứ mạng cũng được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; phù hợp với các nguồn lực của Trường; gắn kết chặt chẽ với Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 23 NQ/TW của Bộ Chính trị khoá X “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn hoá nghệ thuật trong thời kỳ mới”; “Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2020”; “Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020” của Chính phủ Việt Nam.

Các mục tiêu giáo dục của Nhà Trường được cụ thể hóa từ sứ mạng và luôn được điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành, phù hợp với tình hình thực tế hội nhập của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Sứ mạng của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội được xác định trong *Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030* và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt [H1.1.1.1]. Ngày 13/10/2016, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN về việc công bố "Sứ mạng,

tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội", nội dung sứ mạng được khẳng định như sau: “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam và thực hiện thành công các mục tiêu về hội nhập quốc tế” [H1.1.1.2].

Nội dung sứ mạng của Trường đã được toàn thể cán bộ, giảng viên ở các khoa, phòng, ban nhất trí cao trong quá trình góp ý xây dựng dự thảo, được toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên cam kết thực hiện [H1.1.1.3].

Sứ mạng này hoàn toàn phù hợp với chức năng và nhiệm vụ chính của Trường là cơ sở đào tạo đa ngành, với nhiều bậc học, nhiều loại hình đào tạo trong lĩnh vực nghệ thuật; được quy định rõ tại Quyết định số 538/QĐ – BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội và được cụ thể hóa trong *Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội* [H1.1.1.4].

Cơ sở để Trường tuyên bố sứ mạng của mình được dựa trên lịch sử và thực tế xây dựng Nhà trường, đó là sự tiếp nối và phát triển lên một tầm cao mới so với hai cơ sở đào tạo ban đầu. Hơn 35 năm qua, Trường là nơi duy nhất đã quy tụ được đông đảo những nghệ sĩ, những nhà khoa học, nhà quản lý... nổi tiếng, có uy tín trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh và truyền hình tham gia giảng dạy, tham gia đóng góp ý kiến vào định hướng phát triển. Nhờ đó, Nhà trường đã luôn đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học theo những chủ trương lớn của Bộ VH TT DL, của Thành uỷ Hà Nội và căn cứ vào yêu cầu của sự phát triển các ngành sân khấu, điện ảnh, truyền hình của cả nước. Nhiều ngành đào tạo mới được mở ra trong 05 năm vừa qua như Đạo diễn Truyền hình; Quay phim Truyền hình; Công nghệ Kỹ

thuật Điện tử; Công nghệ Điện ảnh Truyền hình; Đạo diễn Sân khấu Sự kiện - Lễ hội là nhằm đáp ứng yêu cầu đó [H1.1.1.5].

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba (ngày 17/12/2010), đại diện lãnh đạo Bộ VH TT DL đã khẳng định: Sứ mạng của Nhà trường được xác định, đã phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao qua từng giai đoạn; phù hợp với định hướng phát triển nhà trường cho đến năm 2020; phù hợp với các nguồn lực hiện có đã tạo lập được trong 30 năm xây dựng và phát triển; phù hợp với chiến lược phát triển văn hoá – xã hội của đất nước và thủ đô; đồng thời, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi nghị quyết số 23 NQ/TW của Bộ Chính trị khoá X “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn hoá nghệ thuật trong thời kỳ mới” [H1.1.1.6].

Sứ mạng của Nhà trường có sự tương thích và gắn kết chặt chẽ với *Chiến lược Phát triển văn hóa đến năm 2020 (được ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ)* nhằm thực hiện mục tiêu phát triển văn hóa đến năm 2020 và định hướng phát triển các chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật; sứ mạng của Nhà trường trực tiếp góp phần thực hiện Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 24/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "*Đề án xây dựng đội ngũ trí thức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2020*" và *Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, giai đoạn 2011-2020"* (Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 30/5/2011). Bên cạnh đó, sứ mạng của Nhà trường cũng hướng tới mục tiêu là một trong những cơ sở đào tạo trọng điểm chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp văn hóa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng; là một trong những cơ sở đào tạo ngang tầm các trường tiên tiến trong khu vực trên lĩnh vực Sân khấu – Điện ảnh (Quyết định số 1243/QĐ-TTg ngày 25/7/2011 về việc phê duyệt *Đề án "Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011-2020"*).

Với lợi thế là một trường duy nhất đào tạo ở bậc đại học và sau đại học trong cả nước về sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, thiết kế mỹ thuật và truyền hình nên Trường đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc phát hiện, bồi dưỡng nhân tài và đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho các đơn vị nghệ thuật, nhà hát, hãng phim, đài truyền hình... trong cả nước. Hàng ngàn cử nhân nghệ thuật được đào tạo tại Trường đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành. Trong đó có nhiều nghệ sĩ đã thành danh, những nhà quản lý, nhà nghiên cứu giỏi. Họ đã có những đóng góp to lớn cho sự phát triển nền văn hoá nghệ thuật của nước nhà. [H1.1.1.7]

Sứ mạng của Trường được công bố trên Website của Nhà trường để sinh viên, giảng viên và các cá nhân, đơn vị liên quan được biết và thực hiện. [H1.1.1.8]

Trong Đề án phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 – 2020 (được Bộ VH-TT-DL phê duyệt), Nhà trường đã xây dựng các tiêu chí về nguồn lực đội ngũ cán bộ, tài chính, cơ sở vật chất để thực hiện sứ mạng. [H1.1.1.9]

Bên cạnh đó, để thực hiện tốt sứ mạng của mình, Trường đã tiến hành xây dựng chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo [H1.1.1.10]. Việc xây dựng chuẩn đầu ra góp phần giúp sinh viên và nhà sử dụng lao động hiểu rõ kỹ năng, năng lực của người học sau khi được đào tạo, từ đó có hướng sử dụng hợp lý, đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Sứ mạng của Trường được xác định một cách rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với các nguồn lực hiện có.

Trong những năm qua, Trường đã nỗ lực thực hiện sứ mạng của mình. Việc thực hiện này được quán triệt một cách sâu rộng trong nghị quyết của Đảng ủy ở các kỳ đại hội. Các hoạt động của Nhà trường đều hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tốt sứ mạng đã đề ra.

3. Tồn tại

Trường chưa thực hiện được quy trình lấy ý kiến phản hồi, góp ý của các đơn vị, tổ chức bên ngoài đóng góp vào sứ mạng của mình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, xây dựng kế hoạch định kỳ lấy ý kiến góp ý về sứ mạng của các đối tượng có liên quan 2 năm/lần để đảm bảo sự gắn kết với các chiến lược phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Trước đây, các mục tiêu phát triển dài hạn (05 năm) của Trường thường được xây dựng là phương hướng, nhiệm vụ chung và được đưa vào Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng bộ. Hiện nay, theo yêu cầu công tác kiểm định chất lượng trường đại học và trên cơ sở sứ mạng đã công bố, Trường ĐHSK - ĐAHN đã xác định mục tiêu trong giai đoạn 2010 – 2015 là: Đổi mới căn bản và toàn diện các hoạt động giảng dạy - học tập, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đưa Trường thực sự trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu có uy tín trong cả nước với các chương trình đào tạo, các cấp học tiên tiến, hoàn chỉnh; có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đủ năng lực và điều kiện để giao lưu hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu và cung cấp cho xã hội những nghệ sĩ có tài năng, những chuyên gia giỏi trong lĩnh vực nghệ thuật, lý luận, kỹ thuật và quản lý các ngành sân khấu, điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, múa và truyền hình. Trường phải là trung tâm đề xuất, góp phần tích cực giải quyết những vấn đề thuộc các lĩnh vực: lý luận và lịch sử nghệ thuật liên quan đến các ngành nghệ thuật biểu diễn và nghe nhìn; sưu tầm, khai thác và phát huy

những di sản truyền thống, góp tiếng nói riêng của mình vào việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Mục tiêu này được thể hiện trong Nghị quyết đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ XI khóa 2010 – 2015 và cũng được đưa vào Dự thảo chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2010 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.1.2.1].

Từ năm 2013, mục tiêu chung của Trường ĐHSK - ĐAHN được xác định trong *Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030* và trong *Đề án xây dựng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội trở thành trường trọng điểm quốc gia* đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt, nội dung như sau: “Xây dựng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đến năm 2020 thành trường trọng điểm của quốc gia về đào tạo các ngành sân khấu, điện ảnh – truyền hình. Có cơ cấu ngành nghề phù hợp, gắn với đòi hỏi của thực tiễn xã hội; có hệ thống chương trình, giáo trình và phương pháp đào tạo tiên tiến, tiếp cận chuẩn mực quốc tế; có phương thức đào tạo đa dạng, huy động được nguồn lực của toàn xã hội; có đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giỏi, có phẩm chất chính trị, đủ năng lực và tiêu chuẩn tương đương trình độ quốc tế; có cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện đại, mang tính chuyên nghiệp cao, gắn với đặc thù từng ngành học; có quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng; có phương pháp quản lý và mô hình quản trị đại học tiên tiến, hiệu quả, đạt các chuẩn mực khu vực và thế giới” [H1.1.2.2]

Mục tiêu của Nhà trường đã xác định, phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục và phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường. Mục tiêu này đã có sự kế thừa, được bổ sung và điều chỉnh trên cơ sở nội dung các mục phương hướng, nhiệm vụ trong sự phát triển của Nhà trường qua các kỳ đại hội Đảng bộ Trường [H1.1.2.3].

Mục tiêu chung của Trường còn được chi tiết hóa thành mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện [H1.1.2.4]. Trường cũng thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu đào tạo thông qua kế hoạch công tác của từng năm học, từng học kỳ, từng tháng ở các phòng, ban, khoa, đơn vị trực thuộc

trường; hội nghị BCH Đảng ủy; hội nghị cán bộ chủ chốt; hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Nhà trường; kế hoạch hành động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội triển khai chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. [H1.1.2.5]

Trường đặc biệt coi trọng kế hoạch xây dựng các chương trình đào tạo, đa dạng các phương thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của người học. Trước yêu cầu mới của ngành, Trường đã tích cực và chủ động mở ra các ngành học mới: Công nghệ điện ảnh truyền hình (2007); đạo diễn âm thanh ánh sáng sân khấu (2012) và triển khai các phương thức đào tạo mới như đào tạo văn bằng hai các ngành diễn viên sân khấu điện ảnh, nhiếp ảnh; đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học hoặc từ cao đẳng lên đại học các ngành diễn viên chèo, diễn viên cải lương, huấn luyện, biên đạo múa...[H1.1.2.6].

Năm 2012, Trường đã được nhà nước cho phép đào tạo tiến sĩ 02 ngành: lý luận và lịch sử sân khấu; lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh – truyền hình [H1.1.2.7].

Mục tiêu của Trường được tuyên truyền, phổ biến và quán triệt đến cán bộ công chức thông qua hội nghị cán bộ công chức hằng năm và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Vào tuần đầu năm học mới, Trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV để tuyên truyền, phổ biến mục tiêu giáo dục cho toàn thể sinh viên [H1.1.2.8].

Thông tin về thực hiện mục tiêu và các hoạt động khác của Nhà trường cũng như của các khoa đã được đưa lên trang Web, đưa vào trong các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học, nhằm tuyên truyền và giới thiệu mục tiêu và hoạt động của Trường ra bên ngoài [H1.1.2.9].

Để đánh giá kết quả triển khai thực hiện mục tiêu công tác, cuối mỗi năm học, Trường yêu cầu các đơn vị gửi báo cáo tổng kết, có nhận xét cụ thể về tình hình thực hiện các mặt công tác đã đề ra trong phương hướng nhiệm

vụ năm học. Trên cơ sở báo cáo tổng kết của các đơn vị, Trường tổng hợp tình hình để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch năm học mới cho toàn Trường [H1.1.2.10].

Để thực hiện hiệu quả những mục tiêu đề ra, Nhà trường đã khái quát hóa những nội dung cơ bản và đưa vào Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, mục tiêu được cụ thể hóa thành nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ từng năm học của Đảng ủy và được rà soát hằng năm.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của Trường phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định trong Luật giáo dục và với sứ mạng của trường; được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và được phổ biến trong cán bộ công chức và người học. Việc triển khai thực hiện các mục tiêu được thực hiện một cách đồng bộ, bài bản và được cụ thể hóa trong các kế hoạch công tác của Trường.

3. Tồn tại

Mục tiêu của Trường chưa được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, do đó Nhà trường cũng chưa xây dựng được quy định và quy trình kiểm soát thực hiện mục tiêu giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

- Giai đoạn 2017- 2020, Trường lập đề án mở mới thêm 1 ngành đào tạo đại học (nhà sản xuất phim); đồng thời mở thêm một số chuyên ngành: Hóa trang Sân khấu - Điện ảnh, kỹ xảo đồ họa, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành ĐA-TH, Diễn viên KHDT truyền hình; lập đề án mở mới thêm 02 ngành đào tạo đại học (sư phạm nghệ thuật KHDT), 02 ngành đào tạo thạc sĩ, 01 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

- Từ năm 2017, định kỳ 02 năm một lần thực hiện việc thăm dò ý kiến phản hồi từ các cơ sở trong ngành và các cựu sinh viên, từ đó có những điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận cho tiêu chuẩn 1

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã xác định rõ ràng sứ mạng và mục tiêu của Trường trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao. Ngoài ra, sứ mạng và mục tiêu của Trường còn được xác định từ việc phân tích, đánh giá các nguồn lực hiện có của Trường, từ các chiến lược; đề án của ngành nói riêng và của cả nước nói chung.

Trường sẽ lập kế hoạch định kỳ thu thập ý kiến rộng rãi của các chuyên gia, các nhà quản lý, các CBGV, các cơ quan tuyển dụng, cựu sinh viên của Trường để có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời mục tiêu, chương trình đào tạo phù hợp với thực tế.

Các hoạt động của Trường đều hướng đến tầm nhìn Trường sẽ là trường đại học nghệ thuật trọng điểm hàng đầu của cả nước, là trung tâm đào tạo nhân tài, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình có uy tín, đạt các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và ngang tầm với các trường tiên tiến trong khu vực. Phần đầu trở thành một trong các trường đào tạo sân khấu - điện ảnh hàng đầu trong khối ASEAN, mang tên Học viện Sân khấu – Điện ảnh Quốc gia Việt Nam.

Tiêu chuẩn 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Mở đầu

Trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được thành lập ngày 17/12/1980, theo quyết định số 372/CP của Hội đồng Chính Phủ, trên cơ sở sáp nhập các ngành nghệ thuật của Trường Điện ảnh Việt Nam vào Trường Sân khấu Việt Nam (cả hai trường được thành lập từ tháng 10 năm 1959). Năm 1995, Trường tiếp nhận thêm hai cơ sở là Viện Sân khấu và khôi kinh tế - kỹ thuật còn lại của trường Điện ảnh Việt Nam. Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; chịu sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong Trường được cụ thể hóa bằng các văn bản, được triển khai và tổ chức có hiệu quả.

Hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý các mặt công tác của Trường được xây dựng và cập nhật thường xuyên. Quy chế dân chủ được Nhà trường phát huy tốt, các quy định của Trường trước khi ban hành đều được lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn cho từng giai đoạn phát triển. Kế hoạch phát triển đó phù hợp với sứ mạng của Trường; gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ của ngành, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được thực hiện theo quy định của Nhà nước, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.[H2.2.1.1]. Trường hiện có các đơn vị trực thuộc gồm: 06 phòng chuyên môn nghiệp vụ, 11 khoa chuyên môn với 35 bộ môn, 07 đơn vị trực thuộc. Ngoài ra, Trường thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo, các Hội đồng khoa học của khoa. Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt, Nhà trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc. [H2.2.1.2]

Hiện nay, Ban lãnh đạo Nhà trường gồm 1 Hiệu trưởng và 3 Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng phụ trách chung và trực tiếp phụ trách công tác Tổ chức cán bộ, Tài chính, Đối ngoại, Đào tạo, Khảo thí và Kiểm định, Sau đại học, Tạp chí nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh, Trang thông tin điện tử; Phó Hiệu trưởng phụ trách Quản lý học sinh sinh viên; Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động thực hành chuyên môn và phục vụ đào tạo; Phó Hiệu trưởng phụ trách Hành chính – Quản trị. [H2.2.1.3].

Trường có Hội đồng Khoa học và đào tạo cùng với các Hội đồng khoa học của các khoa chuyên môn. Các hội đồng được thành lập theo đúng quy định và được rà soát, kiện toàn theo yêu cầu, nhiệm vụ của Nhà trường để nâng cao hiệu quả trong các hoạt động của Trường [H2.2.1.4]

Cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học: Đảng ủy – Ban Giám hiệu (lãnh đạo Nhà trường) – Phòng chức năng – Khoa, bộ môn – Hội đồng khoa học và đào tạo – các hội đồng khoa. Cơ cấu tổ chức nói trên phù hợp với yêu cầu tổ chức hoạt động của Trường. [H2.2.1.5]

Ngoài ra, để phục vụ cho sinh viên thực tập, Trường còn có mối liên hệ với nhiều Nhà hát, rạp chiếu phim để sinh viên được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp [H2.2.1.6].

Trường thực hiện chế độ “một thủ trưởng” hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Những vấn đề chung của Trường được bàn bạc công khai và lấy ý kiến rộng rãi, Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm cao nhất và đưa ra quyết định cuối cùng trên cơ sở lợi ích và nguyện vọng chính đáng của cán bộ, viên chức và người học trong Trường. Cấp trường là cấp điều hành và quản lý toàn bộ mọi hoạt động của Nhà trường, đứng đầu là Ban Giám hiệu dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy và sự tham mưu của các phòng chức năng.

Các khoa là đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, bên cạnh đó Viện Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội là đơn vị trực thuộc của Nhà trường có chức năng nghiên cứu về nghệ thuật sân khấu và điện ảnh. Các khoa được tổ chức thành các tổ bộ môn làm nhiệm vụ quản lý chuyên môn trong phạm vi được khoa giao. Mỗi khoa đều có Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Hội đồng khoa học của Khoa được thành lập theo quy định tại điểm 8, Điều 41 trong Điều lệ trường đại học số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010. [H2.2.1.7]

Cơ cấu nhân sự của các khoa được quy định rõ ràng. Ban Chủ nhiệm khoa gồm: Trưởng khoa và 1 đến 2 phó trưởng khoa, đứng đầu các bộ môn trong khoa là tổ trưởng bộ môn. Cơ cấu này được thể hiện cụ thể trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường. [H2.2.1.8]

Từ chương trình, mục tiêu của từng năm học, Trường xây dựng kế hoạch công tác hằng năm, trong đó phân công nhiệm vụ theo chức năng của đơn vị trực thuộc. Kế hoạch công tác chung được thông qua lãnh đạo Trường trước khi triển khai thực hiện [H2.2.1.9]. Các đơn vị trực thuộc căn cứ vào Kế hoạch công tác chung của Trường để thực hiện. Những công việc các đơn vị chức năng đã làm hoặc đang thực hiện được báo cáo trong các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt được tổ chức định kỳ vào đầu tháng. [H2.2.1.10]

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sơn khấu - Điện ảnh Hà Nội tuân thủ theo đúng những quy định của Điều lệ trường đại học và phù hợp với quy mô hiện tại của Nhà trường.

3. Tồn tại

Trường chưa thành lập được Hội đồng trường theo Điều lệ Trường đại học.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn từ 2016 – 2018, thành lập Hội đồng trường theo Điều lệ Trường đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Hệ thống văn bản là cơ sở để Trường tổ chức và quản lý bao gồm các văn bản tiếp nhận từ Bộ chủ quản và hệ thống văn bản, tài liệu do Trường ban hành.

Để thuận lợi cho việc tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động, Nhà trường đã ban hành các văn bản được chia theo từng lĩnh vực và từng mảng công việc chuyên môn. Trong hoạt động đào tạo, đã ban hành các văn bản như: *Một số quy định về thực hiện quy chế đào tạo đại học – cao đẳng hệ chính quy – quy chế 25; quy định về xử lý kết quả học tập theo Điều 6 quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy.* [H2.2.2.1]

Đối với công tác chính trị, quản lý HSSV, Trường đã ban hành các văn bản: Quy định khung xử lý kỷ luật đối với HSSV vi phạm kỷ luật và một số điều liên quan trong học tập, thực tập [H2.2.2.2]; quy định về việc giải quyết các trường hợp sinh viên bị đình chỉ học tập 1 năm học và sinh viên phải ngừng học 1 năm [H2.2.2.3]; quy định về việc nộp học phí của học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đang theo học tại Trường Đại học Sơn khấu -

Điện ảnh Hà Nội [H2.2.2.4]; quy định về việc thực hiện nề nếp giảng đường [H2.2.2.5]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản thuộc các lĩnh vực hoạt động như: 1) Hệ thống văn bản của Đảng ủy; Công đoàn; Đoàn TNCS HCM; 2) Hệ thống văn bản tổ chức cán bộ, đối ngoại; 3) Hệ thống văn bản quản lý tài chính, tài sản; 4) Hệ thống văn bản về quản lý Hành chính, quản trị; 5) Hệ thống văn bản về Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục [H2.2.2.6].

Để quản lý hoạt động của Nhà trường theo đúng quy định, Nhà trường đã ban hành hệ thống quy chế, quy định như: Quy chế làm việc của BCH Đảng ủy Nhà trường; quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BCH Công đoàn - và Đoàn TNCS HCM; ban Thanh tra nhân dân; quy chế về tổ chức, hoạt động và tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý; quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế hoạt động của các khoa chuyên môn, phòng, ban chức năng; quy định trong hoạt động đào tạo hệ chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo văn bằng đại học thứ hai, đào tạo liên thông, đào tạo theo hình thức tín chỉ....; quy định chế độ làm việc đối với giảng viên; quy định về công tác quản lý đào tạo sau đại học; quy định về công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; quy định tiêu chuẩn chung cán bộ đi học; quy định đối với cán bộ công chức đủ điều kiện nghỉ hưu; quy chế thi đua khen thưởng, nâng lương trước niên hạn; các văn bản về tổ chức và điều hành trang thông tin điện tử, Tạp chí nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh [H2.2.2.7].

Để quản lý, điều hành được tất cả mọi hoạt động của Nhà trường một cách thống nhất, hệ thống văn bản trên đều do các phòng, viện, trung tâm và các khoa xây dựng. Các văn bản trên sau khi hoàn chỉnh theo quy định được Ban Giám hiệu phê duyệt. Trường đã tổ chức đồng bộ việc triển khai áp dụng hệ thống các văn bản quản lý trong các đơn vị trực thuộc, đến từng tổ chức, cá nhân bằng nhiều hình thức như: phổ biến trực tiếp thông qua các buổi họp giao ban định kỳ, gửi văn bản, qua hệ thống email của Trường... [H2.2.2.8].

Để đảm bảo tính hiệu quả của việc triển khai thực hiện hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý hoạt động, vào đầu mỗi năm học Trường tổ chức gặp mặt giữa Ban Giám hiệu, lãnh đạo phòng chức năng với các khoa, bộ môn nhằm bàn về phương hướng nhiệm vụ năm học của từng đơn vị. Sau mỗi cuộc họp giao ban định kỳ hằng tháng, Hiệu trưởng có bản kết luận đánh giá công việc của các đơn vị và nêu ra nhiệm vụ mới cần triển khai thực hiện trong giai đoạn tiếp theo [H2.2.2.9].

Trong từng nhiệm kỳ công tác của mình, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đều phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng đồng chí trong Đảng ủy, Ban Giám hiệu phụ trách cụ thể các mảng hoạt động của Trường. Nhờ có sự chỉ đạo, điều hành và triển khai công việc theo hệ thống nhất quán từ Trường tới các đơn vị nên hầu hết các công việc đều được đảm bảo đúng kế hoạch [H2.2.2.10].

Hệ thống các văn bản trên giúp cho Ban Giám hiệu, cán bộ, giảng viên, các phòng, khoa, trung tâm, viện nghiên cứu... thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn theo trình tự và thủ tục giải quyết các công việc được giao. Hiện nay, Nhà trường đang tiến hành rà soát, bổ sung, hệ thống hóa các văn bản pháp quy của Nhà trường, nhằm xây dựng một bộ văn bản làm công cụ để thực hiện tốt việc tổ chức, quản lý của Trường. [H2.2.2.11]

2. Điểm mạnh

Hệ thống văn bản do Trường xây dựng và ban hành luôn tuân thủ quy định chung do Nhà nước và các cấp quản lý ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo thống nhất về nhận thức và hoạt động chung của toàn Trường.

Hệ thống văn bản đã giúp cho Nhà trường, các đơn vị chức năng tổ chức, quản lý, điều hành, kiểm tra giám sát hiệu quả và kết quả của từng hoạt động, từng công việc cụ thể.

3. Tồn tại

Hệ thống văn bản của Trường chưa được định kỳ rà soát. Một số văn bản của Bộ chủ quản chưa được thể chế hóa thành quy định riêng của Trường.

4. Kế hoạch hành động

- Năm 2017, Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát hệ thống lại toàn bộ văn bản trong quản lý và hoạt động đào tạo.

- Năm 2017, cập nhật và thể chế hóa văn bản mới của Bộ chủ quản thành quy định riêng của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội được thực hiện theo cơ cấu: Đảng ủy – Ban Giám hiệu – Phòng - Đơn vị trực thuộc – Khoa/ tổ bộ môn – Hội đồng khoa học và Đào tạo. [H2.2.3.1].

Để tổ chức, quản lý các hoạt động được hiệu quả, Nhà trường đã ban hành các văn bản phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ; trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Năm 2014, Trường đã xây dựng mới Quy chế tổ chức và hoạt động trên cơ sở Quyết định số 538/QĐ – BVHTTDL ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [H2.2.3.2].

Trường đã ban hành các văn bản phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo và của các cá nhân như:

- Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ Nhà trường khoá X và khoá XI; Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của BCH Đảng bộ Nhà trường; nhiệm vụ, quyền hạn của các chi bộ trực thuộc và các đoàn thể; chế độ làm việc; mối quan hệ giữa Đảng uỷ Nhà trường và Đảng uỷ Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội; mối quan hệ giữa Đảng uỷ và BGH [H2.2.3.3].

- Phân công công tác của BGH và quy định về trách nhiệm, quyền hạn giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng [H2.2.3.4].

- Quy định về quan hệ công tác, phân cấp quản lý điều hành hoạt động và quy định về chức năng, nhiệm vụ của bộ môn trực thuộc khoa; trách nhiệm, quyền hạn và quan hệ công tác của trưởng khoa, phó trưởng khoa, tổ trưởng bộ môn trực thuộc khoa; chức năng, nhiệm vụ quyền lợi của trợ lý khoa... [H2.2.3.5].

- Quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm và định mức khối lượng công tác của trưởng khoa, phó các khoa, tổ trưởng các bộ môn, các chức danh trợ lý, các giảng viên, nhân viên kỹ thuật, phòng thực hành... [H2.2.3.6].

Nhà trường đã xây dựng tiêu chí thi đua khen thưởng để làm cơ sở đánh giá kết quả, quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, đơn vị. Tiêu chí khen thưởng được Nhà trường bổ sung, sửa đổi theo từng năm cho phù hợp với điều kiện thực tế của Trường [H2.2.3.7].

Việc phân định trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể lãnh đạo và cá nhân đã có tác dụng tích cực tới tất cả các hoạt động quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học. Cuối mỗi năm học, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trách nhiệm và quyền hạn của từng cá nhân đã được quy định, Hội đồng thi đua Trường tiến hành họp bình xét thi đua, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc [H2.2.3.8].

Trên cơ sở phân công chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường, các phòng cũng chia thành các tổ theo từng mảng công việc, việc phân công này thực hiện trong nội bộ phòng và do lãnh đạo phòng quyết định. Lãnh đạo các phòng xây dựng bảng mô tả công việc của từng cán bộ quản lý và nhân viên các phòng chức năng. [H2.2.3.9]. Chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân được cụ thể hóa trong Đề án vị trí việc làm [H2.2.3.10].

Căn cứ theo Điều lệ trường đại học, Hội đồng khoa học của khoa giới thiệu một giảng viên có học vị và uy tín về chuyên môn làm trưởng bộ môn, trưởng bộ môn sẽ được Hiệu trưởng ra Quyết định bổ nhiệm. Những quy định

về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc và quyền lợi của giảng viên trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 06/2011/TTLT-BNV-BGDĐT ngày 06/6/2011 giữa Bộ Nội vụ và Bộ GD &ĐT và Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT, 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để vận dụng các văn bản trên, Nhà trường đã ban hành văn bản thực hiện cụ thể hóa, phù hợp với đặc thù của Trường [H2.2.3.11].

2. Điểm mạnh

Hoạt động quản lý của Trường được phân định bằng các văn bản cụ thể, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể cá nhân, tăng cường tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị và cán bộ, viên chức trong lĩnh vực được phân công.

3. Tồn tại

Việc phân công, phân nhiệm đối với một số vị trí như trợ lý khoa, chuyên viên, nhân viên vẫn chỉ dừng ở văn bản quy định chung. Sự phối hợp công tác giữa các đơn vị, cá nhân đôi lúc còn hạn chế ở một số hoạt động cần sự tham gia của nhiều đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018, Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt cơ chế phối hợp công tác một cách rõ ràng giữa các đơn vị và cá nhân có liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo đúng quy định của pháp luật

1. Mô tả

Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội được thực hiện theo quy định của pháp luật. Đảng bộ thực hiện chức năng lãnh đạo theo Điều lệ Đảng và các quy định của

Ban Bí thư TW Đảng. Các tổ chức đoàn thể hoạt động theo đúng quy định của Hiến pháp, pháp luật; Điều lệ trường đại học và Điều lệ của tổ chức, đoàn thể. Tất cả các tổ chức đoàn thể đã phát huy trách nhiệm cùng Nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

Đảng bộ Trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội tổ chức đại hội Đảng bộ 5 năm/ nhiệm kỳ. Đại hội Đảng bộ đề ra nghị quyết để lãnh đạo thực hiện công tác chính trị tư tưởng, công tác chính và công tác phát triển Đảng [H2.2.4.1].

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, Đảng uỷ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Nhà trường, tạo được sự ổn định thống nhất, đoàn kết trong nội bộ, không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, khiếu kiện làm ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị của Nhà trường. Các chi bộ đều phát huy được vai trò của mình, lãnh đạo các bộ phận hoàn thành tốt công tác chuyên môn nghiệp vụ.

Đảng uỷ và các chi bộ duy trì chế độ họp giao ban định kỳ, chế độ báo cáo hằng tháng, hằng quý. Hưởng ứng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Đảng uỷ đã tổ chức hội nghị học tập, quán triệt các Nghị quyết Trung ương khoá XI, triển khai thực hiện tới toàn thể cán bộ giảng viên, công nhân viên và sinh viên trong toàn trường [H2.2.4.2].

Công tác phát triển Đảng luôn được quan tâm, thực hiện đúng nguyên tắc và thủ tục, ngày càng được nâng cao về cả số lượng lẫn chất lượng.

Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và sinh viên ưu tú được cử đi dự học lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng giai đoạn 2006 – 2015 như sau:

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Đối tượng										
Cán bộ, giảng viên	8	18	27	0	7	10	22	18	25	19
Sinh viên	0	49	27	0	41	17	27	10	11	51

Thống kê số lượng kết nạp Đảng trong cán bộ và sinh viên từ năm 2006-2015 như sau:

Đối tượng	Năm									
	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Cán bộ, giảng viên	2	6	2	0	3	2	15	6	8	7
Sinh viên	0	3	8	0	0	0	0	3	2	2

Với những kết quả đã đạt được, trong nhiều năm liên tiếp, Đảng bộ Nhà trường đã được Đảng ủy Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội công nhận là Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh [H2.2.4.3].

Công đoàn Trường có quy chế hoạt động, trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lề lối làm việc [H2.2.4.4].

Công đoàn Trường và các công đoàn bộ phận đã tổ chức nhiều hoạt động tập thể phong phú, chăm lo đảm bảo quyền lợi vật chất cho người lao động, nâng cao đời sống tinh thần đối với tập thể cán bộ, viên chức trong đơn vị. Ban nữ công đã thành lập các tổ chuyên môn để triển khai các hoạt động sâu rộng tới toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên [H2.2.4.5].

Công đoàn Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã được Liên đoàn Lao động Thành phố Hà Nội công nhận là tổ chức Công đoàn cơ sở vững mạnh, nhiều công đoàn bộ phận, công đoàn viên trong Trường nhận được nhiều khen thưởng của công đoàn các cấp [H2.2.4.6].

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường luôn xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý, hằng năm. BCH Đoàn trường và BCH các Liên chi đoàn sinh hoạt định kỳ 2 tháng 1 lần để triển khai các công tác học tập, hoạt động văn thể và các phong trào Thanh niên tình nguyện: “Chương trình tiếp sức mùa thi”, “Mùa hè tình nguyện”, “Tháng Thanh niên”, tổ chức dạy học, dạy nghệ thuật cho trẻ em mồ côi ở làng trẻ em Berla... Tổ chức Đoàn Thanh niên và các

đoàn viên đã nhận được nhiều bằng khen của Thành Đoàn, Trung ương Đoàn [H2.2.4.7].

Ngoài tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên, Nhà trường còn có 02 chi hội: Chi hội Đào tạo trực thuộc Hội Điện ảnh Việt Nam và Chi hội Sân khấu trực thuộc Hội nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam.

Trong 05 năm trở lại đây, Nhà trường không có đảng viên, đoàn viên, hội viên nào vi phạm các quy định, quy chế, điều lệ, phải xử lý kỷ luật. [H2.2.4.8].

2. Điểm mạnh

Hoạt động của Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường đã thực hiện đúng điều lệ quy định; có tác dụng tích cực và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu và sứ mạng của Trường.

3. Tồn tại

Cán bộ làm công tác Đảng, Đoàn thể đều kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách, vì thế gặp khó khăn trong triển khai công việc.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, tăng cường cán bộ làm công tác đoàn thể là cán bộ chuyên trách để các công tác này đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Thực hiện Chỉ thị số 46/2008/CT-BGDĐT ngày 05/8/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc tăng cường công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, Ban thanh tra & ĐBCLĐT của Nhà trường (nay là phòng

Khảo thí và ĐBCLGD) đã tham mưu giúp Hiệu trưởng chỉ đạo công tác tự đánh giá. [H2.2.5.1].

Trong năm 2014, Trường đã chính thức thành lập phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục để chuyên trách công tác đo lường đánh giá kết quả đào tạo và đảm bảo chất lượng giáo dục [H2.2.5.2]. Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục được thành lập trên cơ sở nhân lực của Ban thanh tra và Đảm bảo chất lượng đào tạo, được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy chế tổ chức hoạt động. [H2.2.5.3].

Phòng có nhiệm vụ tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổ chức thực hiện công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường đúng với các quy định của Nhà nước. Biên chế hiện nay của Phòng có 04 viên chức; trong đó có 01 tiến sĩ, 02 thạc sĩ và 01 chuyên viên dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng. Cán bộ của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD đã được tham dự nhiều lớp tập huấn về đảm bảo chất lượng bên trong, tự đánh giá và đánh giá ngoài; các hội thảo chuyên đề về hoạt động đảm bảo chất lượng đại học do Bộ GD&ĐT; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức. [H2.2.5.4].

Viên chức của phòng Khảo thí & ĐBCLGD đã bám sát hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Bộ VHTTDL về công tác đảm bảo chất lượng để thực hiện những hoạt động giúp Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo và thực hiện các hoạt động hướng đến việc đảm bảo chất lượng giáo dục như: Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên; công tác dự giờ; công tác kiểm tra, báo cáo việc thực hiện nề nếp giảng đường; điều tra việc làm sinh viên đã tốt nghiệp; khảo sát về cơ sở vật chất, thư viện của Nhà trường; tư vấn, hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động [H2.2.5.5]. Các hoạt động của Phòng Khảo thí & ĐBCLGD đã từng bước đi vào nề nếp, hằng năm phòng đều được công nhận danh hiệu thi đua là Tập thể lao động xuất sắc và tập thể lao động tiên tiến, viên chức của

phòng đều được công nhận danh hiệu như Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến. [H2.2.5.6]

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và hướng tới thực hiện văn hóa kiểm định là trách nhiệm của mỗi thành viên Nhà trường, Phòng khảo thí & ĐBCLGD đã chủ trì sưu tầm và biên soạn tài liệu “*Sổ tay kiểm định chất lượng giáo dục*” nhằm cung cấp thông tin cơ bản về công tác kiểm định, giúp cán bộ, giảng viên và sinh viên của trường nhận thức rõ hơn về vai trò, nội dung của nhiệm vụ quan trọng này [H2.2.5.7].

Để hoạt động có hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, hằng năm phòng Khảo thí & ĐBCLGD đều xây dựng kế hoạch công tác của phòng, trong đó ghi rõ những nội dung liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường. [H2.2.5.8]

Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục được thực hiện trên cơ sở phối hợp của các đơn vị trong toàn Trường và đang đi vào nề nếp. Để hiện thực hóa các nội dung đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường đã xây dựng văn bản “Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”. [H2.2.5.9]

Mục đích của công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục là nhận ra những mặt mạnh và hạn chế, từ đó đề ra những kế hoạch hành động cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục. Do đó, Nhà trường rất coi trọng công tác lưu trữ minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá. Trường đã xây dựng được văn bản “*Hướng dẫn công tác lưu trữ minh chứng*” tại các đơn vị trực thuộc trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. [H2.2.5.10]

Để kịp thời đánh giá tính hiệu quả của hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục, Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường đã được thành lập theo Quyết định số 44/QĐ-TC ngày 26 tháng 02 năm 2008 và kiện toàn Hội đồng tự giá, Ban thư ký, các Nhóm công tác chuyên trách đánh giá

lần 3 của Trường theo Quyết định số 856/QĐ-TC ngày 24 tháng 09 năm 2015. Phạm vi tự đánh giá bao gồm toàn bộ hoạt động của Nhà trường theo 10 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục được ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.2.5.11].

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục đã mời chuyên gia tư vấn, tổ chức tập huấn cho các nhóm chuyên trách; các cán bộ là trưởng, phó phòng, ban, bộ môn về công tác tự đánh giá. Hội đồng đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức triển khai thu thập minh chứng và viết báo cáo các tiêu chí. Năm 2012, Trường đã hoàn thành Báo cáo tự đánh giá và gửi về Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.2.5.12].

Tháng 6 năm 2016, Phòng KT&ĐBCLGD đã lấy ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan trong Nhà trường về chất lượng hoạt động của Phòng và các cán bộ của Phòng. Kết quả có 69,65 % cán bộ, viên chức quan tâm đến chất lượng công việc của Phòng và 58.93% số phiếu đánh giá Phòng đạt mức tốt. [H2.2.5.13].

Để định hướng hoạt động ĐBCLGD hiệu quả, Nhà trường đã ban hành "Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030" [H2.2.5.14].

2. Điểm mạnh

Trường đã thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, các cán bộ tham gia công tác đảm bảo chất lượng đào tạo đều được cử đi dự các đợt tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Mặc dù mới thành lập nhưng phòng đã có những hoạt động có hiệu quả, góp phần đưa công tác đào tạo và quản lý đào tạo của trường vào nề nếp.

Trường đã xây dựng một số văn bản hướng dẫn, quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục và triển khai các hoạt động nghiêm túc, đúng quy định;

bảo đảm việc phục vụ hoạt động quản lý hành chính có hiệu lực và hiệu quả; là căn cứ để kiểm tra, đôn đốc tiến độ hoàn thành báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài theo chu kỳ quy định.

3. Tồn tại

Do mới được thành lập trên cơ sở nhân lực của Phòng thanh tra đào tạo, đội ngũ cán bộ của Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng còn mỏng và thiếu kinh nghiệm thực tế về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2017, bám sát kế hoạch hành động trong Báo cáo tự đánh giá để hoàn thành các mục tiêu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định thương hiệu của Nhà trường.

- Năm 2017, ít nhất có 01 viên chức của phòng hoàn thành khóa học kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục và được Bộ GD&ĐT công nhận là Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Trường đã xây dựng *Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030* và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt [H2.2.6.1]. Kế hoạch chiến lược phát triển Trường được xây dựng trên cơ sở đề án “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020, tầm nhìn 2030”; đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020”; đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020”;

đề án “Chiến lược phát triển nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch 2011 – 2020”; quy hoạch “Phát triển nhân lực nhóm ngành Văn hóa, Thể thao 2011 – 2020” [H2.2.6.2].

Đặc biệt, năm 2015, Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia, trong đó Trường đã xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu phát triển cụ thể cho từng giai đoạn ngắn hạn (2014-2015), trung hạn (2015 - 2020) [H2.2.6.3].

Trên cơ sở sứ mạng, mục tiêu, chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn 2030 của Nhà trường, Đảng uỷ - Ban Giám hiệu Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch công tác phát triển Nhà trường. Kế hoạch trung hạn được xác định trong nghị quyết của đại hội Đảng bộ với nhiệm kỳ 05 năm. Trong Đại hội Đảng bộ Nhà trường khoá XII, Nghị quyết đã xác định rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và các giải pháp trong khoá XII (nhiệm kỳ 2015 - 2020). Trong đó đặt ra những chỉ tiêu cụ thể về công tác đào tạo, công tác đoàn thể quần chúng... như: Mở thêm 03 ngành mới để đáp ứng yêu cầu của ngành và của xã hội; tăng lưu lượng sinh viên của các ngành đang đào tạo lên khoảng 10% mỗi năm. Đến giữa nhiệm kỳ, hoàn thiện việc triển khai phương thức đào tạo theo tín chỉ ở những môn, những ngành đã xác định là phù hợp và có thể làm tốt; trong năm 2016, hoàn thiện kế hoạch đánh giá ngoài để chuẩn bị cho bước tiếp theo: Kiểm định chương trình đào tạo; tăng quy mô và số lượng đảng viên ở khối cán bộ - giảng viên lên khoảng 15% – 20% so với hiện nay, ở chi bộ Đào tạo, Quản lý Học sinh sinh viên có thể tăng hơn: từ 20% - 25%... [H2.2.6.4].

Nhà trường đã triển khai việc xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ, giảng viên trong giai đoạn 2011- 2016, 2016-2020. Trên cơ sở quy hoạch, Trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng về chính trị, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên, đảm bảo đạt được những mục tiêu đã đặt ra [H2.2.6.5].

Đầu mỗi năm học, căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường, Đảng uỷ họp đưa ra Nghị quyết với những công việc cụ thể, nhằm đánh giá đúng nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực với đòi hỏi về đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao của các ngành sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, thiết kế mỹ thuật và truyền hình trong cả nước [H2.2.6.6].

Để giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch hằng tháng, hằng năm, hằng quý và giữa kỳ, Trường tổ chức các cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt, qua đó, các đơn vị trong Trường báo cáo những việc đã làm được, chưa làm được, những khó khăn khi thực hiện và những yêu cầu hỗ trợ từ Nhà trường. [H2.2.6.7]. Cuối mỗi năm học, Trường tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức để tổng kết đánh giá kết quả thực hiện những nhiệm vụ trong năm học, xác định những nhiệm vụ đã hoàn thành, chưa hoàn thành và đề ra nhiệm vụ cho năm học tiếp theo [H2.2.6.8].

Năm 2014, Trường đã xây dựng Kế hoạch hành động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội triển khai chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. [H2.2.6.9].

Kết quả mục tiêu trung hạn giai đoạn 2010 – 2015 được thể hiện qua các mặt công tác tổ chức, đội ngũ, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế của Nhà trường. Trường sơ kết việc thực hiện *Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030* trong Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2010 – 2015; 2015- 2020. [H2.2.6.10].

Nhằm giám sát, và có thông tin để đánh giá việc thực hiện chiến lược phát triển của Nhà trường, cuối mỗi năm học, các đơn vị, cá nhân trong Trường đều có báo cáo kết quả đã thực hiện trong năm qua, đánh giá những việc đã làm được với kế hoạch đăng ký từ đầu năm học, các minh chứng cụ

thể đó cho phép đơn vị, cá nhân tự khẳng định danh hiệu thi đua và là căn cứ để Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường công nhận. [[H2.2.6.11].

Nhằm thực hiện các chỉ số/ chỉ báo trong nhiệm vụ chiến lược của Nhà trường, phòng Khảo thí & ĐBCLGD của Nhà trường luôn bám sát kế hoạch hành động trong báo cáo tự đánh giá; các đề án; kế hoạch hành động của Nhà trường để hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch hành động của đơn vị mình, trong đó chỉ rõ nội dung công việc cần thực hiện; đơn vị chủ trì; đơn vị phối hợp; thời gian bắt đầu; thời gian kết thúc; sản phẩm dự kiến/minh chứng và các giải pháp thực hiện [H2.2.6.12]

2. Điểm mạnh

- Chiến lược phát triển của Trường phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Nhà trường.

- Trường có chính sách và các biện pháp cụ thể để giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã đề ra, giúp kịp thời điều chỉnh những vấn đề vướng mắc, tồn tại trong quá trình thực hiện.

3. Tồn tại

Các đơn vị trực thuộc của Nhà trường chưa chủ động trong việc xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai xây dựng các kế hoạch dài hạn cho đơn vị và chương trình hành động trong từng giai đoạn để thực thi kế hoạch chiến lược phát triển của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường

1. Mô tả

Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội là cơ sở đào tạo đại học trực thuộc Bộ VH,TT & DL, chịu sự quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ

GD & ĐT. Hằng năm, Trường đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và gửi tới Bộ chủ quản và các bộ, ngành có liên quan về mọi mặt hoạt động như: đào tạo, nghiên cứu khoa học, kế hoạch đầu tư, tài chính, hành chính, quản trị, tổ chức cán bộ, đối ngoại, thi đua khen thưởng, khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, thanh tra, pháp chế... Trường cũng thực hiện báo cáo 3 công khai và đăng tải nội dung trên website của Nhà trường. [H2.2.7.1]

Các loại báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý đều được bộ phận văn thư và các bộ phận lập báo cáo của Trường lưu trữ đầy đủ theo đúng chế độ quy định. Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác văn thư lưu trữ của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. [H2.2.7.2].

Việc thông tin đến người học, cán bộ giảng viên luôn thực hiện nhanh chóng qua các kênh như thông tin của đề án 1928 (hiện là bộ phận pháp chế - phòng HC, QT) được đưa vào kế hoạch tháng [H2.2.7.3]; qua trang web của Nhà trường; qua địa chỉ email nội bộ và bằng văn bản trực tiếp gửi đến các đơn vị trong toàn Trường.

Nhà trường còn đưa công tác lưu trữ báo cáo đi vào nề nếp; sử dụng phần mềm quản lý hệ thống văn bản; tổ chức lưu trữ và hệ thống kho lưu trữ từng bước được củng cố; tài liệu lưu trữ được bảo vệ, bảo quản an toàn. Nhà trường đã đầu tư các tủ bảo quản an toàn báo cáo lưu trữ. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra công tác văn thư, lưu trữ; kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí đủ biên chế làm lưu trữ theo đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ; bảo đảm kinh phí cho hoạt động lưu trữ [H2.2.7.4].

Về thông tin nội bộ, Trường luôn có ý thức chấn chỉnh và đổi mới công tác thông tin, báo cáo trong phạm vi quản lý của Nhà trường; tăng cường phối hợp, cung cấp, trao đổi thông tin giữa các đơn vị trong trường; bảo đảm thông tin thông suốt, kịp thời, phục vụ có hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ chủ quản và cơ quan quản lý.

2. Điểm mạnh

Công tác lưu trữ báo cáo đi vào nề nếp; tổ chức lưu trữ và tài liệu lưu trữ được bảo vệ, bảo quản an toàn.

Bộ phận văn thư lưu trữ thực hiện nghiêm túc những quy định về nghiệp vụ, phục vụ tốt cho việc tra cứu khi cần thiết.

3. Tồn tại

Việc phối hợp trao đổi thông tin giữa các đơn vị, báo cáo của các đơn vị gửi cấp trên còn chậm và mang tính hình thức.

Nhà trường đã ban hành quy định về quản lý tài liệu, nhưng chưa tiến hành kiểm tra thường xuyên công tác lưu trữ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ mỗi năm 1 lần kiểm tra công tác lưu trữ, đặc biệt là công tác lưu trữ tại các đơn vị trong Trường.

Từ năm 2017, đưa công nghệ thông tin vào phục vụ cho công tác hành chính một cách hiệu quả. Sử dụng phần mềm theo dõi chế độ báo cáo của các đơn vị; sử dụng văn bản điện tử để từng bước thay thế văn bản giấy trong quản lý, điều hành và trao đổi thông tin; cải tiến và chuẩn hoá quy trình báo cáo, thực hiện các báo cáo nhanh với Bộ chủ quản qua email.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận cho tiêu chuẩn 2

Cơ cấu tổ chức của Trường phù hợp với quy định và thực tế, được cụ thể hóa trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường. Có hệ thống văn bản của Trường quy định về công tác tổ chức, quản lý, trong đó phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các cá nhân và tập thể lãnh đạo. Các tổ chức đảng và đoàn thể trong Trường hoạt động có hiệu quả và được đánh giá cao.

Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường được xây dựng và thực hiện đã phù hợp và gắn kết với nhiệm vụ của ngành, với tình hình kinh tế xã hội của địa phương và cả nước.

Tuy vậy, Nhà trường còn một số tồn tại như: Chưa thành lập Hội đồng trường, cơ chế phối hợp công việc giữa một số bộ phận còn chưa đồng bộ. Cơ chế giám sát kiểm tra còn nhiều hạn chế nên một số hoạt động còn chưa đáp ứng được kế hoạch đề ra.

Tiêu chuẩn 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo của trường đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục, chức năng và nhiệm vụ của Nhà trường. Chương trình đào tạo được thiết kế đầy đủ cho bậc đào tạo đại học; sau đại học; cho loại hình chính quy; vừa làm vừa học và liên thông. Chương trình của các ngành được thiết kế một cách hệ thống, có cấu trúc hợp lý; mục tiêu rõ ràng, cụ thể. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham khảo một số chương trình tiến tiến và sự góp ý của các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên. Đồng thời, đáp ứng được nhu cầu người học, cũng như yêu cầu của thị trường lao động ngày càng cao.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo chưa được cập nhật thường xuyên, chưa được công bố đầy đủ trên Website của Trường và chưa tổ chức thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi từ phía cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. Hiện nay, Trường đang thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ ở bậc sau đại học (02 chuyên ngành); loại hình chính quy đào tạo theo phương thức kết hợp giữa niên chế và học phần.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Công tác tổ chức và quản lý các chương trình đào tạo (CTĐT) được tuân thủ theo văn bản do Bộ GD & ĐT và Đại học Sân khấu – Điện ảnh ban

hành [H3.3.1.1]. Tính đến năm 2015, trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã tổ chức đào tạo cho các bậc học với nhiều CTĐT khác nhau từ trình độ đại học (31 CTĐT), cao đẳng (09 CTĐT), trung cấp (06 CTĐT), thạc sĩ (02 CTĐT), tiến sĩ (02 CTĐT); ngoài ra Trường còn có chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp lên trình độ đại học (02 CTĐT); chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên trình độ đại học (01 CTĐT) [H3.3.1.2].

Trước năm 2008, hệ thống chương trình đào tạo của trường biên soạn theo hình thức đào tạo niên chế. Các CTĐT của Trường mở trước giai đoạn đánh giá (2007-2010) đều bám sát các qui định trong quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Các CTĐT của Trường nằm trong danh mục mã ngành cấp IV của Bộ GD&ĐT. [H3.3.1.3].

Nhà trường đã thành lập Hội đồng khoa học – đào tạo và Hội đồng khoa học của các khoa chuyên môn, để thực hiện các bước xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Hoạt động phát triển chương trình được xây dựng theo quy trình: Phân tích tình hình, xác định mục tiêu, thiết kế chương trình, tổ chức biên soạn và đánh giá nghiệm thu. Tham gia xây dựng chương trình đào tạo là những cán bộ, giảng viên của trường có trình độ và kinh nghiệm lâu năm trong nghề, đặc biệt có sự tư vấn tích cực của các nghệ sĩ, nhà quản lý, nhà khoa học... là những chuyên gia đầu ngành đang công tác ở các hội nghề nghiệp như Hội nghệ sĩ Sân khấu, Hội Điện ảnh, Hội nghệ sĩ Nhiếp ảnh hoặc ở các hãng phim, nhà hát, đài truyền hình... [H3.3.1.4].

Nội dung CTĐT ở các bậc đào tạo được xây dựng từ cấp bộ môn với sự tham gia của đội ngũ giảng viên chuyên môn phụ trách học phần tương ứng; được lấy ý kiến từ Hội đồng Khoa học và Đào tạo (HĐKH-ĐT) khoa, HĐKH-ĐT trường [H3.3.1.5]. Các CTĐT đã phê duyệt được lưu trữ tại phòng Đào

tạo, Quản lý khoa học, khoa Sau đại học và các khoa dưới dạng cơ sở dữ liệu và bản in... [H3.3.1.6].

Mặc dù Nhà trường chưa tổ chức rộng việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, song để có thông tin về chất lượng đào tạo, Trường đã gửi thư ngỏ đến các cơ quan có mối liên hệ về chuyên môn để trao đổi thông tin về những sinh viên đã được đào tạo tại Trường và hiện đang làm việc tại các đơn vị đó. Những phản hồi của Trường nhận về cho thấy các sinh viên của Trường đã được sử dụng và đạt hiệu quả tốt [H3.3.1.7].

2. Điểm mạnh

Các chương trình đào tạo của Trường được xây dựng căn cứ vào sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ của Nhà trường và bám sát chương trình khung của Bộ GD&ĐT đã ban hành.

100% các chương trình đào tạo của Trường đều do bộ môn và khoa đề xuất, có sự tham gia đóng góp về chuyên môn của các giảng viên nhiều kinh nghiệm trong nghề; chương trình đào tạo được thông qua tại Hội đồng khoa học cấp khoa và cấp trường trước khi được phê duyệt chính thức.

Quy trình xây dựng chương trình đã thu hút được các giảng viên, các cán bộ, chuyên gia ở ngoài trường tham gia xây dựng, kể cả việc xây dựng chương trình cho đào tạo bậc sau đại học.

3. Tồn tại

Chương trình chi tiết của một số ngành nghệ thuật truyền thống chưa được hoàn thiện; sự tham gia của các bên liên quan ngoài Trường vào việc xây dựng CTĐT còn hạn chế về số lượng và giới hạn về phạm vi đơn vị, chủ yếu ở một số cơ quan chuyên môn có hợp tác với Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2016 - 2017, rà soát các chương trình đào tạo, đặc biệt chương trình đào tạo chi tiết của các ngành nghề thuật truyền thống như: Chèo, Tuồng, Cải lương...

- Từ năm học 2016 – 2017, chuyển việc lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng cho các Khoa để gia tăng số lượng và chất lượng khảo sát.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Căn cứ định hướng phát triển giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phương hướng nhiệm vụ của trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, trong đó đưa ra các mục tiêu và yêu cầu cụ thể cho việc xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT), Nhà trường đã chỉ đạo việc xây dựng các CTĐT trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành. [H3.3.2.1]; [H3.3.2.2].

Hiện nay 100% CTĐT của Nhà trường có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng. Bên cạnh những chuẩn đầu ra chung cho toàn trường như chuẩn về ngoại ngữ, tin học, tất cả CTĐT đều có quy định chuẩn đầu ra cụ thể về kiến thức, kỹ năng và hành vi, thái độ phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo.

Trên cơ sở chuẩn đầu ra của từng ngành đào tạo, Nhà trường tiến hành xây dựng các CTĐT tương ứng đảm bảo về khối lượng và nội dung kiến thức; nội dung CTĐT bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong CTĐT thể hiện rõ kế hoạch giảng dạy theo từng học kỳ, năm học với danh mục và khối lượng các học phần tương ứng. Danh mục các học phần và khối lượng các học phần được đưa ra một cách cụ

thể với tổng khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác nhận phù hợp với quy định cho một CTĐT đại học 4 năm, cao đẳng 3 năm. Tương ứng với mỗi học phần có đề cương chi tiết thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, tài liệu tham khảo và các yêu cầu mà người học cần đạt được [H3.3.2.3] đến [H3.3.2.4]

CTĐT được biên soạn theo hướng tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho SV tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận. Chương trình cũng được biên soạn theo hướng đáp ứng ngày càng cao nhu cầu xã hội [H3.3.2.5].

Từ năm 2013, Nhà trường đã tiến hành khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, trong đó đề cập đến nội dung về kiến thức, kỹ năng được đào tạo có hữu ích với vị trí việc làm hiện tại. Kết quả cho thấy có 91.4% SV được khảo sát cho rằng kiến thức, kỹ năng được đào tạo ở nhà trường là hữu ích cho công việc hiện tại [H3.3.2.6].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo ở các bậc học (cao đẳng, đại học, sau đại học) đều xác định rõ mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng. Các chương trình được thiết kế hệ thống, khoa học, được cấu tạo mềm dẻo, phù hợp và có khả năng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của ngành.

3. Tồn tại

Việc nghiên cứu về thị trường lao động để nắm bắt các yêu cầu (kiến thức, kỹ năng, thái độ) của từng trình độ đào tạo chưa được tiến hành thường xuyên và còn ở qui mô hẹp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, xây dựng kế hoạch về nghiên cứu thị trường lao động, giúp cho việc bổ sung và hoàn thiện các chương trình đào tạo, đáp ứng linh hoạt nhu cầu sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

Tính đến năm 2015, chương trình đào tạo (CTĐT) của trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội gồm: 31 CTĐT hệ chính quy ở các trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, 05 CTĐT giáo dục thường xuyên theo hình thức vừa làm vừa học; hệ đại học văn bằng hai; liên thông từ trung cấp chuyên nghiệp lên trình độ đại học; hệ đại học liên thông (từ cao đẳng lên đại học) [H3.3.3.1].

Các CTĐT hệ chính quy được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành. Trong mỗi CTĐT đều có các phần chính theo đúng yêu cầu về CTĐT của Bộ GD&ĐT, bao gồm mục tiêu đào tạo, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, thang điểm, điều kiện tốt nghiệp; nội dung CTĐT bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. [H3.3.3.2].

Các chương trình đào tạo thường xuyên trình độ đại học được thiết kế theo Thông tư số 28/2010/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Văn hóa-Nghệ thuật-Thông tin, trình độ đại học và cao đẳng). Chương trình đào tạo hình thức vừa làm vừa học (VLVH) được thiết kế như hình thức đào tạo đại học chính quy. Chương trình đào tạo văn bằng hai và liên thông được thiết kế các môn học theo hệ đại học chính quy theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Việc xây dựng và ban hành các CTĐT này cũng được thực hiện theo quy trình chặt chẽ đảm bảo tính khoa học, chính xác, công khai minh bạch, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Chương trình đào tạo VLVH đảm bảo tương đồng với chương trình đào tạo chính quy cùng ngành học. Tuy nhiên, Trường bố trí thời gian tự học của sinh viên tăng lên so với chương trình chính quy, chiếm khoảng 1/3 thời lượng. Chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học được thiết kế

trên cơ sở đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo bậc cao đẳng, bổ sung những môn học, học phần còn thiếu để đảm bảo đủ nội dung, khối lượng kiến thức so với chương trình đào tạo đại học. [H3.3.3.3].

Để đảm bảo chất lượng đào tạo như nhau cho cả hai đối tượng học chính quy và thường xuyên, Nhà trường áp dụng qui chế đào tạo hiện hành cho các đối tượng; các sinh viên được sử dụng cơ sở vật chất để học tập như nhau; việc kiểm tra đánh giá được thực hiện theo đúng qui định; giảng viên dạy chính quy cũng tham gia giảng dạy cho đối tượng sinh viên VLVH. Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên, trong đó có giảng viên được sinh viên đánh giá cao. [H3.3.3.4]

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, ngay từ khi thiết kế chương trình, Nhà trường đã thống nhất chuẩn đánh giá đối với sinh viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo các hệ chính quy, VLVH như nhau, phù hợp với đặc thù đào tạo nghệ thuật: Sinh viên phải báo cáo tốt nghiệp và bảo vệ tốt nghiệp bằng tác phẩm nghệ thuật do mình sáng tác hoặc biểu diễn, đồng thời phải trả lời các câu hỏi của Hội đồng giám khảo. [H3.3.3.5].

2. Điểm mạnh

Các CTĐT chính quy và giáo dục thường xuyên được xây dựng đúng quy trình, có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chuẩn đầu ra của ngành học tương ứng, nội dung CTĐT có cấu trúc hợp lý, đảm bảo tính hệ thống, tính liên thông cao.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đã tốt nghiệp (hệ không chính quy) về tính hợp lý và chất lượng CTĐT của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017 và những năm tiếp theo, phòng Đào tạo, Quản lý khoa học tham mưu xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến phản hồi của

cựu sinh viên hệ không chính quy về chất lượng các CTĐT đã cung cấp để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp, đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Thực hiện chủ trương đổi mới chương trình đào tạo, trường đã định kỳ sau mỗi khoá đào tạo, tiến hành rà soát tổng thể các chương trình đào tạo để điều chỉnh căn bản, bổ sung lớn, cập nhật những nội dung mới vào chương trình. Hằng năm, rà soát điều chỉnh những bất hợp lý hoặc chưa phù hợp nếu có.

Năm 2004, Trường đã thực hiện đợt điều chỉnh lớn đầu tiên, ban hành Bộ chương trình đào tạo Đại học, Cao đẳng cho tất cả các ngành học [H3. 3.4.1]. Năm 2008, Trường tiến hành điều chỉnh chương trình tổng thể lần 2, áp dụng theo phương thức đào tạo kết hợp giữa niên chế với học phần và có thể áp dụng cho đào tạo tín chỉ ở các môn kiến thức đại cương và cơ sở liên ngành. Đầu năm 2012, gần 40 chương trình đào tạo hệ chính quy của tất cả các ngành, các bậc đào tạo được bổ sung, điều chỉnh đã hoàn thành [H3. 3.4.2].

Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ và khoa học, có sự trao đổi giữa tổ bộ môn của các khoa đến Hội đồng khoa học trường; tham khảo chương trình đào tạo nghệ thuật ở một số nước tiên tiến. Sau khi có sự thống nhất, Nhà trường tiến hành biên tập, hiệu đính lại. Khi có các yêu cầu thay đổi về chương trình đào tạo, Hội đồng khoa học các khoa đề nghị Hội đồng khoa học, đào tạo Nhà trường bổ sung, điều chỉnh một số học phần mới cũng như loại bỏ một số học phần không còn phù hợp [H3. 3.4.3].

Ngoài ra, Trường còn quan tâm đến việc biên dịch các chương trình của nước ngoài để phục vụ cho mục đích tham khảo, học tập, cải tiến và nâng cao chất lượng biên soạn các chương trình đào tạo các chuyên ngành [H3. 3.4.4].

Mặt khác, thông qua hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo, với việc mời chuyên gia nước ngoài sang giảng dạy, Trường đã có điều kiện tham khảo chương trình đào tạo, cùng với tham khảo phương pháp giảng dạy nghệ thuật tiên tiến của một số nước như: Đức, Nga, Mỹ, Thụy Điển, Na Uy, Hàn Quốc... [H3. 3.4.5].

Kết hợp với việc tổ chức các cuộc hội thảo, các buổi tọa đàm khoa học như: Hội thảo “Đào tạo kỹ thuật Điện ảnh Truyền hình nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn” – năm 2009; Hội thảo “30 năm đào tạo Điện ảnh – Truyền hình những thành tựu và thách thức”; Hội thảo “30 năm đào tạo Sân khấu”... – năm 2010; Tọa đàm “Từ giảng đường đến trường quay” – năm 2010; Hội thảo “Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội – 35 năm đào tạo và nghiên cứu khoa học” – năm 2015. Nhà trường đã thu nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ các nhà tuyển dụng, các giảng viên ngoài trường, các chuyên gia và các cựu sinh viên... với mục tiêu đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, của thị trường lao động trong nước [H3. 3.4.6].

Từ nhu cầu thực tiễn của việc bổ sung nguồn nhân lực cho ngành, các đơn vị tuyển dụng đã đặt vấn đề yêu cầu trường cần mở thêm các ngành đào tạo mới, hoặc cần phải điều chỉnh mục tiêu, bổ sung nội dung cho các chương trình đào tạo đã có, sao cho phù hợp. Cụ thể: Đào tạo mới chuyên ngành Thiết kế âm thanh ánh sáng; CN Dựng phim; CN Nhà sản xuất phim. Bổ sung nội dung chương trình các ngành: Đạo diễn truyền hình, Quay phim truyền hình, Diễn viên Sân khấu - Điện ảnh - Truyền hình, Công nghệ kỹ thuật điện tử, Công nghệ điện ảnh truyền hình [H3. 3.4.7].

2. Điểm mạnh

Các chương trình đào tạo đã được cải tiến, được bổ sung điều chỉnh định kỳ. Nhà trường đã chú trọng tham khảo các chương trình đào tạo của

nước ngoài để đổi mới nội dung chương trình. Trong những năm gần đây đã quan tâm tới việc lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị tuyển dụng; hội nghề nghiệp; sinh viên tốt nghiệp, góp ý vào nội dung chương trình và phương thức đào tạo của Trường.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, các cựu sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội về chương trình đào tạo chưa được tiến hành thường xuyên; bài bản.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 – 2017, định kỳ 02 năm/1 lần tiến hành khảo sát đánh giá của các cơ quan, tổ chức về chất lượng sinh viên đã tốt nghiệp và ý kiến của cựu sinh viên của Trường, từ đó có những điều chỉnh về chương trình cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng nhiều chương trình và triển khai đào tạo trên thực tế ở nhiều cấp bậc khác nhau, từ trung cấp, cao đẳng, đại học đến sau đại học. Đến nay, nhiều sinh viên tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng các ngành do trường đào tạo trước đây như: Diễn viên Sân khấu, Diễn viên Tuồng, Diễn viên Chèo, Diễn viên Cải lương, Nghệ thuật Nhiếp ảnh và một số ngành kỹ thuật... đang có nhu cầu được học tiếp lên hệ đại học.

Đáp ứng nhu cầu bức thiết của người học cũng là nhu cầu phát triển của ngành, Nhà trường đã và đang tích cực xây dựng các chương trình đào tạo liên thông từ Trung cấp hoặc từ Cao đẳng lên Đại học cho các ngành nghệ thuật cũng như một số ngành kỹ thuật. Đến nay, Trường đã hoàn thiện được 04 chương trình đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học là: Diễn viên Sân khấu

Điện ảnh, Nghệ thuật Nhiếp ảnh, Diễn viên Chèo, Diễn viên Cải lương. Hoàn thiện được 02 chương trình liên thông từ Trung cấp lên Đại học là ngành Diễn viên Chèo và Diễn viên Cải lương. Đang triển khai xây dựng 02 chương trình liên thông từ Cao đẳng lên Đại học các ngành: Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình, Công nghệ Kỹ thuật Điện tử; 01 chương trình liên thông từ Trung cấp lên Đại học ngành Diễn viên Ca kịch liên khu V; 01 chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Nhạc công Kịch hát Dân tộc [H3. 3.5.1].

Các chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng, thường thiên về rèn luyện kỹ năng thực hành của sinh viên. Các chương trình đào tạo liên thông lên bậc đại học đã chú ý tăng thời lượng các nội dung lý thuyết hoặc kiến thức nâng cao. Chương trình đào tạo liên thông được xây dựng theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ GD & ĐT, mang tính kế thừa và đạt chuẩn kiến thức của bậc đào tạo đại học. Các chương trình liên thông chủ yếu được thiết kế theo hướng liên thông dọc từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn, nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng ở các ngành này sau một thời gian công tác, nay có điều kiện trở về trường học thêm 1,5 năm đến 2,5 năm để đạt trình độ đại học.

Riêng trong các năm 2009, 2010, 2011 Trường đã tiến hành biên soạn lại các chương trình đào tạo đại học đã có, theo yêu cầu của đào tạo tín chỉ. Theo đó, khối lượng kiến thức đại cương, cơ sở liên ngành ở mỗi nhóm ngành đều giống nhau, ở mỗi khối ngành đều tương đương nhau.

Điều đó, đã tạo điều kiện cho sự liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo với nhau hoặc tạo điều kiện cho sinh viên có thể theo học 02 ngành để được cấp 02 bằng đại học. Trường đã xây dựng mới 01 chương trình đào tạo văn bằng 2 cho ngành Đạo diễn Sân khấu theo hướng liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo [H3.3.5.2]. Hiện nay, nhà trường đã tuyển sinh một khóa học cho ngành đạo diễn sân khấu và chương trình đang được đưa vào thực hiện.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cho 02 ngành Nghệ thuật Sân khấu và Nghệ thuật Điện ảnh đã hoàn thiện và thực hiện từ năm 2000. Nhà trường đã chú ý thiết kế các chương trình này đảm bảo tính liên thông giữa 2 trình độ đào tạo. [H3. 3.5.3].

Những năm gần đây, Nhà trường chỉ đào tạo hệ cao đẳng đối với 02 ngành, đó là ngành Công nghệ điện ảnh – truyền hình và ngành Diễn viên kịch hát dân tộc (chuyên ngành nhạc công kịch hát dân tộc). Ngoài ra, Trường còn đào tạo hệ trung cấp chuyên ngành Nghệ thuật biểu diễn chèo, Nghệ thuật biểu diễn Cải lương và chuyên ngành Nhạc công chèo và Nhạc công Tuồng. Do đây là những chuyên ngành đặc thù, nên sau khi tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung cấp, những người này muốn học lên ở hình thức liên thông thì buộc phải học những ngành (chuyên ngành) này ở cấp học cao hơn mà không thể học ở những ngành (chuyên ngành) khác.

Nhà trường đã có quy định cụ thể về điều kiện cho các học viên học liên thông dọc cho ngành đúng, ngành gần và ngành khác. Các điều kiện liên thông ngang giữa các cơ sở giáo dục đại học. [H3. 3.5.4].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học và từ cao đẳng lên đại học của trường được thiết kế hợp lý, thực hiện có hiệu quả trong thực tế, hấp dẫn đối với người học. Chương trình đào tạo liên thông theo hướng đa dạng hoá nên đã tạo mọi điều kiện và cơ hội tiếp tục học tập của người học.

3. Tồn tại

Trường chưa hoàn thiện được chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng và từ cao đẳng lên đại học ở các ngành: Nhạc công (từ trung cấp lên cao đẳng); Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình, Công nghệ Kỹ thuật Điện tử (từ Cao đẳng lên Đại học); Diễn viên Tuồng, Diễn viên ca kịch liên khu V (từ trung cấp lên đại học).

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016 - 2017, hoàn thiện các chương trình đào tạo liên thông lên đại học đối với các ngành: Nhạc công (từ trung cấp lên cao đẳng); Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình, Công nghệ Kỹ thuật Điện tử (từ Cao đẳng lên Đại học); Diễn viên Tuồng, Diễn viên ca kịch liên khu V (từ trung cấp lên đại học).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá

1. Mô tả

Các chương trình đào tạo của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội được thiết kế với những phương thức đào tạo đa dạng, mang tính đặc thù nghệ thuật cao. Các chương trình này tuy có sức hấp dẫn đối với xã hội, nhưng việc cải tiến chất lượng đào tạo dựa trên kết quả đánh giá chương trình đào tạo của từng ngành chưa được thực hiện. Trường chưa xây dựng được những nguyên tắc, những quy định và quy trình đánh giá chương trình đào tạo theo kế hoạch định kỳ.

Hiện nay, các khoa đào tạo nghệ thuật chủ yếu dựa vào kết quả các bài tập, bài thực hành hoặc tác phẩm tốt nghiệp của sinh viên để đánh giá chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo. Đây có thể xem là một cách đánh giá tổng hợp, phù hợp với tính đặc thù nghệ thuật và phản ánh tương đối trung thực chất lượng các chương trình đào tạo. [H3. 3.6.1].

Việc lấy ý kiến đánh giá của giảng viên, của nhà tuyển dụng về chất lượng chương trình đào tạo cũng chỉ được thực hiện thông qua một số hội thảo, qua các sinh viên đã tốt nghiệp và lần đầu được thực hiện nhân dịp kỷ niệm 30, 35 năm ngày thành lập Trường [H3. 3.6.2].

Năm 2014, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường được thành lập (tiền thân là Ban Thanh tra và Đảm bảo chất lượng đào tạo thành lập năm 2007). Từ năm học 2013 – 2014, căn cứ công văn số

7324/BGDĐT – NGCBQLGD ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường đã triển khai việc “lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên”. Khi kết thúc học kỳ, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục đã kết hợp với các khoa, phát phiếu điều tra, lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về nội dung các học phần, môn học và phương pháp giảng dạy của giảng viên. Hoạt động này đang đi vào nề nếp, đã tạo được một kênh thông tin để Nhà trường đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và là cơ sở để điều chỉnh một số nội dung chương trình đào tạo.[H3. 3.6.3].

2. Điểm mạnh

Bước đầu có sự đầu tư về nhân sự, tài chính và chú ý đến hoạt động đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo; đảm bảo chất lượng giáo dục.

Tổ chức một số hội thảo với các nghệ sỹ, các chuyên gia giỏi trong ngành để lấy ý kiến phản hồi về một số chương trình đào tạo mang tính đặc thù nghệ thuật.

Lần đầu tiên tổ chức bài bản khoa học việc lấy ý kiến góp ý của sinh viên đã tốt nghiệp cho chương trình đào tạo của trường.

3. Tồn tại

Chưa xây dựng được hệ thống quản lý, những nguyên tắc, những quy định và quy trình đánh giá chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo của Nhà trường chưa được tổ chức đánh giá theo kế hoạch định kỳ.

Trong đánh giá chất lượng đào tạo, chưa có một cơ chế giám sát chặt chẽ để khắc phục hiện tượng người này sáng tác hộ người kia trong sinh viên (dù cá biệt), đối với SV nghệ thuật.

4. Kế hoạch hành động

- Trong năm học 2016 - 2017, Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể về tổ chức định kỳ công tác đánh giá chương trình đào tạo một cách toàn diện.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với sự tham gia của các của các giảng viên và cán bộ quản lý từ cấp bộ môn, cấp khoa đến cấp trường; cùng với sự tham gia các nhà quản lý, các nghệ sỹ, các cựu sinh viên. Các chương trình đào tạo có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể, được thiết kế một cách có hệ thống và có sự liên thông giữa các ngành và các trình độ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng nhiệm vụ của Nhà trường, gắn với nhu cầu của người học, yêu cầu ngành và của xã hội.

Nhà trường đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc rà soát, biên soạn, điều chỉnh, xây dựng mới và thực hiện CTĐT, biên soạn đề cương chi tiết các học phần, môn học. Trường đã xây dựng chuẩn đầu ra theo quyết định Quyết định số 126/QĐ-SKĐAHN ngày 27/3/2013 và số 134/QĐ-SKĐAHN ngày 8/4/2014 về việc ban hành chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo. Kế hoạch giảng dạy và học tập được quản lý thống nhất trong toàn Trường. Việc thăm dò ý kiến phản hồi của sinh viên, các cựu sinh viên và các cơ sở tuyển dụng về CTĐT chưa được thường xuyên, bài bản và khoa học. Trong thời gian tới xây dựng quy trình và kế hoạch nghiên cứu, học tập các CTĐT tiên tiến trên thế giới; tham khảo ý kiến của người học và các cơ sở tuyển dụng để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chuẩn 4

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã và đang thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo, mở rộng hình thức liên kết đào tạo với các địa phương trong cả nước nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực nghệ thuật của cả nước.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích lũy kiến thức của sinh viên và đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, trong những năm qua, trường đã triển khai đào tạo và đánh giá kết quả học tập theo niên chế kết hợp với học phần. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập và công nhận kết quả học tập của người học thực hiện theo đúng quy chế của Bộ GD&ĐT ban hành.

Công tác đào tạo theo học chế tín chỉ đang được nhà trường xúc tiến khẩn trương. Một trong những nhiệm vụ được Nhà trường quan tâm chỉ đạo là tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định

1. Mô tả

Đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của người học, từ khi thành lập đến nay, với bề dày kinh nghiệm đào tạo trên 35 năm, Nhà trường đã ngày càng mở rộng với nhiều chuyên ngành và hình thức đào tạo. Các hình thức đào tạo của Trường gồm: chính quy tập trung (đại trà, chất lượng cao, văn bằng hai, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp); vừa làm vừa học, liên kết đào tạo với các địa phương (liên thông cao đẳng, trung cấp lên đại học VLVH); sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ). Ngoài các hình thức đào tạo trên, Nhà trường còn mở các lớp bổ sung kiến thức một số chuyên đề cho sinh viên tốt nghiệp đủ điều kiện dự thi cao học [H4. 4.1.1].

Hình thức đào tạo hiện nay của Trường là tập trung, quy trình đào tạo theo niên chế kết hợp với học phần. Đối với hệ chính quy, thời gian đào tạo là 04 năm. Sau khi tốt nghiệp sinh viên được cấp bằng cử nhân nghệ thuật, kỹ sư. Hệ vừa làm vừa học, hình thức đào tạo theo từng kỳ và tập trung. Đối với hệ đào tạo sau đại học, hình thức đào tạo là chính quy tập trung, thời gian đào tạo là 2 năm. Từ năm 2012, Nhà trường bắt đầu tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ với 2 chuyên ngành: Lý luận và Lịch sử sân khấu, Lý luận - Lịch sử và Phê bình Điện ảnh - Truyền hình. Căn cứ để triển khai các hệ đào tạo nêu trên là các văn bản qui định về phương thức đào tạo hệ chính quy đại học; hệ chính quy sau đại học; hệ đại học vừa làm vừa học; hệ đại học văn bằng hai [H4. 4.1.2].

Sự đa dạng hoá các hình thức đào tạo của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu đòi hỏi cấp thiết của ngành Điện ảnh, Nhiếp ảnh, Truyền hình và Sân khấu. Cụ thể như: Từ năm 2005 có 02 khoa mới được thành lập: Khoa Nhiếp ảnh (đào tạo hệ đại học chính quy về Nhiếp ảnh) và Khoa truyền hình (với hai chuyên ngành đào tạo hệ đại học chính quy là: Quay phim truyền hình và Đạo diễn truyền hình). Một số khoa khác trong trường đào tạo bổ sung thêm các chuyên ngành mới như: Khoa Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền hình thêm 02 chuyên ngành hệ đại học chính quy là: Công nghệ kỹ thuật điện tử và Công nghệ điện ảnh - Truyền hình; khoa Sân khấu: Đạo diễn Sân khấu Sự kiện - Lễ hội [H4.4.1.3]. Năm 2008, Nhà trường tiến hành đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học cho các chuyên ngành như: Nhiếp ảnh, Diễn viên Sân khấu-Điện ảnh. Đối với liên thông từ Trung cấp lên Đại học, Nhà trường đào tạo 2 chuyên ngành: Diễn viên Chèo, Diễn viên Cải lương. Năm 2015, Nhà trường đã hoàn thiện chương trình đào tạo văn bằng hai cho một số ngành của khoa Nghệ thuật điện ảnh như: Lý luận phê bình Điện ảnh và Đạo diễn Điện ảnh truyền hình [H4. 4.1.4]. Theo yêu cầu của một số địa phương, Trường đã tổ chức liên kết đào tạo tại nhiều cơ sở khác nhau, nhằm giảm thiểu tối đa chi phí đào tạo cho địa phương, mà vẫn có được nguồn nhân lực với trình độ chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Trường đã liên kết

đào tạo với TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, Huế, Hải Phòng, Nam Định, Lào Cai... [H4. 4.1.5].

Các chương trình đào tạo theo nhu cầu của các địa phương gồm: Biên đạo múa; biên tập truyền hình; biên đạo múa đại chúng; bồi dưỡng âm thanh ánh sáng; huấn luyện múa; đạo diễn sự kiện lễ hội; diễn viên chèo; đạo diễn âm thanh ánh sáng; nhiếp ảnh nghệ thuật; đạo diễn, quay phim truyền hình; đạo diễn sân khấu chuyên ngành Xiếc; đạo diễn sân khấu; thiết kế mỹ thuật sân khấu – điện ảnh. Hình thức đào tạo cho các đơn vị này chủ yếu là vừa làm vừa học [H4. 4.1.6].

Ngoài ra, Trung tâm kỹ thuật âm thanh ánh sáng và Xưởng phim thực nghiệm của trường đã kết hợp với các khoa thường xuyên mở các khoá học ngắn hạn, chuyên đề... nhằm mục đích nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người học [H4. 4.1.7].

2. Điểm mạnh

Các loại hình đào tạo hiện nay của Nhà trường đa dạng hoá với nhiều cấp độ khác nhau: Từ đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, đào tạo văn bằng 2, liên thông, cao đẳng, trung cấp đến các lớp ngắn hạn, chuyên đề... đáp ứng được nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của người học và nhu cầu của các nhà tuyển dụng.

3. Tồn tại

Chưa định kỳ tổ chức đánh giá tính hiệu quả của các loại hình đào tạo hiện nay trong nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ 03 năm một lần khảo sát tính hiệu quả của các loại hình đào tạo. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai nghiên cứu, phân tích, dự báo nhu cầu của người học cũng như nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động để làm cơ sở điều chỉnh hình thức đào tạo cho phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học

1. Mô tả

Trong giai đoạn hiện nay quy trình đào tạo của Trường được tổ chức thực hiện theo niên chế kết hợp học phần. Căn cứ vào thời gian của khoá học, từ đó chia ra các học kỳ. Mỗi học kỳ được sắp xếp, bố trí số đơn vị học trình cho phù hợp. Mỗi năm học gồm 2 học kỳ chính, trong các học kỳ chính sinh viên được học các học phần bắt buộc. Nội dung chương trình học tập của các học phần được bố trí theo hướng học phần tiên quyết. Đảm bảo tính logic và tính liên thông [H4. 4.2.1]. Kết quả học tập của người học được tích lũy theo từng học kỳ, theo từng năm học, khoá học và được lưu trữ rõ ràng theo một biên chế lớp học cố định từ khi nhập trường đến khi tốt nghiệp ra trường [H4.4.2.2] .

Để chuẩn bị cho công tác đào tạo tín chỉ, Nhà trường đã cử các cán bộ chủ chốt của phòng ĐT, QLKH, các cán bộ Phòng, Ban liên quan tham gia lớp tập huấn do Bộ GD& ĐT tổ chức, đồng thời tổ chức các buổi tập huấn cho tất cả các giảng viên các khoa và các cán bộ phòng, ban chức năng của trường [H4.4.2.3]. Ngoài ra, Trường còn cử một đoàn cán bộ đi tham quan, khảo sát, học hỏi kinh nghiệm một số trường đại học trong nước đã có những thành công bước đầu trong công tác đào tạo tín chỉ [H4.4.2.4].

Hiện nay, các khoa đã hoàn tất việc sắp xếp lại chương trình các học phần, môn học của các chuyên ngành đào tạo theo học chế tín chỉ và đã nộp cho phòng ĐT - QLKH [H4.4.2.5]. Năm học 2012 - 2013 chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ cho các môn kiến thức đại cương, còn tất cả các môn chuyên ngành vẫn tổ chức đào tạo theo niên chế. Việc chuyển đổi đào tạo theo học chế tín chỉ cho các môn chuyên ngành đối với trường đào tạo về nghệ thuật là vô cùng khó khăn về nhân lực, nguồn lực và về cơ sở vật chất.

Việc chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang học chế tín chỉ đã nhận được sự đồng thuận của giảng viên, cán bộ trong trường. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay nhà trường đang tích cực hoàn thành việc chuyển đổi chương trình, chuẩn bị CSVC, trang thiết bị, nhân lực phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện chế độ công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần. Vì vậy, đã thúc đẩy tính tích cực của người học, thể hiện thông qua tỷ lệ người học đạt kết quả học tập loại giỏi và xuất sắc tăng lên theo từng năm học.

3. Tồn tại

Chuyển đổi sang đào tạo tín chỉ chưa áp dụng được một cách tổng thể cho các khoa chuyên môn trong toàn Trường, chỉ mang tính thử nghiệm đối với các môn học ở khoa Mác-Lê nin & Kiến thức cơ bản.

4. Kế hoạch hành động

- Năm học 2016-2017, tiến hành đào tạo theo học chế tín chỉ đối với tất cả các môn kiến thức đại cương, đồng thời Nhà trường tiếp tục chuẩn bị về chương trình, nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học để thực hiện đào tạo theo tín chỉ ở các môn liên ngành và chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học

1. Mô tả

Việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên được tiến hành định kỳ hằng năm thông qua nhiều hình thức như: đăng ký danh hiệu thi đua;

bình chọn các danh hiệu thi đua cá nhân.[H4.4.3.1] Việc đánh giá được thực hiện nghiêm túc từ cấp khoa và thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường.

Từ năm học 2014 – 2015, Nhà trường đã quy định việc dự giờ là hoạt động thường kỳ của giảng viên nhằm mục đích trao đổi chuyên môn; đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên; xác định năng lực của giảng viên theo đúng yêu cầu, mục tiêu đào tạo của Nhà trường. Thông qua hoạt động dự giờ, các giảng viên có cơ hội để trao đổi, chia sẻ về phương pháp giảng dạy, đồng thời Hội đồng khoa học của khoa có cơ sở để đánh giá đúng chất lượng các hoạt động giảng dạy của giảng viên [H4. 4.3.2].

Để nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, Nhà trường đã triển khai kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về trình độ chuyên môn cũng như nghiệp vụ sư phạm. Cụ thể như: Các cán bộ giảng dạy các khoa được tham gia các lớp tập huấn về phương pháp giảng dạy đại học do trường quản lý cán bộ thuộc Bộ VHTTDL tổ chức [H4.4.3.3]. Các cán bộ, giảng viên, đặc biệt là các giảng viên trẻ được nhà trường tạo mọi điều kiện đi thực tập, bồi dưỡng về chuyên môn, biểu diễn, hội thảo ở các nước như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Thụy Điển... [H4.4.3.4]. Động viên, khuyến khích giảng viên bên cạnh việc giảng dạy theo phương pháp truyền thống, cần áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp sử dụng các phương tiện dạy học tiên tiến, giáo án điện tử, tài liệu phát tay, các bài tập tình huống, thảo luận nhóm... Ngoài ra, Trường đã thực hiện một số biện pháp cụ thể nhằm động viên giảng viên thực hiện đa dạng hóa phương pháp dạy học thông qua các văn bản hướng dẫn vào đầu năm học và chế độ bồi dưỡng viết bài giảng, giáo trình phục vụ công tác dạy học [H4.4.3.5].

Để tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học, các khoa kết hợp với Viện SK ĐA tổ chức các cuộc hội thảo về cải tiến phương pháp giảng dạy, các cuộc trao đổi kinh nghiệm các đợt đi tham quan, khảo sát thực tế đào tạo các trường tiên tiến trong nước và nước ngoài Nhiều bài viết, tham luận

về đổi mới phương pháp dạy và học đã được đăng trên tạp chí thông tin khoa học (nay là Tạp chí nghiên cứu sâu khấu và điện ảnh) của nhà trường [H4.4.3.6].

Từ học kỳ I năm học 2014 – 2015, căn cứ công văn số 7324/BGDĐT – NGCBQLGD ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; thực hiện chủ trương của Nhà trường trong hoạt động nâng cao chất lượng giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua việc “*Lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên*”, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên tập trung vào các vấn đề: Nội dung và phương pháp giảng dạy của giảng viên; tài liệu phục vụ giảng dạy và thời gian lên lớp của giảng viên; trách nhiệm và sự nhiệt tình giảng dạy của giảng viên đối với người học; khuyến khích sáng tạo, tôn trọng tư duy độc lập của người học trong học tập; sự công bằng trong việc kiểm tra, đánh giá của giảng viên... [H4.4.3.7].

Từ năm học 2014 – 2015, hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đã được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, khoảng 50% giảng viên cơ hữu của Nhà trường đã được lấy ý kiến phản hồi từ người học. Trong năm học 2015 -2016, có 58 giảng viên được lấy ý kiến phản hồi từ người học, trong đó có 04 giảng viên được sinh viên đánh giá đạt mức tốt, chiếm tỷ lệ 6,89%; 47 giảng viên được sinh viên đánh giá đạt mức khá, chiếm tỷ lệ 79,31%; 02 giảng viên được sinh viên đánh giá ở mức đạt, chiếm tỷ lệ 05,17%; 05 giảng viên được sinh viên đánh giá mức chưa đạt, chiếm tỷ lệ 8,63% [H4.4.3.8]. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên là một kênh để người học được đánh giá, phản hồi về chất lượng giảng dạy của giảng viên; giúp giảng viên có thể tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy; là kênh thông tin giúp cán bộ quản lý cấp trường và khoa có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện đa dạng hóa, ngoài hình thức thi tự luận và thi vấn đáp, Nhà trường còn kết hợp với hình thức thi trắc nghiệm, bài viết tiểu luận, bài tập nhóm...đặc biệt đối với các môn chuyên ngành kết quả kiểm tra đánh giá của người học còn được thể hiện thông qua các cuộc thi tài năng nghệ thuật như: Giải Ong vàng cho liên hoan phim ngắn của khoa NT Điện ảnh, khoa Truyền hình,các tác phẩm về nhiếp ảnh, hội họa được thể hiện qua các triển lãm tranh, ảnh của các khoa NTĐA, khoa Truyền hình, khoa Nhiếp ảnh và khoa Mỹ thuật, các cuộc thi tài năng sinh viên ngành nghệ thuật được tổ chức hàng năm ở các khoa chuyên môn như khoa Sân khấu, khoa KHDT, khoa Múa....[H4. 4.3.8].

2. Điểm mạnh

Hoạt động dự giờ đã dần đi vào nề nếp, tạo thành một sinh hoạt chuyên môn tích cực, giúp các giảng viên chia sẻ phương pháp giảng dạy và đổi mới phương pháp dạy học; giúp Nhà trường có kênh thông tin để xây dựng kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên.

Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện cho giảng viên học tập trau dồi kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, khuyến khích giảng viên đổi mới và đa dạng hoá phương pháp giảng dạy, đồng thời áp dụng các phương tiện dạy học hiện đại vào công tác giảng dạy.

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên đã được thực hiện thường xuyên, bài bản.

3. Tồn tại

Chưa thực hiện đánh giá, rút kinh nghiệm về tính hiệu quả của đổi mới phương pháp dạy học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường định kỳ mỗi năm học 01 lần tổ chức đánh giá về hiệu quả của công tác đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng tự học, tự nghiên cứu của người học đang được sử dụng hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã phổ biến cho các khoa, bộ môn chủ động triển khai các hình thức đánh giá, kiểm tra cho phù hợp với các môn học và chuyên ngành học, hình thức đào tạo. Vì vậy, các hình thức kiểm tra đánh giá trong Nhà trường đã được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, phù hợp với mục tiêu môn học và mọi hình thức đào tạo.

Đối với những môn kiến thức cơ bản, để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng trong kiểm tra và đánh giá người học, Nhà trường đã ban hành quy định về xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi kết thúc học phần trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Việc thiết lập ngân hàng câu hỏi thi được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, nội dung câu hỏi thi bám sát chương trình học và khả năng liên hệ của sinh viên. [H4. 4.4.1].

Do đặc thù của một trường nghệ thuật đào tạo đa ngành, các chuyên ngành đào tạo đều liên quan đến năng khiếu của người học, nên việc đánh giá kết quả học tập được đa dạng hoá dưới nhiều hình thức, các hình thức đánh giá được sử dụng sao cho phải phù hợp với hình thức đào tạo, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của môn học, ngành học. Cụ thể như: Đối với các môn học, học phần thuộc về nhóm kiến thức cơ bản và cơ sở liên ngành, công tác kiểm tra, đánh giá được thực hiện bằng hình thức thi vấn đáp, trắc nghiệm và tự luận cho kết thúc môn học hoặc kết thúc học phần. Đối với các môn học, học phần thuộc về nhóm kiến thức chuyên ngành, công tác kiểm tra, đánh giá

được thể hiện qua các bài tập như: các tác phẩm tranh, ảnh, tiểu phẩm, vở diễn, trích đoạn, các tiết mục biểu diễn, kịch bản phim, kịch bản sân khấu, phim ngắn... [H4.4.4.2].

Điểm tổng kết môn học, ngoài điểm thi còn tính đến cả điểm chuyên cần và điểm quá trình (điểm trung bình kiểm tra). Các phương pháp và cách thức tổ chức thi, kiểm tra đánh giá của trường đang áp dụng hiện nay đã đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng học tập của người học. [H4.4.4.3].

Nhà trường đã thành lập phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm chuyên môn hóa quy trình kiểm tra đánh giá [H4.4.4.4].

Người học thường xuyên được tham gia các hoạt động triển lãm (của khoa Mỹ thuật, khoa Nhiếp ảnh) tại Nhà trường; liên hoan phim “Ong vàng” (khoa Nghệ thuật ĐA, khoa Truyền hình); sinh viên của Trường còn tham gia biểu diễn phục vụ các sự kiện, lễ hội lớn của đất nước; nhiều sinh viên đã đạt giải cao trong các hoạt động nghệ thuật được tổ chức hằng năm; các cuộc thi tài năng sinh viên ngành nghệ thuật được tổ chức hằng năm ở các khoa chuyên môn như khoa Sân khấu, khoa KHDT, khoa Múa... Đây chính là một cơ sở để khẳng định và đánh giá mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực giải quyết vấn đề. [H4.4.4.5].

2. Điểm mạnh

Nhà trường giao quyền chủ động cho các khoa và bộ môn trong các quy trình kiểm tra và đánh giá người học; từ đó, góp phần làm cho kết quả kiểm tra phản ánh chính xác năng lực của người học.

Phương pháp và quy trình tổ chức đánh giá được đa dạng hoá, phù hợp yêu cầu, mục đích của từng môn học và của từng chuyên ngành đào tạo của trường. Vì vậy, công tác đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính khách quan, trung thực.

3. Tồn tại

Đối với các môn thi kiến thức cơ bản, Nhà trường chưa tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá được mức độ khó, dễ của đề thi, từ đó có hướng điều chỉnh thích hợp.

Các môn học thuộc khối nghệ thuật (các môn năng khiếu) kết quả đánh giá còn định tính.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ 2 năm một lần, khảo sát mức độ hài lòng của người học về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố, đồng thời lấy ý kiến của giảng viên về các hình thức thi, kiểm tra đang sử dụng hiện nay trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5. Kết quả của người học được thông báo công khai, kịp thời theo quy định, được lưu giữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp theo quy định

1. Mô tả

Song song với việc đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá, việc thông báo kết quả đến người học cũng được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD & ĐT và quy định của Nhà trường. Kết quả học tập của người học được thông báo công khai, kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác. Công tác quản lý kết quả học tập của người học, được lưu trữ ở khoa chuyên môn và ở phòng ĐT, QLKH [H4.4.5.1]. Kết quả này được quản lý bằng hệ thống sổ sách và được lưu trữ trong máy tính, công tác lưu trữ đảm bảo an toàn, chính xác, rõ ràng và đầy đủ [H4.4.5.2].

Theo qui định của Nhà trường, đối với các môn thi vấn đáp, người học được thông báo kết quả điểm thi ngay sau khi thi xong; đối với các môn thi tự luận, kết quả điểm thi được thông báo cho người học sau 07 ngày, thông qua giáo viên bộ môn, khoa hoặc phòng ĐT, QLKH. Kết quả điểm thi được

công nhận hợp pháp khi có đầy đủ chữ ký của 02 giảng viên chấm thi và sự ký duyệt xác nhận của phụ trách khoa hoặc trưởng bộ môn; kết quả thi được in thành 02 bản, 01 bản lưu tại khoa hoặc bộ môn và 01 bản gửi về Phòng ĐT, QLKH, để làm cơ sở cho việc lưu trữ, tổng hợp, xét khen thưởng, kỷ luật, lên lớp, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp... Kết quả học tập của người học từng học kỳ, từng năm học và toàn khoá học được thông báo chính xác, cụ thể từ văn phòng khoa hoặc từ phòng ĐT, QLKH. Kết thúc mỗi học kỳ, kết quả điểm thi, thi lại của người học được thanh tra đào tạo kiểm tra, đối chiếu nhằm kịp thời chỉnh đốn, khắc phục những thiếu sót [H4.4.5.3].

Công tác cấp phát văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được tuân thủ theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Sau khi người học trúng tuyển làm thủ tục nhập học, nhà trường làm văn bản báo cáo Bộ GD & ĐT và Bộ VH TT DL. Đây là căn cứ để khi khoá học kết thúc, người học có kết quả thi tốt nghiệp, nhà trường sẽ làm văn bản đề nghị Bộ GD & ĐT cấp phôi bằng theo đúng danh sách báo cáo khi trúng tuyển. Nhà trường giao cho Phòng ĐT, QLKH theo dõi, cấp phát, lưu trữ văn bằng cho các đối tượng theo đúng quy định. Bằng tốt nghiệp, chứng chỉ tốt nghiệp trước khi trình Hiệu trưởng ký, đều được Ban TTra&ĐBCLĐT (nay là phòng Khảo thí & ĐBCLGD), kiểm tra, rà soát lại, đảm bảo tính chính xác [H4.4.5.4]. Trong 05 năm qua, việc cấp phát, lưu trữ hệ thống văn bằng, chứng chỉ chưa có sai sót xảy ra, không có khiếu kiện và không có trường hợp nào vi phạm quy định.

Những năm gần đây, do yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục, việc thu thập, xử lý, phân tích và quản lý thông tin đào tạo, tình trạng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên được coi trọng, do đó Nhà trường đã có quy định phòng Đào tạo, QLKH phối hợp với phòng CTCT, QLHSSV và phòng Khảo thí & ĐBCLGD thực hiện công việc này [H4.4.5.5].

2. Điểm mạnh

Công tác lưu trữ và quản lý kết quả học tập của người học tuân thủ theo đúng quy chế của Bộ GD & ĐT. Tất cả các bảng điểm tổng kết từng học kỳ

của các khoa đều được Ban TTra & ĐBCLĐT (Khảo thí & ĐBCLGD) kiểm tra và đối chiếu cẩn thận, chính xác trước khi đưa vào lưu trữ. Công tác quản lý kết quả học tập được đảm bảo chính xác, tiện lợi cho người học và phục vụ việc tổng hợp, báo cáo, bình xét kết quả lên lớp, xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp... của người học, từng học kỳ, năm học và cả khoá học.

Công tác cấp phát bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được thực hiện theo đúng quy định, có sự kiểm tra giám sát của Ban TTra & ĐBCLĐT (Khảo thí & ĐBCLGD), góp phần giữ vững uy tín, thương hiệu của Nhà trường.

3. Tồn tại

Kết quả học tập của người học chưa được công bố thường xuyên trên hệ thống website của Trường.

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về việc công bố kết quả học tập và cấp phát, lưu trữ văn bằng, chứng chỉ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường định kỳ mỗi năm học 01 lần tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về việc công bố, công khai kết quả học tập, công tác cấp phát, quản lý, lưu trữ văn bằng của người học; góp phần giữ vững uy tín và thương hiệu của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp

1. Mô tả

Hoạt động đào tạo được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và chủ yếu của Nhà trường. Vì vậy, tất cả các cơ sở dữ liệu có liên quan đến hoạt động đào tạo của trường được quản lý một cách đầy đủ, chặt chẽ có hệ thống theo thứ tự từng năm [H4.4.6.1].

Công tác quản lý hồ sơ pháp lý của sinh viên được phòng CTCT, QLHSSV lưu trữ theo trình tự từng khoá học, lớp học một cách khoa học và

thuận lợi cho công tác tra cứu khi cần thiết. Trước khi sinh viên bảo vệ tốt nghiệp ra trường, Nhà trường đã tiến hành rà soát lại toàn bộ hồ sơ pháp lý, kết quả học tập và thực tập toàn khoá của từng sinh viên [H4.4.6.2].

Từ năm 2008, Phòng CTCT, QLHSSV phối hợp với các khoa và Ban TTra & ĐBCLĐT (nay là phòng Khảo thí & ĐBCLGD) đã tiến hành khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp với mục đích cụ thể về: Năng lực làm việc, được làm việc với đúng ngành đào tạo, mức lương... thông qua các hình thức như: Trực tiếp đến cơ sở làm việc, gửi phiếu điều tra, gọi điện thoại... [H4.4.6.3]. Tuy vậy, kết quả đạt được chưa thật sự hài lòng cả về số lượng và chất lượng, hơn nữa công tác khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn chưa được tiến hành thường xuyên, bài bản.

2. Điểm mạnh

Công tác quản lý cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của trường được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy chế của Bộ GD & ĐT. Công tác quản lý hồ sơ sinh viên từ khi nhập trường đến khi thi tốt nghiệp ra trường được thực hiện bài bản, sắp xếp, lưu trữ tiện lợi và khoa học. Công tác quản lý điểm và cấp phát bằng tốt nghiệp được lưu trữ rõ ràng, minh bạch.

3. Tồn tại

Chưa có hệ thống quản lý hồ sơ, kết quả điểm của sinh viên và các cơ sở dữ liệu khác bằng mạng hoá và hệ thống phần mềm chuyên dùng. Do vậy, để truy cập tìm kiếm thông tin chưa nhanh, thuận tiện.

Chưa có bộ phận quản lý cựu sinh viên làm đầu mối giúp Nhà trường cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động nghề nghiệp, việc làm, thu nhập của các đối tượng này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, phòng CTCT, QLHSSV và phòng Khảo thí & ĐBCLGD kết hợp với các khoa tiến hành công tác khảo sát nhu cầu và cập nhật các thông tin về lực lượng sinh viên sau tốt nghiệp; thành lập bộ phận quản lý cựu sinh viên hoặc câu lạc bộ cựu sinh viên để làm đầu mối thu thập

các thông tin cần thiết và triển khai các hoạt động nhằm duy trì mối quan hệ của Trường đối với đối tượng này.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội

1. Mô tả

Công tác đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học đã tốt nghiệp là một trong những cơ sở quan trọng cho việc điều chỉnh chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo của Nhà trường. Đồng thời, thông qua các kênh thông tin cần thiết và cụ thể từ các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp và các giảng viên thỉnh giảng để Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội [H4.4.7.1].

Từ năm học 2010 Ban TTra & ĐBCLĐT (nay là phòng Khảo thí & ĐBCLGD) đã kết hợp với các phòng, khoa liên quan lên kế hoạch, xây dựng phiếu khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo của sinh viên vừa tốt nghiệp, các cựu sinh viên và lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng.... qua kênh thông tin đó, nhà trường có kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp và có hiệu quả [H4.4.7.2].

Tuy nhiên, đây là một mảng công tác còn mới, còn thiếu kinh nghiệm trong việc tổ chức triển khai và chưa có kế hoạch dài hạn, hơn nữa các ý kiến đóng góp không phải bằng văn bản, chỉ mang tính chất đàm đạo, trao đổi. Do vậy, việc dựa trên những ý kiến đóng góp của các giảng viên thỉnh giảng, các cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng để điều chỉnh hoạt động đào tạo chưa được hiệu quả và chưa mang tầm chiến lược. Ngoài ra, số lượng sinh viên đã tốt nghiệp tham gia góp ý kiến về các mặt hoạt động đào tạo của trường không nhiều và cũng không đạt hiệu quả như mong muốn.

2. Điểm mạnh

Phòng Khảo thí & ĐBCLGD kết hợp với phòng CTCT, QLHSSV và các khoa đã chủ động tiến hành triển khai công tác đánh giá người học sau khi tốt nghiệp và lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, bước đầu đã thu được kết quả, để làm cơ sở tham mưu cho BGH điều chỉnh hoạt động đào tạo của Nhà trường phù hợp với thực tế xã hội.

3. Tồn tại

Trường chưa tiến hành được việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường một cách có hệ thống và mang tính lâu dài.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, xây dựng kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo hằng năm đối với tất cả các đối tượng người học, cơ quan, doanh nghiệp (trong đó có cả cựu sinh viên). Dựa trên kết quả các cuộc khảo sát, đánh giá này để lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hằng năm nhằm điều chỉnh hoạt động đào tạo theo hướng ngày càng phù hợp, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức, các chương trình đào tạo, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, nhà tuyển dụng lao động và của xã hội. Nhà trường giao quyền chủ động cho các khoa trong các quy trình kiểm tra và đánh giá người học; đối với mỗi hình thức đào tạo, trường đã xây dựng quy trình kiểm tra đánh giá phù hợp, nghiêm túc, chính xác, khách quan, công bằng và đúng quy định.

Nhà trường có bộ phận quản lý kết quả học tập của sinh viên và hệ thống sổ sách lưu trữ điểm rõ ràng, chính xác, an toàn. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng quan tâm chỉ đạo và đầu tư cho công tác đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng công tác bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy cũng như công tác kiểm tra đánh giá đối với cán bộ trẻ.

Tiêu chuẩn 5

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội có đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên và nhân viên có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt và được đảm bảo quyền lợi theo quy định. Trường đã thực hiện tốt các văn bản quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ theo đúng quy trình, rõ ràng minh bạch. Cán bộ giảng viên và nhân viên của Trường được Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để được đi học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp của Trường được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình hướng dẫn về công tác bổ nhiệm cán bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng đúng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch

1. Mô tả

Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, có nhiệm vụ đào tạo những người làm công tác *sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu, lý luận - phê bình, kỹ thuật, kinh tế trong lĩnh vực sân khấu- điện ảnh và truyền hình*. Việc tuyển chọn và xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ, năng lực đáp ứng được yêu cầu chuẩn của một giảng viên đại học là cần thiết và quan trọng.

Trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện các tiêu chí cho quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên sao cho phù hợp với yêu cầu của trường đào tạo

nghệ thuật mang tính đặc thù cao. Ngoài quy trình tuyển dụng cán bộ, giảng viên riêng của Trường, những năm qua Trường đã thực hiện đúng kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong 5 năm qua, Trường đã tuyển dụng được 24 cán bộ, giảng viên thông qua thi tuyển và tuyển đặc cách 11 giảng viên [H5.5.5.1].

Thực hiện nghiêm túc quy định về tuyển dụng, trước mỗi kỳ tuyển dụng, Nhà trường đều có thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hình thức thông báo trên báo chí và truyền thông các thông tin về tiêu chuẩn và số lượng cũng như cần tuyển vào biên chế. Việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên của Trường phải trải qua hai hội đồng sát hạch, đó là hội đồng sơ tuyển tại trường và hội đồng tuyển dụng cấp Bộ [H5.5.1.2] Hiện trường đang xây dựng đề án tự tuyển dụng và đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đề án cho Trường được tự tổ chức tuyển dụng viên chức để chủ động hơn trong việc bổ sung nguồn nhân lực cho Nhà trường.

Sau mỗi kỳ thi tuyển dụng, Nhà trường đều có văn bản công khai danh sách những người trúng tuyển và thông báo rộng rãi trên các bảng tin của Trường. Các cán bộ, giảng viên đã trúng tuyển trong các kỳ thi tuyển dụng phải trải qua một thời gian làm hợp đồng thử việc. Sau khi hoàn thành tốt những công việc được giao, các cán bộ, giảng viên này sẽ được Nhà trường ký hợp đồng chính thức [H5.5.1.3].

Từ năm 2005 đến nay, việc tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên đã bổ sung cho Nhà trường thêm một lực lượng cán bộ, giảng viên trẻ kế cận có trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ và nhìn chung đáp ứng tốt các vị trí công việc được giao.

Hàng năm, Nhà trường đã mời và ký hợp đồng giảng dạy với các nghệ sĩ nổi tiếng trong ngành, các cán bộ lãnh đạo nhà hát, hãng phim, đoàn nghệ thuật...tham gia công tác giảng dạy [H5.5.1.4].

Nhà trường đã xây dựng và đưa vào thực hiện đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2012 - 2015 và 2015 - 2020. [H5.5.1.5].

Nhà trường đã xây dựng được quy định về tiêu chuẩn, giảng viên cũng như tiêu chuẩn chức danh, cán bộ quản lý; trưởng, phó đơn vị trong nhà trường. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý được Nhà trường thực hiện theo đúng quy trình, quy định của Nhà nước, phù hợp với các vị trí công việc và đảm bảo các yêu cầu về trình độ quản lý, chuyên môn và nghiệp vụ [H5.5.1.6]. Đồng thời Nhà trường đã tiến hành quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý trong giai đoạn tiếp theo từ 2010 - 2015 và 2015-2020 trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt. Giai đoạn 2011-2015 Trường đã làm hồ sơ trình Bộ VHTTDL bổ nhiệm và Trường bổ nhiệm được 32 cán bộ quản lý các cấp [H5.5.1.7].

Hàng năm, Trường đều triển khai đánh giá, phân loại cán bộ theo quy trình. Kết quả đánh giá phân loại được công khai trong toàn Trường thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức. Kế hoạch về công tác cán bộ được xây dựng bài bản, đúng quy định. Hàng năm đều có đánh giá về công tác cán bộ và được thể hiện trong báo cáo các mặt hoạt động của Nhà trường [H5.5.1.8]

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện nghiêm túc kế hoạch tuyển dụng, các bước tuyển dụng cán bộ, giảng viên của Trường đảm bảo tính nguyên tắc, công khai. Hội đồng tuyển dụng của Trường bao gồm những thành viên có trình độ chuyên môn và có kinh nghiệm làm việc thực tế để có thể đánh giá, nhận xét một cách sát thực nhất về đối tượng được tuyển dụng. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý được Trường thực hiện đúng quy định, trên cơ sở vừa đảm bảo tiêu chuẩn chung, vừa đảm bảo những tiêu chuẩn riêng mang tính đặc thù cho từng đơn vị.

Việc quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy trình hướng dẫn của luật viên chức và các văn bản quy định của Bộ chủ quản.

3. Tồn tại

Tỷ lệ giảng viên đạt trình độ tiến sĩ của Trường chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường xây dựng cơ chế thu hút giảng viên có trình độ cao về làm việc hoặc cộng tác giảng dạy với Trường. Xây dựng chính sách ưu đãi để giảng viên của Nhà trường học tiến sĩ (trong và ngoài nước).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học

1. Mô tả

Áp dụng quy chế dân chủ của Nhà nước, Đảng ủy, BGH cùng các tổ chức đoàn thể của Nhà trường luôn luôn ý thức được bảo đảm các quyền dân chủ của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong trường và coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của mình.

Tháng 12 năm 2003, Hiệu trưởng Nhà trường ký Quyết định ban hành “*Quy chế dân chủ về hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân*”. Quy chế dân chủ là cơ sở pháp lý để Ban Thanh tra nhân dân hoạt động, nhằm bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ và đảm bảo các quyền dân chủ cho toàn thể cán bộ, giảng viên công nhân viên trong trường. Ban Thanh tra nhân dân đã phân công từng thành viên của Ban đảm nhiệm từng đơn vị cụ thể trong trường, để kịp thời tiếp nhận các ý kiến đóng góp, các đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, giảng viên [H5.5.2.1]. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường trong tất cả các mặt hoạt động, đặc biệt là hoạt động đào tạo [H5.5.2.2]. Vì vậy, mọi đơn thư khiếu nại đều được Trường giải quyết đúng quy định, thấu tình, đạt lý.

Vai trò trách nhiệm của tổ chức Công đoàn, Đoàn TN CSHCM được nâng cao trong việc giáo dục đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên tham gia xây dựng nhà trường. Chính vì vậy, cán bộ, công chức Nhà trường luôn đoàn kết, nhất trí, thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đưa công tác giảng dạy và học tập từng bước đi vào nền nếp, tạo cơ sở cho việc nâng cao chất lượng đào tạo. Luôn thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ

trong Nhà trường, thể hiện thông qua các kỳ đại hội công đoàn và đại hội cán bộ, công chức, viên chức. Ban Giám hiệu có lịch tiếp cán bộ, giảng viên đóng góp ý kiến xây dựng Nhà trường, đồng thời, khuyến khích và bảo vệ cán bộ viên chức đấu tranh phòng chống tiêu cực; kỷ luật nghiêm khắc những cá nhân bao che, trù dập, cố tình ngăn cản việc chống tiêu cực [H5.5.2.3]. Bên cạnh đó, công tác xây dựng và quản lý tài chính trong Trường cũng được thực hiện công khai. Trường đã tổ chức hội nghị đóng góp ý kiến công khai, dân chủ trong việc xây dựng, sửa đổi và thực hiện “Quy chế chi tiêu nội bộ” [H5.5.2.4].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp về năng lực cũng như hiệu quả công việc và sự phù hợp của cá nhân lãnh đạo với vị trí công tác đang đảm nhiệm trong từng đơn vị [H5.5.2.5].

Quy chế dân chủ của Nhà trường còn được thực hiện thông qua các buổi họp giao ban hằng tháng, đối với các cán bộ lãnh đạo phòng, ban, khoa, viện... và các cuộc họp giao ban mở rộng hằng quý đối với toàn thể cán bộ, giảng viên trong Trường. Tại các cuộc họp giao ban, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã trực tiếp trao đổi công việc một cách cụ thể với từng phòng, khoa, viện về những công việc đã hoàn thành, đang tiến hành, công việc tồn đọng và tiếp tục chỉ đạo thực hiện những công việc mới phát sinh. Các công việc quan trọng của Nhà trường như: Công tác nhân sự, xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác, đều được bàn bạc dân chủ tại cuộc họp Đảng ủy, Hội nghị Giao ban hằng tháng [H5.5.2.6].

Hội đồng Thi đua khen thưởng được thành lập đã giúp công tác thi đua khen thưởng của Nhà trường luôn đảm bảo tính dân chủ [H5.5.2.7]. Đầu năm học, các cán bộ, giảng viên và nhân viên đăng ký danh hiệu thi đua. Kết thúc năm học, căn cứ theo quy chế thi đua của Trường; bản tự đánh giá nhận xét của cá nhân và của đơn vị nơi công tác, Hội đồng thi đua khen thưởng tiến hành bình xét và công nhận danh hiệu thi đua cho từng cá nhân, thông báo kết quả tới từng đơn vị, đăng tải trên bảng tin và website Nhà trường [H5.5.2.8].

2. Điểm mạnh

Quyền dân chủ của các cán bộ, giảng viên trong Nhà trường được phát huy. Các chủ trương chính sách, nội quy - quy chế, quy trình bổ nhiệm cán bộ đều được thực hiện đúng quy định, đảm bảo công khai, dân chủ.

Trường có lịch tiếp cán bộ, viên chức của Ban Giám hiệu. Ban Thanh tra nhân dân đã phân công từng thành viên của Ban đảm nhiệm từng đơn vị cụ thể trong trường để kịp thời tiếp nhận ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường và giải quyết nhanh chóng các đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Tồn tại

Một số cán bộ, giảng viên chưa nhận thức đầy đủ về quyền dân chủ nên chưa phát huy tốt quyền dân chủ của mình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, xây dựng kế hoạch và đưa ra những phương án cụ thể để tuyên truyền cho cán bộ, giảng viên và nhân viên nhà trường nhận thức đầy đủ, đúng đắn và phát huy tối đa quyền dân chủ tại đơn vị của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách và biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước

1. Mô tả

Trong những năm gần đây, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và cũng do đặc thù của trường nghệ thuật, có những khoa, ngành đòi hỏi phải được trang bị không chỉ là trang thiết bị kỹ thuật hiện đại mà còn phải là hệ thống kiến thức chuyên ngành ngang tầm với công nghệ tiên tiến của thế giới, Nhà trường đã tạo điều kiện về mọi mặt cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý tham gia hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành Quyết định về tiêu chuẩn chung cho cán bộ, viên chức đi học, nghiên cứu, nâng cao trình độ và công tác ở trong nước và nước ngoài.

Đối với những cán bộ, viên chức được đi học, nghiên cứu, Nhà trường đều có Quyết định cử đi học [H5.5.3.1]. Nhà trường động viên, khuyến khích cán bộ, viên chức theo học các lớp ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ... [H5.5.3.2].

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ, nhà trường quy định rõ hỗ trợ tài chính 50% học phí đi học thạc sĩ, tiến sĩ cho cán bộ, giảng viên và tạo điều kiện về thời gian cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động về chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H5.5.3.3]. Nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ban Giám hiệu Nhà trường đã có quyết định về định mức chi phí cho các dự án phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo như: Ghi hình các bài giảng mẫu của các chuyên gia nước ngoài, các nhà giáo đầu ngành trong sân khấu và điện ảnh - phục hồi *maket*, ảnh sân khấu, điện ảnh để in thành giáo trình, tài liệu [H5.5.3.4].

Cán bộ, giảng viên có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đã được hưởng chế độ nâng lương trước thời hạn và được công nhận với những danh hiệu thi đua hằng năm [H5.5.3.5].

Căn cứ công văn của Bộ VHTTDL hoặc của Bộ GD&ĐT về việc tập huấn các mặt hoạt động liên quan đến Nhà trường, cán bộ của Nhà trường đều được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ công tác. Nhà trường đã cử nhiều lượt cán bộ quản lý và giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước [H5.5.3.6].

Hằng năm, tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức, bên cạnh báo cáo các mặt hoạt động của Nhà trường, Ban Thanh tra nhân dân Nhà trường đều có báo cáo khẳng định về việc thực hiện chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. [H5.5.3.7]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy định cụ thể, các mức hỗ trợ về thời gian cũng như kinh phí cho những cán bộ, viên chức tham gia các hoạt động nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

Có chế độ khen thưởng cho những cán bộ, viên chức tham gia học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ sau tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên còn hạn chế nên việc giảng viên của Trường tham gia vào các hoạt động chuyên môn ở nước ngoài chưa thực sự nhiều và kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

- Phòng Tổ chức cán bộ, đối ngoại bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch ngắn hạn và dài hạn đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho các cán bộ, cán bộ quản lý và giảng viên (chú trọng về nâng cao trình độ ngoại ngữ).

- Nhà trường tăng mức khuyến khích bằng tiền từ 50% lên 70%; tạo điều kiện về thời gian để hỗ trợ giảng viên đi học tập nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

1. Mô tả

Trên cơ sở văn bản quy định về tiêu chuẩn cán bộ quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nhà trường đã xây dựng tiêu chuẩn cán bộ quản lý phù hợp với đặc điểm riêng của Trường [H5.5.4.1].

Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý của Trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn cán bộ đã xây dựng, thể hiện rõ trong bảng thống kê chung về chức vụ đảm nhiệm; vị trí công tác hiện hành; tuổi đời; thâm niên công tác; học hàm, học vị; trình độ ngoại ngữ...[H5.5.4.2]. Hầu hết cán bộ quản lý được bổ nhiệm đều có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ.

Cán bộ quản lý kiêm nhiệm giảng dạy đều hoàn thành khối lượng công việc được giao, có nhiều đồng chí hoàn thành vượt mức chỉ tiêu công việc. Những đánh giá về năng lực quản lý, phẩm chất chính trị của từng cán bộ quản lý đơn vị trong Trường đều được tiến hành đánh giá hằng năm, thông qua bình xét thi đua cuối năm học. Trường không có cán bộ quản lý vi phạm các quy định về đạo đức và những điều Đảng viên không được làm [H5.5.4.3].

Trước những thành tích đã đạt được của lãnh đạo và toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên trong Trường, Nhà trường đã được nhận Bằng khen của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trước đây là Bộ Văn hóa – Thông tin), cờ thi đua xuất sắc của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba [H5.5.4.4].

Hằng năm, đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường được cử tham gia các lớp bồi dưỡng năng lực quản lý chuyên môn và nghiệp vụ theo đúng quy định. 100% cán bộ quản lý của Nhà trường đã được bồi dưỡng năng lực quản lý chuyên môn và nghiệp vụ tại Trường Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch.[H5.5.4.4].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn vững vàng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công và đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức lấy ý kiến đánh giá của cán bộ, nhân viên và giảng viên đối với đội ngũ cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch hành động

- Giai đoạn 2017 – 2020, đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn kế cận cho các khoa

- Từ năm 2017, định kỳ mỗi năm 01 lần nhà trường giao cho phòng TCCB, ĐN tổ chức lấy ý kiến đánh giá của cán bộ, nhân viên và giảng viên đối với đội ngũ cán bộ quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên / giảng viên.

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện cơ cấu đội ngũ giảng viên phù hợp với yêu cầu đào tạo cũng như đặc điểm đặc thù của nhà trường. Tính đến ngày 01.12.2015, Nhà trường có 79 giảng viên cơ hữu (GVCH); 129 giảng viên thỉnh giảng. Nhìn chung, Nhà trường có đủ giảng viên để đảm nhiệm chương trình giảng dạy từ trình độ trung cấp đến sau đại học và thực hiện nhiệm vụ NCKH. Cụ thể như sau: Tỷ lệ GVCH / tổng số CBCH: 50,5%; tỷ lệ GVCH trình độ TS / tổng số GVCH: 16,4%; tỷ lệ GVCH trình độ ThS / tổng số GVCH: 61,17%; tỷ lệ SV / tổng số GV (sau khi quy đổi): 7,17 SV/1GV.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên của Nhà trường được xây dựng và tổ chức theo yêu cầu vừa bảo đảm các quy chuẩn của nhà nước đối với giảng viên đại học, vừa đáp ứng được những yêu cầu đặc thù và thực tiễn của Nhà trường [H5.5.5.1]. Do tính đặc thù của ngành đào tạo tại Trường, tỉ lệ giảng viên cơ hữu trên một ngành đào tạo không cao; tỉ lệ sinh viên trên giảng viên cơ hữu không cao. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường có một đội ngũ giảng viên thỉnh giảng giàu kinh nghiệm thực tiễn, cả giảng viên trong nước và giảng viên là người nước ngoài. Giảng viên thỉnh giảng của Nhà trường là các giáo sư, tiến sĩ, các cán bộ đầu ngành, các nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân...trực tiếp tham gia hoạt động nghệ thuật, có nhiều kinh nghiệm [H5.5.5.2]. Chính vì vậy, đội ngũ giảng viên của Nhà trường tương đối đa dạng và phong phú. Ngoài ra, việc kiện toàn đội ngũ giảng viên còn phụ thuộc vào yêu cầu đào tạo của từng chuyên ngành.

Nhà trường có chiến lược qui hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch

đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ kế cận; đặc biệt là số giảng viên trẻ, giúp họ nâng cao kiến thức và nghiệp vụ sư phạm [H5.5.5.3]. Tuy nhiên, do đặc thù của một trường đào tạo nghệ thuật, nên việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ là vô cùng khó khăn.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường là những người hoạt động lâu năm trong lĩnh vực nghệ thuật, có kinh nghiệm thực tiễn phong phú.

3. Tồn tại

Đội ngũ giảng viên trẻ kế cận chưa nhiều. Số lượng giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học còn ít, nội dung và chất lượng đề tài chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, tìm phương án để có chế độ, chính sách, khuyến khích giảng viên tích cực hơn trong việc bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng dạy và tham gia nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Là một trường đào tạo mang tính đặc thù cao, các chuyên ngành về nghệ thuật đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ, sáng tạo giữa lý thuyết và thực tiễn sáng tác. Vì vậy, nhà giáo còn đồng thời là một nghệ sĩ. Nên, việc xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đạt chuẩn theo quy định là một việc không dễ dàng. Trong những năm qua, Trường đã có nhiều cố gắng để từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo theo quy định.

Đội ngũ giảng viên được Nhà trường tuyển dụng theo đúng quy định trong Luật viên chức. Giảng viên được tuyển dụng ngoài yêu cầu về chuyên môn, còn phải có chứng chỉ về sư phạm, có phương pháp nghiên cứu khoa học và yêu cầu phải có trình độ nhất định về ngoại ngữ, tin học. [H5.5.6.1].

Để chủ động trong việc phát triển đội ngũ giảng viên và đảm bảo trình độ chuẩn, Nhà trường đã tạo mọi điều kiện động viên khuyến khích giảng viên tích cực học tập nâng cao trình độ, để có trình độ chuyên môn giỏi, trình độ ngoại ngữ và tin học thành thạo, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường [H5.5.6.2].

Hằng năm, Nhà trường đều gửi thông báo và tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên đăng ký học ngoại ngữ (tiếng Anh); các lớp về nâng cao trình độ tin học do Bộ VHTTDL tổ chức [H5.5.6.3]. Năm 2015, 06 giảng viên tiếng Anh thuộc Trung tâm tin học, ngoại ngữ của Nhà trường đã tham gia lớp bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho các giảng viên do Bộ VHTTDL tổ chức. Kết quả có 1 giảng viên đạt chứng chỉ B2, 5 giảng viên đạt chứng chỉ C1 theo khung tham chiếu châu Âu [H5.5.6.4].

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động và có những tiêu chí cụ thể về chuyên môn trong việc tuyển chọn giảng viên cơ hữu hay trong việc mời giảng viên thỉnh giảng đến giảng dạy tại trường. Vì vậy, đội ngũ giảng viên bước đầu đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần đưa sự nghiệp đào tạo của nhà trường ngày càng phát triển và hội nhập.

Tham gia công tác giảng dạy không chỉ có giảng viên có học hàm học vị, mà còn có các giảng viên là Nghệ sĩ Nhân Dân, Nghệ sĩ ưu tú có kinh nghiệm, thành tựu sáng tác và biểu diễn trong ngành, để các bài giảng về nghệ thuật sáng tác và nghệ thuật biểu diễn có thực tế và sức thuyết phục.

3. Tồn tại

Số lượng giảng viên có học hàm, học vị cao chưa nhiều, nhất là giảng viên ngành nhiếp ảnh, âm thanh ánh sáng, múa và truyền hình.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2017, xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng giảng viên của Nhà trường, đặc biệt đối với giảng viên cơ hữu. Tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên ngành nhiếp ảnh, âm thanh ánh sáng, múa và truyền hình cải thiện và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo quy định

1. Mô tả

Trước yêu cầu phát triển của giai đoạn mới cũng như yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, Ban Giám hiệu Nhà trường đặc biệt quan tâm đến đội ngũ giảng viên về chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt là công tác trẻ hóa đội ngũ giảng viên. Trường xây dựng đề án phát triển đội ngũ giảng viên, làm cơ sở để chủ động trong cơ cấu đào tạo, tuyển dụng và bổ nhiệm, quan tâm bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Hiện nay, số giảng viên trong Trường có thâm niên công tác từ 10 – 12 năm đạt 15 % - 20 %; số giảng viên có thâm niên công tác từ 15 năm trở lên đạt 48 % - 50 % và số giảng viên trẻ có tuổi đời dưới 30 tuổi đạt 29,4 % [H5.5.7.1].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên có tính kế thừa về thâm niên công tác chuyên môn và từng bước được trẻ hoá. Xu hướng trẻ hoá giảng viên đang là xu hướng phát triển của Trường. Nhà trường tạo điều kiện cho giảng viên trẻ đứng lớp nhưng luôn quan tâm tới quyền lợi của sinh viên được học cả các thầy có kinh nghiệm lâu năm trong sáng tác và biểu diễn.

3. Tồn tại

Do đặc thù đào tạo, ở một số môn thuộc khối nghệ thuật, đội ngũ giảng viên trẻ còn hạn chế về sự trải nghiệm trong nghề nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm cho công tác đào tạo và bồi dưỡng, hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ cho các giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ có tuổi đời dưới 40. Tạo điều kiện cho giảng viên trẻ tham gia tích cực vào thực tế sáng tác và có tác phẩm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường đáp ứng nhu cầu về bằng cấp chuyên môn, đã phát huy được năng lực của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao [H5.5.8.1]. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có nhiệm vụ quản lý, khai thác, sửa chữa, bảo trì...các trang thiết bị kỹ thuật, máy móc, các thiết bị âm thanh, ánh sáng... cho phòng học và phòng thực hành. Hằng năm,

đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Trường được tập huấn nghiệp vụ và chuyên môn, bồi dưỡng định kỳ trong và ngoài nước. Cùng với việc đưa đi đào tạo kỹ thuật ở nước ngoài ngắn và dài hạn, Trường còn cử cán bộ tham gia các lớp học của chuyên gia nước ngoài giảng dạy ở trong và ngoài trường [H5.5.8.2].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được tuyển dụng theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ, bước đầu đáp ứng được yêu cầu của nhà trường. Bên cạnh đội ngũ kỹ thuật viên có kinh nghiệm, lành nghề, Trường đã và đang từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ có trình độ, có khả năng tiếp nhận, sử dụng và truyền đạt công nghệ mới.

3. Tồn tại

Khả năng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật còn hạn chế, nên gặp không ít khó khăn khi tham gia hội thảo, NCKH với các đề tài mang yếu tố nước ngoài hoặc tham gia các khóa học do chuyên gia nước ngoài giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2017, hoàn thành kế hoạch xây dựng và thực hiện chương trình bồi dưỡng về ngoại ngữ và chuyên môn định kỳ ở trong nước và nước ngoài cho các kỹ thuật viên hiện đang công tác tại Xưởng phim thực nghiệm; Trung tâm kỹ thuật Âm thanh - Ánh sáng; khoa Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền hình; đưa kỹ thuật viên tham gia thực tiễn sáng tác và biểu diễn ở các nhà hát; các hãng phim và đài truyền hình trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận cho tiêu chuẩn 5

Từ năm 2015, Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện về thời gian và tài chính cho các cán bộ, giảng viên tham gia học tập nâng cao về chuyên môn cũng như ngoại ngữ ở trong nước và nước ngoài. Hoàn thiện chế độ, chính sách góp phần động viên, khuyến khích giảng viên tích cực hơn trong việc tham gia nghiên cứu khoa học.

Tiếp tục điều chỉnh và bổ sung cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận; đặc biệt là số giảng viên trẻ, giúp họ nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực sư phạm cho phù hợp với xu thế phát triển của nhà trường và của đất nước.

Tiêu chuẩn 6

NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội tính đến tháng 11 năm 2015 có 1683 sinh viên. Trong đó có 75 học sinh trung cấp, 24 sinh viên cao đẳng, 1189 HSSV đại học chính quy, 297 sinh viên vừa học vừa làm, 98 học viên cao học và nghiên cứu sinh. Với mục đích hướng tới người học, lấy người học làm trung tâm, công tác chính trị, quản lý học sinh sinh viên trong 05 năm (từ 2010 – 2015) của Nhà trường được tiến hành theo hai chiều, chiều từ phía nhà trường và chiều từ phía người học.

Từ phía nhà trường, ngay từ những ngày đầu nhập học, Phòng CTCT, QLHSSV đã hướng dẫn đầy đủ cho sinh viên về chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ GD & ĐT. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường. Trong suốt quá trình học, người học được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường. Công tác Đảng, đoàn thể được Nhà trường rất chú trọng, thông qua các hoạt động cụ thể, thiết thực vừa giúp các em rèn luyện chính trị, tư tưởng vừa tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, giáo dục các em phát huy tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như nội quy trong trường học. Phòng CTCT, QLHSSV có những biện pháp cụ thể, tích cực hỗ trợ việc học tập sinh hoạt của sinh viên, tạo điều kiện để các em có thể phát huy tối đa năng lực học tập và rèn luyện.

Từ phía người học, sinh viên đã chủ động, tích cực tự tìm, tự tạo việc làm ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Kết hợp với những hoạt động hỗ trợ từ phía Nhà trường, tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo là tương đối cao so với mặt bằng chung của các trường đại học trong cả nước. Cùng trong những hoạt động hướng tới đối tượng là

người học, hằng năm sinh viên trong trường được tham gia đối thoại với BGH, lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm; được đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường trước khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học, đảm bảo chất lượng đào tạo phù hợp với những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, Trường ĐH SK - ĐAHN đã luôn chú ý đến việc hướng dẫn người học có những hiểu biết đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiện nay, Nhà trường có nhiều loại hình đào tạo: ngoài trung cấp và cao đẳng ở bậc đại học có loại hình đào tạo chính quy, vừa làm vừa học (tại chức cũ), đại học văn bằng hai, liên thông ... Ở bậc sau đại học, có hai chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, hai chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Với mỗi loại hình đào tạo, Nhà trường đã có những biện pháp thích hợp nhằm cung cấp cho người học những hiểu biết về mục tiêu, chương trình đào tạo cũng như các quy định trong quy chế đào tạo của Trường và của Bộ GD & ĐT, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến nội dung, mục tiêu của chuyên ngành, khóa học và những tiêu chuẩn mà sinh viên phải đạt được để tốt nghiệp.

Thực hiện quy chế của Bộ GD & ĐT, hằng năm, Nhà trường đã chủ động thông tin, hướng dẫn người học về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, chuẩn đầu ra của tất cả các ngành học cùng với tuyên truyền về sứ mạng và mục tiêu, chiến lược của Nhà trường giai đoạn 2011 - 2020, trong "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV", để SV nắm vững. Qua các thông tin cụ thể về mục tiêu, chương trình đào tạo, về chuẩn đầu ra của từng chuyên ngành,

người học đã có những hiểu biết cơ bản về lĩnh vực mình sẽ học tập, nghiên cứu và sẽ có những khái niệm cơ bản về nghề nghiệp sau khi ra trường [H6.6.1.1.].

Việc phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên được thực hiện ở 2 cấp: trường và khoa. Ở cấp trường, phòng ĐT – QLKH chịu trách nhiệm phổ biến quy chế đào tạo, áp dụng cho sinh viên ở từng loại hình đào tạo, từng bậc học trong trường; hướng dẫn đầy đủ cho người học từ những quy định chung, quá trình tổ chức đào tạo, quy định về thi, kiểm tra, đánh giá; những quy định về thi hết môn, kết thúc học phần, điều kiện được dự thi tốt nghiệp và xếp loại tốt nghiệp. [H6. 6.1.2].

Cũng trong tuần sinh hoạt công dân, người học ở các khoa quản lý còn được Trưởng, phó trưởng khoa hoặc trợ lý khoa phổ biến chi tiết về chương trình đào tạo các ngành học của khoa mình, để sinh viên nắm vững mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của ngành học. Cụ thể gồm: Phạm vi, cấu trúc của chương trình đào tạo; quy định về chuẩn kiến thức, kỹ năng, sau khi tốt nghiệp sinh viên cần đạt được; phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo các môn chuyên ngành và cách thức đánh giá kết quả.

Theo sự chỉ đạo của Nhà trường, các khoa ngoài việc công khai cho sinh viên được biết cấu trúc toàn bộ chương trình đào tạo của các ngành học do khoa đào tạo; còn phải công khai đề cương chi tiết các môn học, học phần có trong chương trình, trong đó quy định tỷ lệ nội dung lý thuyết/ nội dung thực hành, hình thức thi các môn đặc thù nghệ thuật; nội dung thực tập, thi tốt nghiệp cuối khoá...[H6.6.1.3].

Trong từng giai đoạn, trên cơ sở những quy chế của Bộ GD & ĐT đã ban hành, Nhà trường cụ thể hoá cho phù hợp với đặc điểm và đặc thù đào tạo của mình, bằng “Hướng dẫn thực hiện quy chế”, “Quy định chi tiết thực hiện Quy chế đào tạo”...Các quy định hướng dẫn này được Nhà trường phát đến từng sinh viên [H6.6.1.4].

Ngoài ra, các quy chế, quy định này được công khai trong bảng thông tin của nhà trường và của các khoa. Đặc biệt, khi có quy chế mới hay khi có sự bổ sung, điều chỉnh, hướng dẫn thực hiện, các quy định, quy chế này còn được đưa lên trang tin điện tử của trường để sinh viên tiện truy cập. [H6.6.1.5]

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện nghiêm túc việc công khai chương trình đào tạo, mục tiêu giáo dục, quy chế đào tạo và đã xây dựng hệ thống các quy định hướng dẫn cụ thể quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong điều kiện của Trường.

Việc tổ chức tuần sinh hoạt công dân ở đầu mỗi khoá học và bằng nhiều hình thức phổ biến khác đã giúp cho người học cơ bản nắm được mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, phương pháp tổ chức đào tạo, các quy chế, quy định có liên quan và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết thúc học phần.

3. Tồn tại

Mới chỉ tập trung chú ý phổ biến cho SV ở đầu khoá học (năm thứ nhất), ít chú ý tới việc nhắc lại cho sinh viên các năm sau. Do đó, còn có một số sinh viên vi phạm quy định, quy chế bị xử lý kỷ luật.

4. Kế hoạch hành động

- Bắt đầu từ năm học 2016 - 2017, vào tuần đầu tiên của năm học mới, tổ chức phổ biến và quán triệt lại các nội quy, quy chế cho tất cả sinh viên các khoá của trường; chú trọng phổ biến những quy định mới được bổ sung, sửa đổi. Việc này sẽ được nhắc lại một lần ở năm cuối của mỗi khoá học.

- Liên tục cập nhật những quy định mới của Bộ GD & ĐT trên trang Web của Trường; lập một chuyên mục riêng trên trang thông tin điện tử về quy chế đào tạo, quy chế HS - SV để sinh viên tiện tra cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường đã thực hiện chế độ, chính sách xã hội cho người học theo đúng hướng dẫn của hệ thống văn bản qui phạm liên quan đến chế độ, chính sách hiện hành. Vào đầu mỗi học kỳ, Nhà trường ban hành các quyết định về việc miễn 100% học phí cho sinh viên là người dân tộc thiểu số, là con thương binh, bệnh binh. Quyết định về việc giảm 50% học phí cho sinh viên có cha (hoặc mẹ) bị tai nạn lao động được hưởng trợ cấp thường xuyên. Quyết định cho sinh viên người dân tộc thiểu số sống ở vùng cao được hưởng trợ cấp xã hội. Quyết định cho sinh viên được hưởng chế độ chính sách trong 5 năm (2011- 2016) [H6.6.2.1].

Số lượng người học được hưởng các chế độ chính sách:

Năm học	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Số SV	77	82	55	45	30

(Nguồn: Phòng CTCT, QLHSSV- Đại học SK-ĐAHN)

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo chế độ chính sách xã hội cho người học, phòng CTCT - QLHSSV đã có những văn bản phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng cán bộ trong phòng và đặc biệt chú trọng đến mảng việc chế độ chính sách đối với người học [H6.6.2.2].

Các văn bản của nhà nước về chế độ chính sách xã hội được cán bộ chuyên trách của phòng nghiên cứu kỹ lưỡng để hướng dẫn người học làm các thủ tục theo đúng chế độ, qui định của nhà nước ban hành. Thông qua “Tuần sinh hoạt công dân” người học thuộc diện chính sách sẽ biết được mình thuộc diện đối tượng chính sách, xã hội nào và quy trình xét duyệt ra sao. Phòng CTCT -

QL HSSV tổ chức, xét duyệt công khai và công bố đến toàn thể người học [H6.6.2.3].

Công tác chăm sóc sức khoẻ cho người học được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Hằng năm, vào đầu khóa học, kết hợp với các bệnh viện có uy tín ở trong nước, Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng khám sức khoẻ cho sinh viên. Từ đó, Hội đồng khám sức khoẻ Nhà trường đưa ra được kết luận về tình hình sức khoẻ của người học và giúp các em biết được tình trạng sức khoẻ của mình để đảm bảo đúng quy chuẩn y tế học đường [H6.6.2.4].

Nhà trường có phòng y tế, có 01 y tá là cán bộ chuyên trách trực thường xuyên theo giờ hành chính và hướng dẫn cho người học thủ tục khám chữa bệnh. 100% người học đã mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể [H6.6.2.5].

Là môi trường đào tạo nghệ thuật, Nhà trường luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của sinh viên thông qua các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. Tất cả các sinh viên của Trường đều được sử dụng khu giáo dục thể chất do Bộ VHTTDL xây dựng chung cho các trường nghệ thuật. Hằng năm, Đoàn Thanh niên Nhà trường tổ chức giải bóng đá sinh viên và tổ chức liên hoan văn nghệ, nhân dịp các ngày lễ như: ngày 26/3, ngày 20/11, ngày khai giảng năm học mới, kỷ niệm thành lập trường. Tham gia biểu diễn phục vụ các ngày lễ lớn của đất nước như dịp Quốc Khánh 2/9, các hội nghị liên quan đến hoạt động văn hóa nghệ thuật trong nước đều có sự góp mặt của học sinh, sinh viên của các khoa chuyên môn. Ngoài các hoạt động trên, Nhà trường còn tổ chức cho sinh viên tham gia liên hoan văn nghệ các trường *Văn hoá nghệ thuật* do Bộ VHTTDL tổ chức theo định kỳ 02 năm 01 lần [H6.6.2.6]. Trong các liên hoan này, Nhà trường luôn giành được các giải cao.

Nhà trường rất chú trọng tới các biện pháp an ninh trong trường học. Bằng nhiều hình thức khác nhau, Nhà trường hướng dẫn người học chấp hành nghiêm chỉnh qui chế công tác học sinh/sinh viên ngoại trú trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Từ năm 2010 đến nay chưa có

một vụ việc gây rối an ninh trật tự xảy ra trong trường. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và công an địa phương đã tạo điều kiện cho các em một môi trường học tập hiệu quả, an toàn và lành mạnh [H6.6.2.7].

2. Điểm mạnh

Người học được hưởng mọi chế độ chính sách xã hội theo quy định của nhà nước đúng, đầy đủ và kịp thời.

Người học chấp hành tốt kỷ luật, nội quy của nhà trường và pháp luật của nhà nước. An ninh trật tự trong khuôn viên của nhà trường được đảm bảo tốt.

3. Tồn tại

Nguồn tài trợ cho hoạt động văn hoá tinh thần của người học chưa được nhiều và thường xuyên vì vậy kinh phí cho các cuộc thi, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao thường trích từ ngân sách của nhà trường. Nhà trường đã tổ chức thực hiện các phong trào, nhưng chưa đánh giá được tính hiệu quả và sự hài lòng của người học đối với các phong trào này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016 - 2017, tích cực mở rộng quan hệ và vận động sự ủng hộ của các tổ chức cá nhân vào việc tài trợ nguồn kinh phí cho các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được Ban Giám Hiệu Trường ĐH SK-ĐAHN xác định là một trong những nhiệm vụ có vai trò trọng tâm của công tác học sinh sinh viên. Căn cứ vào Quy chế rèn luyện do Bộ GD & ĐT ban hành, Nhà trường đã quán triệt và tiến hành soạn thảo các văn bản về quy chế rèn luyện đối với người học và các văn bản hướng dẫn thực hiện, phù hợp với tính đặc thù cao của trường đào tạo nghệ

thuật. Từ năm 2010 đến nay, đã nhiều lần ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cho sát với tình hình thực tế của Trường [H6.6.3.1].

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên được Nhà trường quán triệt ngay từ năm học đầu tiên khi sinh viên trúng tuyển vào Trường. Thông qua tuần *Sinh hoạt công dân* đầu khoá học, sinh viên được phổ biến tuyên truyền về chính sách của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền lối sống văn minh, phòng chống ma túy, tội phạm, HIV; hiểu và nắm vững các quy chế rèn luyện được áp dụng trong quá trình học tập tại trường, nội dung từng tiêu chí và cách tính điểm rèn luyện như thế nào, tác dụng của nó trong việc bình xét và các hình thức khen thưởng, xét học bổng ra sao... [H6.6.3.2]. Ngoài ra, công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống còn được lồng ghép trong các phong trào hoạt động văn hoá văn nghệ, thể thao nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn như 26/3, 19/5, 20/11. Nhân dịp kỷ niệm 35 năm thành lập trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, Ban Giám Hiệu, Phòng CTCT, Quản lý học sinh sinh viên, khoa Mác – Lênin và KTCB phối hợp với các khoa, trung tâm trong toàn trường tổ chức cuộc thi Olympic Tư tưởng Hồ Chí Minh giúp cho sinh viên giao lưu, học hỏi lẫn nhau trong việc học tập các môn chính trị và làm theo tấm gương Hồ Chí Minh, đồng thời tăng cường bồi dưỡng, giáo dục lý tưởng đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho các em học sinh sinh viên trong toàn trường. [H6.6.3.3].

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng cho người học được cụ thể hóa bằng những hoạt động thiết thực, năm học 2013 – 2014, trước diễn biến tình hình phức tạp của Biển Đông, toàn thể sinh viên trong Nhà trường đã tình nguyện cam kết “Thực hiện quy định và nhiệm vụ trước diễn biến tình hình biển đông [H6.6.3.4]. Trong năm học 2014 – 2015, sinh viên của Trường đã thực hiện nghiêm túc cam kết về việc “Giáo dục an toàn giao thông trong trường học, không mua bán, sử dụng ma túy và không tham gia trò chơi trực tuyến có nội dung bạo lực và không lành mạnh”. [H6.6.3.5]

Hằng năm, Nhà trường mời các chuyên gia có uy tín ở các học viện trong nước về các lĩnh vực chính trị, xã hội nói chuyện về thời sự, chính trị cho sinh viên toàn trường, tổ chức nhiều buổi hoạt động ngoại khoá với nhiều chủ đề mang tính giáo dục, về đạo đức, lối sống văn minh, lành mạnh cho học sinh, sinh viên [H6.6.3.6].

Ngoài việc học tập, Nhà trường động viên người học tham gia vào các công tác xã hội hướng vào các mục đích nhân đạo như: hiến máu nhân đạo; mùa hè xanh; biểu diễn nghệ thuật ở vùng sâu vùng xa; dạy nghệ thuật ở làng trẻ em khuyết tật SOS... Các hoạt động trên nhằm khuyến khích người học tích cực tham gia vào công tác xã hội, rèn luyện đạo đức, lối sống lành mạnh cho thanh niên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. [H6.6.3.7].

Qua việc tham gia các hoạt động trên, nhiều sinh viên nhà trường đã được tặng bằng khen, giải thưởng khác của tổ chức Đoàn các cấp, các ngành và các tổ chức xã hội [H6.6.3.8].

Từ năm 2010 đến nay, vào đầu năm học, đại diện người học như cán bộ lớp, cán bộ đoàn được đối thoại trực tiếp với BGH để phản ánh những tâm tư nguyện vọng của họ về các mặt trong học tập, sinh hoạt và rèn luyện. Đây là một kênh thông tin quan trọng để BGH nhà trường có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp và kịp thời, tạo điều kiện tốt nhất về mọi mặt cho người học [H6.6.3.9]. Nhà trường tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên theo định kỳ một năm 2 lần (học kỳ I, học kỳ II) [H6.6.3.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm và thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn của Bộ GD & ĐT về công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Coi đó là nhiệm vụ then chốt trong công tác học sinh sinh viên.

Cán bộ, giảng viên cũng như người học tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, hoạt động công ích với tinh thần tự giác và tự nguyện.

3. Tồn tại

Vẫn còn hiện tượng người học thờ ơ với những vấn đề chính trị xã hội, lơ mơ về quy chế của Bộ và các quy định của trường, ít tham gia vào các hoạt động chung, lẩn lộn việc bồi dưỡng cá tính sáng tác mà các trường nghệ thuật khuyến khích với chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ.

4. Kế hoạch hành động

- Bắt đầu từ năm học 2015 - 2016, phòng CTCT - QLHSSV phối hợp với Đoàn TNCS HCM và các Khoa trong trường tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa về thời sự, kinh tế chính trị xã hội cho người học, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

- Nắm bắt tình hình về mọi mặt của người học để có biện pháp giáo dục phù hợp nhằm rèn luyện tư tưởng đạo đức, lối sống, khắc phục bệnh “sao” mọc sớm; phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội trong tư tưởng của một số người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Với đặc thù là trường đào tạo nghệ thuật, nhiều đối tượng HSSV của Nhà trường đã là đảng viên, là Bí thư đoàn đang công tác tại các đoàn nghệ thuật, đài truyền hình trong nước vì vậy công tác Đảng, đoàn thể trong nhà trường phát triển mạnh, phong phú về hình thức thể hiện, đóng vai trò quan trọng trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Hằng năm, được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, BGH; phối hợp với Công đoàn và Đoàn TNCSHCM trong nhà trường, đã xây dựng chương trình kế hoạch hành động và triển khai thực hiện có hiệu quả đến từng đảng viên, đoàn viên [H6.6.4.1]. Nhà trường luôn tạo điều kiện đầu tư về kinh phí theo kế hoạch, để các hoạt động đoàn thể được duy trì; Đảng bộ Nhà

trường phân công một đảng uỷ viên chuyên trách để lãnh đạo và giám sát việc thực hiện công tác đoàn thể [H6.6.4.2].

Đội ngũ cán bộ Đoàn trẻ, năng động, sáng tạo đã có kế hoạch triển khai các hoạt động ngay từ đầu năm học, đồng thời, các phong trào hoạt động đoàn thể cũng ngày càng phong phú, bổ ích thiết thực thu hút được sự tham gia hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo đoàn viên. Đây chính là điều kiện thuận lợi để tổ chức Đoàn TNCSHCM và các đoàn thể khác trong trường hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình [H6.6.4.3]. Cuối năm đều có báo cáo tổng kết, đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được của các công tác đoàn thể trong nhà trường [H6.6.4.4].

Tổ chức Đoàn TNCSHCM của Nhà trường có đội ngũ sinh viên tình nguyện rất lớn mạnh, đội ngũ này đã tham gia vào tất cả những hoạt động lớn nhỏ của trường và của cộng đồng dân cư nơi Trường đóng với tinh thần: “Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”. Tiêu biểu là những hoạt động như: Hiến máu nhân đạo, kết hợp với sinh viên tình nguyện của khối các trường Đại học, Cao đẳng tham gia hướng dẫn giao thông, giúp đỡ, tìm nơi ở trọ cho các bạn thí sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, tham gia các hoạt động từ thiện lên vùng núi, vùng cao và vùng gặp nhiều khó khăn...

Hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ chính trị do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: cử 60 HSSV tham gia lễ diễu binh, diễu hành nhân dịp kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh nước CHXHCN Việt Nam; cử học sinh sinh viên dự lễ mít tinh gặp mặt các nhà khoa học do Bộ tổ chức tại học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam; cử HSSV tham dự Hội thi tuyên truyền, chống ma túy giữa các trường Đại học, Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp thuộc Bộ năm 2015; tổ chức Hội nghị học sinh, HSSV xuất sắc học tập làm theo lời Bác (giai đoạn 2013 – 2015) của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội...[H6.6.4.5]

Đảng uỷ, BGH chỉ đạo sát sao các hoạt động của Đoàn và tổ chức sinh hoạt chính trị tư tưởng, sinh hoạt tuyên truyền giác ngộ cho người học vào

Đảng. Điều đó đã được thể hiện thông qua các kết luận của Hiệu trưởng trong các cuộc họp giao ban hàng tháng và nghị quyết của Đảng uỷ triển khai xuống các Chi bộ hàng năm [H6.6.4.6].

Trong những năm gần đây Đoàn thanh niên của nhà trường thực sự lớn mạnh, giới thiệu cho Đảng nhiều đoàn viên ưu tú. Theo con số thống kê từ Đảng uỷ Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh, năm 2015 có 20 sinh viên ưu tú được Đoàn TNCS HCM của Nhà trường đã giới thiệu học lớp tìm hiểu về Đảng và 02 Đoàn viên xuất sắc được đứng trong hàng ngũ của Đảng. [H6.6.4.7].

Thực tế đã cho thấy, nhà trường luôn chú trọng công tác bồi dưỡng phát triển Đảng trong sinh viên, nhằm khuyến khích động viên và khen thưởng cho những sinh viên tích cực tham gia hoạt động đoàn thể có ý thức xây dựng trường. Khi phỏng vấn trực tiếp, hầu hết sinh viên cho rằng hoạt động đoàn thể có tác dụng tích cực đến việc hình thành nhân cách, đạo đức lối sống cho sinh viên [H6.6.4.8].

Kết quả học tập tốt, tham gia tích cực các hoạt động đoàn thể của nhà trường, vì vậy, khi bình xét điểm rèn luyện cuối năm nhiều SV đạt điểm rèn luyện loại xuất sắc. Theo con số thống kê 5 năm trở lại đây cho thấy không có sinh viên nào bị kỷ luật vì sai phạm lối sống. Một số sinh viên vi phạm quy chế rèn luyện về đạo đức và không có sinh viên nào vi phạm quy chế rèn luyện về tư tưởng, chính trị. Số lượng người học đạt điểm rèn luyện loại tốt và xuất sắc tăng lên hàng năm. Nhà trường đã kịp thời biểu dương, khen thưởng các sinh viên có thành tích học tập và rèn luyện tốt vào các dịp khai giảng đầu năm học [H6.6.4.9].

Thông qua công tác Đảng, đoàn thể đã mang lại những hiệu quả tích cực trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học. Sinh viên của Nhà trường đã đạt được nhiều bằng khen ghi nhận những cố gắng và thành tích trong hoạt động đoàn thể [H6.6.4.10]; [H6.6.4.11].

2. Điểm mạnh

Do có sự quan tâm đúng mức và chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, BGH tới công tác Đảng, đoàn thể trong nhà trường, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa phòng CTCT - QLHSSV với Đoàn thanh niên nên đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học trong môi trường đào tạo nghệ thuật. Đây có thể coi là bước đột phá của Nhà trường trong công tác Đảng, đoàn thể đối với việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa thành lập được các chi đoàn của hệ vừa làm vừa học, do đặc thù về thời gian học tập của hệ này.

Số lượng sinh viên được kết nạp vào Đảng trong thời gian học tập tại trường còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2017, thành lập chi đoàn của hệ vừa làm vừa học để thúc đẩy hơn nữa các phong trào đoàn thể.

- Từ năm 2017, xây dựng cơ chế khuyến khích sinh viên có ý thức phấn đấu đứng trong hàng ngũ của Đảng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học

1. Mô tả

Để sinh viên có được kết quả học tập, rèn luyện cao cũng như có đời sống tinh thần phong phú, Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống phòng học hiện đại, sàn múa, phòng tập, phòng dựng, xưởng phim, phòng vẽ... và các trang thiết bị chuyên ngành như máy quay, máy ảnh, giá vẽ, đạo cụ, trang phục. Thư viện điện tử của nhà

trường được thành lập và đưa vào hoạt động nhằm phục vụ nhu cầu tìm hiểu thông tin và tham khảo các tài liệu chuyên ngành của người học. Tại đây họ được tiếp cận với thông tin qua *internet*. Thư viện điện tử còn là nơi cung cấp miễn phí cho sinh viên những bộ phim, vở diễn của các nghệ sĩ, nghệ nhân, đĩa lưu các bài giảng chuyên ngành của các giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia trong và ngoài nước trong lĩnh vực sân khấu & điện ảnh [H6. 6.5.1].

Viện SK - ĐA là nơi lưu trữ tất cả các tài liệu, sách báo tạp chí, các công trình khoa học các cấp, các chuyên ngành đào tạo của trường, phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập cho sinh viên. Nhà trường xây dựng phòng Studio, trường quay, xưởng phim thực nghiệm và Nhà hát thể nghiệm để sinh viên được rèn luyện kỹ năng và bản lĩnh nghề nghiệp của mình [H6.6.5.2].

Để động viên tinh thần cho người học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao... nhân các ngày lễ trong năm như: Lễ khai giảng, Ngày thành lập Đoàn, Ngày Nhà Giáo Việt Nam, Kỷ niệm thành lập trường... Đặc biệt trong dịp kỷ niệm ngày thành lập Đoàn TNCSHCM, Đoàn Thanh niên đã phối hợp với Ban nữ công tổ chức thi cắm trại, thi nấu ăn, thi cắm hoa, giải bóng đá nam, giải bóng bàn nam... [H6.6.5.3].

Những khoa chuyên môn như: Nhiếp ảnh, khoa Truyền hình, Khoa Múa, Khoa Nghệ thuật Điện ảnh và khoa Mỹ thuật hàng năm tổ chức các cuộc triển lãm ảnh, triển lãm tranh, tổ chức liên hoan phim ngắn (giải Ong Vàng) của sinh viên, giải tài năng sinh viên... Đây cũng là sân chơi bổ ích và thiết thực cho sinh viên nghệ thuật [H6.6.5.4].

Các hoạt động ngoại khoá được nhà trường quan tâm nhằm hướng sinh viên tham gia vào phong trào công ích xã hội, giúp sinh viên có điều kiện tiếp cận với thực tế cuộc sống, với hoạt động chung của thanh niên cả nước. Đó là: tham gia lễ khai mạc, bế mạc *Seagames* và *Asean - Paragames*, tham gia điều hành phục vụ lễ kỷ niệm 2 tháng 9, tham gia tình nguyện, tham dự mít tinh phòng chống ma túy, tham gia bình chọn cho Vịnh Hạ Long [H6.6.5.5].

Đặc biệt trong thời gian từ 19/11 đến 17/12/2015, các hoạt động kỷ niệm 35 ngày thành lập trường và 56 năm sự nghiệp đào tạo sân khấu - điện ảnh đã thu hút đông đảo sinh viên tham gia: Các cuộc thi tài năng sinh viên, hội thảo sinh viên, các hoạt động thể thao, tọa đàm sinh viên, liên hoan phim, triển lãm nhiếp ảnh, mỹ thuật, văn nghệ. Ngoài các cuộc thi chung trong toàn trường còn có cuộc thi năng khiếu của riêng từng khoa. [H6.6.5.6].

Hằng năm, phòng CTCT - QL HSSV tiến hành cấp giấy xác nhận để sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có thể vay vốn tại Ngân hàng chính sách theo quy định của Nhà nước, giúp các em có điều kiện về tài chính để yên tâm học tập. Bên cạnh đó, nhà trường còn liên kết với các công ty, tổ chức, ngân hàng để cấp học bổng cho các sinh viên ưu tú của trường nhằm động viên khích lệ các em kịp thời. [H6.6.5.7].

Các hoạt động và biện pháp trên không chỉ phản ánh các hoạt động giảng dạy và học tập, mà còn thể hiện sự quan tâm và là các biện pháp cụ thể, thiết thực hỗ trợ người học của trường ĐHSK-ĐAHN. Đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng để giúp người học có thể học tập và rèn luyện và đạt được kết quả tốt nhất.

Do đặc thù trường nghệ thuật nên việc đào tạo tín chỉ cho các môn học đang nằm trong kế hoạch của Nhà trường. Vì vậy, Trường chưa có cố vấn học tập, nhưng thay vào đó là chức danh phó chủ nhiệm lớp. Nếu chủ nhiệm lớp quản lý chung và phụ trách về chuyên môn thì phó chủ nhiệm lớp có nhiệm vụ quản lý về hành chính, hỗ trợ sinh viên trong học tập, trợ giảng cho giảng viên cùng chuyên môn và tư vấn cho sinh viên trong những trường hợp cần thiết. [H6.6.5.8]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ cho sinh viên trong học tập và sinh hoạt. Môi trường học tập mỗi năm một khang trang, điều kiện học tập mỗi năm được cải thiện, nhiều hoạt động phong phú tạo điều kiện cho

sinh viên học tập, rèn luyện và thể hiện bản lĩnh của mình. Đây chính là điều kiện cần và đủ hỗ trợ tích cực việc học tập và sinh hoạt của sinh viên.

3. Tồn tại

Nhà trường không có khu giáo dục thể chất riêng (bộ phận này chung với trường Cao đẳng Múa VN và trường Trung học Xiếc VN do văn phòng Bộ VH TT DL quản lý) do đó, sinh viên của trường chưa thực sự chủ động trong việc rèn luyện thể dục thể thao.

Trường chưa có nhà ăn, cantin cho người học.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Nhà trường tiếp tục hoàn thành việc xây dựng phòng tập và mua sắm thêm các thiết bị phục vụ cho bộ môn bóng bàn, bộ môn cầu lông và bóng rổ, hỗ trợ tối đa cho hoạt động rèn luyện thể dục thể thao trong sinh viên. Kế hoạch xây dựng nhà ăn và cantin cho người học sẽ được Nhà trường triển khai từ năm 2017.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, hiểu biết và tôn trọng luật pháp; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các nội quy của trường cho người học luôn được Nhà trường quan tâm, cụ thể như:

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức tuần sinh hoạt công dân với nội dung tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; phổ biến các quy chế, quy định về đào tạo của Bộ GD & ĐT cũng như của Nhà trường cho người học. Hằng năm, phòng CTCT - QLHSSV tổ chức cho người học tham gia các hoạt động ngoại khoá với nhiều chủ đề mang tính

giáo dục tư tưởng, đạo đức và lối sống lành mạnh, các buổi nói chuyện thời sự, chính trị, nhằm giáo dục cho sinh viên có ý thức trách nhiệm với chính mình, với nghề nghiệp, với ngành và với đất nước [H6.6.6.1].

Căn cứ vào quy chế HSSV của Bộ GD & ĐT ban hành, Nhà trường soạn thảo các quy định về khen thưởng và khung xử lý kỷ luật; văn bản hướng dẫn về đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV; quy định về sử lý kết quả học tập; quy định về học lại, thi lại...đối với học sinh, sinh viên của trường, dựa trên tình hình thực tế để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với đặc điểm của môi trường nghệ thuật. Tất cả các quy định, quy chế trên đều được Nhà trường, khoa phổ biến cụ thể và phát tài liệu đến từng sinh viên (Tài liệu “Một số văn bản liên quan đến HSSV) [H6.6.6.2].

Để tăng cường giáo dục về luật pháp cho sinh viên, Nhà trường khuyến khích các Đoàn viên tham gia các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật như: “Hội thi Tuyên truyền viên pháp luật”; Luật phòng chống ma túy - mại dâm; Luật hôn nhân và gia đình; Luật giao thông đường bộ và lái xe an toàn.... Đoàn thanh niên nhà trường được nhận bằng khen về Hội thi tuyên truyền phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm, HIV/AIDS toàn quốc do Đoàn TN Thành phố Hà Nội tổ chức [H6.6.6.3]. Tổng kết công tác tìm hiểu về pháp luật và chấp hành pháp luật trong 05 năm qua, Nhà trường chưa có sinh viên nào vi phạm pháp luật [H6.6.6.4].

2. Điểm mạnh

Sinh viên của Trường có ý thức tôn trọng pháp luật, chủ trương chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước, nhiệt tình tham gia các cuộc thi tuyên truyền về pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội. Trong những năm qua, Trường không có sinh viên vi phạm pháp luật (luật hôn nhân, luật bản quyền, luật sở hữu tài sản...).

3. Tồn tại

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về pháp luật cho sinh viên chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ mỗi năm tổ chức từ 01 đến 02 lần thi tìm hiểu về kiến thức pháp luật và đường lối, chính sách của Đảng cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường có mối liên hệ gắn bó mật thiết với các cơ sở hoạt động nghệ thuật về Sân khấu, Điện ảnh và Truyền hình trong cả nước, với điều kiện thuận lợi như vậy, sinh viên tốt nghiệp của trường nhìn chung đều có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp và làm đúng ngành nghề được đào tạo, đó là các ngành diễn viên sân khấu - điện ảnh; quay phim (điện ảnh và truyền hình); đạo diễn (sân khấu, điện ảnh, truyền hình); biên đạo; huấn luyện múa; mỹ thuật; kỹ thuật công nghệ điện ảnh truyền hình v.v... Những sinh viên tốt nghiệp của Trường chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng mà các cơ sở tuyển dụng cần [H6.6.7.1].

Với đặc thù của các ngành nghệ thuật, từ năm thứ ba, (nhiều trường hợp từ năm thứ hai) sinh viên của trường đã chủ động tham gia vào các hoạt động nghệ thuật của các cơ sở nghệ thuật, điện ảnh và truyền hình trong cả nước [H6. 6.7.2]. Nhiều sinh viên với tiền thù lao nhận được từ các hoạt động nghề nghiệp đủ để trang trải trong thời gian học tại trường và giúp đỡ gia đình.

Để tăng hiệu quả người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, Nhà trường đã mời các giảng viên thỉnh giảng là những nghệ sỹ nổi tiếng trong ngành, các cán bộ lãnh đạo giỏi về chuyên môn và nghiệp vụ ở các cơ sở tuyển dụng như: các nhà hát; hãng phim; đài truyền hình; đoàn nghệ thuật trong cả nước... Họ chính là những giảng viên giảng dạy và dẫn dắt các lớp từ khi sinh viên trúng tuyển vào trường cho đến khi tốt nghiệp. Đồng thời, chính họ là người trực tiếp lựa chọn và tuyển dụng các sinh viên về cơ sở của mình để làm việc [H6.6.7.3].

2. Điểm mạnh

Việc mời các nghệ sĩ nổi tiếng, các cán bộ lãnh đạo giỏi về chuyên môn và nghiệp vụ ở các cơ sở tuyển dụng, các cựu sinh viên ưu tú đang công tác trong các nhà hát; hãng phim; đài truyền hình; đoàn nghệ thuật trong cả nước làm giảng viên thỉnh giảng, giảng dạy, tọa đàm, sát cánh cùng sinh viên trong suốt thời gian học tập chính là biện pháp thiết thực nhất giúp sinh viên được tiếp cận với các nhà tuyển dụng ngay từ khi mới vào Trường, tạo điều kiện cho các em cơ hội có việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Chưa hình thành một tổ chức chuyên nghiệp, mang tính bài bản có chức năng hỗ trợ tìm việc làm sau khi tốt nghiệp cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2016, Nhà trường định hướng xây dựng một tổ chức chuyên nghiệp, tư vấn về kỹ năng phỏng vấn, viết đơn xin việc, hỗ trợ người học có cơ hội tìm kiếm được việc làm đúng với ngành nghề được đào tạo sau tốt nghiệp.

- Mỗi năm 01 lần mời các nhà tuyển dụng đến trường giao lưu với sinh viên về vấn đề việc làm, những yêu cầu của các nhà tuyển dụng về kiến thức, kỹ năng mà sinh viên cần đạt được sau khi tốt nghiệp để các em có được hành trang đầy đủ, tự tin tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm và tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo của Nhà trường là hướng đến vấn đề việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Điều này xuất phát từ thực tế là sau khi tốt nghiệp ra trường, số lượng sinh viên tìm được việc làm ngay từ những năm đầu càng nhiều và đúng với ngành nghề đào tạo, thì càng thể hiện sự đào tạo đúng hướng, đa dạng, phù hợp với sự đòi hỏi

và phát triển của ngành, xã hội. Đồng thời đánh giá được chất lượng đào tạo cũng như phương pháp tổ chức triển khai quá trình đào tạo của nhà trường.

Tiến hành điều tra tỷ lệ sinh viên có việc làm trong 5 năm trở lại đây (từ năm 2010 đến năm 2015) cho thấy tỷ lệ sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ở năm đầu tiên và tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng với nghề nghiệp được đào tạo như sau:

Tình hình việc làm của sinh viên
trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
(Trong 5 năm từ 2010 đến 2015)

Năm học	Tỷ lệ SV có việc làm ở năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp	Tỷ lệ SV có việc làm đúng nghề nghiệp đào tạo
2009 - 2010	92%	87%
2010 - 2011	90%	80%
2011- 2012	91%	82%
2012 - 2013	91%	80%
2013 - 2014	93%	82%
2014 - 2015	92%	83%

Kết quả điều tra ở trên cho thấy sau khi tốt nghiệp ra trường người học đều có việc làm và làm đúng ngành nghề được đào tạo với tỷ lệ rất cao. Đó là do các nguyên nhân chính sau đây:

Khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường ngày càng phát triển.

Sự gắn kết chặt chẽ giữa trường với các cựu sinh viên, các nghệ sỹ nổi tiếng của các nhà hát, các hãng phim, và các đài truyền hình.

Tính đa dạng, phù hợp cũng như khả năng đáp ứng trong đào tạo nghề nghiệp của nhà trường cho sinh viên đối với nhu cầu của xã hội [H6.6.8.1].

Tuy nhiên số lượng các cựu sinh viên được khảo sát chưa đầy đủ, nên chưa có cơ sở để khẳng định về tỷ lệ sinh viên sau khi tốt nghiệp 6 tháng và một năm có việc làm là bao nhiêu phần trăm.

2. Điểm mạnh

Qua số lượng sinh viên được khảo sát có thể thấy tỷ lệ sinh viên sau khi ra trường tìm được việc làm và làm đúng ngành nghề tương đối cao.

Chất lượng đào tạo của nhà trường cơ bản đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của các ngành nghề thuật và truyền hình hiện nay.

Sự năng động, tích cực của sinh viên trong quá trình học tại trường và trong tìm kiếm việc làm sau khi ra trường của họ.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa tiến hành khảo sát hết được tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, nên chưa có cơ sở vững chắc để khẳng định được tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp 06 tháng và một năm.

Chưa thành lập bộ phận chuyên trách, phụ trách thông tin về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

- Từ 2016, tổ chức nhiều chương trình giới thiệu việc làm và là cầu nối giữa sinh viên với các doanh nghiệp, nhà hát, đoàn làm phim để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội học hỏi và tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Thành lập bộ phận chuyên trách, phụ trách thông tin về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, Nhà trường dành một khoản kinh phí thực hiện việc điều tra về vấn đề có việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

- Năm học 2016 - 2017, tiếp tục điều tra, khảo sát tình trạng việc làm của cựu sinh viên các khoá học còn lại, để làm cơ sở khẳng định về tỷ lệ sinh viên có việc làm, làm đúng ngành nghề đào tạo và mức lương được hưởng sau tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Với tiêu chí hướng đến người học, Nhà trường rất chú trọng đến việc người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

Để người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, nhà trường đã tổ chức đối thoại giữa BGH với ban cán sự của các lớp các khoa. Họ đại diện cho lớp mình đưa ra những ý kiến, nhận xét về các mặt hoạt động đào tạo trong nhà trường như: Chất lượng giảng dạy, phương pháp giảng dạy của giảng viên, về nội dung, chương trình các môn học, học phần, về ý thức và tinh thần phục vụ của các CB, CNV... [H6.6.9.1]. Đây là một kênh thông tin quan trọng để BGH nhà trường nắm bắt được trực tiếp những mặt tốt và chưa tốt trong triển khai hoạt động đào tạo của trường và có những phương pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Tất nhiên đối với một trường nghệ thuật, số lượng sinh viên ít, lại rất đặc thù, để có được thông tin chuẩn xác, không do cả nể, do ngại va chạm là vấn đề không đơn giản.

Ban TTra & ĐBCLĐT (nay là phòng Khảo thí & Đảm bảo Chất lượng Giáo dục) kết hợp với các khoa đã tiến hành triển khai phát phiếu điều tra lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, hoạt động này được tiến hành định kỳ, công khai ở tất cả các năm học đối với từng khoa, trung tâm trong trường. Trước khi sinh viên tốt nghiệp, Nhà trường đã lấy ý kiến của người học đánh giá về chất lượng đào tạo của trường. [H6.6.9.2].

2. Điểm mạnh

Sinh viên khối chính quy đã được tham gia thường xuyên đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc môn học. Trường đã bước

đầu thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của người học về chương trình đào tạo (khảo sát học viên sau đại học của Trường)

3. Tồn tại

Hoạt động sinh viên (trước khi tốt nghiệp) đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường chưa tiến hành một cách thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, phòng Khảo thí & ĐBCLGD kết hợp với phòng CTCT, QLHSSV và các khoa, từng học kỳ tổ chức lấy ý kiến của người học đánh giá về chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận cho tiêu chuẩn 6

Nhà trường đã có những biện pháp cụ thể để giúp sinh viên hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu kiểm tra đánh giá, thực hiện tốt quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề liên quan đến người học. Trường đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ chính sách xã hội đối với người học được hưởng các chế độ ưu tiên; sinh viên của Trường đã đạt nhiều thành tích trong các hoạt động văn hóa – văn nghệ, thể dục thể thao cấp thành phố, khu vực và cấp Bộ.

Công tác Đảng, đoàn thể đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho sinh viên. Nhà trường đã có sự kết nối với cựu sinh viên, các nghệ sĩ nổi tiếng, các cán bộ lãnh đạo giỏi về chuyên môn và nghiệp vụ ở các nhà hát; hãng phim; đài truyền hình; các đoàn nghệ thuật trong cả nước làm giảng viên thỉnh giảng, giảng dạy, tọa đàm, sát cánh cùng sinh viên trong suốt thời gian học tập.

Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức được đơn vị chuyên trách về hỗ trợ việc làm cho sinh viên, về hoạt động khởi nghiệp của sinh viên để góp phần tăng tỷ lệ sinh viên tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chuẩn 7

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội luôn quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học, xem đây là hoạt động quan trọng của một trường đại học. Năm 1998, Viện Sân khấu – Điện ảnh (tiền thân là Viện Sân khấu Việt Nam) được sáp nhập vào Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội và trở thành đơn vị trực thuộc Trường. Về phân cấp quản lý, Viện là đơn vị trực thuộc Trường nhưng về quy mô và đối tượng nghiên cứu, cũng như sản phẩm nghiên cứu của Viện lại mang tầm quốc gia vì Viện là cơ sở duy nhất ở Việt Nam nghiên cứu cả hai lĩnh vực nghệ thuật sân khấu và điện ảnh, truyền hình. Đối tượng nghiên cứu và tham gia nghiên cứu, đối tượng phục vụ của Viện không dừng lại trong phạm vi của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong Trường mà còn liên quan đến nhiều đơn vị nghệ thuật và cá nhân trên cả nước. Đây là một thuận lợi trong việc tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Trong 05 năm trở lại đây, hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đã có những bước phát triển khả quan hơn – nghiên cứu khoa học không chỉ là hoạt động của đội ngũ giảng viên, mà ngay cả trong sinh viên, hoạt động nghiên cứu cũng có những kết quả đáng ghi nhận. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã góp phần nâng cao uy tín của đội ngũ giảng viên cũng như góp phần khẳng định vị thế của trường.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Nhiệm vụ xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học phù hợp với sứ mạng nghiên cứu của Trường được thể hiện trong Quy chế tổ chức và

hoạt động của Viện Sân khấu – Điện ảnh và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học, đào tạo Nhà trường. [H7.7.1.1]

Trong 05 năm trở lại đây, Trường ĐH SK - ĐA HN đã giao Viện Sân khấu – Điện ảnh là đầu mối ban hành các quy định, tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu. Thời gian qua, Viện Sân khấu – Điện ảnh đã có những định hướng ưu tiên tập trung nghiên cứu khoa học theo đúng sứ mạng của Trường là chuyên sâu về nghiên cứu lý luận cơ bản các ngành sân khấu, điện ảnh và các ngành nghệ thuật; nghiên cứu các di sản, các thành tựu mới và các vấn đề có tính cấp bách của sân khấu, điện ảnh Việt Nam để ứng dụng trong công tác đào tạo. [H7.7.1.2]

Công tác xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường được thể hiện trong kế hoạch hoạt động khoa học – công nghệ hằng năm của Viện Sân khấu – Điện ảnh. Kế hoạch được thông qua bởi Hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường. Nội dung kế hoạch bám sát chức năng, nhiệm vụ của Viện Sân khấu – Điện ảnh, thể hiện rõ sự phù hợp với sứ mạng của Nhà trường [H7.7.1.3].

Việc triển khai các kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ được tiến hành đúng quy định. Các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Trường, cấp Viện và các dự án đều được triển khai, nghiệm thu theo đúng quy chế, quy định của các cấp quản lý khoa học của Nhà nước, của Bộ chủ quản và của Nhà trường. [H7.7.1.4]

Để kế hoạch nghiên cứu khoa học được triển khai hiệu quả, Nhà trường đã tạm ứng một khoản kinh phí từ 5 đến 6 triệu VNĐ cho mỗi đề tài. Bên cạnh đó, Viện Sân khấu – Điện ảnh còn tổ chức nhiều lớp tập huấn về nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên, sinh viên, đặc biệt là học tập về phương pháp nghiên cứu khoa học. [H7.7.1.5]

Các đề tài công trình nghiên cứu khoa học đều được thông qua Hội đồng chuyên môn, được Hiệu trưởng chấp thuận và ký kết hợp đồng (đối với các đề tài cấp Trường), các đề tài cấp Bộ được triển khai khi đã được Bộ phê

duyet và cấp kinh phí. Đề tài cấp Bộ được phê duyệt đều dựa trên kế hoạch của Trường xây dựng trước 01 năm [H7.7.1.6].

Các công trình nghiên cứu và sản phẩm của các dự án cùng các văn bản pháp lý liên quan (bao gồm: Quyết định thành lập Hội đồng khoa học, biên bản họp Hội đồng khoa học, biên bản nghiệm thu, hợp đồng khoa học, biên bản bàn giao sản phẩm khoa học...) đều được lưu giữ đầy đủ theo đúng quy định hiện hành [H7.7.1.7].

Nhằm khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã có quy định về nghiên cứu khoa học của giảng viên, tiêu chí này được tính vào danh hiệu thi đua hằng năm. Việc xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học được tiến hành một cách chủ động, trên cơ sở từ thực tiễn đòi hỏi của Trường trong công tác đào tạo và chủ động tạo nguồn nghiên cứu khoa học kế cận bằng cách khuyến khích sinh viên và cán bộ trẻ tham gia nghiên cứu khoa học [H7.7.1.8].

Năm 2015, Trường đã xây dựng "Đề án Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2015-2020" nhằm thực hiện tốt các hoạt động khoa học, đáp ứng công tác đào tạo và NCKH, phù hợp với sứ mạng của Trường. [H7.7.1.9].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động công nghệ từng năm và chiến lược phát triển KH-CN trong 05 (2015-2020). Hoạt động KH-CN được tạo điều kiện tổ chức, đáp ứng yêu cầu của các đơn vị và giảng viên hướng tới thực hiện sứ mạng của Nhà trường.

3. Tồn tại

Quy định về quản lý KH-CN của Trường chưa được thể chế hóa theo những văn bản quy định mới của Nhà nước và Bộ GD&ĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017, xây dựng quy định về quản lý KH-CN của Trường và cập nhật theo những văn bản quy định mới của Nhà nước và Bộ GD&ĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch

1. Mô tả

Trong 05 năm (từ 2011 đến 2015), Trường đã triển khai và nghiệm thu các đề tài, dự án với số lượng sau:

Bảng thống kê số lượng các đề tài cấp Bộ, cấp Trường

(Từ năm 2011 đến năm 6/2015)

TT	Năm	Số lượng đề tài		Nghiệm thu đúng hạn		Nghiệm thu không đúng hạn		Xếp loại đề tài		Ghi chú
		Cấp Bộ	Cấp Trường	Cấp Bộ	Cấp Trường	Cấp Bộ	Cấp Trường	Cấp Bộ	Cấp Trường	
1	2011	2	43	0	43	0	0		Đạt	
2	2012	1	69	1	69	0	0		Đạt	
3	2013	0	52	0	52	0	0		Đạt	
4	2014	2	24	2	24	0	0		Đạt	
5	6/2015	0	30	0	30				Đạt	
Tổng		5	218	5	218	0	0			

(Nguồn: Viện Sân khấu – Điện ảnh, Trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh HN)

Từ năm 2011 đến năm 2015, nhà trường đã triển khai thực hiện 218 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường. Hầu hết các đề tài đều được tiến hành nghiệm thu đúng thời hạn và nằm trong kế hoạch hoạt động khoa học của Trường. Tỷ lệ bình quân đề tài (công trình)/ số lượng giảng viên cơ hữu trong 5 năm qua là 03 công trình/giảng viên. [H7.7.2.1].

Các đề án/dự án Hỗ trợ phát triển Văn hóa Việt Nam với nước ngoài và hỗ trợ đào tạo nghệ thuật của nước ngoài với Trường từ năm 2011 đến 2015 đều được triển khai, nghiệm thu đúng với kế hoạch và đạt chất lượng cao. [H7.7.2.2].

Phần lớn công trình nghiên cứu khoa học đều được ứng dụng vào thực tiễn, phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy của Nhà trường, trong đó có

07 công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ và cấp cơ sở của Trường đã được in và xuất bản thành sách tham khảo [H7.7.2.3].

Bên cạnh đó, Viện SK-ĐA đang có 01 PGS.TS; 02 tiến sĩ- nghiên cứu viên chính, 01 nghiên cứu sinh, 06 ThS, 02 CN. Đây là đội ngũ cán bộ sẽ giúp Viện Sân khấu – Điện ảnh cùng Nhà trường hoàn thành những kế hoạch nghiên cứu khoa học đã đề ra. [H7.7.2.4]

2. Điểm mạnh

Trường ĐH SK-ĐAHN có Viện Sân khấu - Điện ảnh chuyên phụ trách mảng nghiên cứu khoa học đã tổ chức thực hiện tốt các quy trình nghiên cứu khoa học cấp Trường. Chất lượng và tiến độ các công trình đều được đảm bảo đúng kế hoạch.

3. Tồn tại

Số lượng các đề tài có khả năng tác động lớn đến sự phát triển ngành, địa phương, khu vực, quốc gia hoặc hợp tác quốc tế của Nhà trường còn hạn chế, thể hiện ở số liệu không có đề tài cấp nhà nước, ít đề tài cấp bộ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Viện Sân khấu – Điện ảnh xây dựng các định hướng nghiên cứu chiến lược; bám sát Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 để phối hợp tạo sức mạnh tổng hợp của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Trong 05 năm (từ năm 2012 đến năm 6/2015), cán bộ, giảng viên của trường đã tham gia viết 261 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, tương đương với 161 bài quy đổi [H7.7.3.1]. Trong đó có 182 bài đăng trên tờ *Thông tin khoa học Sân khấu - Điện ảnh* (nay là *Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh*) của Nhà trường (tương đương với 91 bài quy đổi) và 79 bài đăng trên các tạp chí ngành (*Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật; Tạp chí Sân khấu; Điện ảnh ngày nay; Điện ảnh Kịch trường; Màn ảnh Sân khấu; Thế giới Điện ảnh; Tạp chí Lý luận Phê bình văn học nghệ thuật. ...*).

Phần lớn các bài báo đã đăng đều có giá trị phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường. Các công trình nghiên cứu tập trung vào các nhóm vấn đề thuộc lĩnh vực: Sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, truyền hình. Một số chủ đề chính như: Điện ảnh Việt Nam trong quá trình hội nhập; nghiên cứu về sân khấu Việt Nam trong quá trình giao lưu văn hóa; giải pháp nâng cao chất lượng phim điện ảnh Việt Nam; đổi mới phương pháp giảng dạy vai mẫu cho diễn viên kịch hát dân tộc; đào tạo đội ngũ giảng viên, nâng cao chất lượng giảng dạy của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội; nghiên cứu so sánh về thành công và hạn chế của một số tác phẩm sân khấu, điện ảnh trong và ngoài nước; nghiên cứu, thống kê thành tựu nghệ thuật của các nghệ sĩ sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh...

Năm 2013, ấn phẩm *Thông tin khoa học Nghệ thuật Sân khấu Điện ảnh* của Nhà trường đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nâng cấp thành “*Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh*” của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội. Tạp chí là diễn đàn trao đổi thông tin nghiên cứu, dạy và học, đăng tải những kết quả, công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu sinh, các học viên cao học, sinh viên trong trường, các nghệ sĩ, các nhà quản lý văn hóa nghệ thuật về ngành nghệ thuật sân khấu và

điện ảnh cũng như các ngành nghệ thuật có liên quan. Năm 2014, Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu – Điện ảnh đã được Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia cấp mã số chuẩn quốc tế ISSN 2354- 0680. [H7.7.3.2]. Năm 2009, Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu – điện ảnh của Nhà trường (trước là tờ Thông tin nghệ thuật Sân khấu – Điện ảnh) đã được ghi tên trong Danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư. [H7.7.3.3].

2. Điểm mạnh

Có nhiều bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành với nội dung đa dạng, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống nghệ thuật, đi từ những vấn đề lý luận cơ bản đến thực tiễn.

Các bài viết đều hướng đến mục đích phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường.

Nhà trường đã có Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh có mã số chuẩn quốc tế, đây là diễn đàn để các sinh viên đại học, học viên sau đại học trong trường và các thầy cô giáo, các nhà nghiên cứu, quản lý văn hóa nghệ thuật trao đổi thông tin khoa học, đăng tải các công trình, đề tài nghiên cứu.

3. Tồn tại

Việc thống kê số lượng bài báo khó thực hiện được chính xác, do nhiều cán bộ, giảng viên không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ cho Nhà trường. Phần lớn các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành đều được tiến hành riêng lẻ, tùy thuộc theo mong muốn chủ quan của tác giả hoặc theo tình hình thời sự sân khấu, điện ảnh trong và ngoài nước, không bám sát định hướng nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Chưa có các bài viết đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học của nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

- Năm 2017 triển khai các quy định về việc công bố kết quả nghiên cứu trước và sau khi nghiệm thu công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí chuyên ngành.

- Trong năm 2017 hoàn chỉnh một số qui định về tài chính để hỗ trợ công tác NCKH.

- Hằng năm, công bố công khai các bài báo của các giảng viên trong toàn Trường được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước để khuyến khích, động viên các nhà nghiên cứu; dịch một số chuyên đề của Tạp chí nghiên cứu SKĐA sang tiếng Anh làm quà tặng cho chuyên gia, nhằm tạo một kênh thông tin về Nhà trường ra thế giới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Khi xây dựng kế hoạch và định hướng nghiên cứu khoa học, Nhà trường luôn bám sát hai chức năng: Nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu khoa học ứng dụng. Trong đó, cả hai mảng nghiên cứu này đều hướng tới mục đích nâng cao chất lượng đào tạo của Trường và có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của ngành [H7.7.4.1]. Do đó, nhiều công trình sau khi nghiệm thu đã có giá trị ứng dụng cao, trở thành tài liệu tham khảo bổ ích cho nhiều đơn vị đào tạo về nghệ thuật trong ngành và cả nước [H7. 7.4.2].

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã thực hiện 02 công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, trong đó 1 công trình đã được nghiệm thu, 1 công trình đang làm thủ tục nghiệm thu. Đa số các công trình nghiên cứu khoa học cấp Trường được nghiệm thu hằng năm đều được đánh giá vào loại khá, giỏi, những công trình này có tính đặc thù, chủ yếu phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu của Trường. [H7. 7.4.3].

2. Điểm mạnh

Kết quả của các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp Trường đều có thể áp dụng vào công tác đào tạo của các trường khối Văn hoá - Nghệ thuật ở Việt Nam.

Các công trình NCKH của trường luôn được đánh giá cao về chất lượng, cũng như giá trị ứng dụng thực tiễn. Nhiều công trình của Trường đã được chuyển giao ứng dụng cho các đơn vị đào tạo về nghệ thuật trong ngành.

3. Tồn tại

Tính ứng dụng của các công trình NCKH của Trường còn hạn chế, chỉ trong phạm vi hẹp là các trường của khối nghệ thuật.

Sản phẩm chỉ gián tiếp tạo ra giá trị tinh thần và vật chất cho xã hội.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2016 đến năm 2020 tập trung cơ sở vật chất và nguồn nhân lực cho việc nghiên cứu các đề tài ứng dụng thực tiễn phục vụ công tác đào tạo của trường và ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo kế hoạch KHCN hằng năm, Trường ban hành quy định về thu, chi cho các hoạt động NCKH&CGCC trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Trong quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ mức thu, chi kinh phí cho mỗi cấp độ đề tài [H7.7.5.1]. Trong 05 năm (2010 - 2015), Trường ĐH SK - ĐA HN đã thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Trường, tập trung phục vụ cho nhiệm vụ trọng tâm của Trường là công tác đào tạo. Các đề tài nghiên cứu khoa học trên đã được vận dụng vào công tác đào tạo, nghiên cứu của Trường và một số trường Văn hóa Nghệ thuật trên cả nước [H7.7.5.2].

Tính đến năm 2015, Trường vẫn là cơ sở đào tạo nghệ thuật ở bậc đại học và sau đại học duy nhất ở Việt Nam, nên việc chuyển giao công nghệ của Trường cho các đơn vị nghệ thuật khác là rất khó khả thi. Trường chỉ có các hoạt động liên kết đào tạo, nên các giá trị nghiên cứu khoa học chỉ được chuyển giao qua công tác giảng dạy. Bởi vậy, trên thực tế, nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường là không có.

2. Điểm mạnh

Hoạt động nghiên cứu NCKH luôn nhận được sự quan tâm và hỗ trợ về mặt tài chính của Nhà trường. Nguồn thu từ ngân sách nhà nước cho NCKH đã bước đầu tạo được động lực cho hoạt động NCKH của Trường khởi sắc.

3. Tồn tại

Trường chưa tạo được nguồn thu cho NCKH từ các tổ chức, doanh nghiệp mà chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2017, xây dựng kế hoạch liên kết với các đơn vị nghệ thuật, các trường nghệ thuật, cũng như các trường có cùng lĩnh vực đào tạo để tìm kiếm đối tác chuyển giao công nghệ, tạo nguồn thu từ hoạt động NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn nhân lực của trường.

1. Mô tả

Viện Sân khấu - Điện ảnh là đơn vị phụ trách việc xây dựng, triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Trung bình mỗi năm, Viện tổ chức cho cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện từ 28 – 32 công trình nghiên cứu khoa học cấp Viện, cấp Trường. 2 – 4 Hội thảo khoa học, xuất bản 2 – 5 đầu sách. Nhiều công trình

ngiên cứu đã góp phần bổ sung, hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường [H7.7.6.1].

Năm 2014-2015, Nhà trường đã thực hiện Dự án Tăng cường năng lực nghiên cứu cho Viện Sân khấu – Điện ảnh. Dự án đã bổ sung hệ thống lưu trữ tư liệu phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu và bảo tồn những giá trị nghệ thuật sân khấu, điện ảnh, đặc biệt là những giá trị sân khấu truyền thống. Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, 100% cán bộ của Viện nghiên cứu được trang bị máy tính, máy in và các công cụ đảm bảo chất lượng để làm việc. [H7.7.6.2].

Năng lực chuyên môn của cán bộ nghiên cứu và cán bộ tham gia nghiên cứu được nâng lên rõ rệt, thể hiện qua số lượng và chất lượng công trình nghiên cứu khoa học được nghiệm thu hằng năm. Đặc biệt, tháng 7 năm 2015, Viện SK-ĐA có 01 cán bộ đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, đề tài liên quan đến nghệ thuật sân khấu Chèo [H7.7.6.3]. Cán bộ Nhà trường đã có nhiều bài viết và công trình nghiên cứu khoa học được tính điểm để xét công nhận chức danh phó giáo sư. [H7.7.6.4].

Trong những năm qua, công tác NCKH ở Trường luôn có sự gắn kết chặt chẽ giữa các khoa chuyên môn và Viện Sân khấu - Điện ảnh. Kết quả từ các hoạt động nghiên cứu khoa học đã được ứng dụng vào các chương trình đào tạo của Trường, nâng cao chất lượng đào tạo và kỹ năng chuyên môn cho sinh viên. Từ năm 2010 đến nay, người học tốt nghiệp ra trường đạt loại xuất sắc, giỏi chiếm tỷ lệ ngày càng cao [H7. 7.6.5].

Kết quả nghiên cứu khoa học còn có những đóng góp cho công tác liên kết đào tạo của Trường với các trường Văn hóa - Nghệ thuật của các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. [H7.7.6.6].

2. Điểm mạnh

Các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp Trường đạt chất lượng tốt và được triển khai phục vụ cho công tác đào tạo của Trường, cũng như các đơn vị liên

kết đào tạo với Trường, góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học đã có đóng góp vào việc nâng cao trình độ nhận thức và nghề nghiệp, phát triển các nguồn nhân lực của Trường.

3. Tồn tại

Trường chưa có cơ chế khuyến khích liên kết NCKH với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Do đặc thù đào tạo của Nhà trường, mỗi liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học khác trong công tác nghiên cứu khoa học mà mới chỉ dừng lại ở việc liên kết đào tạo với các đơn vị nghệ thuật và các trường thuộc khối nghệ thuật.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Viện Sân khấu – Điện ảnh trình BGH kế hoạch triển khai mối quan hệ hợp tác NCKH với các đơn vị nghệ thuật, các viện nghiên cứu và các trường đại học khác để có những đóng góp tích cực vào việc phát triển nguồn nhân lực của Trường; xây dựng cơ chế khuyến khích liên kết NCKH với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Trong nhiều năm qua, Trường ĐH SK - ĐA HN đã thực hiện các quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động NCKH và công nghệ theo các nội dung cơ bản sau:

Các đề tài NCKH do Trường thực hiện từ cấp Bộ, cấp Trường đều phải xuất phát từ thực tế đào tạo, do nhu cầu đào tạo đặt ra để hình thành đề tài nghiên cứu và phải tạo ra những động lực hỗ trợ cho công tác giảng dạy của

Trường. Các đề tài nghiên cứu khoa học đều được thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu đúng hạn [H7.7.7.1].

Để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ của tác giả, nhóm tác giả, công trình được thực hiện theo các bước sau:

1. Đăng ký đề tài khoa học: Các cá nhân, tập thể đăng ký đề tài khoa học phải có đề cương nghiên cứu, tuân thủ đúng qui cách của một đề cương công trình NCKH. Đề tài phải thực sự có ý nghĩa khoa học, có giá trị về lý luận và thực tiễn trong công tác đào tạo và NCKH của Trường. Đề cương phải được thông qua ý kiến của tổ bộ môn, khoa chuyên môn, hội đồng khoa học khoa, sau đó mới xét duyệt tại Hội đồng khoa học của Trường.

2. Về thực hiện tính pháp lý của đề tài khoa học: Sau khi thông qua đề cương, Hiệu trưởng Nhà trường sẽ ký hợp đồng với chủ nhiệm đề tài hay nhóm tác giả đề tài. Hợp đồng quy định rõ về giá trị hợp đồng, tiến độ thực hiện, trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ của các bên.

3. Về tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả của đề tài: Có quyết định thành lập hội đồng khoa học, biên bản họp hội đồng khoa học, phiếu đánh giá đề tài, thanh lý hợp đồng, bảo vệ quyền tác giả (theo hợp đồng ký kết), tổ chức hiệu đính, in ấn, phát hành và lưu trữ.

4. Đối với các đề tài khoa học cấp Bộ, về cơ bản đều thực hiện theo các nội dung trên, nhưng có thêm một số quy định sau:

- Có công văn của Trường gửi cho Bộ về đề tài khoa học
- Công văn của Bộ về phân bổ kinh phí thực hiện đề tài khoa học, hợp đồng ký kết giữa Bộ với Hiệu trưởng Nhà trường.
- Danh sách Hội đồng khoa học cấp Bộ, Quyết định thành lập Hội đồng khoa học cấp Bộ, cấp Trường.
- Theo dõi, thực hiện tiến độ và triển khai các công việc liên quan đến đề tài, thanh lý hợp đồng, bàn giao sản phẩm của đề tài [H7.7.7.2].

Vấn đề *tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ*, và các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, hiện nay Trường đều căn cứ vào các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ chủ quản, để triển

khai các bước đăng ký, thực hiện hoạt động NCKH. Tiêu chuẩn năng lực và đạo đức cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đang thực hiện trên tinh thần của *Qui định đạo đức nhà giáo* (ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Tuy chưa có quy định riêng cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức nghiên cứu nhưng Nhà trường vẫn đang khuyến cáo các nhà nghiên cứu tuân thủ và áp dụng các quy định của các cấp, các ngành đã được ban hành.

2. Điểm mạnh

Thực hiện nghiêm túc các quy định chung của nhà nước về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tồn tại

Trường chưa xây dựng các biện pháp cụ thể để đảm bảo thực thi đầy đủ quyền sở hữu trí tuệ trong NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017-2018, Nhà trường rà soát, bổ sung quy định về hoạt động KHCN; xây dựng và triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ cho các nhà nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận cho tiêu chuẩn 7

Hoạt động NCKH của trường đảm bảo phù hợp với sứ mạng, định hướng nghiên cứu và phát triển, có giá trị ứng dụng thực tế vào hoạt động giáo dục đào tạo của Nhà trường. Các đề tài NCKH, dự án được thực hiện và nghiệm thu đúng kế hoạch với tỷ lệ cao. Trong những năm qua, Nhà trường đã tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ về vật chất để động viên khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và coi đây là điều kiện bình xét thi đua hằng năm đối với giảng viên. Tuy vậy, số lượng các bài báo, các công trình NCKH được đăng tải trên tạp chí Quốc tế còn quá ít, số bài báo đăng trong nước chưa nhiều so với số lượng giảng viên cơ hữu. Nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ hiện nay của Trường là không

có. Trong giai đoạn 2017- 2020 từng bước xây dựng tiêu chuẩn năng lực, đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ, triển khai biện pháp đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

Tiêu chuẩn 8

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Mở đầu

Trong những năm gần đây, hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) của Nhà trường đã có sự phát triển đáng kể với nội dung và hình thức ngày càng phong phú. Sự hợp tác về đào tạo với các trường đại học trên thế giới luôn tuân thủ đúng quy định của luật pháp Nhà nước Việt Nam và quốc tế. Việc mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học nghệ thuật có uy tín trên thế giới đã tạo nhiều điều kiện và cơ hội cho Trường được trao đổi, học hỏi về kinh nghiệm giảng dạy; học tập; trao đổi chuyên môn; giao lưu văn hoá – nghệ thuật. Đồng thời cũng góp phần nâng cao trình độ về chuyên môn; nắm bắt kịp thời những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và sinh viên.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả

Trong hoạt động HTQT, Nhà trường có bộ phận và cán bộ chuyên trách về HTQT. Trường đã áp dụng và thực hiện theo đúng các văn bản quy định của Chính phủ, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ chức năng. [H2.8.1.1].

Năm 2015, căn cứ các văn bản pháp quy của nhà nước, Trường đã xây dựng quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội bao gồm các quy định về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát, phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động HTQT và hướng dẫn thực hiện các hoạt động HTQT về đào tạo; khoa học công nghệ; dịch vụ giáo dục đối với các đơn vị trong toàn Trường. [H2.8.1.2].

Các hoạt động về giảng dạy, làm việc của các tổ chức, các trường đại học nước ngoài tại Trường đều được triển khai thực hiện theo kế hoạch một cách chặt chẽ và bài bản [H8.8.1.3].

Hằng năm, cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên và sinh viên của Trường tham gia các đợt học tập, thăm quan, tập huấn, hội thảo, hội nghị, biểu diễn ... ở nước ngoài đều được báo cáo các cơ quan chức năng và làm thủ tục theo đúng quy định của Nhà nước [H8.8.1.4].

Nhìn chung, công tác HTQT của Trường diễn ra trong những năm gần đây đã thu được những kết quả tích cực và luôn thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước, đảm bảo an ninh quốc gia. Tính đến tháng 5/2016, Nhà trường không có bất cứ vi phạm nào về hoạt động HTQT. [H8.8.1.5].

2. Điểm mạnh

Công tác HTQT thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của BGH Nhà trường. Trong quá trình thực hiện có sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả của các phòng chức năng, các khoa với bộ phận phụ trách HTQT của Trường.

Hoạt động HTQT của Nhà trường ngày càng đa dạng, phát triển về nội dung và hình thức; quá trình triển khai, thực hiện và quản lý luôn tuân thủ các quy định của Bộ VHTTDL, của Nhà nước Việt Nam và Quốc tế.

3. Tồn tại

Trường có nhiều hoạt động HTQT với các cá nhân, tổ chức nước ngoài, tuy nhiên Trường chưa xây dựng được hệ thống các đối tác trọng tâm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017-2018, Trường rà soát các hoạt động hợp tác với các đối tác thường xuyên nhằm xây dựng hệ thống đối tác trọng tâm và đi vào chiều sâu; xây dựng định hướng mở rộng hoạt động hợp tác với các trường đại học nghệ thuật danh tiếng trên thế giới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Các hoạt động HTQT về đào tạo, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát của Trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên, các cán bộ nghiên cứu và sinh viên có cơ hội được học hỏi, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp, phương pháp đào tạo....Đồng thời đã khích lệ được tinh thần học tập, làm việc say mê, phát huy khả năng tư duy sáng tạo, sự tự tin của giảng viên và sinh viên.... Đối với sinh viên đây là một hành trang rất cần thiết cho họ trên con đường nghệ thuật [H8.8.2.1].

Hoạt động HTQT của Nhà trường không chỉ mang lại những lợi ích về nâng cao nguồn nhân lực; chuyên môn nghề nghiệp, mà còn tạo điều kiện cho Nhà trường cơ hội nhận thêm sự tài trợ của các nước về cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập [H8.8.2.2].

Thông qua các hoạt động HTQT, Nhà trường đã không ngừng mở rộng mối quan hệ với các đối tác quốc tế, khai thác cơ hội tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn, dự hội thảo, hội nghị, liên hoan sân khấu, liên hoan phim, học tập ở nước ngoài....cho đội ngũ giảng viên và sinh viên của Nhà trường. Phần lớn các cán bộ, giảng viên sau khi đi học tập, công tác, tham quan khảo sát về Trường đều có các báo cáo kết quả làm việc tại nước ngoài [H8.8.2.3]

Chương trình trao đổi giảng viên, chuyên gia với các đối tác nước ngoài được thực hiện với các đối tác đến từ nhiều nước như: Nhật Bản, Bỉ, Mỹ, Nga, Đức, Trung Quốc, Đài Loan, Na Uy, Singapore, Colombia, Áo, Úc, Nam Phi, Colombia, với các hoạt động như chuyên gia nước ngoài đến trường tham gia công tác giảng dạy, trao đổi học thuật, nghề nghiệp; cán bộ, giảng

viên, sinh viên đi tham dự hội thảo, hội nghị, liên hoan sân khấu, liên hoan phim, học tập ở nước ngoài. [H8.8.2.4]

2. Điểm mạnh

Trường đã thiết lập được mối quan hệ tốt với các đối tác nước ngoài, thu được nhiều kinh nghiệm trong công tác đào tạo, giảng dạy do đó đã góp phần cải tiến nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy, cũng như tổ chức, quản lý các dự án đào tạo và nâng cao hiệu quả đào tạo cho sinh viên của trường.

3. Tồn tại

Trường chưa thu hút được sinh viên nước ngoài vào học tại trường. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo còn bị động vì nguồn kinh phí của Nhà trường không nhiều; trình độ ngoại ngữ của cán bộ giảng viên và sinh viên Nhà trường còn hạn chế, do đó, ảnh hưởng đến hiệu quả trao đổi, học tập.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2016-2018, xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông để thu hút sinh viên nước ngoài vào học trong các chương trình lấy bằng của Trường; có kế hoạch chủ động về nguồn kinh phí trong hoạt động HTQT; khuyến khích cán bộ, giảng viên và sinh viên nâng cao năng lực ngoại ngữ trong tham gia hoạt động HTQT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Trường đã tham gia nhiều hội thảo khoa học; dự án đào tạo và các hội nghị, liên hoan sân khấu, liên hoan phim ở nhiều nước trên thế giới [H8.8.3.1].

Thông qua việc thực hiện các dự án, chương trình như: Dự án hợp tác đào tạo “Hỗ trợ các nghề nghe - nhìn” giữa Việt Nam và Wallonie - Bruxelles, Bỉ; Dự án hợp tác giữa ĐH SKĐAHN và Quỹ giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản (Japan Foundation); Chương trình hợp tác giữa Việt Nam và Wallonie - Bruxelles, Vương Quốc Bỉ giai đoạn 2016 – 2018, đã nâng cao năng lực nghiên cứu của Nhà trường, đồng thời Nhà trường cũng đã có cơ hội trực tiếp tham gia các hoạt động nghệ thuật ở nước ngoài [H8.8.3.2].

Ngoài ra, các giảng viên và sinh viên của Trường đã đạt được các giải thưởng khi tham gia các hoạt động của hiệp hội nghệ thuật, các liên hoan nghệ thuật, các triển lãm tranh, ảnh... trong nước và quốc tế [H8.8.3.3].

2. Điểm mạnh

Trường đã phát huy được mối quan hệ hợp tác quốc tế nghiên cứu khoa học với một số nước qua các dự án cụ thể; việc tham gia các hoạt động HTQT đã làm cho vị thế và uy tín của Trường được nhiều trường đại học trong khu vực và quốc tế biết đến.

3. Tồn tại

Hoạt động HTQT trong lĩnh vực NCKH còn hạn chế về nguồn kinh phí; đề tài nghiên cứu chưa thật sự xứng tầm khu vực.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2017-2020, xây dựng kế hoạch và chủ động nguồn kinh phí cho các dự án/ đề án về hợp tác nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo...với các tổ chức quốc tế, các trung tâm và các trường đại học uy tín trên thế giới.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận cho tiêu chuẩn 8

Trong 05 năm qua, hoạt động HTQT của Nhà trường ngày càng được mở rộng, thực sự đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả đáng kể góp phần quan trọng vào sự phát triển của Nhà trường; mở thêm nhiều cơ hội hợp tác trong đào tạo, NCKH với các trường đại học, các tổ chức trên thế giới.

Thông qua các hoạt động HTQT trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng dạy, quản lý đã được nâng cao; nội dung chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy đã được đổi mới, đồng thời tạo nhiều điều kiện và cơ hội cho sinh viên tiếp thu được những kiến thức, kỹ năng tiên tiến, phù hợp quá trình hội nhập với các nước.

Tiêu chuẩn 9
THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ
VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu

Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đào tạo là một trong những yêu cầu quan trọng để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục. Trong những năm qua, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã không ngừng đầu tư về cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Đến nay, Trường đã có một hệ thống CSVC và thiết bị khang trang. Thư viện, phòng học, nhà hát thể nghiệm, phòng chiếu phim, phòng thực hành đa năng, phòng tập, sân khấu nhỏ.... đã được xây mới, sửa chữa và được bổ sung trang thiết bị hiện đại.

Công tác quản lý CSVC, thiết bị được thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sử dụng và quản lý tài sản công. Công tác an ninh, trật tự trong Trường và tại ký túc xá sinh viên luôn luôn được đảm bảo tốt. Trường có đầy đủ các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Trung tâm Thông tin, Thư viện của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội được bố trí trên một mặt bằng khá thuận lợi cho bạn đọc với tổng diện tích sử dụng là 581,4m². Thư viện của Trường hiện nay chia thành hai bộ phận: Thư viện sách và thư viện điện tử đặt tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, phục vụ việc học tập của sinh viên và giảng dạy của viên chức Nhà

trường. Tổ chức biên chế của Thư viện thực hiện theo Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008 của Bộ VHTTDL ban hành về Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường Đại học [H9.9.1.1]. Hiện tại nhân sự của thư viện là 04 cán bộ biên chế, 02 cán bộ hợp đồng, Thư viện hoạt động 05 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian hoạt động từ 8h-18h.

Về cơ sở hạ tầng: Trung tâm Thông tin thư viện được bố trí tại tầng 6 nhà A1 gồm 05 phòng (A601, A602, A604, A606, A608) với tổng diện tích sử dụng là 581,4m², trong đó 01 phòng đọc mở (A608) bao gồm cả thư viện điện tử có diện tích 190,3m²; toàn bộ diện tích còn lại (391,1m²) bao gồm: Kho sách, tài liệu (A601, A602, A604) và phòng xử lý dữ liệu (A606). [H9.9.1.2].

Về cơ sở vật chất: Để đáp ứng nhu cầu phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học. Hằng năm, thư viện đặt báo, tạp chí cho các phòng, ban, khoa và thư viện; phô tô nhân bản tài liệu, nhập sách tài liệu do các nơi tài trợ như: Nhà xuất bản văn học, Nhà xuất bản Sân khấu, Hội điện ảnh. Hội nghệ sĩ Nhiếp ảnh...[H9. 9.1.3].

Hiện nay, Trung tâm Thông tin, thư viện của Trường có 26.615 đầu sách (bao gồm sách tiếng Việt và sách tiếng nước ngoài); có đủ các loại báo ngày, báo tuần cũng như các loại tạp chí chuyên ngành để phục vụ nhu cầu bạn đọc. Đặc biệt, năm 2014, Trung tâm thông tin, thư viện của Trường đã tiếp nhận một khối lượng lớn về sách, báo, tư liệu của Viện Sân khấu – Điện ảnh khi chuyển địa điểm (từ trụ sở ở số 32 Hà Nam – Đống Đa – Hà Nội) về Trường. Với số lượng bản sách và đầu sách của thư viện, số đầu sách theo ngành học của Trường đáp ứng được yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học [H9. 9.1.4].

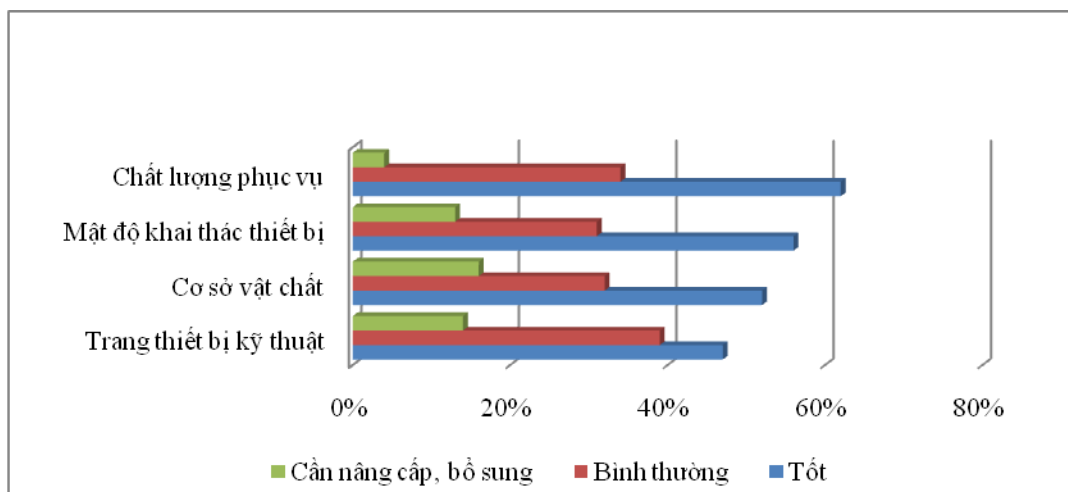
Để phục vụ học tập một cách có hiệu quả, thư viện ban hành các quy định hoạt động, các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa [H9. 9.1.5]. Đội ngũ cán bộ thư viện đã được đào tạo nghiệp vụ theo tiêu chuẩn mới; hằng năm trung tâm đều

cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và những dự án kỹ thuật số do Nhà trường và các cơ quan thông tin thư viện của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức [H9. 9.1.6].

Năm 2014, Trung tâm Thông tin thư viện được nâng cấp và bổ sung hệ thống máy mới cùng phần mềm quản lý thư viện. Thư viện điện tử được nối mạng Internet và mạng Lan với 01 máy chủ và 10 máy trạm (*tại trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội*). Thư viện điện tử lưu giữ các bài giảng của chuyên gia nước ngoài và các giáo sư đầu ngành về nghệ thuật, các phim điện ảnh - truyền hình kinh điển trong nước và nước ngoài, các loại sách và tài liệu phục vụ các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường, phục vụ nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ giảng viên và sinh viên (gồm các bài giảng chuyên ngành, trích đoạn, ảnh tư liệu, ảnh biểu diễn). [H9. 9.1.7].

Hệ thống máy vi tính trong Trung tâm thông tin, thư viện được nối mạng nội bộ và internet; các máy tính tại quầy thủ thư được cài đặt phần mềm quản lý thư viện Ilip ver 4.1 do CMC cung cấp. Phần mềm Ilip bao gồm các module bổ sung, biên mục, lưu thông, mượn trả dành cho thủ thư phòng đọc. Cơ sở dữ liệu về sách, tài liệu và các thông tin về bạn đọc, quá trình lưu thông, mượn trả được lưu trữ thông qua máy chủ Thư viện. Tài liệu được phân loại theo chuẩn DDC14 và mô tả dưới dạng biểu ghi MARC 21, nhập vào cơ sở dữ liệu, sau đó được dán mã vạch và được xếp giá theo phân loại thập phân DDC. Thông tin bạn đọc cũng được nhập các trường họ, tên, ngày sinh, lớp, ảnh vào cơ sở dữ liệu và phát hành thẻ có mã vạch [H9. 9.1.8]

Nhằm phục vụ bạn đọc hiệu quả nhất, bên cạnh các kho đóng, còn có các kho phục vụ theo hình thức mở để bạn đọc được trực tiếp vào kho lựa chọn tài liệu. Hằng năm, thư viện đón khoảng 1000 lượt bạn đọc đến khai thác tài liệu [H9.9.1.9] Năm 2014, Nhà trường đã tổ chức đợt khảo sát thăm dò ý kiến bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện, hơn 60% bạn đọc đánh giá chất lượng phục vụ ở mức độ tốt. [H9.9.1.10]



Việc xây dựng mối quan hệ gắn bó với cán bộ, giảng viên cũng được thư viện rất chú trọng, thư viện thường xuyên liên hệ với cán bộ, giảng viên các khoa để kịp thời nắm bắt nhu cầu, sự thay đổi về nguồn tài liệu, trao đổi về những nguồn tư liệu mới (bao gồm danh mục sách mới, thông tin về cách thức đặt sách, nội dung cơ sở dữ liệu), trên cơ sở đó tạo mối kết nối giữa bộ môn/ khoa/ giảng viên với thư viện để xây dựng và sử dụng hiệu quả nguồn học liệu. [H9.9.1.11]

2. Điểm mạnh

Cơ sở hạ tầng thư viện Trường đáp ứng yêu cầu TCVN 3981:1985. Thư viện đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ thư viện quốc tế DDC14, MARC 21, sử dụng phần mềm thư viện Ilip trong công tác biên mục, bổ sung, tra cứu tài liệu, quản lý bạn đọc và quản lý tài liệu mượn trả.

Thư viện có nguồn tài liệu đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên các chuyên ngành đào tạo của Trường.

3. Tồn tại

Chưa thực hiện được việc kết nối liên thư viện, do vậy việc chia sẻ và khai thác nguồn tư liệu còn hạn chế. Việc khảo sát ý kiến bạn đọc chưa được thực hiện định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, định kỳ 02 năm một lần tổ chức điều tra, phỏng vấn bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện.

Năm 2017, đăng ký trở thành thành viên chính thức của Liên hợp Thư viện Việt Nam (Vietnam Library Consortium) để thư viện điện tử của Trường có thể liên kết với các cơ sở giáo dục khác phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Trường có đủ phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Do đặc thù của chuyên ngành đào tạo, Trường không có hệ thống phòng thí nghiệm.

Với đặc điểm là một trường đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành, phòng thực hành, sàn tập của trường cũng đa dạng và được bố trí phù hợp với yêu cầu thực hành của 11 khoa. Những năm gần đây, bên cạnh khu nhà C, B, E Nhà trường đã xây mới hai tòa nhà A1, A2 và Nhà hát thể nghiệm A3. Nhà trường có hội trường lớn 300 chỗ phục vụ cho việc thực hành của sinh viên các khoa. Trường hiện có 109 phòng học lý thuyết với tổng diện tích là: 6682 m². Các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng chống lóa. Thiết bị học tập phục vụ theo yêu cầu tối thiểu của từng khoa. Các phòng học lớn sử dụng cho việc học tập trung nhiều lớp. Phòng học nhỏ sử dụng cho các lớp học nhóm, học chuyên môn của khoa Nghệ thuật Điện ảnh, khoa Truyền hình, khoa Kịch hát dân tộc v.v... Một số phòng học được trang bị máy Projector, bộ máy chiếu DVD phục vụ cho việc xem phim và nghiên cứu của sinh viên. [H9.9.2.1].

Nhà trường có 52 phòng thực hành với tổng diện tích 4575 m². Đó là điều kiện cơ bản về cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu thực hành của sinh viên (*đặc biệt là khối nghệ thuật*). Một số phòng thực hành như: trường quay, phòng chụp ảnh, phòng dựng phim, phòng chiếu phim, phòng in tráng phim được sử dụng chung cho các khoa Nghệ thuật Điện ảnh, khoa Truyền hình, khoa Nhiếp ảnh.

Các sàn tập của khoa Sân khấu, khoa Kịch hát Dân tộc, đều được trang bị tối thiểu cho việc thực hành của sinh viên: phong, rèm, đạo cụ, bục bệ sân khấu, phong cảnh...

Các phòng thực hành của khoa Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền hình được đầu tư để phục vụ việc thực hành của sinh viên như: bộ bàn dựng phim, máy chiếu phim, máy tính...

Các sàn múa của khoa Múa đều được trang bị tiện nghi cho sinh viên thực hành: gióng, gương, đàn piano, đạo cụ, cassette. Các phòng thực hành của khoa Mỹ thuật cũng đều được trang bị theo yêu cầu tối thiểu: có phòng máy tính chuyên ngành, phòng đồ họa vi tính, xưởng may, phòng hình họa, hội họa cơ bản.

Đặc biệt, năm 2010 Nhà hát thể nghiệm A3 được đưa vào sử dụng, nhà hát có máy chiếu hiện đại, âm thanh, ánh sáng tương đương một sân khấu nhỏ với 320 ghế, phục vụ chiếu phim và biểu diễn nghệ thuật. Với một nhà hát thu nhỏ như vậy trong một trường nghệ thuật, Nhà trường đã có một cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại để phục vụ việc học, dạy và thực tập của sinh viên. [H9.9.2.2].

Ngoài ra, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các nhà hát, hãng phim, đài truyền hình. Các đơn vị này luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên của trường về thực hành, thực tập tốt nghiệp.

Hiện nay, Nhà trường đang chuẩn bị cho việc sửa chữa, cải tạo khu nhà B, khi hoàn thành, đây sẽ là khu giảng đường rộng rãi, bổ sung thêm quỹ phòng học của Nhà trường. [H9.9.2.3].

Tháng 4 năm 2016, Nhà trường đã phát phiếu khảo sát đề nghị sinh viên nhận xét về cơ sở vật chất. Kết quả khảo sát cho thấy: 85% người học đồng ý với tiêu chí phòng học có đủ các phương tiện hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy; 90% người học đồng ý với tiêu chí phòng học đảm bảo yêu cầu về chỗ ngồi; 95% người học đồng ý với tiêu chí phòng học đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, vệ sinh, độ thông thoáng [H9.9.2.4].

2. Điểm mạnh

Giảng đường dạy lý thuyết của Nhà trường đã đáp ứng đủ về diện tích và trang thiết bị cho nhu cầu dạy, học. Khu giảng đường được bố trí học 2 ca trong ngày để khai thác tối đa về công suất của giảng đường.

Khu thực hành, nhà hát thể nghiệm, sân tập đủ diện tích cho các khoa giảng dạy, đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

3. Tồn tại

Thiết bị chuyên ngành đầu tư còn hạn chế do nguồn kinh phí hạn hẹp, nên việc cập nhật thực hiện quy trình công nghệ khép kín chưa thực sự bắt nhịp hiệu quả cao so với trình độ tiên tiến trên thế giới.

4. Kế hoạch hành động

- Năm học 2017-2018, toàn bộ các phòng đa chức năng, phòng học chuyên dụng được trang bị máy tính và thiết bị trình chiếu và các máy móc chuyên dụng theo yêu cầu giảng dạy và phục vụ thực hành của từng khoa.

- Từ năm 2017, định kỳ 02 năm một lần thực hiện khảo sát sự hài lòng về chất lượng của hệ thống các phòng học và phòng thực hành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường đã từng bước trang bị cho các khoa chuyên môn máy móc và các trang thiết bị. Năm 2012 mua bổ sung máy quay phim, bộ đèn Kit cho khoa Nghệ thuật Điện ảnh và Khoa Truyền hình; Bộ bàn dựng phim, máy tính cấu hình cao cho khoa Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền hình. Các thiết bị được cung cấp tương đối đầy đủ và đa dạng, chất lượng được đảm bảo cho các đơn vị.[H9.9.3.1]. Các thiết bị thực hành được sử dụng tối đa cho nhu cầu của trường. Trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các Khoa, Trung tâm, Viện, Nhà hát... được phép sử dụng theo đúng chuyên ngành đào tạo.[H9.9.3.2].

Nhà trường đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư hằng năm, với quy trình mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, dựa trên cơ sở yêu cầu của các đơn vị và các quy định của Nhà nước [H9.9.3.3]

Quy trình mua sắm được thực hiện đảm bảo nguyên tắc công khai minh bạch và thực hiện tốt Luật Phòng chống tham nhũng trong lĩnh vực quản lý cơ sở vật chất. Việc mua sắm thiết bị và xây dựng cơ bản theo đúng quy định của pháp luật. Phòng Tài vụ, Phòng Hành chính, Quản trị và Ban quản lý Dự án phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai quy trình mua sắm. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục đấu thầu trong trường hợp mua sắm trang thiết bị và xây dựng cơ bản [H9.9.3.4]

Năm 2015, Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của giảng viên, người học về cơ sở vật chất của Nhà trường. Trong đó, chủ yếu khảo sát mức độ hài lòng của người sử dụng (cán bộ, giảng viên, người học) về các trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy/ học tập và nghiên cứu khoa học của họ, kết quả cho thấy 85% cán bộ, giảng viên nhận xét ở mức độ tốt, 10% đánh giá

ở mức khá, 5% đánh giá mức trung bình với ý kiến nhận xét và đề nghị sửa chữa khu nhà B. [H9.9.3.5].

Hằng năm, để đáp ứng nhu cầu sử dụng cơ sở vật chất, Nhà trường đều có thông báo về việc gửi nhu cầu bổ sung thiết bị, cơ sở vật chất. Phòng Hành chính, Quản trị của Nhà trường luôn có một bộ phận nhận thông báo và kịp thời sửa chữa trang thiết bị (nếu cần) các phòng học hoặc phòng thực hành để đảm bảo tốt việc dạy và học [H9.9.3.6].

2. Điểm mạnh

Các trang thiết bị, máy móc phương tiện dạy/học và nghiên cứu khoa học được Nhà trường đầu tư ngày càng hiện đại, bảo đảm chất lượng, đã hỗ trợ đắc lực và đạt hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập của Nhà trường.

3. Tồn tại

Trang thiết bị phục vụ thực hành cho người học còn thiếu và chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ hiện đại. Nhà trường đã chú trọng đầu tư cho cơ sở vật chất nhưng việc triển khai các trang thiết bị chưa được đồng loạt và đầy đủ theo yêu cầu của các khoa chuyên môn.

4. Kế hoạch hành động

- Giai đoạn 2016 - 2020, đầu tư thêm trang thiết bị, máy móc cho phòng đa năng của khoa Nghệ thuật Điện ảnh, khoa Truyền hình và khoa Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền hình (máy chiếu phim hiện đại, bàn dựng phim, 20 máy tính cấu hình cao)

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả

Tin học hóa là một trong bốn chương trình trọng điểm của Nhà trường. Trước năm 2003, tổng số máy vi tính toàn trường chỉ có 30 bộ. Đến tháng 10/2012 các phòng, ban, khoa và Viện đã được đầu tư trang bị máy vi tính theo nhu cầu làm việc, giảng dạy và học tập của từng bộ phận, cụ thể:

Tổng số máy tính toàn trường là: **198** bộ máy tính

Trong đó bao gồm:

- 97 bộ máy tính phục vụ giảng dạy và học tập.

- 101 bộ máy tính cho quản lý điều hành và NCKH. Các thiết bị tin học đã đáp ứng được yêu cầu làm việc, phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV và SV. Các máy tính của toàn Trường đã được nối mạng internet phục vụ khai thác dữ liệu cho CB, GV và SV. Trong các phòng học lý thuyết được trang bị 11 máy projector tạo điều kiện thuận lợi, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. Thư viện điện tử của Trường được kết nối *internet*, để truy cập những thông tin cần thiết, khai thác tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn, NCKH, giảng dạy và học tập; gửi, nhận email của các phòng ban, khoa trong Trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng trong công việc. [H9.9.4.1].

Nhà trường đã thành lập Ban biên tập website, phân công nhiệm vụ thực hiện, trang web đã được cập nhật thông tin kịp thời, phản ánh các hoạt động của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và trang thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu về quản trị mạng [H9.9.4.2].

Nhà trường đã đầu tư các phần mềm chuyên dụng phục vụ công tác đào tạo, quản lý học sinh sinh viên, tài chính và nhân sự.[H9. 9.4.3]

2. Điểm mạnh

Có thư viện điện tử cho sinh viên, giảng viên, xem phim, tìm các tài liệu chuyên ngành, phục vụ học tập và NCKH. Các phòng, Ban, Khoa, Viện... và các phòng học chuyên dụng đều được trang bị đầy đủ các thiết bị tin học .. đã hỗ trợ tích cực cho giảng dạy, học tập, NCKH và công tác quản lý.

3. Tồn tại

Chưa cập nhật thường xuyên kết quả học tập của người học lên trang Web của Nhà trường.

Việc khảo sát ý kiến của giảng viên và người học về tính hiệu quả của các thiết bị tin học trong giảng dạy /học tập chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

- Năm 2017, Nhà trường bổ sung, hoàn thiện các qui định về việc khai thác, sử dụng thiết bị tin học và hệ thống mạng tại các Khoa, Phòng, Ban, Thư viện và giảng đường, xây dựng quy chế hoạt động của trang web Nhà trường.

- Từ năm 2017, định kỳ 02 năm một lần tổ chức lấy ý kiến của giảng viên và người học về tính hiệu quả của trang thiết bị tin học trong giảng dạy/học tập, NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường từng bước cải tạo xây dựng, bổ sung và đầu tư mới cơ sở vật chất đảm bảo có đủ lớp học phục vụ giảng dạy, học tập. Các lớp học tại các giảng đường nhà A1, A2, B, C, D, E đảm bảo đạt chuẩn. Có các phòng học lớn phục vụ học ghép các lớp và các phòng học nhỏ, dùng cho việc học chuyên ngành hẹp. Tổng số phòng học tính đến tháng 10 năm 2015 là: 161 phòng (bao gồm phòng học lý thuyết và phòng học thực hành), với tổng diện tích là: 11257m² (11257 m²/1263 sinh viên = 8,91 m²/01 SV) đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo 3981: 1985/ TCVN) [H9.9.5.1]. Cụ thể như sau:

- Nhà B: 29 phòng (phòng học + phòng thực hành) tổng diện tích: 1.782m²

- Nhà C: 17 phòng thực hành tổng diện tích: 1.041m²

- Nhà D: 13 phòng (phòng học + phòng thực hành) tổng diện tích: 1.200m²

- Nhà E: 25 phòng học tổng diện tích: 795m²

- Nhà A1: 19 phòng (phòng học + phòng thực hành), tổng diện tích: 1.606m²

- Nhà A2: 56 phòng (phòng học + phòng thực hành), tổng diện tích: 4.207m²

- Nhà hát Thể nghiệm A3: 02 phòng thực hành, tổng diện tích là: 502,214m²

Từ năm 2004, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH TT DL) đã xây dựng xong khu Ký túc xá sinh viên phục vụ cho các trường nghệ thuật tại khu Văn hoá Nghệ thuật Mai Dịch. Do vậy, việc quản lý sinh viên ở Ký túc xá do Ban quản lý khu Ký túc xá thuộc Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm. Ký túc xá đảm bảo cho sinh viên ở nội trú 6 người/phòng, công trình khép kín, an ninh trật tự tốt. Có phòng tiếp đón gia đình đến thăm sinh viên. Có phòng sinh hoạt chung, quy định giờ xem ti vi, đọc báo và có mạng Internet miễn phí.

Tại khu ký túc xá có sân bãi phục vụ cho các hoạt động thể thao, sân bóng chuyền, sân bóng đá mini, sân bóng rổ, bể bơi, đường chạy cự ly 800m, có nhà phục vụ thi đấu cầu lông, thể dục nhịp điệu, sàn nhảy, tập thể hình...Ngoài ra, còn có nhà ăn phục vụ cho sinh viên ngay trong ký túc xá. [H9. 9.5.2].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích phòng học đảm bảo cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Các phòng học, phòng thực hành, sàn tập hiện có phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo và được sử dụng có hiệu quả.

100% sinh viên ngoại tỉnh có nhu cầu ở nội trú, đều được ở Ký túc xá do Bộ VH TT DL quản lý. Điều kiện sân bãi, dụng cụ tập luyện, đáp ứng nhu cầu luyện tập thể thao và văn hoá, văn nghệ của sinh viên.

3. Tồn tại

Hiện nay, phòng học khu giảng đường nhà B đang xuống cấp, cần được cải tạo nâng cấp (xây dựng từ năm 1959)

4. Kế hoạch hành động

- Năm 2016, trình Bộ VHTTDL phê duyệt và cấp kinh phí, hoàn thành dự án xây dựng nhà B thành trung tâm phát triển nghệ thuật sân khấu truyền thống.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả

Có đầy đủ phòng làm việc, trang thiết bị và phương tiện làm việc cho cán bộ và giảng viên của Trường. Nhà trường còn bố trí những phòng riêng để đón tiếp giảng viên thỉnh giảng, đón tiếp chuyên gia các nước sang giảng dạy và làm việc. Ngoài ra, còn dành riêng 02 phòng nghỉ trưa cho sinh viên [H9. 9.6.1].

Tính đến tháng 10/2015, có 42 phòng làm việc cho CB, CNV Nhà trường, với diện tích là: 2618 m², bình quân là: 15,5 m² / 01 CB,GV.

Tháng 4 năm 2016, Nhà trường đã lấy ý kiến cán bộ, công nhân viên chức về cơ sở vật chất của Trường – lĩnh vực phòng làm việc, với các tiêu chí: Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định; phòng làm việc có đủ diện tích và đáp ứng các yêu cầu tối thiểu về trang thiết bị, cơ sở vật chất bên trong để phục vụ nhu cầu công tác; phòng làm việc đảm bảo yêu cầu về ánh sáng, vệ sinh, độ thông thoáng. [H9. 9.6.2]. Kết quả với 192 cán bộ, giảng viên, công nhân viên chức được hỏi có 62% hoàn toàn đồng ý; 36% đồng ý; 2% không đồng ý với các tiêu chí trên [H9. 9.6.3].

2. Điểm mạnh

Có đủ phòng làm việc và trang thiết bị cho cán bộ giảng viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

3. Tồn tại

Chưa xây dựng đồng bộ được các quy định cụ thể về việc sử dụng, bảo quản phòng làm việc và các trang thiết bị trong phòng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Phòng HCQT xây dựng được các quy định cụ thể về việc sử dụng, bảo quản phòng làm việc và các trang thiết bị trong phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Theo bản thống kê qui hoạch đất đai, diện tích mặt bằng do trường quản lý bao gồm các khu vực sau đây: [H9. 9.7.1].

Nhà A2 (9 tầng): Diện tích: 1350,75m² x 9 tầng, gồm có các phòng chức năng, phòng học, phòng thực hành.

Khu vực nhà B (3 tầng): Diện tích 802m² x 3 tầng, hiện nay sử dụng cho sinh viên khoa Kịch hát Dân tộc, khoa Sân khấu, khoa Truyền hình học tập, thực hành và liên kết đào tạo.

Khu nhà C1: Diện tích 589m² x 2 tầng, gồm các phòng học lý thuyết.

Khu nhà C2: Diện tích: Tầng 1: 349m², tầng 2: 271m². Khu vực này được sử dụng cho khoa Mỹ thuật, Trung tâm âm thanh ánh sáng để học tập và thực hành; văn phòng các khoa: Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Truyền hình, Nghệ thuật Điện ảnh, Sân khấu.

Khu vực nhà D: 3 tầng, tầng 1: 682,2m²; tầng 2: 785,9m²; tầng 3: 650m², khu vực này bao gồm Studio, phòng dựng phim, các phòng chụp ảnh, phòng in tráng phim của khoa Nhiếp ảnh, phòng chiếu phim, phòng thu âm thanh, sân khấu mini phục vụ cho thực hành của sinh viên.

Khu vực nhà E: 4 tầng (nhà chuyên đổi với Trường Trung học Xiéc Việt Nam). Diện tích: 782 m² x 4 tầng gồm các phòng học, các phòng học chuyên ngành của khoa Kịch hát dân tộc; đan xen từ tầng 1 đến tầng 4 là các hộ dân của trường Xiéc ở. [H9. 9.7.2].

Năm 2012, Nhà trường đã đưa vào sử dụng thêm hai khu nhà mới xây dựng là:

Nhà A1: Diện tích 505m² x 7 tầng. Sử dụng cho khu Hiệu bộ, các phòng chức năng, phòng học, phòng thực hành.

Khu Nhà hát Thể nghiệm A3: Diện tích sàn diện là 502,214m² phục vụ cho việc thực hành của sinh viên và các hoạt động khác của Nhà trường.

Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3981:1985 diện tích đất được cấp của Trường so với quy mô phát triển thì không đạt theo tiêu chuẩn vì hiện nay Nhà trường còn thiếu diện tích đất xây dựng trường quay ngoại cảnh, để sinh viên các khoa chuyên ngành như Nghệ thuật Điện ảnh, Truyền hình, Nhiếp ảnh, Mỹ thuật thực hiện các bài tập thực hành về ngoại cảnh.

2. Điểm mạnh

Các hội trường, các phòng hội thảo, giao ban được sử dụng hiệu quả ngoài việc dùng để họp, giao ban...còn được sử dụng làm giảng đường, phòng diễn giảng. Do vậy, bước đầu đáp ứng yêu cầu về các khu học tập, khu thể thao theo tiêu chuẩn Việt Nam.

3. Tồn tại

Thiếu quỹ đất để xây dựng khu thực hành ngoại cảnh cho các khoa chuyên môn về Điện ảnh, Truyền hình, Nhiếp ảnh và Mỹ thuật.

4. Kế hoạch hành động

- Năm học 2017-2018, xây dựng đề án trình Bộ VH TT DL về việc xây dựng khu thực hành ngoại cảnh cho các khoa chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường năm 2012 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trình Bộ VH TT DL phê duyệt. Đây là khung pháp lý để Nhà trường xây dựng và phát triển trong những năm tiếp theo [H9. 9.8.1]. Cụ thể như sau:

- Xây dựng mới các công trình phục vụ đào tạo, học tập, thực hành, nghiên cứu của sinh viên, với quy mô 2.000 sinh viên và 300 giảng viên, bao gồm 55 chuyên ngành đào tạo thuộc các lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, truyền hình, kinh tế kỹ thuật điện ảnh, mỹ thuật, múa, nhạc dân tộc, kịch hát dân tộc.

- Đầu tư đồng bộ các hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo, thực hành, nghiên cứu; Hệ thống thiết bị kỹ thuật phụ trợ; thiết bị kỹ thuật công trình; thiết bị phục vụ quản lý điều hành tương ứng với quy mô công trình được đầu tư.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo ra cảnh quan môi trường phù hợp với đặc trưng của trường nghệ thuật, góp phần cải tạo cảnh quan môi trường khu vực.

- Cải tạo nâng cấp các toà nhà cấp 2, cao 3,4 tầng cho phù hợp với quy hoạch, cảnh quan và chức năng mới, mục đích sử dụng mới.

Năm 2015, Trường đã được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia. Khi được xây dựng và trở thành trường trọng điểm, trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh sẽ là nhân tố tích cực, có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của toàn hệ thống đào tạo nghệ thuật sân khấu, điện ảnh trong cả nước, giúp cho chất lượng đào tạo nguồn nhân lực hoạt động sáng tác, biểu diễn và nghiên cứu khoa học nghệ thuật sân khấu và điện ảnh được nâng cao [H9.9.8.2]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã được Bộ VH TT DL phê duyệt đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển nhà trường từ năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”.

Năm 2015 Trường được Bộ VHTTDL phê duyệt đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.

3. Tồn tại

Trường không hoàn toàn chủ động được trong các vấn đề về giải ngân nên việc xây dựng cơ sở vật chất của Trường chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu về cơ sở vật chất của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng, để hoàn thành các hạng mục của Dự án cải tạo Nhà trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển trong quý I năm 2017.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.9. Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Trong những năm qua, công tác bảo vệ của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thực hiện tốt, chưa để xảy ra tình trạng mất cắp tài sản, mất an ninh trật tự. Để tăng cường công tác bảo vệ tài sản, Nhà trường đã lắp đặt hệ thống camera tại các giảng đường, phòng học, khu để xe. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của bộ phận chuyên trách trong công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn và an ninh theo các quy định của Nhà nước [H9. 9.9.1]

Nhà trường định kỳ tổ chức tuyên truyền về tác hại của ma túy và các tệ nạn xã hội đối với đời sống cộng đồng; từ đó nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ an ninh trật tự [H9. 9.9.2].

Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch bảo vệ trường, quy định về công tác bảo vệ an ninh, trật tự, đề ra các nhiệm vụ cụ thể và yêu cầu đối với tổ bảo vệ trong các tình huống xấu [H9. 9.9.3], có sổ giao ban, ghi chép diễn biến hàng ngày về công tác bảo vệ Nhà trường, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ,

viên chức và sinh viên trong toàn trường nâng cao tinh thần cảnh giác, bảo vệ tài sản của nhà trường và tài sản cá nhân [H9. 9.9.4]; có sơ đồ hướng dẫn và sơ đồ, phương án phòng cháy chữa cháy và phương án bảo vệ Nhà trường. Năm 2014, Nhà trường đã tổ chức tập huấn phòng cháy, chữa cháy. [H9. 9.9.5].

Thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng cho người học; thông qua báo cáo của các lớp, lập sổ theo dõi sinh viên ngoại trú. Đăng ký tạm trú cho sinh viên nội trú, đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước [H9. 9.9.6].

Hàng năm, Nhà trường đã phối hợp với các phòng chức năng của Công an Quận Cầu Giấy để tổ chức hội nghị triển khai công tác bảo vệ, an toàn cơ quan và ký cam kết thi đua giữa các đơn vị và các lớp sinh viên [H9 9.9.7]. Lực lượng bảo vệ chuyên trách là lực lượng nòng cốt trong công tác giữ gìn an ninh trật tự, có đủ về số lượng và chất lượng. Các đồng chí bảo vệ của Trường đã qua các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao [H9. 9.9.8]. Thực hiện đúng công tác báo cáo, đánh giá định kỳ hằng quý, hoạt động của tổ bảo vệ Nhà trường. Hàng năm, lực lượng bảo vệ được tập huấn phương án bảo vệ chính trị nội bộ và phòng cháy chữa cháy. Lực lượng bảo vệ đã được công an thành phố HN khen thưởng về thành tích bảo vệ tốt tình hình an ninh trật tự trong toàn trường.

2. Điểm mạnh

Năm 2015, Nhà trường đã bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện những văn bản và quy định về công tác bảo vệ an toàn cơ quan, có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học. Hàng năm, đã phối hợp với cơ quan công an tổ chức Hội nghị bảo vệ an toàn cơ quan, tổ chức ký cam kết thực hiện bảo vệ an toàn cơ quan đối với các Khoa, Phòng, Ban và các lớp sinh viên.

Đội ngũ nhân viên bảo vệ có tính kỷ luật và chịu trách nhiệm cao, công tác bảo vệ rất tốt, chưa xảy ra tình trạng mất cắp tài sản nào.

3. Tồn tại

Chưa thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện cho sinh viên về tình hình an ninh trật tự qua đó nâng cao tinh thần cảnh giác, tự bảo vệ tài sản cho cán bộ nhân viên và sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học. Định kỳ hằng quý tổ chức các buổi nói chuyện, báo cáo chuyên đề về tình hình an ninh trật tự địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận cho tiêu chuẩn 9

Trong những năm qua, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đã phấn đấu nỗ lực để tăng cường cơ sở vật chất, đặc biệt là xây mới giảng đường và bổ sung ccs thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập nhằm đáp ứng mở rộng quy mô đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo.

Hằng năm, Trường đã đầu tư kinh phí để mua thêm giáo trình, tài liệu cho thư viện, đã triển khai tin học hóa một số khâu trong công tác thư viện. Trung tâm Thông tin, Thư viện của Trường đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của người học và giảng viên.

Hệ thống phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị trong phòng thực hành đã cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo của các ngành học. Thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, quản lý được trang bị đồng bộ, chất lượng đảm bảo.

Nhà trường đã được Bộ VH TT DL phê duyệt đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển nhà trường từ năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”.

Năm 2016, Nhà trường tiếp tục hoàn chỉnh các văn bản qui định và hướng dẫn việc sử dụng các thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập. Mỗi năm 1 lần. Phòng Hành chính Quản trị tổ chức lấy ý kiến của giảng viên và người học về tính hiệu quả của các trang thiết bị phục vụ trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chuẩn 10

TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mở đầu

Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động. Công tác quản lý tài chính của Trường thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo sự hướng dẫn của cấp chủ quản là Vụ Kế hoạch - Tài chính Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, đảm bảo tính công khai, minh bạch.

Trường rất chú trọng đến công tác quản lý tài chính, đặc biệt là công tác quản lý nguồn thu, lập kế hoạch và sử dụng kinh phí đảm bảo tuân thủ các chế độ, chính sách và quy định của nhà nước; phục vụ hiệu quả hoạt động và chiến lược phát triển của Trường. Công tác tài chính của Trường được thực hiện bởi sự chuyên môn nghiệp vụ của Phòng tài vụ và sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám hiệu Nhà trường, có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong toàn Trường.

Công tác quản lý tài chính của Trường đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, đúng quy định của Nhà nước. Hằng năm, hoạt động tài chính của Trường được báo cáo quyết toán một cách chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

1. Mô tả

Nguồn tài chính của Nhà trường đều hợp pháp, được sử dụng đúng mục đích, phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Nhà trường. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán phân bổ ngân sách cho các hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo chủ động nguồn kinh phí cho các hoạt động [H10.10.1.1]. Hoạt động tài chính của Trường dựa trên các văn bản quy định của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào

tạo [H10.10.1.2], Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, các quy định đối với Trường đặc thù [H10.10.1.3]

Nguồn thu tài chính của Trường chủ yếu từ hai nguồn chính là: Ngân sách Nhà nước cấp và kinh phí thu sự nghiệp; ngoài ra còn có các nguồn thu từ một số hoạt động khác nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Các nguồn thu tài chính của Trường được mô tả qua bảng thống kê sau:

A - Hiện trạng nguồn kinh phí được NSNN cấp từ năm 2011 - 2015:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
	Ngân Sách NN Cấp					
1	Cho sự nghiệp đào tạo	17.720	34.220	37.430	35.700	40.475
2	Cho đào tạo Cao học	150	150	150	150	150
3	Cho sự nghiệp nghệ thuật	5.800	6.700	5.700	5.230	5.730
4	Cho NCKH				2.740	1.820
5	Chương trình mục tiêu quốc gia				2.000	1.400

B- Nguồn thu sự nghiệp gồm các khoản mục sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn thu	2011		2012	
		Số thu	Tỷ lệ %	Số thu	Tỷ lệ %
1	Học phí hệ chính quy	5.672		7.608	
2	Học phí hệ tại chức				
3	Học phí Cao học	183		530	
4	Thu khác	1.978		2.764	

TT	Nguồn thu	2013		2014, 2015	
		Số thu	Tỷ lệ %	Số thu	Tỷ lệ %
1	Học phí hệ chính quy	8.775		9.527	
2	Học hệ tại chức				
3	Học phí Cao học	693		779	
4	Thu khác	1.307		1.796	

Các khoản thu trên được thực hiện đúng với các quy định về tài chính theo sự phân cấp của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác, theo đúng dự toán. Hằng năm, Ban Thanh tra nhân dân, các đoàn Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra và đánh giá không có vi phạm về công tác quản lý nguồn thu của Nhà trường. [H10.10.1.4]

Các nguồn thu của Nhà trường được sử dụng, phân bổ hợp lý. Mỗi nguồn thu được hạch toán và theo dõi riêng, đảm bảo chi đúng mục đích tài chính. Việc phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu đã đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của Trường, trong đó không ngừng nâng cao, ổn định thu nhập cho cán bộ, viên chức; tăng cường chi cho các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển. Định kỳ 3 tháng 1 lần, Ban Thanh tra nhân dân trực thuộc tổ chức công đoàn của Trường đều có báo cáo về việc giám sát các mặt hoạt động của Nhà trường, trong đó có mục "Giám sát việc sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn thu khác, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản và công tác tự kiểm tra tài chính của Nhà trường". Hằng năm, Ban thanh tra nhân dân đều công khai báo cáo về việc giám sát hoạt động tài chính trước Hội nghị cán bộ, viên chức của Trường. [H10.10.1.5].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua, nguồn tài chính của Nhà trường đảm bảo thu đủ, thu đúng, hợp pháp theo chế độ quy định.

Công tác quản lí và sử dụng tài chính đúng quy định của Nhà nước, hợp lý, rõ ràng, minh bạch.

Trường đã thực hiện tốt chế độ, chính sách cho các đối tượng; phục vụ có hiệu quả về công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập và các hoạt động thường xuyên của Trường.

3. Tồn tại

Trường chưa liên kết được với nhiều cơ sở đào tạo, cơ quan, đơn vị để khai thác tối đa nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để tăng thêm nguồn thu cho Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, xây dựng kế hoạch sử dụng các tiềm năng sẵn có để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị nhằm nâng cao tỷ trọng nguồn thu sự nghiệp trong hoạt động tài chính của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định

1. Mô tả

Hàng năm, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch tài chính, lập dự toán thu, chi các nguồn theo mẫu biểu hướng dẫn. Kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình thực hiện của năm trước và xác định mục tiêu đầu tư trọng tâm dựa trên khả năng kinh phí đáp ứng để phục vụ tốt cho nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Từ đầu năm học, tại cuộc họp giao ban cán bộ chủ chốt, Nhà trường thông báo tình hình kinh phí được sử dụng trong năm và yêu cầu các đơn vị lập dự kiến mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phòng thực hành, phòng học, sàn tập; kế hoạch cho các đề tài nghiên cứu khoa học, chương trình, giáo trình đào tạo, sách báo, tạp chí cho thư viện, trên cơ sở đó, phòng

HCQT tổng hợp trình Ban Giám hiệu phê duyệt và phòng Tài vụ lập kế hoạch đầu tư cho phù hợp và sát với thực tế phát triển của Nhà trường. Kế hoạch mua sắm, đầu tư được căn cứ dựa trên nguồn kinh phí Nhà nước cấp và nguồn thu tại đơn vị. [H10.10.2.1]

Hàng năm, tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức Nhà trường thực hiện việc công khai tài chính theo nguyên tắc tập trung dân chủ, toàn thể cán bộ viên chức tham gia đóng góp ý kiến trong việc phân bổ và sử dụng kinh phí. [H10.10.2.2]

Nhà trường đã lập dự toán dựa trên các tiêu chuẩn định mức quy định của Nhà nước, Bộ GDĐT, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và đặc thù của ngành để đáp ứng cho các hoạt động chi thường xuyên như chi lương, học bổng, thanh toán tiền cho giảng viên, các khoản phụ cấp.... [H10.10.2.3]

Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, được hội nghị cán bộ chủ chốt đóng góp ý kiến và thông qua. Hàng năm, có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Các dự án đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị theo các chương trình mục tiêu phát triển được lập sát với nhu cầu phát triển chiến lược của Nhà trường, có hoạch định cụ thể được Bộ chủ quản phê duyệt. [H10.10.2.4]

Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được tin học hoá, cập nhật dữ liệu về tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sử dụng quản lý phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán theo đúng yêu cầu của Bộ Tài chính, Bộ chủ quản, thuận lợi cho việc lập báo cáo quyết toán và kiểm tra, kiểm toán của Trường. [H10.10.2.5]

Hàng năm, việc quản lý tài chính của Trường được Bộ chủ quản kiểm tra và được đánh giá tốt. Hoạt động quản lý tài chính và sử dụng kinh phí của trường đều đúng mục đích, đúng quy định của Nhà nước và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. [H10.10.2.6]

Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính một cách có hệ thống, đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định của Nhà nước nhằm

đáp ứng tốt cho các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của Trường. [H10.10.2.7]

Năm 2016, Nhà trường đã thực hiện khảo sát cán bộ, giảng viên về tính hợp lý và các vấn đề liên quan đến việc lập kế hoạch, phân bổ tài chính, quản lý tài chính trong Nhà trường, kết quả khảo sát cho thấy 56,6% phiếu đánh giá mức tốt và 72,8 đồng ý về việc phân bổ, sử dụng hợp lý tài chính của Trường [H10.10.2.8]

2. Điểm mạnh

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của Trường được tiến hành theo đúng các quy định, xây dựng một cách có hệ thống, đầy đủ, chính xác, kịp thời đảm bảo các hoạt động của Nhà trường.

Việc sử dụng kinh phí được Nhà trường công khai, thể hiện sự minh bạch, tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Trường đáp ứng đầy đủ, chính xác và kịp thời các yêu cầu của cấp trên và cơ quan chủ quản khi có yêu cầu kiểm tra, kiểm toán.

3. Tồn tại

Kế hoạch quản lý tài chính đã có nhiều cố gắng nhưng các quy định về chế độ quản lý tài chính thay đổi thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường xây dựng lộ trình tài chính ngắn hạn, trung hạn để thực hiện các chương trình mục tiêu đào tạo như dự án chuyên gia; dự án ghi hình bài giảng; đồng thời nâng cấp, hoàn thiện số trang thiết bị đã được đầu tư nhằm đáp ứng đồng bộ, phù hợp với sự đổi mới, phát triển của khoa học công nghệ hiện đại.

Cập nhật thường xuyên các quy định của Nhà nước để thực hiện tốt quy trình công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học

1. Mô tả

Trên cơ sở nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp của Trường, Nhà trường đã phân bổ và sử dụng hợp lý nguồn tài chính dựa trên nội dung chi theo nhóm mục của mục lục ngân sách nhà nước cấp [H10.10.3.1]

Việc phân bổ kinh phí của Nhà trường còn căn cứ vào các quy định liên quan đến trường đào tạo nghệ thuật truyền thống, đặc thù trong khối các trường văn hoá nghệ thuật [H10.10.3.2]

Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị trong Trường, Nhà trường dự toán kinh phí đảm bảo cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong năm. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán dự kiến đầu tư trang bị, nâng cấp cho các xưởng thực hành, thực tập của các khoa để các đơn vị chủ động trong công tác đào tạo như: Cải tạo các phòng thực hành, thực tập, bổ sung, nâng cấp thiết bị cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ mới vào công tác giảng dạy, học tập của Nhà trường. [H10.10.3.3]

Từ năm 2004, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo nghị định 10/NĐ-CP. Đến nay đã điều chỉnh và thực hiện theo Nghị định số 43/NĐ-CP quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Trường đã xây dựng các định mức chi tiêu cho từng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chế độ công tác phí, chế độ thù lao giảng dạy và chế độ thụ hưởng phúc lợi cho các đối tượng trong trường. [H10.10.3.4] [H10.10.3.5] [H10.10.3.6]

Nhà trường định kỳ mỗi năm một lần, thực hiện việc công khai quyết toán và công khai tài chính. Trong Hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm, báo cáo về tài chính được công khai, minh bạch các hoạt động thu chi của Trường và giải đáp các thắc mắc của cán bộ, viên chức. [H10.10.3.7]

Tháng 6 năm 2016, Trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bộ phận liên quan về việc chi, phân bổ các hoạt động tài chính của Trường.

2. Điểm mạnh

Phân bổ nguồn tài chính hợp lý, sát yêu cầu thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu đào tạo, thực hiện nhiệm vụ chung của Trường, nhiệm vụ của từng năm học.

Đời sống của cán bộ giảng viên, nhân viên được nâng cao, trang thiết bị phục vụ giảng dạy được cải tiến.

3. Tồn tại

Tài chính của Nhà trường chưa mang tính chiến lược dài hạn, chỉ đảm bảo đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên và đầu tư ngắn hạn.

Mức thu nhập của cán bộ giảng viên, nhân viên chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Hoạch định, theo dõi và thống kê các khoản chi dùng hằng năm, cập nhật kịp thời đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Trong thời gian qua, công tác tài chính và quản lý tài chính của trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội hoạt động có hiệu quả và đạt được các chỉ tiêu Nhà trường đề ra và được Bộ chủ quản đánh giá cao.

Trong thời gian tới, Nhà trường thực hiện tốt hơn nữa quyền tự chủ về tài chính trong mọi lĩnh vực hoạt động của Trường; có chiến lược để nâng cao nguồn lực tài chính thông qua các hoạt động đào tạo; liên kết đào tạo; mở các lớp ngắn hạn; tạo nguồn. Khai thác xưởng phim; trung tâm thực nghiệm; nhà hát thể nghiệm đưa vào phục vụ nhu cầu văn hoá nghệ thuật nhằm tạo thêm các nguồn lực tài chính hợp pháp để đáp ứng tốt hơn các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các mặt hoạt động khác của Nhà trường.

Phần IV. KẾT LUẬN

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá đảm bảo chất lượng giáo dục là nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã triển khai tốt công tác tự đánh giá chất lượng Nhà trường.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách để thực hiện các nhiệm vụ. Quá trình tự đánh giá của Nhà trường đã tập hợp được tất cả các thành phần trong Nhà trường cùng tham gia và đóng góp ý kiến từ cấp lãnh đạo, quản lý đến đội ngũ giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ. Quá trình tự đánh giá thực hiện đúng theo hướng dẫn của Cục Khảo thí & Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường tự đánh giá các nội dung, hoạt động của Trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học với 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí. Mỗi tiêu chí đều được báo cáo thành 05 phần là mô tả; điểm mạnh; tồn tại; kế hoạch hành động và mức độ tự đánh giá. Kết quả tự đánh giá của Nhà trường cho thấy trong 61 tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục Nhà trường đã đạt 59/61 tiêu chí (96,7%).

Thông qua quá trình tự đánh giá, Nhà trường đã xác định được những điểm mạnh, điểm tồn tại và đề ra những kế hoạch hành động khắc phục những tồn tại cũng như rút ra được những kinh nghiệm trong công tác điều hành và tổ chức quản lý Nhà trường. Đồng thời đây cũng là một dịp để cán bộ, công chức, viên chức và sinh viên nhận thức rõ hơn về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục và sứ mạng, mục tiêu của Nhà trường.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đình Thi

Phần V. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: SKĐA
Tên trường: Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
Khối ngành: S và A
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 11/2016

Các mức đánh giá: - Đạt

ký hiệu: Đ

- Chưa đạt

ký hiệu: CĐ

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu trường đại học		
Tiêu chí 1.1	Đ	
Tiêu chí 1.2	Đ	
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý		
Tiêu chí 2.1	Đ	
Tiêu chí 2.2	Đ	
Tiêu chí 2.3	Đ	
Tiêu chí 2.4	Đ	
Tiêu chí 2.5	Đ	
Tiêu chí 2.6	Đ	
Tiêu chí 2.7	Đ	
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo		
Tiêu chí 3.1	Đ	
Tiêu chí 3.2	Đ	
Tiêu chí 3.3	Đ	
Tiêu chí 3.4	Đ	
Tiêu chí 3.5	Đ	
Tiêu chí 3.6		CĐ

Tiêu chuẩn 6: Người học		
Tiêu chí 6.1	Đ	
Tiêu chí 6.2	Đ	
Tiêu chí 6.3	Đ	
Tiêu chí 6.4	Đ	
Tiêu chí 6.5	Đ	
Tiêu chí 6.6	Đ	
Tiêu chí 6.7	Đ	
Tiêu chí 6.8	Đ	
Tiêu chí 6.9	Đ	
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ		
Tiêu chí 7.1	Đ	
Tiêu chí 7.2	Đ	
Tiêu chí 7.3	Đ	
Tiêu chí 7.4	Đ	
Tiêu chí 7.5	Đ	
Tiêu chí 7.6	Đ	
Tiêu chí 7.7	Đ	

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo		
Tiêu chí 4.1	Đ	
Tiêu chí 4.2	Đ	
Tiêu chí 4.3	Đ	
Tiêu chí 4.4	Đ	
Tiêu chí 4.5	Đ	
Tiêu chí 4.6	Đ	
Tiêu chí 4.7		<i>CD</i>
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên		
Tiêu chí 5.1	Đ	
Tiêu chí 5.2	Đ	
Tiêu chí 5.3	Đ	
Tiêu chí 5.4	Đ	
Tiêu chí 5.5	Đ	
Tiêu chí 5.6	Đ	
Tiêu chí 5.7	Đ	
Tiêu chí 5.8	Đ	

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế		
Tiêu chí 8.1	Đ	
Tiêu chí 8.2	Đ	
Tiêu chí 8.3	Đ	
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác		
Tiêu chí 9.1	Đ	
Tiêu chí 9.2	Đ	
Tiêu chí 9.3	Đ	
Tiêu chí 9.4	Đ	
Tiêu chí 9.5	Đ	
Tiêu chí 9.6	Đ	
Tiêu chí 9.7	Đ	
Tiêu chí 9.8	Đ	
Tiêu chí 9.9	Đ	
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính		
Tiêu chí 10.1	Đ	
Tiêu chí 10.2	Đ	
Tiêu chí 10.3	Đ	

Tổng hợp kết quả

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt
Số tiêu chí/tổng số	59/ 61	2/ 61
Tỷ lệ %	96,7 %	3,3 %

Phụ lục 2

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ, BAN THƯ KÝ VÀ CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI
Số: 856 /QĐ-SKĐAHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá lần 3 của Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BVHTTDL ngày 06/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 747/QĐ – SKĐAHN ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 về việc Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học (Văn bản hợp nhất Số: 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014)

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 về việc Ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Bà trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Đối ngoại; phòng Khảo thí & ĐBCLGD,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách tự đánh giá lần 3 của Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các Nhóm công tác chuyên trách thực hiện đúng theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

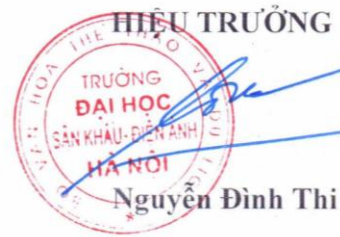
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 213/QĐ-SKĐAHN, Quyết định số 214/QĐ-SKĐAHN, Quyết định số 215/QĐ-SKĐAHN ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Hiệu trưởng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.

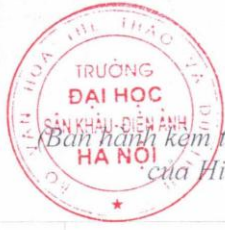


Điều 4. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị trong toàn Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội và các ông (bà) có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, TCCB, TP.





DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ- SKĐA HN ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Văn Hải	ThS. Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Hoàng Trần Doãn	PGS.TS. Trưởng P. Đào tạo, QLKH	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Trịnh Thúy Hương	TS. P.Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên thường trực	
5	Bùi Thanh Tú	ThS. P.Trưởng phòng CTCT,QLHSSV	Ủy viên thường trực	
6	Đặng Thị Hoa	CN.Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên HĐ	
7	Nguyễn Thanh	CN.Trưởng phòng HC,QT	Ủy viên HĐ	
8	Hoàng Song Hào	ThS. Trưởng khoa Mỹ thuật	Ủy viên HĐ	
9	Nguyễn T.Thanh Quế	ThS. Trưởng P.TCCB, ĐN	Ủy viên HĐ	
10	Đình Quang Trung	PGS.TS. Viện trưởng Viện SK-ĐA	Ủy viên HĐ	
11	Lương Thị Hoàng Thi	ThS. P.Trưởng khoa Tái chức	Ủy viên HĐ	
12	Lại Thị Thanh Bình	ThS. P.Trưởng phòng P.KT &ĐBCLGD	Ủy viên HĐ	



DANH SÁCH BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Ban hành kèm theo Quyết định số 856/QĐ- SKĐAHN ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trịnh Thúy Hương	TS. P. Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Thanh Quế	ThS.Trưởng phòng TCCB, ĐN	P.Trưởng ban
3	Nguyễn Thị Hồng Hiền	ThS.P. Trưởng P. Đào tạo, QLKH	P.Trưởng ban
4	Nguyễn Thị Vinh	CN. Chuyên viên P. KT&ĐBCLGD	Ủy viên thường trực
5	Lại Thị Thanh Bình	P. Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Ủy viên
6	Lương T. Hoàng Thi	ThS. P. Trưởng khoa Tại chức	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS. Phó trưởng P. TCCB, ĐN	Ủy viên
8	Bùi Thanh Tú	ThS. P. Trưởng phòng CTCT, QLSV	Ủy viên
9	Diệp T. Thu Hằng	Kế toán viên phòng Tài vụ	Ủy viên



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Ban hành kèm theo Quyết định số 856 /QĐ- SKĐAHN ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)

Nhóm	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Các tiêu chuẩn 1,2,5,8 (SM, TC CB, ĐN)	Nguyễn T. Thanh Quế	Trưởng phòng TCCBĐN	Trưởng nhóm
	Nguyễn T. Thu Hiền	P. Trưởng phòng TCCBĐN	Thư ký
	Nguyễn Thị Vinh	Chuyên viên	Thành viên
	Nguyễn Hồng Sơn	Giảng viên	Thành viên
	Phạm Thị Ngọc Anh	Biên tập viên	Thành viên
	Đỗ Huyền Trang	Chuyên viên	Thành viên
	Tạ Thu Phượng	Cán sự	Thành viên
Nhóm 2: Các tiêu chuẩn 3,4 (CT, ĐT)	Hoàng Trần Doãn	Trưởng phòng ĐTQLKH	Trưởng nhóm
	Nguyễn T. Hồng Hiền	P.Trưởng phòng ĐTQLKH	Thư ký
	Trần T. Tuyết Hồng	Kỹ sư tin học	Thành viên
	Nguyễn Thị Hạnh Lê	Trưởng khoa sau đại học	Thành viên
Nhóm 3: Tiêu chuẩn 6 (NH)	Phạm Đắc Thi	Phó Trưởng khoa MLN&KTCTB	Trưởng nhóm
	Bùi Thanh Tú	P.Trưởng phòng CTCT, QLHSSV	Thư ký
	Lại Thị Thanh Bình	P.Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Thành viên
	Trần Thị Phương Thúy	Chuyên viên	Thành viên
	Nguyễn Thị Hường	Chuyên viên	Thành viên
Nhóm 4: Tiêu chuẩn 7 (NCKH)	Đình Quang Trung	Viện trưởng Viện SKĐA	Trưởng nhóm
	Lương Thị Hoàng Thi	P.Trưởng khoa Tại chức	Thư ký
	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nghiên cứu viên	Thành viên
Nhóm 5: Tiêu chuẩn 9;10 (TC.CSVC)	Đặng Thị Hoa	Trưởng phòng Tài vụ	Trưởng nhóm
	Diệp Thị Thu Hằng	Kế toán viên	Thư ký
	Nguyễn Thị Thu Hương	P. Trưởng phòng Tài vụ	Thành viên
	Chế Thị Hồng Phương	Kế toán viên	Thành viên
	Nguyễn T. Quỳnh Phương	Phó Giám đốc TTTT TV	Thành viên
	Trần Nguyên Anh	P. Trưởng phòng HCQT	Thành viên
	Trần Thị Hằng	P. Trưởng phòng HCQT	Thành viên
	Trịnh Thúy Hương	P.Trưởng phòng KT&ĐBCLGD	Thành viên

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 856 ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường đại học Sơn khấu – Điện ảnh Hà Nội. Hội đồng gồm có 12 thành viên (danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	1,2,5,8	Nhóm 1	Từ ngày 10/10 đến ngày 06/11 năm 2015	
2	3,4	Nhóm 2	Từ ngày 10/10 đến ngày 06/11 năm 2015	
3	6	Nhóm 3	Từ ngày 10/10 đến ngày 06/11 năm 2015	
4	7	Nhóm 4	Từ ngày 10/10 đến ngày 06/11 năm 2015	
5	9,10	Nhóm 5	Từ ngày 10/10 đến ngày 06/12 năm 2015	

4. Công cụ đánh giá

Công cụ sử dụng để TĐG chất lượng Trường là Bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 37/2012/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và được hợp nhất theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014.

5. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
Tuần từ 25/9/2015 Đến 2/10/2015	<ul style="list-style-type: none">• Hội đồng Lãnh đạo Nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá;• Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;• Hội đồng tự đánh giá đề:<ul style="list-style-type: none">- Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;- Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;- Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá;- Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao.• Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Từ 2/10/2015 đến 09/10/2015	<ul style="list-style-type: none">• Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...);• Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Từ 09/10/2015 đến 16/10/2015	Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Từ 16/10/2015 đến 06/11/2015	<ul style="list-style-type: none">• Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá;• Thu thập thông tin và minh chứng;• Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được;

	<ul style="list-style-type: none"> • Mô tả thông tin và minh chứng thu được; • Phân tích, lý giải các kết quả đạt được;
Từ 06/11/2015 đến 13/11/2015	<p>Họp Hội đồng tự đánh giá đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; • Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
Từ 13/11/2015 Đến 20/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết) • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá
Từ 20/11/2015 đến 27/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết); • Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết); • Dự thảo báo cáo tự đánh giá; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.
Từ 27/11/2015 đến 04/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Từ 04/12/2015 đến 11/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa; • Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.
Từ 11/12/2015 Đến 18/12/2015	Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá
Từ 18/12/2015 đến 25/12/2015	Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)
Từ 25/12/2015 đến 25/01/2016	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; • Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá; • Gửi các file báo cáo về Cục KTKĐCLGD.

Phụ lục 4

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

1. Tên trường (theo quyết định thành lập)

Tiếng Việt: **Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội**

Tiếng Anh: **Hanoi Academy of Theatre and Cinema**

2. Tên viết tắt của trường

Tiếng Việt: **SKĐAHN**

Tiếng Anh: **HATC**

3. Tên trước đây

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

5. Địa chỉ trường: Khu Văn hóa nghệ thuật, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (04) 37643397, Fax: 84.4.38348732

E-mail: skda@fpt.vn

Website: <http://skda.edu.vn>

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): **1980**

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: **1980**

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: **1984**

10. Loại hình trường đào tạo: Công lập

II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ NHÀ TRƯỜNG

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Nhà trường

a. Quá trình hình thành và phát triển:

Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội được thành lập ngày 17/12/1980, theo quyết định số 372/CP của Hội đồng Chính Phủ, trên cơ sở sáp nhập các ngành nghệ thuật của Trường Điện ảnh Việt Nam vào Trường Sân khấu Việt Nam (*Hai trường này được thành lập từ tháng 10 năm 1959*).

Đến nay, qua hơn 35 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐH SK-ĐA HN đã trở thành một cơ sở đào tạo hàng đầu của cả nước trong lĩnh vực sân

khẩu và điện ảnh. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường có thể khái quát qua các giai đoạn lớn như sau:

*** Giai đoạn từ 1980 – 1995:**

Trong giai đoạn này, Trường mới có 6 khoa, gồm 5 khoa chuyên môn là: Sân khấu; Điện ảnh; Mỹ thuật; Múa; Kịch hát dân tộc và khoa Mac Lenin và Kiến thức cơ bản.

Các ngành đào tạo cũng được nâng cấp dần từ cao đẳng lên đại học. Do năng lực đội ngũ còn mỏng, nên có những ngành không tuyển sinh được liên tục, khóa cũ ra trường mới tuyển sinh khóa mới.

Tuy quy mô còn hẹp, số lượng ngành đào tạo còn ít, nhưng phương thức đào tạo rất đa dạng, gồm cả đào tạo hệ chuyên tu, bổ sung kiến thức... Trong giai đoạn này, có gần 1.000 sinh viên tốt nghiệp các ngành nghệ thuật, đã bổ sung nguồn lực được đào tạo cơ bản, có chất lượng cho các đoàn nghệ thuật, các nhà hát, các hãng phim hoặc các cơ sở văn hóa khác.

*** Giai đoạn từ 1995 – 2000:**

Năm 1995, Trường tiếp nhận thêm 2 cơ sở thuộc Bộ Văn hóa Thông tin là: Trường Điện ảnh Việt Nam (các ngành Kinh tế kỹ thuật còn lại) để hình thành nên khoa Kinh tế - Kỹ thuật Điện ảnh hiện nay và Viện Sân khấu Việt Nam – nay là Viện Sân khấu - Điện ảnh.

Giai đoạn này Trường có sự phát triển mới về quy mô và số lượng các ngành đào tạo. Không chỉ có đào tạo nghệ thuật mà Trường còn đào tạo các ngành kỹ thuật phục vụ lĩnh vực điện ảnh – truyền hình và chuẩn bị mọi điều kiện cho sự phát triển các ngành đào tạo khác như Nhiếp ảnh, Truyền hình sau này.

Đây là giai đoạn hình thành, gắn kết và phát triển giữa công tác đào tạo và NCKH trong lĩnh vực Sân khấu - Điện ảnh của Nhà trường.

*** Giai đoạn từ 2000 đến nay:**

Đây là giai đoạn phát triển mới cả về nội dung, hình thức và chất lượng của nhà trường. Năm 2000, Trường chính thức được nhà nước cho phép đào

tạo trình độ thạc sĩ 2 ngành: Nghệ thuật Điện ảnh và Nghệ thuật Sân khấu. Đến năm 2012, Trường đã có quyết định được phép đào tạo trình độ tiến sĩ 2 ngành: Lý luận và Lịch sử Sân khấu; Lý luận, Lịch sử và Phê bình Điện ảnh - Truyền hình.

Năm 2005 hai khoa mới được thành lập: Khoa Nhiếp ảnh và khoa Truyền hình, đồng thời, nâng cấp đào tạo bậc đại học các ngành kỹ thuật của khoa Kinh tế - Kỹ thuật Điện ảnh (nay là Khoa Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh và truyền hình). Quy mô đào tạo được mở rộng với nhiều ngành / chuyên ngành mới được đưa vào đào tạo nhằm đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn. Các loại hình đào tạo được đa dạng. Đây cũng là giai đoạn Trường mở rộng hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo. Trường là thành viên Hiệp hội Các trường điện ảnh và truyền hình thế giới (CILECT) và Hiệp hội Các trường đào tạo sân khấu châu Á (ATEC).

Hiện tại, Trường có 11 khoa: Khoa Nghệ thuật Điện ảnh, Khoa Sân khấu, Khoa Kịch hát dân tộc, Khoa Thiết kế mỹ thuật, Khoa Múa, Khoa Nhiếp ảnh, Khoa Truyền hình, Khoa Kỹ thuật, Công nghệ điện ảnh & truyền hình, Khoa Sau đại học, Khoa Tái chức và Khoa Mác Lênin và Kiến thức cơ bản.

Với bề dày và kinh nghiệm của hơn 35 năm đào tạo từ trình độ trung cấp đến trình độ sau đại học, Trường thật sự đã trở thành một trung tâm đào tạo lớn của cả nước trong lĩnh vực sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, thiết kế mỹ thuật, múa và truyền hình

Ngoài 11 khoa tham gia đào tạo gần 40 chuyên ngành nghệ thuật và kỹ thuật ở các bậc học, Trường còn có 6 phòng chức năng (Phòng Đào tạo, Quản lý khoa học; phòng Tổ chức cán bộ, Đối ngoại; phòng Hành chính quản trị; phòng Công tác chính trị, Quản lý học sinh, sinh viên; phòng Tài vụ; phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục) và các đơn vị khác trực thuộc Ban Giám hiệu là: Viện Nghiên cứu Sân khấu - Điện ảnh, Xưởng phim thực nghiệm, Nhà hát Thở nghiệm, Trung tâm Kỹ thuật Âm thanh - Ánh sáng, Trung tâm Thông tin, Thư viện, Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học

Với vị thế của một cơ sở đào tạo nghệ thuật sân khấu và nghệ thuật điện ảnh bậc đại học và sau đại học duy nhất của cả nước, hơn 35 năm qua, sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đã có mặt ở hầu hết các hãng phim, các nhà hát, các đài truyền hình, các cơ sở văn hoá nghệ thuật trong cả nước. Nhiều người trong số họ đã trở thành NSND, NSUT, những nghệ sĩ sáng tác và biểu diễn nổi tiếng, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý có uy tín trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật.

Do có sự quan tâm của Nhà nước, những năm gần đây, cơ sở vật chất của Trường ngày càng được cải thiện.

Trường đã nỗ lực đổi mới chương trình, hệ thống giáo trình, phương pháp giảng dạy nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi ngày càng cao của xã hội.

Nhiều chuyên gia nước ngoài như Nga, Mỹ, Pháp, Úc, Anh, Đức, Thụy Điển, Na Uy... đã tham gia giảng dạy tại Trường.

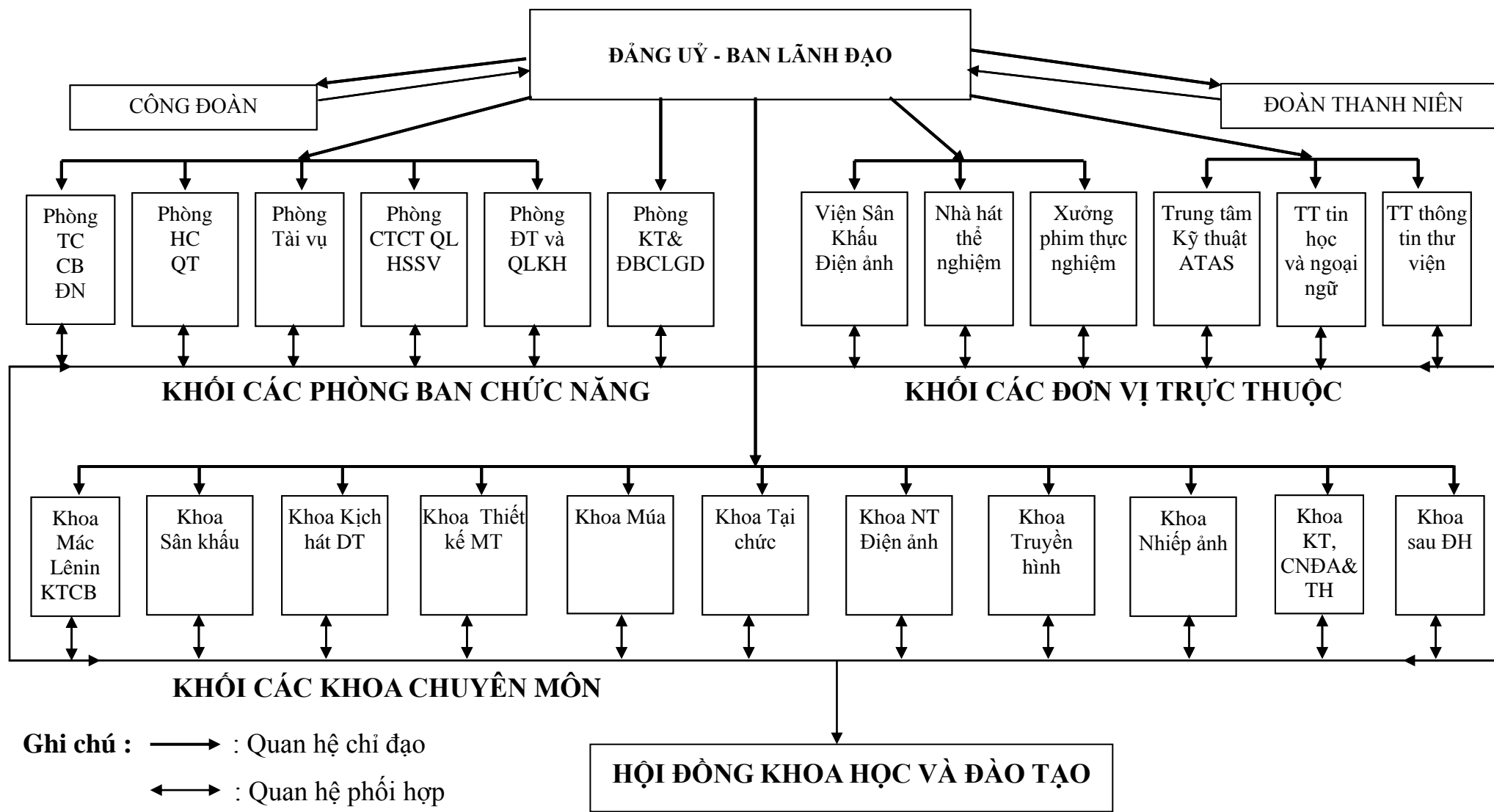
b. Các thành tích thi đua của Nhà trường:

Chỉ tính từ năm 1995 đến nay Trường đã vinh dự được nhận:

- Huân chương Lao động hạng Ba (năm 1995).
- Cờ Thi đua xuất sắc của Bộ Văn hoá – Thông tin (năm 1996).
- Luân lưu của Chính phủ (năm 1998).
- Huân chương Lao động hạng Hai (năm 2000).
- Bằng khen của Bộ Văn hoá - Thông tin các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005 và 2006.
- Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2005).
- Cờ Thi đua xuất sắc của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch các năm 2007, 2008, 2009, 2010 và 2011.
- Năm 2013 Bằng khen của Thủ tướng chính phủ
- Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập (17.12.1980 - 17.12.2010), Nhà trường lại vinh dự được đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba.
- Nhân dịp kỷ niệm 35 năm thành lập trường (17.12.1980 - 17.12.2015), Nhà trường được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tặng bằng khen.

12. Sơ đồ mô tả tổ chức hành chính của nhà trường

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHÁU ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI



13. Danh sách các cán bộ chủ chốt của Trường (Bảng 1)

Tính đến tháng 11/2016

TT	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại
<i>Hiệu trưởng</i>			
1	Nguyễn Đình Thi	PGS. TS. NGƯT. Hiệu trưởng	04.38372183 04.38348732
<i>Phó hiệu trưởng</i>			
2	Trần Văn Hải	ThS. NSƯT. Phó Hiệu trưởng	04.37645632
3	Nguyễn Thị Thu Hà	TS. NSƯT. Phó Hiệu trưởng	04.37647493
4	Nguyễn Thị Thanh Quế	ThS. Phó Hiệu trưởng	04.37645632
<i>Các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn</i>			
5	Nguyễn Đình Thi	PGS.TS. NGƯT. Hiệu trưởng	04.38372183
6	Dương Thị Hồng Loan	Cử nhân. Chủ tịch Công đoàn	04.37921134
7	Vũ Thanh Hùng	ThS. Bí thư Đoàn TNCSHCM	04.37921135
<i>Các phòng, ban chức năng</i>			
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS. P.Trưởng phòng TCCB, ĐN	04.38341523
9	Hoàng Trần Doãn	PGS. TS. Trưởng phòng ĐT, QLKH	04.38341522
10	Nguyễn Thị Hồng Hiền	ThS. P.Trưởng phòng ĐT, QLKH	04.38341522
11	Phạm Đắc Thi	ThS. Trưởng phòng CTCT, QLHSSV	04.37648440
12	Bùi Thanh Tú	ThS. P.Trưởng phòng CTCT, QLHSSV	04.37648440
13	Đặng Thị Hoa	Cử nhân. Trưởng phòng Tài vụ	04.38370670
14	Nguyễn Thị Thu Hương	Cử nhân .P. Trưởng phòng Tài vụ	04.38370670
15	Nguyễn Thanh	Cử nhân. Trưởng phòng HCQT	04.37643397
16	Trần Nguyên Anh	ThS. P.Trưởng phòng HCQT	04.37643397
17	Phạm Văn Cường	Cử nhân. P.Trưởng phòng HCQT	04.37647493
18	Trần Thị Hằng	ThS. P.Trưởng phòng HCQT	04.37643397
19	Trịnh Thúy Hương	TS. Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCLGD	04.37649124
<i>Trung tâm, Viện trực thuộc</i>			
20	Đình Quang Trung	PGS. TS. Viện trưởng Viện SK- ĐA	04.38514505
21	Lưu Duy Hùng	ThS. GD Xưởng phim thực nghiệm	04.37642131
22	Chu Tiến Dũng	ThS. PGĐ Xưởng phim thực nghiệm	04.37642131

23	Vũ Thúy Ngân	ThS. NSUT. GD Nhà hát thể nghiệm	04. 37644860
24	Phạm Thị Minh Khánh	ThS. NSUT. PGĐ Nhà hát thể nghiệm	04. 37644860
25	Nguyễn Hoài Thanh	Cử nhân. PGĐ Nhà hát thể nghiệm	04. 37644860
26	Nguyễn Công Tú	ThS. GDĐTKT Âm thanh ánh sáng	04.37647389
27	Nguyễn Xuân Khánh	ThS. PGĐTKT Âm thanh ánh sáng	04.37647389
28	Dương Thị Hồng Loan	Cử nhân. GD TT Tin học, Ngoại ngữ	04.38371782
29	Trịnh Văn Đức	Cử nhân. P. GDĐT Tin học, Ngoại ngữ	04.38371782
30	Hà Thị Minh Thu	ThS. P. GDĐT Tin học, Ngoại ngữ	04.38371782
31	Nguyễn T. Quỳnh Phương	Cử nhân. GD TT thông tin thư viện	04.37643058
<i>Các khoa</i>			
32	Phạm Thanh Hà	ThS. NSUT. Trưởng khoa Nhiếp ảnh	04.37648632
33	Phan Trọng Thành	PGS.TS. NGƯT. Trưởng khoa Sân khấu	04.37648445
34	Nguyễn Thị Kim Anh	ThS. P.Trưởng khoa Sân khấu	04.37648445
35	Nguyễn Mai Hương	ThS. P.Trưởng khoa MLN-KTCB	04.37648441
36	Trịnh Thị Thùy	ThS. P.Trưởng khoa MLN-KTCB	04.37648441
37	Lại Thị Thanh Bình	ThS. P.Trưởng Khoa MLN-KTCB	04.37649124
38	Hoàng Song Hào	ThS. NSND. Trưởng khoa Thiết kế MT	04.37648443
39	Trần Quang Minh	TS. P.Trưởng khoa Thiết kế MT	04.37648441
40	Phạm Trí Thành	TS. Trưởng khoa Kịch hát dân tộc	04.37649091
41	Tạ Thị Giáng Sơn	ThS. P.Trưởng khoa Kịch hát dân tộc	04.37649091
42	Hoàng Nghĩa Thân	Cử nhân. P.Trưởng khoa KT CN ĐA-TH	04.37648631
43	Bành Bắc Hải	ThS. NSND. P.Trưởng khoa KT CN ĐA-TH	04.37648631
44	Trần Quốc Dũng	ThS. NSND. P.Trưởng khoa NTĐA	04.37648442
45	Lý Thái Dũng	Cử nhân. P.Trưởng khoa NTĐA	04.37648442
46	Nguyễn Quỳnh Trang	ThS. P.Trưởng khoa Nghệ thuật ĐA	04.37648442
47	Nguyễn Hữu Mười	ThS. NSUT. P.Trưởng khoa Truyền hình	04.37648633
48	Trần Hoài Sơn	ThS. P.Trưởng khoa Truyền hình	04.37648633
49	Phùng Quang Minh	ThS. P.Trưởng khoa Múa	04.37648628
50	Phạm Huy Quang	ThS. P. Trưởng phụ trách khoa Tại chức	0437648630

51	Lương Thị Hoàng Thi	ThS. P. Trưởng khoa Vừa làm vừa học	0437648630
52	Nguyễn Thị Hạnh Lê	PGS. TS. Q. Trưởng khoa Sau Đại học	04.38371755

14. Các ngành/ Chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo)

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 02 (hai)

Số lượng ngành đào tạo thạc sĩ: 02 (hai)

Số lượng ngành đào tạo đại học: 16 ngành và 32 chuyên ngành

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 9 (chín)

Số lượng ngành đào tạo Trung cấp: 6 (sáu)

Các ngành đào tạo ngắn hạn: 6 (sáu)

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Do đặc thù nghệ thuật, ngoài các loại hình đào tạo trên, Nhà trường còn có những hình thức đào tạo khác nhau như:

- Mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy các môn chuyên môn chính, đảm bảo cho sinh viên nắm được nghề nghiệp ngay từ năm thứ nhất. Sinh viên được học trong 7 đến 8 học kỳ. Mỗi học kỳ 3 tuần, hoàn toàn do chuyên gia giảng dạy. Trường cấp bằng tốt nghiệp.

- Mời chuyên gia nước ngoài đến hướng dẫn thực hành cho sinh viên hoặc giảng các chuyên đề, thời gian từ một đến ba tháng cho một khoá đào tạo.

- Mời chuyên gia nước ngoài đến tổ chức thực hiện các dự án làm phim. Trong các dự án đó, đề tài và kịch bản do sinh viên của trường thực hiện, giảng viên nước ngoài hướng dẫn nghiệp vụ. Nguồn kinh phí cho các dự án làm phim này do nước ngoài tài trợ.

- Mời chuyên gia đến dàn dựng những vở kịch nước ngoài cho sinh

viên (chủ yếu là sinh viên khoa Sân khấu), thời gian từ 6 – 8 tuần (trong 2 năm), đây đồng thời cũng là vở diễn trong chương trình đào tạo.

16. Tổng số các khoa đào tạo: 11 khoa

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	Cán bộ cơ hữu			
	Trong đó:			
1.1	Cán bộ trong biên chế	68	73	141
1.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên)	0	0	0
II	Các cán bộ khác			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	33	53	86
	Tổng số	101	126	227

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của nhà trường, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Gv hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
1	Giáo sư, viện sĩ	7	0	0	0	0	7
2	Phó Giáo sư	12	1	0	4	7	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	23	2	0	7	13	1
5	Thạc sĩ	59	21	7	22	9	0
6	Đại học	94	27	28	7	32	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0

8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
10	Tổng số	195	51	35	40	61	8

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 134 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 126/227

Quy đổi số lượng giảng viên của nhà trường¹:

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
2	Giáo sư	5	7	0	0	0	0	7	7
3	Phó giáo sư	3	12	1	0	4	7	0	10,8
4	Tiến sĩ khoa học	3	0	0	0	0	0	0	0
5	Tiến sĩ	2	23	2	0	7	13	1	12,4
6	Thạc sĩ	1	59	21	7	22	9	0	36,4
7	Đại học	0,5	94	27	28	7	32	0	31,75
8	Tổng	14.5	195	51	35	40	61	8	98,35

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,0; 0,8; đối với các trường CĐ và TCCN: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

¹ Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

Cách tính:

Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người) năm 2015:

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30 - 40	41 - 50	51 - 60	> 60
1	Giáo sư, viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	5	3.97	4	1	0	0	1	2	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	9	7.14	6	3	0	1	3	4	1
5	Thạc sĩ	49	38.89	18	31	5	28	15	6	0
6	Đại học	63	50	31	32	18	25	6	8	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	2	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Tổng	126	100	59	67	23	56	25	20	2

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	15	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	30	
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	35	
	Tổng	100	100

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43 tuổi

19.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 10/79

19.4 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 38.89

IV. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2011-2012	1214	284	4,3	279			
2012-2013	1195	325	3,7	284			
2013-2014	1175	411	2,9	341			
2014-2015	1211	404	3,0	329			
2015-2016	965	344	2,8	311			
Cao đẳng							
2011-2012	23	57	0	23			
2012-2013	0	35	0	16			
2013-2014	40	37	1,1	17			
2014-2015	12	9	1,3	9			
2015-2016	12	9	1,3	6			
Trung cấp							
2011-2012	0	0	0	0			
2012-2013	0	0	0	0			
2013-2014	152	86	1,8	80			
2014-2015	0	0	0	0			
2015-2016	0	0	0	0			
Khác							
2011-2012	0	0	0	0			
2012-2013	0	0	0	25			
2013-2014	0	0	0	47			
2014-2015	0	0	0	17			
2015-2016	0	0	0	21			

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường: 1305 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016
1. Nghiên cứu sinh		10	7	10	
2. Học viên cao học	32	36	31	40	31
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	279	284	341	329	311
Hệ không chính quy	72	41	40	56	40
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	23	16	17	9	6
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy				80	
Hệ không chính quy					
6. Khác...		25	47	17	21

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi) 1305

Tổng số sinh viên quy đổi 1423,2

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi) $1423,2/140,72 = 10,15$

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:*Đơn vị: người*

	Năm học				
	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...
Số lượng	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0	0	0	0	0

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2026
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24	24	24	24	24
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)	230	261	228	203	137
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá	230	261	228	203	137
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	4	4	4	4	4

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia nghiên cứu khoa học:

	Năm học				
	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...	20...-20...
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0	0	0	0	0

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học		42	35	14	33
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	188	222	224	258	254
Hệ không chính quy	92	98		91	85
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy		9		16	14
Hệ không chính quy					
5. Sinh viên tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	188	222	224	258	254
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	96%	97%	95%	95%	92%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	0				
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học</i> <i>được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5	0				

B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	70	65	72	75	82
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	0	0	0	0	0
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	4 triệu	5 triệu	5 triệu	5 triệu	6 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	0				
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	0	0	0	0	0
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	0	0	0	0	0
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	0	9	16		14
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	0	99%	97%		98%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	0	0	0	0	0
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	0	0	0	0	0
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5	0				

B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)	0	0	0	0	0
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	0	0	0	0	0
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	0				
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	0	0	0	0	0
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	0	0	0	0	0
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: Sử dụng các chú thích ở câu 27

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	2	2	2	2	8
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	36	22	37	12	50,35
4	Tổng		0	38	24	39	14	58,35

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 58,35

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $58,35/243 = 0,24$

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...	0	0	0
2	20...	0	0	0
3	20...	0	0	0
4	20...	0	0	0
5	20...	0	0	0

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	<u>0</u>	3	<u>0</u>	
Từ 4 đến 6 đề tài	<u>0</u>	0	<u>0</u>	
Trên 6 đề tài	<u>0</u>	0	<u>0</u>	
Tổng số cán bộ tham gia	<u>0</u>	<u>3</u>	<u>0</u>	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Sách chuyên khảo	2,0	2	0	0	0	2	
2	Sách giáo trình	1,5	3	0	2	0	2	
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	
5	Tổng		5	0	2	0	4	

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

32. Tổng số sách (quy đổi): 0

33. Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

35. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5						
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	32	63	17	28	29	
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	36	22	32	30	24	
4	Tổng		68	85	49	58	53	

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	0	31
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	01
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	32

37. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	0	0	
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	16	17	23	0	
4	Tổng			16	17	23	0	

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

38. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

39. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0

40. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0
Trên 6 đề tài	0	0	0	0
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	0	0

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		20...-	20...-	20...-	20...-	20...-
		20...	20...	20...	20...	20...
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

41. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 20.000

42. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²): 28.441

- Nơi làm việc: Nơi học: 10.877 Nơi vui chơi giải trí:

43. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 6.682

- Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 6.682/1305

44. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 4.645 cuốn

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 1.243 cuốn.

45. Tổng số máy tính của trường: 198

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 101

- Dùng cho sinh viên học tập: 97

Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 97/1305

46. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2010: 6.501.600.000

- Năm 2011: 7.833.600.000

- Năm 2012: 11.102.000.000
- Năm 2013: 11.424.700.000
- Năm 2014: 12.737.900.000
- Năm 2015: 12.000.000.000

47. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2010-2011.: 4.712.000.000
- Năm 2011-2012: 5.855.000.000
- Năm 2012-2013: 8.176.000.000
- Năm 2013-2014: 9.608.000.000
- Năm 2014-2015: 10.343.700.000

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 81

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 61,34

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 12,34

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 49,38

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 1305

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 1423,2

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 1423,2/180,98

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 86,7%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%):.....

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%):.....

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ):.....

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):...

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 97/1305

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy:
11275m²/1305người

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy:

Phụ lục 5
DANH MỤC MINH CHỨNG

TIÊU CHUẨN 1

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	<i>Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.</i>			
H1.1.1.1	Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020	Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL (09/01/2014)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
H1.1.1.2	Quyết định "Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược, giá trị cốt lõi và khẩu hiệu của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội".	Quyết định số 1219/QĐ-SKĐAHN (13/10/2016)	Trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	
H1.1.1.3	Dự thảo và các biên bản góp ý, đóng góp cho dự thảo <i>Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030.</i>	Năm 2013	Phòng Đào tạo, QLKH Trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	
H1.1.1.4	- Quyết định số 538/QĐ – BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	Quyết định số 538/QĐ	Bộ VHTTDL	

	<p>và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội</p> <p>- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội</p>	<p>BVHTTDL Hà Nội ngày 06/3/2014</p> <p>Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014</p>	<p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	
H1.1.1.5	<p>- Quyết định số 1337/QĐ – BGD&ĐT ngày 30/3/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép trường ĐH SK-ĐA HN đào tạo 2 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện tử và Công nghệ điện ảnh truyền hình.</p> <p>- Quyết định số 170/QĐ-ĐT ngày 31/5/2007 của Hiệu trưởng trường ĐH SK-ĐA HN về việc ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Đạo diễn Sân khấu- Sự kiện lễ hội, hệ đại học chính quy.</p> <p>- QĐ thành lập khoa truyền hình</p>	<p>Quyết định số 1337/QĐ – BGD&ĐT ngày 30/3/2005</p> <p>Quyết định số 170/QĐ-ĐT ngày 31/5/2007 của Hiệu trưởng trường ĐH SK-ĐA HN</p>	<p>Bộ GD&ĐT</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	
H1.1.1.6	<p>Bài phát biểu của Bộ trưởng Bộ VH TT DL trong lễ kỷ niệm 30 năm thành lập trường 17.12.1980-17.12.2010</p>	<p>Tờ thông tin của trường năm 2010 (số kỷ niệm 30 năm thành lập</p>	<p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	

		trường)		
H1.1.1.7	Kỷ yếu 35 năm Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Năm 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
H1.1.1.8	Website của trường www.skda.edu.vn	Năm 2016	Trường ĐH SKĐAHN	
H1.1.1.9	Quyết định Phê duyệt Đề án xây dựng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội trở thành trường trọng điểm quốc gia	Số 2971/QĐ-BVHTTDL (01/9/2015)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
H1.1.1.10	Bộ chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo	Năm 2014	Phòng ĐT, QLKH, Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 1.2	<i>Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.</i>			
H1.1.2.1	Văn kiện đại hội Đảng bộ khóa XI và Dự thảo chiến lược phát triển của Trường.	Năm 2010	Trường ĐH SKĐAHN	
H1.1.2.2	Quyết định Phê duyệt Đề án xây dựng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội trở thành trường trọng điểm quốc gia	Số 2971/QĐ-BVHTTDL (01/9/2015)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
H1.1.2.3	Văn kiện đại hội Đảng bộ khóa IX, X, XI	2005-2015	Trường ĐH SKĐAHN	
H1.1.2.4	Quyết định Phê duyệt Đề án xây dựng Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh	Số 2971/QĐ-BVHTTDL (01/9/2015)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

	Hà Nội trở thành trường trọng điểm quốc gia			
H1.1.2.5	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch công tác hằng tháng, hằng năm của các đơn vị trong Trường. - Nghị quyết hội nghị BCH Đảng ủy; hội nghị cán bộ chủ chốt; hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của Nhà trường. 	Năm 2010-2015	Phòng HC,QT Trường ĐH SKĐAHN	
	Kế hoạch hành động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội triển khai chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	QĐ số 412/QĐ-SKĐAHN ngày 21/8/2014	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐHSKĐAHN	
H1.1.2.6	Chương trình đào tạo của các ngành đào tạo trong Trường.	Bộ văn bản của phòng ĐT, QLKH: - Quyết định số 81/QĐ-SKDA ngày 25 tháng 3 năm 2011 về việc ban hành chương		

		trình giáo dục đại học – hệ chính quy, đào tạo theo phương thức kết hợp giữa niên chế và học phần của trường Đại học SKĐA Hà Nội;		
H1.1.2.7	Quyết định đào tạo trình độ tiến sĩ	Số 833/QĐ- BGDDT ngày 28/2/2012	Bộ GD&ĐT	
H1.1.2.8	Các văn bản về “Tuần sinh hoạt công dân” đầu năm học	Năm 2010- 2015	Phòng CTCT, QLHSSV Trường ĐH SKĐAHN	
H1.1.2.9	Các tập kỷ yếu, Hội thảo khoa học.	Năm 2010- 2015	Viện Sân khẩu – Điện ảnh - Trường ĐH SKĐAHN	
H1.1.2.10	Các báo cáo tổng kết của Trường và của các đơn vị khi kết thúc năm học.	Năm 2010- 2015	Phòng CTCT, QLHSSV Trường ĐH SKĐAHN	

TIÊU CHUẨN 2

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 2.1	<i>Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của trường</i>			
H2.2.1.1	Quyết định số 538/QĐ – BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 538/QĐ BVHTTDL Hà Nội ngày 06/3/2014	Bộ VHTTDL	
H2.2.1.2	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014	Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.1.3	Quy định về hoạt động của Ban Giám hiệu	Quyết định số 252/QĐ-SKĐAHN ngày 11/4/2016	Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.1.4	Quyết định một số Hội đồng theo từng năm		Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.1.5	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐH SKĐAHN	Website của Trường	Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.1.6	Danh sách Nhà hát, rạp chiếu phim có mối quan hệ với Nhà trường.		Phòng KT&ĐBCLGD	

H2.2.1.7	Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo	Số 1081/QĐ- SKĐAHN ngày 11/11/2015	Phòng TC,CB,ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
	Các quyết định thành lập Hội đồng khoa học của các khoa			
H2.2.1.8	Đề án vị trí việc làm	Năm 2014	Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.1.9	Kế hoạch công tác năm 2010 - 2015	Năm 2010- 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.1.10	- Kế hoạch công tác năm 2010 – 2015 - Kế hoạch công tác tháng.	Năm 2010- 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 2.1	<i>Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường</i>			
H2.2.2.1	<i>Một số quy định về thực hiện quy chế đào tạo đại học – cao đẳng hệ chính quy – quy chế 25;</i> <i>Quy định về xử lý kết quả học tập theo Điều 6 quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy.</i>	Quy định số 245/QĐ-ĐT ngày 17 tháng 8 năm 2009 ----- Quy định số 404/QĐ-ĐT ngày 24 tháng 10 năm 2007	Trường ĐH SKĐAHN Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.2.2	Quy định khung xử lý kỷ luật đối với HSSV vi phạm kỷ luật và một số điều liên quan trong	Quy định số 277a/QĐ-SKĐAHN ngày 15 tháng 8 năm 2011	Trường ĐH SKĐAHN	

	học tập, thực tập			
H2.2.2.3	Quy định về việc giải quyết các trường hợp sinh viên bị đình chỉ học tập 1 năm học và sinh viên phải ngừng học 1 năm	Quyết định số 147/QĐ-SKĐAHN ngày 01 tháng 6 năm 2011	Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.2.4	Quy định về việc nộp học phí của học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đang theo học tại Trường Đại học Sơn khấu - Điện ảnh Hà Nội	Quy định số 263/QyĐ-SKĐAHN ngày 04 tháng 5 năm 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.2.5	Quy định về việc thực hiện nề nếp giảng đường	Quyết định số: 458/QĐ-SKĐAHN ngày 27 tháng 5 năm 2016	Trường ĐH SKĐAHN	
H2.2.2.6	Hệ thống các văn bản của các tổ chức Đảng, đoàn thể và chính quyền trong trường	Năm 2010 - 2015	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.2.7	Các quy chế, quy định về các hoạt động của các đơn vị trong trường.		Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.2.8	Các văn bản phân công chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cán bộ, giảng viên các phòng, ban, khoa...		Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.2.9	Kết luận chỉ đạo của HT tạo các cuộc họp giao ban hàng tháng với cán bộ chủ chốt trong	Năm 2010 - 2015	Trường ĐHSKĐAHN	

	trường			
	Các văn bản tại các cuộc họp giao ban mở rộng với toàn thể CB, GV.			
	Các văn bản định kỳ BGH làm việc trực tiếp với các khoa về các mặt h/động và triển khai công tác giảng dạy trong từng năm học			
H2.2.2.10	Quy chế h/động của Ban Chấp hành ĐU từng nhiệm kỳ.	Năm 2010 - 2015	Trường ĐHSKĐAHN	
	Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm BGH và quy định về trách nhiệm quyền hạn giữa HT và các PHT.			
H2.2.2.11	- Kết luận của Hiệu trưởng tại buổi làm việc giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc. - Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn “Bộ quy định tổ chức và quản lý Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội”	Số 116/KL - SKĐAHN Số 258/QĐ-SKĐAHN ngày 12/4/2016	Ngày 4/4/2016 Trường ĐHSKĐAHN	

Tiêu chí 2.3.	<i>Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng</i>			
H2.2.3.1	Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Năm 2015	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.2	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.3	Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ nhà trường khóa IX, X.	Năm 2010 - 2015	Văn phòng Đảng ủy Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.4	Văn bản quy định chức năng, nh/vụ và trách nhiệm BGH và quy định về trách nhiệm, quyền hạn giữa HT và các PHT	Năm 2010 - 2015	Phòng TC,CBĐN Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.5	Các văn bản quy định c/năng, nh/vụ và trách nhiệm của các trưởng, phó khoa, các tổ bộ môn, trợ lý khoa và các GV NH kỹ thuật trong khoa	Năm 2010 - 2015	Phòng TC,CBĐN Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.6	Các văn bản quy định về định mức khối lượng công việc trong từng học kỳ, năm học của các trưởng, phó khoa, các tổ bộ môn, trợ lý khoa và các GV	Năm 2010 - 2015	Phòng TC,CBĐN Trường ĐHSKĐAHN	

	NH kỹ thuật trong khoa.			
H2.2.3.7	Quy chế thi đua – khen thưởng và nâng lương trước niên hạn.	Năm 2010 - 2015	Phòng TC,CBĐN Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.8	Bảng thống kê các quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân đạt các danh hiệu thi đua hàng năm từ năm 2006 đến nay.	Năm 2010 - 2015	Phòng TC,CBĐN Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.9	Văn bản phân công công việc của các đơn vị	Năm 2010 - 2015	Các đơn vị Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.10	Đề án vị trí việc làm	Năm 2014	Phòng TC,CBĐN Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.3.11	Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội ngày 21/08/2015	Năm 2015	Phòng TC,CBĐN Trường ĐHSKĐAHN	
Tiêu chí 2.4	<i>Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo đúng quy định của pháp luật</i>			
H2.2.4.1	Nghị quyết của BCH Đảng ủy nhà trường khóa XI	Năm 2010 - 2015	Đảng ủy Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.4.2	Các văn bản, biên bản về các cuộc họp giao ban thường kỳ, chế độ		Đảng ủy Trường ĐHSKĐAHN	

	báo cáo tháng, quý của ĐU và các tổ chức đoàn thể trong trường.			
	Biên bản phát động cuộc vận động “học tập theo tấm gương đạo đức HCM”			
	Biên bản triển khai các hội nghị học tập nghị quyết lần thứ 6 BCHTW Đảng cho CBGV và SV trong trường.			
H2.2.4.3	Văn bản công nhận Đảng bộ nhà trường trong sạch do Thành ủy Hà Nội công nhận.		Thành ủy Hà Nội	
H2.2.4.4	Quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức Công đoàn trường		Công đoàn cơ sở	
H2.2.4.5	Các văn bản tổ chức hội nghị học tập, bồi dưỡng cho các cán bộ công đoàn từ năm 2010 đến nay.		Công đoàn cơ sở	
	Các Nghị quyết, văn bản của Công đoàn trường thực hiện công tác chăm lo đời sống về tinh thần và vật chất cho các đoàn viên công đoàn ...			
H2.2.4.6	Các bằng khen, giấy khen của LĐLĐTP và		Công đoàn cơ sở	

	Công đoàn các cấp khen thưởng cho Công đoàn trường ... từ năm 2006 đến nay			
H2.2.4.7	Các văn bản về những hoạt động và thành tích đạt được của Đoàn TNCS HCM ... 2010 đến nay		Đoàn TNCSHCM	
H2.2.4.7	Báo cáo tổng hợp các mặt hoạt động của Nhà trường hằng năm, phương hướng công tác năm...	Từ năm 2010, 2011,2012,2013,2014,2015	Phòng Hành chính, QT.	
Tiêu chí 2.5	<i>Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.</i>			
H2.2.5.1	Các Quyết định liên quan đến công tác tự đánh giá năm 2008. Quyết định số 44/QĐ-TC; QĐ số 45, số 46/QĐ-TC ngày 26/2/2008 của Hiệu trưởng trường ĐHSK – ĐAHN			
H2.2.5.2	Quyết định số 538/QĐ – BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 538/QĐ BVHTTDL Hà Nội ngày 06/3/2014	Bộ VHTTDL	
H2.2.5.3	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 747/QĐ-SKĐAHN, Hà Nội ngày 05/11/2014	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.5.4	Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn	Năm 2014	Phòng Khảo thí &	

	kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT		ĐBCLGD	
H2.2.5.5	Báo cáo công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; báo cáo công tác dự giờ; báo cáo nề nếp giảng đường; báo cáo kết quả điều tra việc làm của sinh viên sau khi ra trường; kết quả khảo sát cơ sở vật chất và thư viện của Trường.	Năm 2014 -2015	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	
H2.2.5.6	Các giấy chứng nhận thi đua của tập thể phòng Khảo thí & ĐBCLGD; giấy chứng nhận thi đua của cá nhân phòng KT&ĐBCLGD.	Năm 2010 đến năm 2015	Trường ĐH SK- ĐAHN	
H2.2.5.7	Sổ tay kiểm định chất lượng giáo dục	Năm 2014	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	
H2.2.5.8	Kế hoạch hằng năm của phòng Khảo thí & ĐBCLGD	Năm 2014 - 2015	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	
H2.2.5.9	Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 32/QĐ-SKĐAHN ngày 22 tháng 01 năm 2015	Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	
H2.2.5.10	Hướng dẫn công tác lưu trữ minh chứng	Quyết định số 787/QĐ-SKĐAHN ngày 14 tháng 11	Trường Đại học Sân khấu -	

	Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	năm 2014	Điện ảnh Hà Nội	
H2.2.5.11	- Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường - Quyết định Kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách công tác tự đánh giá lần 3	Quyết định số 44/QĐ-TC ngày 26 tháng 02 năm 2008; Quyết định số 856/QĐ-TC ngày 24 tháng 09 năm 2015	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	
H2.2.5.12	Báo cáo tự đánh giá của Nhà trường đã nộp Bộ GD&ĐT	Năm 2012	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	
H2.2.5.13	Phiếu lấy ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan trong Nhà trường về chất lượng hoạt động của Phòng KT&ĐBCKGD	Năm 2016	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	
H2.2.5.14	"Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030"	Quyết định số 1250/QĐ-SKĐAHN ngày 24 tháng 10 năm 2016	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD	
Tiêu chí 2.6	<i>Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.</i>			

H2.2.6.1	<i>Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh giai đoạn 2013 – 2020 và tầm nhìn 2030</i>	Tháng 12/2013	Trường ĐH SKĐAHN
	Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL Phê duyệt Đề án phát triển Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020	Quyết định số 84/QĐ-BVHTTDL (09/01/2014)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
H2.2.6.2	Đề án “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020, tầm nhìn 2030”;	Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 24/6/2010; QĐ số 808/QĐ-TTg ngày 30/5/2011; QĐ số 1243/QĐ-TTg ngày 25/7/2011; QĐ số 1060/QĐ-BVHTTDL ngày 29/3/2011; QĐ số 3067/QĐ-BVHTTDL ngày 29/9/2011	Thủ tướng CP
	Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020”		Thủ tướng CP
	Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020”		Thủ tướng CP
	Đề án “Chiến lược phát triển nhân lực văn hóa, thể thao và du lịch 2011 – 2020”		Bộ VHTTDL

	Quy hoạch “Phát triển nhân lực nhóm ngành Văn hóa, Thể thao 2011 – 2020”		Bộ VHTTDL	
H2.2.6.3	Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia	Năm 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
	Quyết định phê duyệt Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia	QĐ số 2971/QĐ-BVHTTDL ngày 01/9/2015	Bộ VHTTDL	
H2.2.6.4	Nghị quyết đại hội Đảng bộ nhà trường nhiệm kỳ XI và XII	Năm 2010; 2015	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.6.5	Quy hoạch đội ngũ cán bộ trong giai đoạn 2010-2015 và 2020	Năm 2010-2015	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.6.6	Các Nghị quyết, chủ trương của Đảng uỷ, Ban giám hiệu, các phòng ban, khoa về việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển trung hạn, ngắn hạn cho phù hợp với sự phát triển và sứ mạng của nhà trường.	Năm 2010; 2015	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.6.7	Kế hoạch công tác hằng tháng của các đơn vị trong trường.	Năm 2010-2015	Trường ĐHSKĐAHN	
	Tổng hợp các kết luận của	Năm 2010-2015	Trường	

	Hiệu trưởng về phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch thực hiện trong các kỳ họp giao ban với các cán bộ chủ chốt của trường hàng tháng từ năm 2010 đến nay.		ĐH SKĐA HN	
H2.2.6.8	Các Báo cáo tổng hợp các mặt hoạt động của Nhà trường (đọc tại Hội nghị CBCCVC hằng năm)	Năm 2010-2015	Phòng HC,QT Trường ĐH SKĐA HN	
H2.2.6.9	Kế hoạch hành động của Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội triển khai chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	QĐ số 412/QĐ-SKĐA HN ngày 21/8/2014	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐH SKĐA HN	
H2.2.6.10	Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội nhiệm kỳ 2015-2020		Văn phòng Đảng ủy Trường ĐH SKĐA HN	
H2.2.6.11	Hồ sơ xét danh hiệu thi đua các năm của Hội	Năm 2010 - 2015	Phòng Tổ chức CB, ĐN trường	

	đồng thi đua khen thưởng Nhà trường		ĐH SKĐAHN	
H2.2.6.12	- Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng của Nhà trường; - Công văn số 179/SKĐAHN về việc rà soát, bổ sung kế hoạch hành động của Trường ĐH SK-ĐAHN giai đoạn 2016-2020.	Năm 2010 - 2016	Phòng KT&ĐBCLGD trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 2.7	<i>Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.</i>			
H2.2.7.1	- Báo cáo thực hiện các lĩnh vực công tác	2010 -2015	Trường ĐHSKĐAHN	
	- Báo cáo 3 công khai	Trang Web của Trường		
H2.2.7.2	Quy chế công tác văn thư lưu trữ của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.	Quyết định số 200/QĐ-SKĐAHN ngày 23/4/2013	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.7.3	- Kế hoạch hằng tháng của Ban Thanh tra, ĐBCLĐT (nay là Phòng KT&ĐBCLGD) - Các báo cáo của bộ phận pháp chế - phòng HC, QT	Năm 2013 -2014. Năm 2014 – 2015.	Trường ĐHSKĐAHN	
H2.2.7.4	Tổ chức lưu trữ và hệ thống kho lưu trữ - Có tủ bảo quản an toàn báo cáo lưu trữ - Lists các loại báo cáo lưu trữ		Trường ĐHSKĐAHN	

TIÊU CHUẨN 3

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 3.1	<i>Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.</i>			
H3.3.1.1	<p>Bộ văn bản của phòng ĐT, QLKH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 81/QĐ-SKDA ngày 25 tháng 3 năm 2011 về việc ban hành chương trình giáo dục đại học – hệ chính quy, đào tạo theo phương thức kết hợp giữa niên chế và học phần của trường Đại học SKĐA Hà Nội; - Quyết định số 3585/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2015 về việc cho phép Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp chuyên nghiệp lên trình độ đại học; - Quyết định số 415/QĐ- 	<p>Quyết định số 81/QĐ-SKDA ngày 25 tháng 3 năm 2011</p> <p>Quyết định số 3585/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2015</p> <p>Quyết định</p>	<p>Trường ĐH SKĐA HN</p> <p>BGD&ĐT</p>	

	SKĐAHN ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo học chế tín chỉ	số 415/QĐ-SKĐAHN ngày 28 tháng 8 năm 2014	Trường ĐH SKĐAHN	
H3.3.1.2	<p><i>Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo phương thức kết hợp giữa niên chế và học phần.</i></p> <p>- Chương trình đào tạo sau đại học: Quyết định số 415/QĐ-SKĐAHN ngày 28 tháng 8 năm 2014 về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo học chế tín chỉ</p> <p>- Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học, từ cao đẳng lên đại học.</p>	Năm 2011	Trường Đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội	
H3.3.1.3	Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học	Thông tư số 15/VBHN-BGDĐT ngày 08/5/2014	Bộ GD&ĐT	
H3.3.1.4	Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường;	Số 1081/QĐ-SKĐAHN ngày 11/11/2015	Trường Đại học Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội	

	- QĐ HĐKH của Khoa.	Năm 2010-2015		
H3.3.1.5	Các văn bản liên quan đến việc xây dựng chương trình đào tạo.	Năm 2010 - 2015	Trường Đại học Sơn khấu & Điện ảnh Hà Nội	
H3.3.1.6	Các chương trình đào tạo đã được phê duyệt.	Năm 2016	phòng Đào tạo, Quản lý khoa học. Trường ĐH SKĐAHN	
H3.3.1.7	Thông tin phản hồi của một số đơn vị hiện đang có các cựu sinh viên của Trường tham gia làm việc.	Năm 2015-2016	phòng Đào tạo, Quản lý khoa học. Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 3.2	<i>Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.</i>			
H3.3.2.1	Luật Giáo dục đại học: Luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2012.	Năm 2012	QH khóa 13	
H3.3.2.2	Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Văn hóa-Nghệ thuật- Thông tin, trình độ đại học và cao đẳng (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/QĐ-BGDĐT	Thông tư số 28/2010/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010	Bộ GD&ĐT	

	ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)			
H3.3.2.3	Quyết định số 126/QĐ-SKĐAHN ngày 27 tháng 3 năm 2013 Ban hành chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo; Quyết định số 134/QĐ-SKĐAHN ngày 08 tháng 4 năm 2014 về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo;	Quyết định số 126/QĐ-SKĐAHN ngày 27 tháng 3 năm 2013 Quyết định số 134/QĐ-SKĐAHN ngày 08 tháng 4 năm 2014	Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.2.4	Chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo đại học của Nhà trường		Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.2.5	Kế hoạch giảng dạy và học tập của các khoa (lưu tại phòng Đào tạo, Quản lý khoa học từ năm 2010 trở lại đây)		Trường ĐHSKĐAHN	MC dùng chung
H3.3.2.6	Phiếu khảo sát cựu sinh viên		lưu tại phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐHSKĐAHN	
Tiêu chí 3.3.	<i>Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.</i>			
H3.3.3.1	Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo phương thức kết hợp giữa	Năm 2011	Trường ĐHSKĐAHN	

	niên chế và học phần; chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học, từ cao đẳng lên đại học; chương trình trung cấp.			
H3.3.3.2	Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Văn hóa-Nghệ thuật- Thông tin, trình độ đại học và cao đẳng (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Thông tư số 28/2010/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2010	BGD&ĐT	
H3.3.3.3	Chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học; đào tạo liên thông; đào tạo văn bằng hai		Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.3.4	Phiếu phản hồi của sinh viên khoa tại chức về hoạt động giảng dạy của giảng viên.	Năm 2015 - 2016	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.3.5	Kế hoạch thi tốt nghiệp của sinh viên hệ vừa làm vừa học; đào tạo liên thông; đào tạo văn bằng hai.	Năm 2010-2015	Trường ĐHSKĐAHN	
Tiêu chí	<i>Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ</i>			

3.4	<i>sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.</i>			
H3.3.4.1	Bộ chương trình điều chỉnh năm 2004 (lần thứ 1)			
H3.3.4.2	Thống kê các chuyên ngành đào tạo của trường được bổ sung, chỉnh lý (lần 2) từ năm 2008		Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.4.3	Kế hoạch thực hiện của hội đồng khoa học các khoa và hội đồng khoa học trường về việc bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo (lần 2) từ 2008 đến nay.		Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.4.4	Thống kê chương trình đào tạo, giáo trình các môn chuyên ngành, tài liệu tham khảo được biên dịch của nước ngoài.		Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.4.5	Kế hoạch mời chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy tại trường từ năm 2008 đến nay			
H3.3.4.6	Thống kê các hội thảo liên quan đến công tác đào tạo			

	từ năm 2008 đến nay			
H2.2.4.7	Chương trình đào tạo của các chuyên ngành mới của khoa: Truyền hình, Sân khấu, KT, CN điện ảnh và truyền hình, Trung tâm kỹ thuật Âm thanh Ánh sáng.		Trường ĐHSKĐAHN	
Tiêu chí 3.5	<i>Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác</i>			
H3.3.5.1	<p>Chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học cho một số chuyên ngành của các khoa: Nhiếp ảnh, Sân khấu, Kịch hát dân tộc, KT-KT điện ảnh.</p> <p>- Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học cho một số chuyên ngành của khoa Kịch hát dân tộc.</p> <p>- Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng cho chuyên ngành nhạc công kịch hát dân tộc.</p>		Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.5.2	- Cấu trúc các chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, liên thông từ trung cấp lên đại học, liên thông từ cao đẳng lên đại học.		Trường ĐHSKĐAHN	

H3.3.5.3	Chương trình đào tạo liên thông từ đại học lên sau đại học đối với một số ngành thuộc khối nghệ thuật (Sân khấu, Điện ảnh, Mỹ thuật, Múa, Kịch hát dân tộc).		Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.5.4	Các quy định học bổ sung kiến thức của học viên thi thạc sĩ; các quy định liên quan đến học liên thông tại Trường.	Hệ thống văn bản pháp quy của Nhà trường	Trường ĐHSKĐAHN	
Tiêu chí 3.6	<i>Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá</i>			
H3.3.6.1	Bài tập kết thúc học phần và bài thi tốt nghiệp của sinh viên các khoa chuyên môn.	Năm 2010 - 2015	Trung tâm thông tin thư viện Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.6.2	Biên bản các cuộc hội thảo, tọa đàm liên quan đến chương trình đào tạo (lưu tại phòng ĐT, QLKH); Thống kê phiếu khảo sát ý kiến cựu sinh viên từ (thực hiện khảo sát từ năm 2010 đến năm 2015- lưu tại phòng Khảo thí & ĐBCLGD).		Trường ĐHSKĐAHN	
H3.3.6.3	Kế hoạch hoạt động hằng		Phòng khảo	

	<p>năm của Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục; thống kê phiếu phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên từ năm học 2013 - 2014 đến nay.</p>		<p>thí & ĐBCLGD Trường ĐH SKĐA HN</p>	
--	---	--	---	--

TIÊU CHUẨN 4

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 4.1	<i>Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định</i>			
H4. 4.1.1	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê thông báo tuyển sinh (các loại hình đào tạo) của Trường từ 2010 đến nay. - Thống kê công văn báo cáo của Trường gửi Bộ GD&ĐT về chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành đào tạo và khối thi từ năm 2010 đến nay. - Danh mục các chuyên đề bổ sung kiến thức cho đối tượng thi cao học. 	Từ 2010 đến nay		
H4. 4.1.2	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và TT số 10/2009/TT-BGD&ĐT ngày 7.5.2009 - Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ số 162/TB-SK ĐA ngày 29.6.2012 - Đào tạo đại học hệ chính quy theo Quy chế 04 và Quy chế 25/2006 - Đào tạo sau đại học theo QĐ số 45/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 5.8.2008 - Đào tạo hệ đại học VLVH 	<ul style="list-style-type: none"> Quy chế số 10/2009/TT-BGD&ĐT ngày 7.5.2009. Thông báo số 162/TB-SK ĐA ngày 29.6.2012 QĐ số 45/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 5.8.2008 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ GD & ĐT Trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh HN Bộ GD & ĐT 	

	<p>theo Qui chế 3676 của Bộ GD&ĐT.</p> <p>- Đào tạo hệ đại học văn bằng hai theo Quy chế số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26.6.2001</p>	<p>Quy chế số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26.6.2001</p>	BGD&ĐT	
H4. 4.1.3	<p>- CV số 321/ĐT/SKĐA/ 2004 ngày 20/09/2004 V/v xin phép nâng cấp đào tạo chuyên ngành mới theo mã ngành đã có phép (Kỹ thuật ĐA - TH)</p> <p>- TB số 99 / ĐT/SKĐA/ 2005 ngày 30/03/ 2005 V/v tuyển sinh bổ sung 02 ngành học mới Công nghệ kỹ thuật điện tử và Công nghệ Điện ảnh – Truyền hình</p> <p>- Quyết định số 1337/QĐ – BGD&ĐT ngày 30/3/2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép trường ĐH SK&ĐA HN đào tạo 2 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện tử và Công nghệ điện ảnh truyền hình.</p> <p>- Quyết định số 170/QĐ-ĐT ngày 31/5/2007 của Hiệu trưởng trường Đại học Sân khấu- Điện ảnh Hà Nội về việc ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Đạo</p>	<p>Công văn số 321/ĐT/SKĐA/ 2004 ngày 20/09/2004</p> <p>Thông báo số 99 / ĐT/SKĐA/ 2005 ngày 30/03/ 2005</p> <p>Quyết định số 1337/QĐ – BGD&ĐT ngày 30/3/2005</p> <p>Quyết định số 170/QĐ-ĐT ngày 31/5/2007</p>	<p>Trường ĐH SKĐAHN</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p> <p>BGD&ĐT</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	

	diễn Sân khấu Sự kiện - Lễ hội (hệ đại học chính quy)....			
H4. 4.1.4	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học cho một số chuyên ngành của các khoa: Nhiếp ảnh, Sân khấu, Kịch hát dân tộc, KT-KT điện ảnh. - Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học cho một số chuyên ngành của khoa Kịch hát dân tộc. - Chương trình đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng cho chuyên ngành nhạc công kịch hát dân tộc.(<i>Sử dụng minh chứng H3. 3.5.1</i>) 			
H4. 4.1.5	- Bảng thống kê các quyết định, các công văn, các tờ trình, danh sách lớp, kế hoạch giảng dạy, danh sách sinh viên tốt nghiệp....liên quan đến đào tạo liên kết với các địa phương, các trường VH Nghệ thuật cả nước từ năm 2010 đến nay.			
H4. 4.1.6	Các công văn về việc liên kết đào tạo hệ VLVH với các địa phương			
H4. 4.1.7	- Thống kê các văn bản, thông báo tuyển sinh mở các lớp ngắn hạn của Trung tâm			

	kỹ thuật Âm thanh - Ánh sáng.			
Tiêu chí 4.2	<i>Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phân; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học</i>			
H4. 4.2.1	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch giảng dạy và học tập của toàn trường cả năm học từ 2010 đến nay. - Chương trình đào tạo các ngành học của 11 khoa chuyên môn. - Lịch giảng dạy của các khoa từng tuần, tháng, học kỳ và năm học. 	Từ 2010 đến nay		
H4. 4.2.2	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế 25/2006 của Bộ GD&ĐT - Bảng điểm các môn học cho từng học kỳ, cả năm học và bảng điểm tổng hợp cho cả khoá học của các lớp, các khoa từ năm học 2010 đến nay. 	2016 Từ 2010 đến nay		
H4. 4.2.3	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Phòng ĐT-QLKH với BGH về kế hoạch chuyển quy trình đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ. - Các quyết định thành lập hội đồng, ban... để tiến hành nghiên cứu, khảo sát học hỏi kinh nghiệm và triển khai công tác đào tạo tín chỉ cho các môn học cơ sở và các 			

	môn liên ngành phù hợp với đào tạo nghệ thuật.			
H4. 4.2.4	- Đề nghị và quyết định thành lập Đoàn đi khảo sát, học hỏi kinh nghiệm chuyên đổi sang đào tạo tín chỉ tại trường ĐH Thương Mại và trường ĐH Thủy Lợi.			
H4. 4.2.5	- Kế hoạch và phương án sắp xếp lại chương trình đào tạo từ niên chế sang đào tạo tín chỉ. - Thống kê danh sách các môn học, học phần của các khoa đã được chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ (các môn đại cương và các môn liên ngành).			
Tiêu chí 4.3.	<i>Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.</i>			
H4. 4.3.1	- Phiếu đăng ký danh hiệu thi đua của cá nhân từ năm 2010 đến nay			
H4. 4.3.2	- Quy định tạm thời về dự giờ của giảng viên trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội - Thống kê kế hoạch và hồ sơ dự giờ từ năm 2014 đến nay.	Từ 2-14 đến nay		
H4. 4.3.3	- Danh sách các GV tham gia			

	các lớp học về phương pháp giảng dạy đại học (2 đợt)			
H4. 4.3.4	- Bảng thống kê danh sách các cán bộ, giảng viên trẻ, nghiên cứu viên tham gia học tập, thực tập, khảo sát, học hỏi kinh nghiệm ở trong nước và nước ngoài			
H4. 4.3.5	- Các văn bản về chi tiêu nội bộ.			
H4. 4.3.6	- Bảng thống kê các cuộc hội thảo của trường, Viện và các khoa tổ chức để nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên Tờ “Thông tin khoa học NT SK ĐA” của trường phát hành hàng quý từ năm 2010 đến nay (Tạp chí nghiên cứu sâu khấu và điện ảnh)	Từ 2010 đến nay		
H4. 4.3.7	- Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên; phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên từ năm 2014 đến nay.	Từ 2014 đến nay		
H4. 4.3.8	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Năm học 2014 – 2015 và 2015 – 2016.	Phòng Khảo thí & ĐBCLGD ĐH SK- ĐAHN	
H4. 4.3.9	- Quy chế đánh giá kết quả			

	<p>môn học, học phần đối với sinh viên của trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bài thi kết thúc môn học, học phần của SV các khoa thể hiện tính đặc thù nghệ thuật. - Liên hoan phim ngắn của sinh viên khoa Nghệ thuật Điện ảnh và khoa Truyền hình - Triển lãm tranh của sinh viên khoa mỹ thuật và các buổi trình diễn thời trang của sinh viên các lớp Thiết kế trang phục. - Triển lãm ảnh của sinh viên khoa Nhiếp ảnh và sinh viên Quay phim điện ảnh của khoa Nghệ thuật điện ảnh và khoa Truyền hình... - Thống kê các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên (lưu tại phòng Khảo thí) 			
<p>Tiêu chí 4.4</p>	<p><i>Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề</i></p>			
<p>H4. 4.4.1</p>	<p>- Quy chế 25/2006/ QĐ-BGD&ĐT (đối với đào tạo</p>	<p>Quy chế 25/2006/</p>	<p>BGD&ĐT</p>	

	<p><i>chính quy)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế 36/QĐ-BGD&ĐT (<i>đối với đào tạo không chính quy</i>). - Các văn bản quy định của Trường về ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, kiểm tra, đánh giá... - Quy định về xây dựng ngân hàng câu hỏi, đề thi kết thúc học phần trường đại học Sơn khấu – Điện ảnh Hà Nội. 	<p>QĐ- BGD&ĐT Quy chế 36/QĐ- BGD&ĐT</p>	<p>BGD&ĐT</p>	
H4. 4.4.2	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản của trường quy định các hình thức thi, kiểm tra đối với các môn học, học phần trong nhóm kiến thức cơ bản và nhóm kiến thức cơ sở liên ngành. - Các hình thức thi, kiểm tra của các môn học, học phần của nhóm kiến thức chuyên môn (<i>Hình thức thi đặc thù của các chuyên ngành</i>): Vai diễn, tiểu phẩm, phim ngắn, tác phẩm kịch bản, tranh ảnh... 			
H4. 4.4.3	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản số 245/QĐ-ĐT ngày 17.8.2009 của trường ĐH SK-ĐA HN (căn cứ quy 	<p>Văn bản số 245/QĐ-ĐT ngày 17.8.2009</p>	<p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	
H4. 4.4.4	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phòng khảo thí & ĐBCLGD liên quan đến 	<p>Từ 2010 đến</p>		

H4. 4.4.5	<p>công tác khảo thí</p> <p>- Thống kê các triển lãm của khoa Mỹ thuật, khoa Nhiếp ảnh từ năm 2010 đến nay; các giải thưởng của liên hoan phim Ong vàng; danh sách các sinh viên các khoa tham gia các sự kiện, lễ hội của đất nước từ năm 2010 đến nay.</p>	<p>nay</p>		
Tiêu chí 4.5	<i>Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường</i>			
H4. 4.5.1	<p>- Các bảng điểm tổng kết môn học, học phần từng học kỳ, năm học theo lớp và khoa</p> <p>- Bảng điểm tổng kết toàn khoá học của các khoa từ năm 2010 đến nay.</p>	<p>Từ 2010 đến nay</p>		
H4. 4.5.2	<p>- Hệ thống lưu trữ điểm tổng kết của sinh viên các khoa bằng sổ sách và bằng máy tính.</p>			
H4. 4.5.3	<p>- Quy chế 25/2006/ QĐ - BGD&ĐT</p> <p>- Kế hoạch kiểm tra điểm định kỳ từng học kỳ, kết thúc năm học, kiểm tra đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp hàng năm của phòng Khảo thí & ĐBCLGD (trước là Ban</p>	<p>Quy chế 25/2006/ QĐ - BGD&ĐT</p>	<p>BGD&ĐT</p>	

	Thanh tra & ĐBCLĐT) (Kế hoạch công tác hằng tháng)			
H4. 4.5.4	- Các sổ cấp phát văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ... từ 2010 đến nay	Từ 2010 đến nay		
H4. 4.5.5	Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Quyết định số 32/QĐ-SKĐAHN ngày 22 tháng 01 năm 2015	Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	
Tiêu chí 4.6	<i>Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp</i>			
H4. 4.6.1	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình, kế hoạch giảng dạy của trường và các khoa trong từng học kỳ, năm học. - Kế hoạch và triển khai công tác xây dựng đề cương chi tiết các môn học, học phần các môn học đại cương, các môn học liên ngành và các môn chuyên ngành của các khoa. - Hợp đồng và thanh lý hợp đồng giảng dạy đối với giảng viên thỉnh giảng. - Chương trình và kế hoạch giảng dạy của các chuyên gia nước ngoài với các khoa - Các chương trình đào tạo ngắn hạn...của Xưởng phim TN, TT KT Âm thanh-Ánh 			

	sáng - Các quyết định liên quan đến sinh viên của Phòng CTCT, QLSSV và Phòng ĐT, QLKH			
H4. 4.6.2	- Hệ thống lưu trữ hồ sơ SV của Phòng CTCT-QLHS/SV từ trước đến nay			
H4. 4.6.3	- Thống kê phiếu điều tra, phỏng vấn cựu sinh viên từ năm 2010 đến nay. - Các số liệu về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường được cung cấp từ các khoa và thu nhận thông tin với các hình thức khác từ năm 2010 đến nay	Từ 2010 đến nay Từ 2010 đến nay		
Tiêu chí 4.7	<i>Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội</i>			
H4. 4.7.1	- Kế hoạch công tác từng học kỳ và cả năm học của phòng Khảo thí & ĐBCLGD			
H4. 4.7.2	- Thống kê phiếu điều tra, phỏng vấn cựu sinh viên.			

TIÊU CHUẨN 5

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<p>Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.</p>				
H5.5.1.1	- Các công văn, thông báo của Bộ VH TT DL về việc thi tuyển công chức từ năm 2006 đến nay	Từ năm 2006	Bộ VHTTDL	
	Các công văn, thông báo của Nhà trường về việc thi tuyển công chức từ năm 2006 đến nay	đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.1.2	- Các quyết định liên quan đến công tác thi tuyển công chức và viên chức của Bộ VH TT DL từ năm 2006 đến nay (<i>sử dụng minh chứng TC 5.1.1</i>)	Từ năm 2006 đến nay	Bộ VHTTDL	
	Các quyết định liên quan đến công tác thi tuyển công chức và viên chức của Trường từ năm 2006 đến nay (<i>sử dụng minh chứng TC 5.1.1</i>)		Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.1.3	- Thống kê các văn bản, thông báo công khai những cán bộ giảng viên đã trúng tuyển trong các kỳ tuyển dụng của nhà trường từ năm 2006 đến nay.	Từ năm 2006 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.1.4	- Danh sách GV thỉnh giảng tham gia giảng dạy từ năm 2006 đến nay. - Hợp đồng giảng dạy của giảng viên thỉnh giảng từ 2006 đến nay		Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.1.5	- Đề án xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên giai đoạn 2012-2015 và 2015-2020.	Năm 2012	Trường ĐH SKĐAHN	

H5.5.1.6	- Các văn bản quy định của trường trong công tác bổ nhiệm các cán bộ lãnh đạo và các quy định về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ quản lý trường, phó các đơn vị trong trường.		Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.1.7	- Quy hoạch bổ nhiệm các bộ quản lý các cấp của trường trong giai đoạn 2010- 2015 và 2015-2020 trình Bộ chủ quản phê duyệt.	Năm 2010	Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.1.8	Phiếu đánh giá phân loại cán bộ, viên chức; Báo cáo đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường đọc trước Hội nghị cán bộ công chức, viên chức.	Năm 2010 đến 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.				
H5.5.2.1	- Quy chế dân chủ về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân - Quyết định phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban Thanh tra Nhân dân	Ngày 15/12/2003	BCH Công đoàn cơ sở Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.2.2	- Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân từ năm 2010 đến nay	Năm 2010-2015	Ban thanh tra nhân dân Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.2.3	- Báo cáo tổng hợp các mặt hoạt động và phương hướng, nhiệm vụ của Nhà trường từ năm 2006 đến nay.		Phòng Hành chính, quản trị	
	- Lịch BGH tiếp các cán bộ, giảng viên góp ý kiến xây dựng trường		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Biên bản Hội nghị cán bộ công chức hàng năm từ năm 2006 đến năm nay.			
	- Báo cáo các mặt hoạt động và phương hướng nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn		BCH Công đoàn	

	nhà trường trong các nhiệm kỳ từ năm 2006 đến nay.		Cơ sở Trường ĐH SKĐAHN	
	- Báo cáo các mặt hoạt động và phương hướng nhiệm vụ của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong các nhiệm kỳ từ năm 2005 đến nay.		Đoàn TNCSHCM Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.2.4	- Thống kê các biên bản góp ý kiến xây dựng “Quy chế chi tiêu nội bộ”		Phòng Tài vụ Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.2.5	- Các văn bản nhận xét, đánh giá về năng lực và hiệu quả trong công việc của các vị trí lãnh đạo các cấp trong trường.		Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.2.6	- Kế hoạch công tác hàng tháng của các đơn vị trong trường từ năm 2006 đến nay - Kết luận của Hiệu trưởng trong các cuộc họp giao ban hàng tháng từ 2006 đến nay - Kết luận của Hiệu trưởng trong các cuộc họp giao ban mở rộng đến toàn thể cán bộ, giảng viên trong trường từ năm 2006 đến nay.		Phòng HC, Quản trị Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.2.7	- Quyết định thành lập hội đồng thi đua-khen thưởng của Trường - Xây dựng và ban hành quy chế thi đua-khen thưởng của Trường. - Đăng ký thi đua của các cá nhân và các đơn vị trong Trường		Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.2.8	- Biên bản tổng hợp các cuộc họp bình xét thi đua trong toàn trường		Phòng	

	- Danh sách các cán bộ, giảng viên và các đơn vị trong trường đạt các danh hiệu thi đua cấp Trường, cấp Bộ và cấp Nhà nước.		TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.				
H5.5.3.1	- Quyết định về việc ban hành “Quy định chung cho cán bộ đi học” (Danh mục 11/TT8/18 - hồ sơ nội vụ) - Các QĐ cử cán bộ đi nghiên cứu học tập, công tác ở nước ngoài từ 2006 đến nay. - Các QĐ cử cán bộ đi tập huấn và học nâng cao trình độ trong nước từ 2006 đến nay.		Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.3.2	- Thống kê các thông báo, danh sách các cán bộ, giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm từ 2006 đến nay - Thống kê danh sách các cán bộ, giảng viên được tham gia tập huấn về chuyên môn ở nước ngoài. (<i>Sử dụng minh chứng TC 5.1.1</i>)			
H5.5.3.3	- Quy chế chi tiêu nội bộ (Danh mục 11/TT2/404 - Hồ sơ nội vụ)			
H5.5.3.4	- Quy định về định mức chi phí phục vụ công tác NCKH - Quy định về định mức chi cho các dự án phục vụ cho công tác đào tạo.			
H5.5.3.5	- Văn bản quy định về nâng lương trước niên hạn cho các cán bộ, giảng viên. - Danh sách các CB, GV được nâng			

	lương trước niên hạn và các danh hiệu được công nhận hàng năm.			
H5.5.3.6	Danh sách cán bộ được cử đi tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn;	Năm 2010 - 2015	Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.3.7	Báo cáo các mặt hoạt động của Nhà trường; báo cáo Thanh tra nhân dân	Năm 2010 - 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao				
H5.5.4.1	- Các văn bản quy định về phân công công tác trong Ban giám hiệu (DM11/TT1-Hồ sơ nội vụ)		Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.4.2	- Quyết định ban hành kèm theo quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý trường, phó đơn vị. (Danh mục 11/TT7/187 - Hồ sơ nội vụ) - Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý của trường qua các năm từ 2006 đến nay			
H5.5.4.3	- Các QĐ về thi đua khen thưởng của tập thể, cá nhân bình bầu hàng năm từ 2006 đến nay. - Phiếu đánh giá về thành tích công tác của các cán bộ quản lý hàng năm từ 2006 đến nay.		Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.4.4	- Văn bản đánh giá của cấp uỷ về thành tích đạt được trong công tác của các cán bộ quản lý từ năm 2006 đến nay. - Các quyết định tặng thưởng Huân chương, Bằng khen, Cờ thi đua cho nhà trường			

H5.5.4.5	Danh sách cán bộ quản lý tham gia học tại Trường Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch.	Từ năm 2010 đến năm 2016		
Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên / giảng viên.				
H5.5.5.1	- Thống kê danh sách giảng viên cơ hữu của trường		Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.5.2	- Thống kê danh sách giảng viên thỉnh giảng của trường		Phòng ĐT, QLKH Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.5.3	- Chiến lược quy hoạch phát triển giảng viên trong giai đoạn 2010 – 2015 và 2020		Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.				
H5.5.6.1	- Bảng thống kê chức danh, học vị, học hàm, trình độ sư phạm và trình độ ngoại ngữ, tin học, thâm niên công tác của giảng viên.		Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
H5.5.6.2	- Thống kê số giảng viên đã và đang học thạc sĩ, tiến sĩ từ năm 2006 đến nay		Khoa Sau đại học	
H5.5.6.3	Thông báo về việc đăng ký tham gia lớp học tiếng Anh; nâng cao trình độ tin học do Bộ VHTTDL tổ chức	Năm 2010 đến 2015	Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	

H5.5.6.4	Danh sách và chứng chỉ của giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho các giảng viên do Bộ VHTTDL tổ chức	Năm 2015	Phòng TCCB, ĐN Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 5.7. <i>Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.</i>				
	- Danh sách trích ngang đội ngũ giảng viên của trường.		Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 5.8. <i>Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.</i>				
H5.5.8.1	- Bảng thống kê đội ngũ KTV, NV được tuyển dụng từ năm 2006 đến nay		Phòng TCCB, ĐN	
H5.5.8.2	- Thống kê danh sách các KTV, NV được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ .		Trường ĐH SKĐAHN	

TIÊU CHUẨN 6

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.				
H6.6.1.1	- Văn bản về quy chế liên quan đến người học	Từ năm 2006 đến nay		
	- Kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của phòng ĐT-QLKH		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo ĐH và CĐ hệ CQ của Bộ GD&ĐT - Quyết định số 25/QĐ-ĐT và QĐ số 403/TB-ĐT - Quy định về đào tạo hệ tại chức số 405/TB-ĐT - Quy định về thi lại, học lại và mức lệ phụ lệ phí đối với SV hệ chính quy và tại chức số 33/QĐ - ĐT - Quy định về giải quyết cho SV đi làm phim, biểu diễn ngoài kế hoạch thực tập của trường số 102/QĐ-ĐT - Quy định 404/QĐ-ĐT về việc xử lý kết quả học tập theo điều 6 quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 - Quyết định số 246/QĐ-ĐT về	26/6/2006 24/10/2007 24/10/2007 25/01/2005 01/4/2005 24/10/2007 17/8/2009 15/10/2012 12/12/2014	Bộ GDĐT Trường ĐH SKĐAHN	

	<p>việc thi lại, học lại đối với sinh viên hệ chính quy theo điều 11, 12 quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định 308a/QyĐ-SKĐA về việc thực hiện kế hoạch đào tạo đối với hệ vừa làm vừa học - Quyết định số 894/QĐ-SKĐAHN về việc ban hành quy định về công tác đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của trường ĐH SKĐAHN - Quy định 263/QyĐ-SKĐAHN về việc nộp học phí của HSSV, nghiên cứu sinh đang theo học tại trường ĐH SKĐAHN - Quy định về công tác GVCN, phó chủ nhiệm và cố vấn học tập theo hệ thống tín chỉ của trường ĐH SKĐAHN ban hành kèm theo QĐ số 895/QĐ-SKĐAHN - Quyết định số 126/QĐ-SKĐAHN và QĐ 134/QĐ-SKĐAHN về việc ban hành chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo. - Quyết định số 81/QĐ-SKĐA về việc ban hành chương trình giáo dục đại học hệ chính quy, đào tạo theo phương thức kết hợp giữa niên chế và học phần của trường ĐH SKĐAHN 	<p>04/05/2015</p> <p>12/12/2014</p> <p>27/3/2013</p> <p>08/4/2014</p> <p>25/3/2011</p>		
--	--	--	--	--

H6. 6.1.2	- Thống kê lịch học: Tuần “Sinh hoạt công dân” cho sinh viên mới nhập trường do phòng CTCT - QL HS/SV tổ chức từ năm 2006 đến nay.	Từ năm 2006 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H6.6.1.3	- Các văn bản về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo của 11 khoa chuyên môn	Từ năm 2006 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
	- Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp, thi, bảo vệ và công nhận tốt nghiệp		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Hướng dẫn thực hiện quy chế về tổ chức thực tập tốt nghiệp, thi, bảo vệ và công nhận tốt nghiệp Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (theo QĐ số 04-1999 ngày 11/12/1999 của Bộ Giáo dục và Đào tạo số 310/SKĐA-QĐ	17/9/2004	Trường ĐH SKĐAHN	
	- Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp, thi, bảo vệ cuối khoá và xét công nhận tốt nghiệp đối với SV hệ chính quy (Bổ sung chương III: Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo, thực hiện các điều từ 13 đến 17 của Quy chế 04-1999 số 150/SKĐA-QĐ	19/4/2006	Trường ĐH SKĐAHN	
H6.6.1.4	- Tập tài liệu “Một số văn bản liên quan đến HS/SV “phát cho sinh viên mới nhập trường của phòng CTCT- QL HS/SV trong Tuần “Sinh hoạt Công dân”	Từ năm 2006 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H6.6.1.5	- Kết quả phiếu khảo sát người học về việc nắm vững các nội			

	quy, quy chế liên quan đến học tập và rèn luyện .			
Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.				
H6.6.2.1	<p>Văn bản quy định của nhà nước về chế độ chính sách đối với người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 53/TTLT-BGDĐT- BTC-BLĐTBXH về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội. - Thông tư liên tịch số 26/1999/TTLT- BLĐTBXH-BTC- BGD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và con của họ. - Thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT- BLĐTBXH-BGD- ĐT- BTC. Hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với Cách mạng và con của họ. - QĐ số 82/2005/QĐ- TTg về chế độ ưu đãi đối với HS/SV các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường VH- NT. - QĐ số 318/ QĐ- CTCT của trường ĐH SK&ĐA HN về chế độ ưu đãi đối với HS/SV các môn nghệ thuật truyền thống và đặc 	25/8/1998	BGDĐT- BTC- BLĐTBXH	
		23/12/1997		
		21/12/2001	Chính phủ	
		28/03/2002	Bộ Giáo dục – Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH	

	<p>thù nghệ thuật.</p> <p>- QĐ số 1121/QĐ - TTg về việc cấp học bổng và trợ cấp xã hội.</p> <p>+ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với HSSV người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC của liên tịch Bộ tài chính, Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với HSSV người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng chính phủ.</p> <p>+ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ anwm học 2010 -</p>	<p>14/5/2010</p> <p>15/11/2010</p> <p>15/7/2013</p> <p>30/5/2014</p> <p>16/7/2015</p>	<p>Chính phủ</p> <p>Bộ Giáo dục – Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH</p> <p>Chính phủ</p> <p>Bộ Giáo dục – Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH</p> <p>Bộ Giáo dục – Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH</p>	
--	---	---	---	--

	<p>2011 đến năm học 2014 – 2015.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm 2010 -2011 đến năm 2014 -2015.</p> <p>+ Nghị định 74/2013/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 49/2010/NĐ-CP quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm 2010 -2011 đến năm 2014 -2015.</p> <p>+Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT- BTC-BLĐT BXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 -2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013</p>	02/10/2015	Chính phủ	
--	--	------------	-----------	--

	<p>của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BGDĐT- BTC-BLĐTĐBXH sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT- BTC-BLĐTĐBXH của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm 2010 -2011 đến năm 2014 -2015 và nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP.</p> <p>+ Thông tư số 86/2015/NĐ-CP quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 -2016 đến năm học 2020 – 2021.</p>			
H6.6.2.2	<p>Văn bản quy định nhân sự chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chế độ chính sách xã hội của phòng CTCT-QL HS/SV</p>			

	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định các thủ tục đối với sinh viên thuộc diện hưởng các chế độ CSXH - Văn bản phân công chức năng nhiệm vụ của phòng CTCT-QLHS/SV ngày 20/8/2004. - Văn bản phân công chức năng nhiệm vụ của phòng CTCT-QLHS/SV ngày 02/4/2008. - Văn bản quy định phạm vi chức năng ký văn bản của phòng CTCT-QL HS/SV 			
H6.6.2.3	<p>Thống kê các quyết định sinh viên được hưởng chính CSXH (có danh sách kèm theo)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 591/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí năm học 2013 -2014 (có danh sách kèm theo) + Quyết định số 592/QĐ-SKĐAHN về việc giảm 50% học phí năm học 2013 -2014 + Quyết định số 593/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí học kỳ I năm học 2013 - 2014. + Quyết định số 706/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí học kỳ I năm học 2013 - 2014. + Quyết định số 63/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí học kỳ II năm học 2013 - 	<p>Từ năm 2010 đến nay.</p> <p>22/10/2013</p> <p>22/10/2013</p> <p>22/10/2013</p> <p>25/11/2013</p> <p>24/02/2014</p> <p>31/3/2014</p> <p>08/4/2014</p> <p>12/5/2014</p> <p>30/10/2014</p> <p>30/10/2014</p> <p>30/10/2014</p> <p>30/10/2014</p>	<p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	

	<p>2014.</p> <p>+ Quyết định số 114/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí học kỳ II năm học 2013 - 2014</p> <p>+ Quyết định số 130/QĐ-SKĐAHN về việc cho sinh viên hưởng TCXH</p> <p>+ Quyết định số 247/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí học kỳ II năm học 2013 - 2014</p> <p>+ Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí năm học 2014 -2015.</p> <p>+ Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí năm học 2014 -2015.</p> <p>+ Quyết định số 734/QĐ-SKĐAHN về việc giảm 50% học phí năm học 2014 -2015.</p> <p>+ Quyết định số 733/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí năm học 2014 -2015.</p> <p>+ Quyết định số 869/QĐ-SKĐAHN về việc cho sinh viên hưởng TCXH năm học 2014 - 2015.</p> <p>+ Quyết định số 868/QĐ-SKĐAHN về việc giảm 50% học phí năm học 2014 -2015.</p> <p>+ Quyết định số 150/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100%</p>	<p>03/12/2014</p> <p>03/12/2014</p> <p>19/3/2015</p> <p>22/10/2015</p> <p>22/10/2015</p> <p>22/10/2015</p> <p>22/10/2015</p> <p>22/10/2015</p>		
--	---	--	--	--

	<p>học phí học kỳ II năm học 2014 - 2015.</p> <p>+ Quyết định số 1002/QĐ-SKĐAHN về việc giảm 50% học phí năm học 2015 -2016.</p> <p>+ Quyết định số 1003/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí học kỳ I năm học 2015 - 2016.</p> <p>+ Quyết định số 1004/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí năm học 2015 -2016 (có danh sách kèm theo).</p> <p>+ Quyết định số 1005/QĐ-SKĐAHN về việc cho sinh viên hưởng TCXH năm học 2015 - 2016.</p> <p>+ Quyết định số 1008/QĐ-SKĐAHN về việc miễn 100% học phí năm học 2015 -2016</p>			
H6.6.2.4	- Kế hoạch khám sức khoẻ đầu khoá học cho HS/SV từ năm 2006 đến nay.			
H6.6.2.5	- Danh sách SV đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể từ năm 2010 đến nay			
H6.6.2.6	<p>Thống kê các chương trình hoạt động VN TD TT của sinh viên chào mừng các ngày Lễ, ngày Kỷ niệm của Nhà trường, của ngành và của đất nước.</p> <p>+ Công văn số 165/SKĐAHN về</p>	<p>Từ năm 2010 đến nay.</p> <p>13/5/2015</p> <p>21/7/2015</p>	<p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	

	<p>việc triệu tập sinh viên đi dự ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam</p> <p>+ Công văn số 2931/BVHTTDL-ĐT về việc đề nghị cung cấp tài liệu, hình ảnh phục vụ triển lãm thành tựu Ngành VHTTDL.</p> <p>+ Quyết định số 725/QĐ-SKĐAHN về việc thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức cán bộ theo dõi quản lý sinh viên tham gia lễ kỷ niệm 70 năm ngày Cách mạng Tháng tám và Quốc khánh</p> <p>+ Công văn số 3466/BVHTTDL-VP về việc cử sinh viên đón tiếp đại biểu dự lễ khai mạc Triển lãm thành tựu Kinh tế - Xã hội 2015 (có danh sách kèm theo).</p> <p>+ Công văn số 267/SKĐAHN gửi Giám đốc Trung tâm Dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch (kèm theo lịch tập luyện) chương trình tham gia diễu hành nghệ thuật kỷ niệm 70 năm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCNVN (theo công văn số 2842/BVHTTDL-NTBD ngày 16/7/2015)</p> <p>+ Công văn số 370/SKĐAHN về việc tổ chức diễu hành “Hương sắc Việt Nam”</p> <p>+ Quyết định số 1245/QĐ-SKĐAHN về việc cử 20 sinh viên</p>	<p>13/8/2015</p> <p>21/8/2015</p> <p>24/8/2015</p> <p>14/10/2015</p> <p>22/12/2015</p>	<p>Bộ VH TT&DL</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p> <p>Bộ VH TT&DL</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	
--	--	--	---	--

	(có danh sách kèm theo), tham gia Hội nghị Hiệu trưởng các trường Văn hóa nghệ thuật, Thể dục thể thao và Du lịch toàn quốc.			
H6.6.2.7	Văn bản quy định thực hiện các biện pháp an ninh. - Văn bản quy định trách nhiệm của đội ngũ bảo vệ.		Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.				
H6.6.3.1	- Thống kê các hệ thống văn bản về quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HS/SV của Bộ GD&ĐT và các Quyết định ban hành văn bản “Hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của HS/SV” của Trường ĐH SK&ĐAHN.	Từ năm 2006 đến nay.		
H6.6.3.2	- Thống kê nội dung lịch học trong tuần “Sinh hoạt công dân” đầu khoá học của SV mới nhập trường từ năm 2006 đến nay - Phổ biến quy chế rèn luyện cho người học từ đầu khoá học, phổ biến tuyên truyền tới người học chính sách của Đảng và nhà nước, tuyên truyền lối sống văn minh, phòng chống ma túy, tội phạm, HIV... cho người học. <i>Sử dụng minh chứng TC 6.1.2</i>			
H6.6.3.3	<i>Sử dụng minh chứng TC 6.2.6</i>			
H6.6.3.4	- Thống kê các buổi hoạt động ngoại khoá được tổ chức cho sinh			

	viên với nhiều chủ đề về: VH, XH, KT, Chính trị và Pháp luật trong nước và Quốc tế từ năm 2006 đến nay.			
H6.6.3.5	<p>Kế hoạch triển khai và danh sách ban chỉ đạo phòng chống ma túy của trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng và những giải pháp xây dựng đời sống văn hoá cho HS/SV số 101/ BC- SKĐA. - Các giải pháp để đổi mới nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị tư tưởng trong nhà trường và quy trình tổ chức đội tình nguyện, đề xuất hướng triển khai chiến dịch thanh niên tình nguyện hè số 427/ SKĐA. - Các báo cáo tổng kết hàng năm về công tác phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội của trường. 	<p>Từ năm 2006 đến nay.</p> <p>20/3/2007</p> <p>25/10/2007</p>	<p>Trường ĐHSKĐAHN</p>	
H6.6.3.6	<p>Có báo chí tài liệu thường xuyên phục vụ nhu cầu rèn luyện của người học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo Sinh viên, báo Pháp luật, báo Thanh niên... (phục vụ sinh viên tại thư viện). - Tạp chí về công tác sinh viên của Bộ GD&ĐT hàng quý gửi về trường. - Tài liệu về “Giáo dục an toàn giao thông cho HS/SV” của Bộ GD&ĐT - Tài liệu “Giáo dục giới tính, 	<p>02/02/2015</p>	<p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	

	<p>phòng chống tệ nạn mại dâm”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu “Tur vấn hướng nghiệp cho HS/SV”. + Kế hoạch số 37/KH-SKĐAHN về việc tham gia “Ngày hội tuyển sinh – hướng nghiệp 2015”. (kèm báo cáo cho ngày hội tuyển sinh). - Tài liệu về phòng chống ma túy của Bộ GD&ĐT - Đĩa truyền thông về phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội. - Tờ “Thông tin khoa học Nghệ thuật SK-ĐA” xuất bản hàng quý của Nhà trường. 			
H6.6.3.7	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê các báo cáo tổng kết về công tác quản lý HS/SV và các tổng kết công tác phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội trong HS/SV của Phòng CTCT-QL HS/SV từ năm 2010 đến nay. 			
H6.6.3.8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê các phong trào hoạt động Văn hoá-Xã hội, hoạt động công ích... của sinh viên. + Công văn số 1524/BVHTTDL-ĐT về việc huy động sinh viên tham dự Dạ hội chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam + Quyết định số 154/QĐ-SKĐAHN về việc cử 9 cán bộ và 218 sinh viên tham dự Dạ hội chào mừng Đại hội Đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt 	<p>Từ năm 2006 đến nay.</p> <p>07/5/2010</p> <p>10/5/2010</p> <p>07/9/2010</p>	<p>Bộ VHTTDL</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	

<p>Nam (có danh sách kèm theo).</p> <p>+ Quyết định số 331/QĐ-SKĐAHN về việc thành lập Ban điều hành và tổ chức cán bộ theo dõi quản lý 88 sinh viên tham gia tập luyện và biểu diễn chương trình diễu hành nghệ thuật kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội.</p> <p>+ Quyết định số 332/QĐ-SKĐAHN về việc thành lập Ban điều hành và tổ chức cán bộ theo dõi quản lý 62 sinh viên tham gia tập luyện và biểu diễn chương trình diễu hành nghệ thuật kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội.</p> <p>+ Quyết định số 540/QĐ - SKĐAHN về việc tổ chức liên hoan hợp xướng chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 11 của Đảng.</p> <p>+ Quyết định số 541/QĐ - SKĐAHN về việc điều động 66 sinh viên tham gia liên hoan hợp xướng chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 11 của Đảng (có danh sách kèm theo).</p> <p>+ Thực hiện theo công văn số 785/BVHTTDL – BCĐDS về việc cử cán bộ, học sinh, sinh viên tham gia Ngày hội hiến máu tình nguyện năm 2011 (có danh sách</p>	07/9/2010	Trường ĐH SKĐAHN		
	22/12/2010	Trường ĐH SKĐAHN		
	22/12/2010	Trường ĐH SKĐAHN		
	21/03/2011	Bộ VHTTDL		
	23/5/2011			
	24/8/2011	Trường ĐH SKĐAHN		
	31/3/2011	Trường ĐH SKĐAHN Bộ VHTTDL		

	<p>kèm theo).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo khẩn số 120/TB-SKĐAHN về việc tổ chức bầu chọn di sản thế giới Vịnh Hạ Long + Thông báo khẩn số 200/TB-SKĐAHN về việc tổ chức bầu chọn di sản thế giới Vịnh Hạ Long (Đợt 2). + Thực hiện theo công văn số 966/BVHTTDL – LVH về việc cử đại biểu tham dự Festival Thanh Niên các dân tộc Việt Nam (có danh sách kèm theo). - Thống kê các báo cáo kết quả hoạt động của Đoàn TN trường từ 2006 đến nay. 			
H6.6.3.9	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê các giải thưởng, giấy khen và bằng khen trong các phong trào hoạt động Văn hoá - Xã hội của Đoàn TN CS HCM Nhà trường từ năm 2006 đến nay. 			
	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản các cuộc đối thoại trực tiếp của BGH với người học từ năm 2010 đến nay. 			
H6.6.3.10	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu điều tra CB, GV và SV về các mặt hoạt động, rèn luyện trong công tác quản lý SV (78 CB, GV và 278 SV). - Kết quả điểm rèn luyện trong 5 năm (2010-2015) 			

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học

H6.6.4.1	<p>- Thống kê các văn bản về sự phối hợp giữa Đảng bộ nhà trường và chính quyền chỉ đạo hoạt động của Đoàn TN trong công tác tổ chức sinh hoạt chính trị, tư tưởng cho HS/SV</p> <p>+ Nghị quyết số 34 - NQ/ĐU về việc lãnh đạo nhiệm vụ năm học 2010 – 2011.</p> <p>+ Nghị quyết số 11 - NQ/ĐU về việc lãnh đạo nhiệm vụ năm học 2011 – 2012.</p> <p>- Thống kê các chương trình hoạt động trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học từ năm 2006 đến nay</p>	<p>15/9/2010</p> <p>29/9/2011</p>	<p>Đảng ủy</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	
H6.6.4.2	<p>Thống kê các số liệu cụ thể về đầu tư kinh phí của nhà trường cho các phong trào hoạt động của Đoàn TN. <i>(có bản thống kê chi tiết từng năm)</i></p>	<p>Từ năm 2006 đến nay</p>		
H6.6.4.3	<p>Thống kê các phong trào hoạt động của Đoàn TN nhà trường từ 2006 đến nay.</p>			
H6.6.4.4	<p>- Thống kê các báo cáo kết quả hoạt động của Đoàn TNCS HCM từ 2006 đến nay.</p>			
H6.6.4.5	<p>Nghị quyết của Đảng uỷ, chi bộ cơ sở về công tác phát triển Đảng</p>			

	<p>đối với các Đoàn viên trẻ trong trường (CB, GV và SV) hàng năm từ 2006 đến nay.</p> <p>+ Công văn số 07-CV/CBĐT-QLHSSV về việc cử đoàn viên ưu tú đi dự lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng (có danh sách kèm theo).</p> <p>+ Công văn số 10-CV/ĐU về việc cử đoàn viên thanh niên ưu tú học lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng và đảng viên mới đợt 2 năm 2015 (có danh sách kèm theo).</p> <p>- Kết luận của Hiệu trưởng trong các cuộc họp giao ban hàng tháng từ 2006 đến nay.</p>	<p>09/4/2015</p> <p>07/10/2015</p>	<p>Đảng bộ Trường ĐH SKĐAHN</p> <p>Đảng bộ Trường ĐH SKĐAHN</p>	
H6.6.4.6	- Thống kê danh sách người học tham gia lớp cảm tình Đảng và các công văn của chi bộ HS/SV gửi Đảng uỷ xem xét kết nạp các SV ưu tú đang học tập tại trường từ năm 2006 đến nay.			
H6. 6.4.7	- Phiếu phỏng vấn, điều tra SV về các hoạt động đoàn thể do Đoàn TN trường tổ chức			
H6.6.4.8	<p>Các Quyết định về việc “Công nhận điểm rèn luyện của SV” trong từng học kỳ, năm học từ năm 2010 đến nay.</p> <p>+ Quyết định số 79/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ I năm học 2009 – 2010</p> <p>+ Quyết định số 304/QĐ –</p>	<p>03/03/2010</p> <p>18/8/2010</p>	<p>Trường ĐH SKĐAHN</p> <p>Trường ĐH SKĐAHN</p>	

SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ II năm học 2009 – 2010.	17/03/2011	Trường ĐH SKĐAHN
+ Quyết định số 68/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ I năm học 2010 – 2011.	12/9/2011	Trường ĐH SKĐAHN
+ Quyết định số 353/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ II năm học 2010 – 2011.	01/3/2012	Trường ĐH SKĐAHN
+ Quyết định số 125/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ I năm học 2011 – 2012	04/9/2012	Trường ĐH SKĐAHN
+ Quyết định số 493/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ II năm học 2011 – 2012	19/3/2013	Trường ĐH SKĐAHN
+ Quyết định số 120/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ I năm học 2012 – 2013.	10/9/2013	Trường ĐH SKĐAHN
+ Quyết định số 467/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ II năm học 2012 – 2013.	12/3/2014	Trường ĐH SKĐAHN
+ Quyết định số 87/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ I năm học 2013 – 2014	12/9/2014	Trường ĐH SKĐAHN
+ Quyết định số 439/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận	06/3/2015	Trường ĐH SKĐAHN
	16/9/2015	Trường ĐH SKĐAHN
		Trường ĐH SKĐAHN

	<p>điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ II năm học 2013 – 2014.</p> <p>+ Quyết định số 116/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ I năm học 2014 – 2015.</p> <p>+ Quyết định số 804/QĐ – SKĐAHN về việc công nhận điểm rèn luyện cho HSSV học kỳ II năm học 2014 – 2015.</p>			
H6.6.4.9	<p>Thống kê các quyết định khen thưởng trong các lĩnh vực hoạt động Đoàn của SV từ năm 2006 đến nay.</p>			
H6.6.4.10	<p>Quyết định khen thưởng, mức khen thưởng (lưu VP Đảng ủy)</p>	Năm 2010-2015		
H6.6.4.11	<p>Bằng khen (lưu VP Công đoàn)</p>	Năm 2010-2015		
<p>Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học</p>				
H6.6.5.1	<p>Thư viện sách và thư viện điện tử của trường</p>			
H6.6.5.2	<p>- Thư viện sách của Viện SK-ĐA (tại 32 phố Hòa Nam, Đống Đa Hà Nội)</p> <p>- Xưởng phim thực nghiệm và Nhà hát thể nghiệm</p>			
H6.6.5.3	<p>Thống kê các chương trình hoạt động văn nghệ, thể thao từ năm 2006 đến nay</p> <p>- Các cuộc thi “Nữ sinh thanh lịch” “Miss SK ĐA” Hội thi cắm</p>			

	hoa, nấu ăn... <i>Sử dụng minh chứng TC 6.2.6</i>			
H6.6.5.4	- Thống kê các cuộc triển lãm tranh, ảnh, liên hoan phim ngắn... của các khoa trong trường nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và của Trường <i>Sử dụng minh chứng TC 4.3.9</i>			
H6.6.5.5	Thống kê các phong trào hoạt động Xã hội, công ích của SV Nhà trường tham gia từ năm 2006 đến nay. <i>Sử dụng minh chứng TC 6.3.8</i>			
H6.6.5.6	Các hoạt động của SV tham gia kỷ niệm 30 ngày thành lập trường và 51 năm sự nghiệp đào tạo sân khấu - điện ảnh (17/12/1980-17/12/2010)			
H6.6.5.7	Danh sách SV được vay vốn ngân hàng phục vụ cho học tập. - Danh sách các sinh viên ưu tú được nhận học bổng của các tổ chức xã hội.			
H6.6.5.8	Quyết định phó chủ nhiệm lớp (lưu phòng TCCB)	Năm 2010-2015	ĐH SK-ĐÀHN	
Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.				
H6.6.6.1	Thống kê nội dung lịch tổ chức Tuần “Sinh hoạt công dân” đầu khoá học của SV mới nhập trường từ năm 2006 đến nay. <i>Sử dụng minh chứng TC 6.1.2</i>			

	- Thống kê các buổi sinh hoạt ngoại khóa, tổ chức các buổi nói chuyện thời sự, chính trị, văn hoá, xã hội và pháp luật cho SV hàng năm từ năm 2006 đến nay. <i>Sử dụng minh chứng TC 6.3.4</i>			
H6.6.6.2	- Tài liệu phát cho SV đầu khoá học “Một số văn bản liên quan đến HS/SV”			
H6.6.6.3	<i>Sử dụng minh chứng TC 6.6.1</i>			
H6.6.6.4	- Báo cáo kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội trong HS/SV hàng năm từ năm 2006 đến nay. <i>Sử dụng minh chứng TC 6.3.7 và minh chứng TC 6.3.8</i> - Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bằng khen của Bí thư thành uỷ Hà Nội			
Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.				
H6.6.7.1	Thống kê tình hình SV có việc làm từ 2006 đến nay			
H6.6.7.2	Giấy giới thiệu cho SV năm thứ 3 và năm thứ 4 tham gia làm cộng tác viên cho các cơ sở về Sân khấu, điện ảnh, truyền hình.....			
H6.6.7.3	- Hợp đồng giảng dạy, bổ nhiệm chủ nhiệm lớp, tham gia hướng dẫn thực tập bài tập, tham gia Hội đồng chấm thi, Ban giám khảo... của giảng viên thỉnh giảng			

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm và tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.			
H6. 6.8.1	Thống kê phiếu điều tra các cựu SV có việc làm sau khi tốt nghiệp từ năm 2006 đến nay		
Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.			
H 6.6.9.1	Thống kê các biên bản gặp gỡ đối thoại của BGH, các phụ trách phòng, ban , khoa với ban cán sự các lớp từ năm 2006 đến nay.		
H 6.6.9.2	Thống kê kết quả “Phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp “K24, K25... và các cựu sinh viên nhân kỷ niệm 30 năm thành lập trường.		

TIÊU CHUẨN 7

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chí 7.1	<i>Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học</i>			
H7.7.1.1	- Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Sân khấu – Điện ảnh - Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học, đào tạo Nhà trường		Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.1.2	- Kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) hằng năm của trường từ 2010 đến nay (lưu tại Viện Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội)	Từ 2010 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.1.3	Kế hoạch công tác hằng năm của Viện Sân khấu – Điện ảnh.	Từ năm 2010 đến 2015	Viện Sân khấu – Điện ảnh Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.1.4	- Bảng thống kê các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Trường và cấp Viện từ 2010 đến nay - Các hợp đồng nghiệm thu, bàn giao công trình NCKH cấp Bộ, Trường và Viện - Các biên bản thanh lý hợp đồng.	Từ 2010 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	

H7.7.1.5	Giấy đề xuất, biên bản tổ chức buổi tọa đàm sinh viên với nghiên cứu khoa học.		Viện Sơn khẩu – Điện ảnh Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.1.6	- Quy định về chế độ làm việc của giảng viên trường Đại học Sơn khẩu – Điện ảnh Hà Nội (Điều 10) - Các quy chế, quy định thực hiện NCKH, quy trình hoạt động của Hội đồng khoa học trường, khoa và Viện.		Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.1.7	- Bản thống kê các quyết định Thành lập hội đồng, hợp đồng khoa học, Biên bản nghiệm thu....		Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.1.8	- Thống kê danh sách các giảng viên trẻ, sinh viên tham gia công tác NCKH		Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.1.9	Đề án Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Trường ĐH Sơn khẩu – Điện ảnh Hà Nội giai đoạn 2015-2020.	Năm 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 7.2	<i>Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch</i>			
H7.7.2.1	- Bảng thống kê các đề án / dự án cấp Bộ, cấp trường do cán bộ, giảng viên nhà trường đảm nhiệm và đã được nghiệm thu từ năm	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN Trường ĐH	

	<p>2011 đến nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng thống kê các đề tài cấp trường do CB, GV nhà trường tham gia từ 2011 đến nay. 		SKĐAHN N	
H7.7.2.2	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng thống kê các đề án / dự án Hỗ trợ phát triển Văn hoá Việt Nam với nước ngoài và hỗ trợ đào tạo nghệ thuật của nước ngoài với trường từ năm 2011 đến nay. 	Từ 2011 đến nay		
H7.7.2.3	<ul style="list-style-type: none"> - 07 công trình: Năng khiếu , tài năng và vấn đề tuyển chọn sinh viên điện ảnh (Trần Thanh Hiệp); Đạo diễn Âm thanh ánh sáng (Nguyễn Đình Thi); Tổ chức và công nghệ sản xuất phim (Nguyễn Hạnh Lê); Quay phim điện ảnh & truyền hình (Phạm Thanh Hà); Điển cố văn học trong chèo cổ (Đình Quang Trung). - Báo cáo đánh giá hoạt động khoa 		Viện Sân khấu – Điện ảnh Trường ĐH Sân khấu – Điện ảnh HN	

	học công nghệ giai đoạn 2011-2015			
H7.7.2.4	Danh sách cán bộ Viện SK-ĐA		Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 7.3.	<i>Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học</i>			
H7.7.3.1	- Bảng thống kê chi tiết các bài viết của cán bộ giảng viên được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành, tờ “Thông tin khoa học” (Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu – điện ảnh) của trường từ năm 2011 đến nay.	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.3.2	Quyết định số 2324/ QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 6 năm 2013 về việc thành lập “Tạp chí Nghiên cứu Sân khấu Điện ảnh”... Giấy phép hoạt động báo chí in số 316/ GP – BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2013 Công văn số 10/TTKHCHN – ISSN về việc cấp Mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (ISSN)	Quyết định số 2324/ QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 6 năm 2013 Công văn số 10/TTKHCHN – ISSN ngày 23/4/2014	BVHTTDL	

	ngày 23 tháng 4 năm 2014			
H7.7.3.3	Danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư	Quyết định số 207/QĐ-HĐCDGSNN của Hội đồng Giáo sư Nhà nước ngày 19/08/2009.		
Tiêu chí 7.4	<i>Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước</i>			
H7.7.4.1	- Bảng thống kê các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo của trường từ 2011 đến nay. - Đề tài cấp Trường với 2 chuyên ngành: Công nghệ điện ảnh - Truyền hình và Công nghệ kỹ thuật điện tử.	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.4.2	Bảng thống kê các đề tài cấp Bộ về chương trình các chuyên ngành đào tạo của trường	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.4.3	Bảng thống kê đề tài cấp Bộ, cấp Trường đã được nghiệm thu, hoặc chưa được nghiệm thu	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 7.5	<i>Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này</i>			
H7.7.5.1	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường	Năm 2010-2015	Trường ĐH	

			SKĐAHN	
H7.7.5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Các đề tài cấp Bộ, cấp Trường được ứng dụng vào công tác đào tạo của trường. - Bảng thống kê tỷ lệ kinh phí (ngân sách và kinh phí tự có) dành cho nghiên cứu khoa học/ số lượng giảng viên hàng năm từ năm 2011 đến nay. 	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 7.6	<i>Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường</i>			
H7.7.6.1	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp trường gắn bó thiết thực với công tác đào tạo của trường từ năm 2011 đến nay. - Kỹ yếu giới thiệu các đơn vị trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội (1980 – 2015) tr. 171,173. 	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.6.2	Danh mục mua sắm hàng năm	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH	

			SKĐAHN	
H7.7.6.3	Luận án tiến sĩ của Bà Nguyễn Thị Thanh Phương: "Diễn xướng âm nhạc sân khấu Chèo giai đoạn 1951-2013 truyền thống và biến đổi"	Năm 2015	Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam	
H7.7.6.4	Danh sách các phó giáo sư, tiến sĩ của trường ĐH SK-ĐAHN	Năm 2010-2016	Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.6.5	- Bảng thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại xuất sắc và giỏi ngày càng chiếm tỷ lệ cao từ năm 2011 đến nay.	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
H7.7.6.6	- Bảng thống kê đào tạo liên kết của trường với các trường Văn hoá nghệ thuật các tỉnh, thành phố trong cả nước từ năm 2011 đến nay. - Các văn bản thoả thuận giữa trường và các Hiệp hội nghệ thuật các nước về công tác đào tạo diễn viên từ năm 2011 đến nay.	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 7.7	<i>Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ</i>			
H7.7.7.1	- Sử dụng minh chứng TC 7.1.3			

	- Các quy định của trường về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong NCKH.			
H7.7.7.2	- Các quy định của trường về biện pháp và tính pháp lý để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ cho các đề tài NCKH của Nhà trường. - Các quyết định thành lập Hội đồng khoa học cấp Bộ và cấp trường từ 2011 đến nay.	Từ 2011 đến nay	Trường ĐH SKĐAHN	

TIÊU CHUẨN 8

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày, tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<i>Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.</i>				
H8.8.1.1	Danh mục các văn bản quy định của Nhà nước, của Bộ VH TT DL về các hoạt động HTQT.		Chính phủ; Bộ VHTTDL; Bộ Ngoại giao.	
H8.8.1.2	Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội.	Số 1344/QĐ- SKĐAHN ngày 30/12/2015	Trường ĐH SK-ĐAHN	
H8.8.1.3	- Bảng thống kê kế hoạch công tác với các giảng viên, chuyên gia nước ngoài đến trường giảng dạy hàng năm, từ năm 2006 đến nay.		Phòng TCCB, ĐN	
H8.8.1.4	- Các báo cáo gửi phòng PA 25 về các hoạt động HTQT (đoàn ra, đoàn vào của nước ngoài cũng như các đoàn CB, GV, SV của trường tham gia hội thảo, học tập, biểu diễn... ở nước ngoài).		Phòng TCCB, ĐN	
	- Bảng thống kê báo cáo tổng kết hàng năm về các hoạt động HTQT của trường từ năm 2006 đến nay.			

H8.8.1.5	Báo cáo tổng kết các mặt hoạt động của Nhà trường được đọc trong Đại hội CNVC	2010-2015	Phòng HCQT	
Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.				
H8.8.2.1	- Danh sách các GV, chuyên gia nước ngoài sang giảng dạy tại trường từ 2006 đến nay.		Phòng TCCB, ĐN	
	- Thống kê danh sách các cán bộ giảng viên và sinh viên (Nghệ thuật và Kỹ thuật) của trường đi học tập, khảo sát, dự hội thảo ở nước ngoài từ năm 2006 đến nay.			
H8.8.2.2	- Dự án Hỗ trợ phát triển VHVN- FSP do chính phủ Pháp tài trợ (năm 2007 bàn giao chính thức cho nhà trường – Trung tâm kỹ thuật Âm thanh-Ánh sáng tiếp nhận toàn bộ trang thiết bị về âm thanh và ánh sáng sân khấu).		Phòng TCCN, ĐN	
	- Dự án Hỗ trợ VHVN với sự phát triển bền vững (SIDA) do chính phủ Thụy Điển tài trợ.			
	- Xây dựng chương trình đào tạo: Nhà sản xuất phim do chính phủ Thụy Điển giúp đỡ.			
	- Đề án: Hướng dẫn SV khoa NT Điện ảnh làm phim ngắn và SV khoa Sân khấu dàn dựng vở diễn (2007-2009) do Bộ Ngoại giao và Đại sứ quán Na Uy tài trợ.			

	- Bảng thống kê các dự án, đề án được nước ngoài tài trợ phục vụ cho SV học tập từ năm 2006 đến nay.			
H8.8.2.3	- Thông kê các báo cáo kết quả của các CB, GV, SV tham gia học tập, tập huấn, hội thảo, biểu diễn... ở nước ngoài			
	- Bảng thống kê các dự án, đề án được nước ngoài tài trợ phục vụ cho SV học tập và thể nghiệm từ năm 2006 đến nay. <i>(sử dụng các minh chứng H8.8.2.1 và H8.8.2.2)</i>			
	- Bảng thống kê các giải thưởng quốc tế và giải thưởng trong nước của GV, SV từ năm 2006 đến nay.			
H8.8.2.4	Thống kê đoàn ra, đoàn vào các năm	2010-2016	ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 8.3. Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.				
H8.8.3.1	Thống kê đoàn ra của Nhà trường	Năm 2010-2015	Phòng TCCBDN Trường ĐH SKĐAHN	
H8.8.3.2	- Bảng thống kê Danh các Dự án, đề án được nước ngoài tài trợ phục vụ cho sinh viên học tập từ năm 2010 - 6.2016; - Bảng thống kê Báo cáo kết quả của cán	Năm 2010-2016	Phòng TCCBDN Trường ĐH	

	bộ, giảng viên, sinh viên tham gia học tập, tập huấn, nghiên cứu, tham dự hội thảo, liên hoan hàng năm từ năm 2012 đến năm 2015		SKĐAHN	
H8.8.3.3	Thống kê những giải thưởng do giảng viên và sinh viên của Trường đạt được khi tham gia các hoạt động của hiệp hội nghệ thuật, các liên hoan nghệ thuật, các triển lãm tranh, ảnh... trong nước và quốc tế	Năm 2010-2015	Phòng TCCBĐN Trường ĐH SKĐAHN	

TIÊU CHUẨN 9

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<i>Tiêu chí 9.1</i>				
H9.9.1.1	Quy chế mẫu tổ chức và hoạt động thư viện trường đại học	Quyết định số 13/2008/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2008	Bộ VHTTDL	
H9.9.1.2	Sơ đồ mặt bằng của trung tâm thông tin, thư viện (Bảng tổng hợp diện tích phòng học và làm việc)	Năm 2012	Phòng HCQT, Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.1.3	Phiếu đặt báo chí hằng năm	Từ năm 2011 đến năm 2015	Thư viện Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.1.4	Thống kê sách kho mượn và danh sách bổ sung sách báo hằng năm	Từ năm 2011 đến năm 2015	Thư viện Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.1.5	Các nội quy, quy chế hoạt động của thư viện sách và thư viện điện tử	Năm 2014	Thư viện Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.1.6	Giấy chứng nhận đi học nghiệp vụ của cán bộ thư viện	QĐ số 4980/QĐ-BVHTTDL Từ năm 2012, 2014 và 2015	Bộ VHTTDL	
H9.9.1.7	Biên bản kiểm kê và bàn giao tài sản	Từ năm 2011-2015	Phòng Tài vụ Trường ĐH SKĐAHN	

H9. 9.1.8	Phần mềm quản lý thư viện	Năm 2014	Phần mềm Ilip	
H9. 9.1.9	Thống kê bạn đọc đến thư viện	Năm 2014	Thư viện Trường ĐH SKĐAHN	
H9. 9.1.10	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của Trung tâm thông tin, thư viện	Tháng 10/2014	Thư viện Trường ĐH SKĐAHN	
H9. 9.1.11	Các thông báo về sách mới tại Trung tâm Thông tin, Thư viện		Thư viện Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 9.2				
H9.9.2.1	Bảng tổng hợp diện tích phòng học và làm việc	Năm 2014	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.2.2	Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2010 đến nay	Năm 2010 - 2014	Phòng Tài vụ Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.2.3	Dự án cải tạo khu nhà B		Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.2.4	- Mẫu phiếu nhận xét về cơ sở vật chất. - Báo cáo kết quả khảo sát		Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 9.3				
H9.9.3.1	Bảng thống kê danh mục mua sắm trang thiết bị phục vụ học tập từ năm 2010 đến nay	Năm 2010 - 2015	Phòng Tài vụ Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.3.2	Quy định về việc sử dụng trang thiết bị máy móc của nhà trường	Năm 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	

H9.9.3.3	<p>-Văn bản do Phòng Kế hoạch - Tài vụ lưu trữ về <i>nguồn ngân sách Nhà nước, Chương trình mục tiêu Quốc gia</i> của Bộ VH TT DL cấp cho nhà trường</p> <p>- Xây dựng kế hoạch hằng năm về việc mua trang thiết bị, máy móc</p> <p>- Phiếu đề nghị mua sắm trang thiết bị của các khoa, viện phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập</p>	Năm 2010 - 2015	Phòng Tài vụ Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.3.4	<p>- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, thẩm định các danh mục tài sản cần mua.</p> <p>- Biên bản thành lập Hội đồng đấu thầu.</p>	Năm 2010	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.3.5	<p>-Thông báo về việc bổ sung minh chứng cho báo cáo tự đánh giá</p> <p>- Mẫu phiếu khảo sát</p>	Số 365/TB-SKĐAHN ngày 12/10/2015	Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.3.6	Thông báo gửi nhu cầu bổ sung thiết bị, cơ sở vật chất.	Số 59/TB-HCQT ngày 3/3/2015; số 61/TB-HCQT ngày 3/3/2014	Trường ĐH SKĐAHN	

Tiêu chí 9.4				
H9.9.4.1	Tổng hợp các biên bản kiểm kê tài sản từ năm 2010 đến nay .	Năm 2010-2015	Phòng Tài vụ Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.4.2	Ban biên tập website; Phân công nhiệm vụ -Quyết định thành lập Ban quản trị trang thông tin điện tử.	Quyết định số 71/QĐ-SKĐAHN ngày 05 tháng 3 năm 2014; -Quyết định số 1232/QĐ – SKĐAHN ngày 18/12/2015	Trường ĐH SKĐAHN Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.4.3	Bộ phần mềm chuyên dụng đang sử dụng tại các phòng Đào tạo, QLKH; QLHSSV; Tổ chức CB,ĐN; Tài vụ.	Năm 2014	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 9.5				
H9.9.5.1	Bảng tổng hợp diện tích phòng học và làm việc	Năm 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.5.2	Các thông tin về ký túc xá sinh viên các trường Văn hoá nghệ thuật do Ban quản lý ký túc xá của Bộ VH TT DL cung cấp	Năm 2015	Ban quản lý ký túc xá của Bộ VH TT DL	
Tiêu chí 9.6				
H9.9.6.1	Bảng tổng hợp diện tích phòng học và làm việc	Năm 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	

H9.9.6.2	Mẫu phiếu nhận xét về cơ sở vật chất;		Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.6.3	Báo cáo kết quả lấy phiếu nhận xét về cơ sở vật chất.		Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 9.7				
H9.9.7.1	Bản thống kê quy hoạch đất đai của trường	Năm 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.7.2	Bảng tổng hợp diện tích phòng học và làm việc	Năm 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 9.8				
H9.9.8.1	Bản quy hoạch tổng thể phát triển Nhà trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Năm 2014	Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.8.2	Đề án Xây dựng trường đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia.	Năm 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 9.9				
H9.9.9.1	- Các văn bản, tài liệu quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bảo vệ cơ quan. - Nghị định 73/2001/NĐ-CP về hoạt động và tổ chức lực lượng bảo vệ cơ quan.	Năm 2010-2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.9.2	- Thống kê các hoạt động, tổ chức tuyên truyền về phòng chống ma túy, các tệ nạn xã	Năm 2010-2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	

	hội và nâng cao ý thức bảo vệ tài sản, an toàn cho cán bộ, giảng viên và người học.			
H9.9.9.3	- Các quy định về công tác bảo vệ an ninh trật tự trong nhà trường.	Năm 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.9.4	- Sổ giao ban, ghi chép diễn biến hàng ngày của tổ bảo vệ. Từ 2010 đến nay.	Năm 2010- 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.9.5	- Phương án chữa cháy - Hồ sơ quản lý công tác PCCC (dùng cho cơ sở).	Năm 2010 - 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.9.6	- Sổ theo dõi SV ngoại trú từ 2010 đến nay (<i>Lưu trữ tại Phòng CTCT-QLSV</i>).	Năm 2010 - 2014	Phòng CTCT,QLHSSV Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.9.7	-Thống kê các Báo cáo tình hình, kết quả phối hợp đảm bảo ANTT và công tác quản lý sinh viên các trường Đại học, cao đẳng trên địa bàn quận Cầu Giấy từ 2010 đến nay .	Năm 2010- 2015	Phòng HCQT Trường ĐH SKĐAHN	
H9.9.9.8	Giấy chứng nhận của Giám đốc công an TP. Hà Nội cấp cho các đồng chí bảo vệ đã học lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.	Năm 2011	Công an TP.Hà Nội	

TIÊU CHUẨN 10

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<i>Tiêu chí 10.1</i>	<i>Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.</i>			
H10.10.1.1	Dự toán thu, chi kinh phí ngân sách nhà nước	Năm 2010 - 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.1.2	- Thông tư liên tịch số 54/TTLT-BGDĐT-TC về việc Hướng dẫn thực hiện thu, chi và quản lý học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ngày 31/8/1998.		Liên Bộ chủ quản	
	- Quyết định số 82/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ ưu đãi đối với HS/SV các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường VHNT ngày 18/04/2005.		TT Chính phủ	
	- Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 về học bổng khuyến khích trường năng khiếu, các cơ sở GD ĐH và TCCN thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.		Bộ GD&ĐT	

	<p>- Quyết định số 1310/QĐ-TTg về việc điều chỉnh khung học phí đối với cơ sở GD nghề nghiệp và GD đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ngày 21/8/2009.</p>		<p>TT Chí phủ</p>	
	<p>-Thông tư số 21/2010/TTLT-BTC-BGDĐT quy định chế độ thu và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) ĐH, CĐ và TC chuyên nghiệp ngày 11/02/2010.</p>		<p>Liên Bộ chủ quản</p>	
	<p>- Nghị định số 49/2010/NĐ của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm 2014-2015 ngày 14/5/2010.</p>		<p>TT Chính phủ</p>	
	<p>- Thông tư liên tịch số 25/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 8/3/2013 sửa đổi, bổ sung TTLT số 21/2010/TTLT/BTC/BGDĐT quy định chế độ thu và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) ĐH, CĐ và TCCN.</p>		<p>Liên Bộ chủ quản</p>	
	<p>- Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT về</p>		<p>Bộ Giáo dục và ĐT</p>	

	học bổng khuyến khích HS/SV trong các trường năng khiếu... thuộc hệ thống giáo dục quốc dân..			
	- Nghị định số 74/2013/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2013/NĐ của Chính phủ ngày 01/9/2013.		TT Chính phủ	
H10.10.1.3	- Quyết định số 18/QĐ-SKĐAHN ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh HN ngày 13/01/2014.		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Quyết định số 41/2014/QĐ-TTg ngày 21/7/2014 về chế độ ưu đãi đối với HS, SV các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường VH-NT		TT Chính phủ	
H10.10.1.4	Biên bản kiểm tra công tác quản lý tài chính Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội	Từ năm 2010 đến năm 2015	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kiểm toán Nhà nước	
	Báo cáo Ban Thanh tra nhân dân	Từ năm 2010 đến năm 2015	Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.1.5	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân	Từ năm 2010 đến năm 2015	Trường ĐH SKĐAHN	

Tiêu chí 10.2	<i>Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.</i>			
H10.10.2.1	- Dự toán chi thường xuyên từng năm (2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014)	2014	Trường ĐH SKĐAHN	
	- Dự toán thu – chi nguồn thu (2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014)	2014	Trường ĐH SKĐAHN	
	- Dự toán chi cho chuyên gia sang giảng dạy, dự án ghi hình bài giảng mẫu và phục hồi Maket		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Các dự toán chi cho tuyển sinh, tốt nghiệp		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Danh mục đề tài nghiên cứu khoa học được duyệt			
	- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học		Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.2.2	Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí			
H10.10.2.3	- Danh sách cán bộ đăng ký lương năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 - Đăng ký học bổng năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 - Kế hoạch giảng dạy, thanh toán tiền giảng dạy cho giảng viên thỉnh giảng năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014	Năm 2010-2014	Trường ĐH SKĐAHN	

H10.10.2.4	- Giao dự toán NSNN : năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 - Dự toán chi NS nhóm 3 năm 2008, 2009, 2010; Dự toán mua sắm không TX 2012,2013,2014.	Năm 2010- 2014	Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.2.5	- Báo cáo quyết toán - Danh sách đăng ký lương CBộ, danh sách đăng ký học bổng của SV - Danh sách thu học phí HSSV		Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.2.6	- Báo cáo quyết toán hàng năm - Biên bản kết luận của kiểm toán, thông báo duyệt quyết toán năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014	2014	Trường ĐH SKĐAHN Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.2.7	- Quy chế chi tiêu nội bộ - Báo cáo tình hình sử dụng tài chính, công khai tài chính trước Hội nghị cán bộ công chức		Trường ĐH SKĐAHN Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.2.8	Phiếu khảo sát và kết quả khảo sát chất lượng hoạt động của phòng Tài vụ.	2016	Trường ĐH SKĐAHN Trường ĐH SKĐAHN	
Tiêu chí 10.3	<i>Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học</i>			
H10.10.3.1	Quyết định về việc ban hành Hệ thống Mục lục Ngân sách Nhà nước	QĐ số 33/2008/QĐ-BTC ngày	Bộ tài chính	

		02 tháng 6 năm 2008		
H10.10.3.2	Các văn bản quy định của Liên Bộ chủ quản về sử dụng kinh phí			Dùng chung minh chứng H10.10.1.2
H10.10.3.3	- Giấy đề nghị mua sắm sửa chữa của các khoa, các phòng		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Quy định tạm thời về thu – chi các lớp ngắn hạn, tạo nguồn, liên kết đào tạo		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Dự kiến chi quỹ học bổng		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Kế hoạch giảng dạy của các khoa		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Quy định về việc phân phối VPP, điện thoại, công tác phí		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Quy định về mức trả thù lao giảng dạy, viết chương trình, khung chương trình đào tạo, giáo trình, đề cương môn học. - Quy định về mức chi trả tiền dịch sách, tài liệu học tập từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt		Trường ĐH SKĐAHN	
	- Danh sách cán bộ công chức nhận tiền lương		Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.3.4	- Quy trình thanh toán tài chính với mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị			
	- Các hợp đồng mua sắm, sửa		Trường ĐH	

	chữa		SKĐAHN	
	- Phiếu kiểm kê tài sản của các phòng, khoa năm 2008-2009-2010-2011-2012 2013-2014	2014	Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.3.5	- Dự toán chi NS nhóm 3 năm 2008, 2009, 2010; Dự toán mua sắm không TX 2012,2013,2014.	2014	Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.3.6	Quy chế chi tiêu nội bộ		Trường ĐH SKĐAHN	
H10.10.3.7	Báo cáo thu chi tài chính tại Hội nghị cán bộ, viên chức	Năm 2010 đến năm 2015	Trường ĐH SKĐAHN	

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2016

	HIỆU TRƯỞNG
	PGS.TS. Nguyễn Đình Thi